

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

---



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**GIAI ĐOẠN 2019-2023**  
**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**  
**của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Nghệ An, tháng 01 năm 2024**

## DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT NGÀNH QLGD



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH  
Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học  
ngành Quản lý giáo dục**

(Kèm theo Quyết định số: 2763/QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT | Họ và tên                | Chức danh, chức vụ                    | Nhiệm vụ     | Chữ ký |
|----|--------------------------|---------------------------------------|--------------|--------|
| 1  | Ông Nguyễn Huy Bằng      | Hiệu trưởng                           | Chủ tịch     |        |
| 2  | Bà Nguyễn Thị Thu Cúc    | Phó Hiệu trưởng                       | Phó Chủ tịch |        |
| 3  | Ông Phạm Lê Cường        | Phó Hiệu trưởng Trường Sư phạm        | Phó Chủ tịch |        |
| 4  | Ông Nguyễn Thanh Diệu    | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL        | Thư ký       |        |
| 5  | Bà Hoàng Phan Hải Yến    | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL            | Thành viên   |        |
| 6  | Ông Nguyễn Văn Phú       | Trưởng phòng Đào tạo SDH              | Thành viên   |        |
| 7  | Ông Thiệu Đình Phong     | Trưởng phòng TCCB                     | Thành viên   |        |
| 8  | Ông Nguyễn Hồng Soa      | Trưởng phòng CTCT-HSSV                | Thành viên   |        |
| 9  | Ông Mai Văn Chung        | Trưởng phòng KH&HTQT                  | Thành viên   |        |
| 10 | Ông Hoàng Việt Dũng      | Trưởng phòng KH-TC                    | Thành viên   |        |
| 11 | Ông Nguyễn Đức Bình      | Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH          | Thành viên   |        |
| 12 | Ông Trần Đình Luân       | Trưởng phòng QT&ĐT                    | Thành viên   |        |
| 13 | Ông Lê Công Đức          | Giám đốc Trung tâm DV, HTSV & QHDN    | Thành viên   |        |
| 14 | Ông Nguyễn Như An        | Trưởng khoa Tâm lý - Giáo dục         | Thành viên   |        |
| 15 | Bà Dương Thị Thanh Thanh | Phó Trưởng khoa Tâm lý - Giáo dục     | Thành viên   |        |
| 16 | Ông Bùi Văn Hùng         | Trợ lý đào tạo Khoa Tâm lý - Giáo dục | Thành viên   |        |
| 17 | Bà Chế Thị Hải Linh      | GV Khoa Tâm lý - Giáo dục             | Thành viên   |        |
| 18 | Bà Lê Thục Anh           | GV Khoa Tâm lý - Giáo dục             | Thành viên   |        |
| 19 | Ông Phạm Duy Hải         | HVCH Khóa 30, ngành QLGD              | Thành viên   |        |

Danh sách này gồm có 19 người./.

## MỤC LỤC

### Contents

|                                                                                                                                                                                                                       |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT NGÀNH QLGD .....                                                                                                                                                                  | 1  |
| MỤC LỤC .....                                                                                                                                                                                                         | 2  |
| DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....                                                                                                                                                                                            | 8  |
| Phần I. KHÁI QUÁT .....                                                                                                                                                                                               | 9  |
| 1. Đặt vấn đề .....                                                                                                                                                                                                   | 9  |
| 1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo .....                                                                                                                                                           | 9  |
| 1.2. Mô tả mục đích, quy trình tự đánh giá Chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá .....                                                                                                                | 11 |
| 2. Tổng quan chung .....                                                                                                                                                                                              | 13 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ .....                                                                                                                                                              | 20 |
| Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....                                                                                                                                                 | 20 |
| Mở đầu .....                                                                                                                                                                                                          | 20 |
| Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học ..... | 20 |
| Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo .....          | 25 |
| Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai .....                                                     | 31 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 1 .....                                                                                                                                                                                        | 34 |
| Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo .....                                                                                                                                                                    | 36 |
| Mở đầu .....                                                                                                                                                                                                          | 36 |
| Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật .....                                                                                                                                       | 36 |
| Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật .....                                                                                                                                                | 40 |

|                                                                                                                                                                                                                     |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....                                                                             | 42 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 2.....                                                                                                                                                                                       | 45 |
| Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học .....                                                                                                                                                       | 46 |
| Mở đầu.....                                                                                                                                                                                                         | 46 |
| Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra .....                                                                                                                                        | 46 |
| Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng .....                                                                                                                                 | 52 |
| Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp .....                                                                                                         | 55 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 3.....                                                                                                                                                                                       | 61 |
| Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học .....                                                                                                                                                           | 62 |
| Mở đầu.....                                                                                                                                                                                                         | 62 |
| Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan .....                                                                                                | 62 |
| Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra .....                                                                                                                         | 66 |
| Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.....                                                                                   | 70 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 4.....                                                                                                                                                                                       | 74 |
| Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học .....                                                                                                                                                          | 76 |
| Mở đầu.....                                                                                                                                                                                                         | 76 |
| Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra .....                                                                                              | 76 |
| Tiêu chí 5.2. Các quy định về kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học ..... | 79 |

|                                                                                                                                                                                                                                             |            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng .....                                                                                                                            | 81         |
| Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....                                                                                                                                              | 84         |
| Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập .....                                                                                                                                                   | 86         |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 5 .....</b>                                                                                                                                                                                                       | <b>87</b>  |
| Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên .....                                                                                                                                                                                                      | 89         |
| Mở đầu.....                                                                                                                                                                                                                                 | 89         |
| Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng ..... | 89         |
| Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng .....                               | 94         |
| Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai .....                                                                  | 98         |
| Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.....                                                                                                                                                           | 101        |
| Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....                                                                   | 105        |
| Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng .....    | 107        |
| Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....                                                                                             | 111        |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 6.....</b>                                                                                                                                                                                                        | <b>114</b> |

|                                                                                                                                                                                                                                            |     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....                                                                                                                                                                                                       | 117 |
| Mở đầu.....                                                                                                                                                                                                                                | 117 |
| Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng ..... | 117 |
| Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai .....                                                                                                             | 121 |
| Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá                                                                                                                                                                | 123 |
| Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó .....                                                                                | 126 |
| Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng .....                                    | 129 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 7.....                                                                                                                                                                                                              | 132 |
| Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....                                                                                                                                                                                 | 133 |
| Mở đầu.....                                                                                                                                                                                                                                | 133 |
| Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.....                                                                                                                                    | 133 |
| Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....                                                                                                                                     | 136 |
| Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học .....                                                                                               | 139 |
| Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học .....                                               | 142 |
| Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....                                                                                            | 144 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 8.....                                                                                                                                                                                                              | 147 |

|                                                                                                                                                                                   |     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....                                                                                                                               | 148 |
| Mở đầu.....                                                                                                                                                                       | 148 |
| Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo.....                                    | 148 |
| Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo .....                                                                       | 152 |
| Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....                                          | 155 |
| Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....               | 158 |
| Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....                                  | 162 |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 9.....                                                                                                                                                     | 166 |
| Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....                                                                                                                                           | 167 |
| Mở đầu.....                                                                                                                                                                       | 167 |
| Tiêu chí 10.1 Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.....                                     | 167 |
| Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....                                                                    | 171 |
| Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra..... | 175 |
| Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.....                                                                                      | 178 |
| Tiêu chí 10.5 Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....  | 182 |

|                                                                                                                                     |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....                               | 186        |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 10.....                                                                                                      | 193        |
| Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....                                                                                                  | 195        |
| Mở đầu.....                                                                                                                         | 195        |
| Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....                            | 195        |
| Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....                       | 200        |
| Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....                      | 203        |
| Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng..... | 205        |
| Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....                 | 209        |
| Kết luận tiêu chuẩn 11.....                                                                                                         | 212        |
| Phần III. KẾT LUẬN.....                                                                                                             | 214        |
| <b>1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT ....</b>                                                          | <b>214</b> |
| <b>2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT .....</b>                                         | <b>216</b> |
| 3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT.....                                                                               | 220        |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo .....                                                                        | 224        |
| Phần IV. PHỤ LỤC.....                                                                                                               | 226        |
| Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng .....                                                                                 | 226        |
| Phụ lục 3. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá .....                                                                          | 245        |
| Phụ lục 4. Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành QLGD .....                                                               | 251        |

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

| <b>Chữ cái viết tắt</b> | <b>Ý nghĩa</b>                          |
|-------------------------|-----------------------------------------|
| BCN                     | Ban chủ nhiệm                           |
| BGH                     | Ban Giám hiệu                           |
| CSVC                    | Cơ sở vật chất                          |
| CTCT – HSSV             | Công tác chính trị, học sinh, sinh viên |
| CTDH                    | Chương trình dạy học                    |
| CTĐT                    | Chương trình đào tạo                    |
| ĐBCL                    | Đảm bảo chất lượng                      |
| ĐCCT                    | Đề cương chi tiết                       |
| ĐGN                     | Đánh giá ngoài                          |
| ĐH                      | Đại học                                 |
| ĐT SDH                  | Đào tạo Sau đại học                     |
| GDĐH                    | Giáo dục đại học                        |
| GD&ĐT                   | Giáo dục và Đào tạo                     |
| GV                      | Giảng viên                              |
| HTSV                    | Hỗ trợ sinh viên                        |
| HV                      | Học viên                                |
| KĐCLGD                  | Kiểm định chất lượng giáo dục           |
| KH&HTQT                 | Khoa học và hợp tác quốc tế             |
| KHCN                    | Khoa học công nghệ                      |
| Khoa TLGD               | Khoa Tâm lý - Giáo dục                  |
| NCKH                    | Nghiên cứu khoa học                     |
| NCS                     | Nghiên cứu sinh                         |
| PPDH                    | Phương pháp dạy học                     |
| PTN                     | Phòng thí nghiệm                        |
| QLGD                    | Quản lý giáo dục                        |
| TDTT                    | Thể dục thể thao                        |
| TS                      | Tiến sĩ                                 |
| TLGD                    | Tâm lý Giáo dục                         |
| THPT                    | Trung học phổ thông                     |
| THTN                    | Thực hành thí nghiệm                    |
| TT. ĐBCL                | Trung tâm Đảm bảo chất lượng            |

## **Phần I. KHÁI QUÁT**

### **1. Đặt vấn đề**

#### **1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo (CTĐT) là xương sống của toàn bộ quá trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học (ĐH) và là yếu tố có ý nghĩa quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường. Nhận thức rõ điều này, trong những năm qua, Khoa Giáo dục trước đây và Khoa Tâm lý - Giáo dục (Khoa TLGD), Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh hiện nay thường xuyên quan tâm đến chất lượng của CTĐT. Khoa TLGD đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Quản lý giáo dục (QLGD). Để đánh giá thực trạng về đào tạo của ngành cũng như có cơ sở để điều chỉnh, nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng của CTĐT, giải trình với cơ quan chức năng, xã hội về CTĐT, Trường Đại học Vinh đã tiến hành tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành QLGD giai đoạn 2019 - 2023.

Tự đánh giá CTĐT là hoạt động vô cùng quan trọng và cần thiết trong quá trình xây dựng và phát triển các CTĐT. Hoạt động tự đánh giá giúp Nhà trường, Khoa TLGD tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo cũng như giải trình với các cơ quan chức năng, với xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo của từng chương trình cụ thể. Đây là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục. Điều này thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Để thực hiện hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành, Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành QLGD theo Quyết định số 23/QĐ-ĐHV ngày 06/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Việc tự đánh giá CTĐT ngành QLGD đã được Trường Đại học Vinh thực hiện căn cứ vào các tiêu chuẩn, tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT (ban hành kèm Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) trong một chu kỳ kiểm định chất lượng (01/01/2017 đến 31/12/2021). Bên cạnh đó, hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành QLGD còn căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau: Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về sử dụng tài liệu hướng dẫn

đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QLGD gồm 4 phần:

- **Phần 1:** Khái quát, tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá.

- **Phần 2:** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: (1) Mô tả hiện trạng; (2) Điểm mạnh; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) Tự đánh giá.

- **Phần 3:** Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch hành động và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

- **Phần 4:** Phụ lục, bao gồm cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các tư liệu, tài liệu liên quan và danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đạt được của cả CTĐT ngành QLGD trong chu kỳ đánh giá.

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef, trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

*H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được*

đặt ở hộp 1;

*H3.03.02.15: là minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.*

1.2. Mô tả mục đích, quy trình tự đánh giá Chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá

***Mục đích tự đánh giá:***

Thông qua quá trình tự đánh giá, dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016, ngành QLGD được rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; nắm rõ được tình trạng chất lượng đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác để từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo cũng như giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo của từng chương trình cụ thể.

Bên cạnh đó, nhờ quá trình tự đánh giá, Trường Đại học Vinh xác định được các điểm mạnh cũng như điểm hạn chế của CTĐT. Đây là cơ sở để lập kế hoạch hành động cụ thể nhằm cải tiến, khắc phục những hạn chế này, từ đó, xây dựng lộ trình phát triển cho CTĐT theo hướng vươn tới các chuẩn mực quốc tế.

Mặt khác, hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính chịu trách nhiệm của Khoa đào tạo trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường. Bên cạnh đó, việc phân tích, so sánh các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định sẽ là cơ sở để Nhà trường đăng kí kiểm định chất lượng CTĐT với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhờ hoạt động tự đánh giá, các nhà tuyển dụng có một cơ sở tin cậy để tìm kiếm nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng từ các CTĐT có những tham chiếu chất lượng đã được các tổ chức uy tín công nhận.

***Quy trình tự đánh giá:*** Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

- *Bước 1:* Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QLGD

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD được thành lập theo Quyết định số 23/QĐ-ĐHV ngày 06/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Hội đồng gồm 19 thành viên. Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD gồm 23 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập từ thành viên Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký. Có thể nói, công tác tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD có sự tham gia tích cực của Ban giám hiệu (BGH), cán bộ giảng viên Khoa TLGD, cán bộ các phòng, ban

trung tâm trong trường cũng như các bên liên quan (SV, cựu SV, nhà tuyển dụng....).

Nhà trường đã thành lập 07 nhóm chuyên trách phụ trách các tiêu chuẩn khác nhau và 01 nhóm phụ trách chung, cụ thể:

+ Nhóm 1, do ông Nguyễn Như An làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 1 và tiêu chuẩn 2;

+ Nhóm 2, do bà Dương Thị Thanh Thanh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 3 và tiêu chuẩn 4;

+ Nhóm 3, do ông Bùi Văn Hùng làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 5 và tiêu chuẩn 8;

+ Nhóm 4, do bà Lê Thục Anh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 6 và tiêu chuẩn 7;

+ Nhóm 5, do bà Chế Thị Hải Linh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 9;

+ Nhóm 6, do bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 10 và tiêu chuẩn 11;

+ Nhóm 7, do bà Dương Thị Thanh Thanh làm nhóm trưởng phụ trách viết Báo cáo tự đánh giá, lập danh mục minh chứng, lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT.

- *Bước 2:* Ban hành kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD

Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD. Trên cơ sở đó, Khoa đã lập kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT của ngành với các yêu cầu cụ thể về thời gian, nội dung công việc, người thực hiện và sản phẩm... Dựa vào kế hoạch này, các nhóm chuyên trách đã chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả các công việc trong tất cả các giai đoạn. Các thành viên hoàn thành công việc trên cơ sở phân công của nhóm trưởng.

- *Bước 3:* Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Sau khi được thành lập, căn cứ vào kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD, các nhóm chuyên trách và thành viên của nhóm đã được phân công công việc cụ thể và được tham gia tập huấn về viết báo cáo tự đánh giá CTĐT. Căn cứ vào các văn bản liên quan và trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các nhóm đã nghiên cứu, phân tích tiêu chí và tiến hành thu thập các minh chứng. Việc thu thập minh chứng đã được sự hỗ trợ nhiệt tình của các phòng, ban liên quan.

- *Bước 4:* Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được

Trên cơ sở các minh chứng đã thu thập được, các nhóm chuyên trách đã tiến hành phân tích và xử lý các thông tin, tham chiếu với các văn bản hướng dẫn để đánh giá, nhận xét và chuẩn bị cho việc viết báo cáo tự đánh giá.

- *Bước 5:* Viết báo cáo tự đánh giá

Viết báo cáo tự đánh giá được thực hiện từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong ngành QLGD. Về kết cấu, Báo cáo tự đánh giá được trình bày theo thứ tự từ tiêu chuẩn 1 đến tiêu chuẩn 11. Mỗi tiêu chuẩn được giá theo thứ tự các tiêu chí với các nội dung chính bao gồm: 1. Mô tả hiện trạng; 2. Điểm mạnh; 3. Điểm tồn tại; 4. Kế hoạch hành động; 5. Tự đánh giá.

### ***Phương pháp và công cụ tự đánh giá:***

Việc tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD được thực hiện theo phương pháp mô tả, phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu... Trên cơ sở thu thập thông tin, thu thập minh chứng, viết báo cáo tiêu chuẩn, viết dự thảo báo cáo tổng hợp, duyệt dự thảo báo cáo, lưu giữ minh chứng... các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

Công cụ tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau: Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học: Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

## **2. Tổng quan chung**

Trường Đại học Vinh, tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Nghị định số 375/NĐ ngày 16 tháng 07 năm 1959 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng. Ngày 28 tháng 08 năm 1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ đổi tên Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh.

Tiền thân là trường đại học sư phạm với nhiệm vụ chính là đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nhưng trước những yêu cầu bức thiết về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội nên từ cuối những năm 1980, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã quyết tâm đưa Trường trở thành một trung tâm đào tạo đa ngành. Từ năm 1991, ngoài việc tiếp tục duy trì, phát triển và hoàn thiện các ngành đào tạo sư phạm, Trường đã mở rộng và phát triển hàng chục mã ngành ngoài sư phạm để không

ngừng đáp ứng các yêu cầu của xã hội về nhân lực trên các lĩnh vực: kinh tế, nông, lâm, ngư nghiệp, xây dựng, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin,... Năm 2001, ghi nhận những nỗ lực và cố gắng của tập thể Nhà trường trong việc chuyển từ một trường đại học sư phạm trở thành một trường đại học đa ngành, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm Quốc gia. Ngay sau đó, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020 và tuyên bố sứ mạng: *Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước.*

Trong những năm đầu thế kỉ XXI, tình hình kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ: *“Xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung Bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo”*. Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là rất cần thiết và cấp bách. Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013), Trường đã điều chỉnh sứ mạng thành: *“Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ”*. Sứ mạng và mục tiêu của Trường được tuyên bố một cách rõ ràng, cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung Bộ. Trước sự thay đổi nhanh chóng của đất nước, theo Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 /12/2019, Nhà trường xác định sứ mạng: *“Trường Đại học Vinh là cơ*

sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học”; Tầm nhìn là: “Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”. Tiếp đến, để thực hiện sự phát triển giáo dục đại học theo định hướng mới của đất nước giai đoạn 2021-2025, Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 18/10/2022 về sứ mạng: *Trường Đại học Vinh là CSGD đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế*; Tầm nhìn là: “*Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1.000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045*”. Như vậy, sứ mạng của Trường được xác định phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, từ một trường đại học sư phạm, đến nay Nhà trường đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Hiện nay, Trường Đại học Vinh là một trong tám trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; là một trong năm trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là một trong mười trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục vào năm 2017.

Hiện nay, Nhà trường đang đổi mới căn bản công tác tổ chức và quản lý; đẩy mạnh tái cấu trúc, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động; triển khai xây dựng Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025; tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động đào tạo; tổ chức triển khai xây dựng và phát triển CTĐT đại học chính quy và trình độ thạc sĩ tiếp cận CDIO (CDIO là viết tắt của cụm từ tiếng Anh Conceive - Design - Implement - Operate); phối hợp để các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng tham gia vào quá trình đào tạo; nâng cao chất lượng công tác thực hành, thí nghiệm, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên, học viên; thực hiện phong trào thi đua “*Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học*”; hướng tới tự chủ đại học. Nhà trường đã và đang quyết tâm thực hiện tuyên bố sứ mạng “*Trường Đại học Vinh là CSGD đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế*” và tầm nhìn “*Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1.000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045*”, với mục tiêu tổng quát là tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân hướng tới sự thành công. Để đạt

được những mục tiêu đã đề ra, Nhà trường đã có những chính sách cụ thể nhằm nâng cao và đảm bảo chất lượng giáo dục, cụ thể Trường Đại học Vinh cam kết cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo các công trình NCKH có chất lượng và chuyển giao các kết quả nghiên cứu ứng dụng cho các tổ chức, địa phương bằng các biện pháp:

*1. Không ngừng cải tiến chất lượng trên cơ sở đổi mới CTĐT và phương pháp dạy học;*

*2. Tạo môi trường học tập, nghiên cứu và điều kiện làm việc cho người học, giảng viên và cán bộ viên chức của Nhà trường, lấy người học làm trung tâm, đội ngũ giảng viên là nguồn lực cốt lõi trong hoạt động đào tạo và NCKH;*

*3. Thường xuyên đánh giá và cải tiến cách thức, phương pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hoạt động của Nhà trường.*

Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2016, được đánh giá ngoài cơ sở GDDH vào năm 2017 và được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2017. Năm 2022, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá CSGD chu kỳ 2, cũng trong năm 2022 đã được đánh giá ngoài CSGD và được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2023. Từ kết quả tự đánh giá, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm các 2017 và 2023, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá nhằm thấy được một bức tranh toàn cảnh về một Trường Đại học Vinh đa ngành được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo và trước xã hội.

Khoa TLGD được thành lập ngày 21/07/2021 theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 21 tháng 07 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh, với sứ mạng cung cấp nguồn nhân lực cán bộ QLGD chất lượng cao cho các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý nhà nước và toàn xã hội; trang bị kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục, QLGD, bồi dưỡng năng lực ứng phó với các vấn đề mà giáo dục hiện đại đang phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa hiện nay; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của công cuộc đổi mới giáo dục, xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế.

Trường Sư phạm được thành lập theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 21/7/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập, tổ chức lại các đơn vị: Khoa Giáo dục, Viện Sư phạm Tự nhiên và Viện Sư phạm Xã hội. Theo

đó, Khoa Giáo dục trước đây được tách thành 3 khoa: Khoa TLGD, Khoa Giáo dục mầm non và Khoa Giáo dục tiểu học. Như vậy, Khoa TLGD được chính thức thành lập trở thành một trong 12 khoa đào tạo của Trường sư phạm. Đến tháng 12 năm 2022, Khoa TLGD học có 18 cán bộ giảng dạy (trong đó có: 3 PGS.TS. GVCC; 9 TS.GVC; 13 tiến sĩ, 4 thạc sĩ, trong đó có 1 ThS đang đi học trình độ TS).

Trong những năm qua, được sự hỗ trợ, động viên của Nhà trường, của Khoa Giáo dục trước đây và Khoa TLGD hiện nay, các cán bộ, giảng viên của Khoa đã không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành QLGD có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm. Đến tháng 1 năm 2024, Khoa TLGD có 15 cán bộ giảng dạy (2 PGS.TS; 9 tiến sĩ, 4 thạc sĩ) được đào tạo trong và ngoài nước.

Khoa TLGD đào tạo ngành QLGD 3 trình độ: đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ; Từ khi thành lập đến nay, Khoa Giáo dục trước đây và Khoa TLGD hiện nay đã đào tạo được hơn 2000 người học; trong đó: 139 cử nhân; hơn 1500 thạc sĩ và 35 tiến sĩ đã tốt nghiệp. Với phương châm chất lượng giáo dục phải được đặt lên hàng đầu, trong thời gian qua, tập thể cán bộ giảng dạy của Khoa luôn luôn nghiên cứu, đổi mới các phương pháp dạy và xây dựng hệ thống các học phần đáp ứng được thực tiễn cuộc sống, nhờ đó, chất lượng sinh viên khá ổn định và từng bước được nâng cao. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm cao, nhiều sinh viên đạt loại khá, giỏi. Các nhà tuyển dụng luôn đánh giá cao về năng lực chuyên môn cũng như các kỹ năng mềm, thái độ, tác phong làm việc của sinh viên.

Bên cạnh hoạt động giảng dạy, hoạt động NCKH của Khoa Giáo dục trước đây và Khoa TLGD hiện nay đặc biệt được chú trọng và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Hàng năm, Khoa đã phối hợp với các cơ sở đào tạo nhà giáo và cán bộ QLGD uy tín trong nước tổ chức các hội thảo và nhận được sự tham gia nhiệt tình của tất cả các giảng viên, học viên, sinh viên của Khoa. Nhiều giảng viên của Khoa đã biên soạn các giáo trình phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập; chủ trì và tham gia nhiều đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Trường cùng nhiều bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành, góp phần giải quyết vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ QLGD.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho ngành QLGD, phù hợp với từng giai đoạn, hướng tới sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường. Mục tiêu CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD được xác định rõ ràng, cụ thể. Từ năm 2022, với việc xây dựng và phát triển CTĐT trình độ thạc sĩ theo hướng tiếp cận CDIO, mục tiêu tổng quát của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD xác định: *Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục theo định hướng nghiên cứu có kiến thức nền tảng về khoa học giáo dục và quản lý giáo dục, có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, hình thành ý tưởng,*

*thiết kế, triển khai và vận hành các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế. Mục tiêu cụ thể của CTĐT được xác định: (1) Vận dụng được những kiến thức khoa học giáo dục hiện đại và chuyên sâu về khoa học quản lý giáo dục vào thực tiễn nghề nghiệp; (2) Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong thực tiễn quản lý giáo dục, thực hiện lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, đánh giá trong quản lý giáo dục; (3) Thực hiện đúng các quy định về chuẩn mực đạo đức nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; chuẩn mực trong nghiên cứu khoa học và các hoạt động giáo dục; có ảnh hưởng tích cực tới nhà giáo, cán bộ quản lý, người học và cộng đồng; (4) Phát triển được năng lực quản trị nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục; phát triển các mối quan hệ trong giáo dục; chủ động thích ứng với các xu thế đổi mới giáo dục và quản lý giáo dục. Có thể nói, mục tiêu của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD đã cụ thể hoá sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường khi hướng tới xây dựng đội ngũ nhân lực có chất lượng, có khả năng hành nghề trong các lĩnh vực có liên quan đến QLGD.*

Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai cho người học. CĐR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan (các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục, QLGD, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học), được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD có đủ các nội dung, thông tin và được cập nhật, tích hợp những vấn đề mới nhất có liên quan ít nhất 2 năm/lần. 100% đề cương học phần trong CTĐT có đầy đủ nội dung cần thiết, bao gồm: thông tin giảng viên, mô tả học phần, nội dung giảng dạy, hình thức tổ chức dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá. Tất cả các đề cương học phần được định kì bổ sung, điều chỉnh, cập nhật, đặc biệt là cập nhật về nội dung học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cùng với tất cả đề cương các học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan, bao gồm: cán bộ, giảng viên, người học, cựu người học, nhà sử dụng lao động đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần một cách dễ dàng và thuận tiện.

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD học hiện nay bao gồm 16 học phần, 61 tín chỉ. Các học phần được thiết kế đa dạng theo hướng cung cấp kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành, đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập; có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. CTĐT được thiết kế đáp ứng CĐR ngành QLGD; được định kì rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan.

Khoa TLGD có đội ngũ cán bộ, giảng viên đảm bảo chất lượng, có cơ cấu hợp

lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Nhà trường đã xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, giảng viên của khoa học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành QLGD có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm phong phú trong công tác.

Khoa TLGD đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn với quá trình đào tạo. Hầu hết, các giảng viên đều đã chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp. 100% các đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng tốt và xuất sắc. Hàng năm, các bài báo của Khoa đều tăng và khoa đã có những bài báo công bố quốc tế. Thông qua hoạt động NCKH, năng lực của cán bộ, giảng viên của Khoa đã được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường ngày càng được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo, NCKH của ngành QLGD. Thư viện Trường Đại học Vinh được quản lý bằng phần mềm và mạng máy tính, người học và giảng viên đều có thể tra cứu tài liệu cần thiết từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành máy tính, kí túc xá cho người học,... đã được xây dựng đúng quy định và đảm bảo chất lượng. Trang thiết bị của Trường đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của ngành QLGD.

Bản “Báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD” được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng uỷ, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu Trường ĐH Vinh, Ban Giám hiệu Trường Sư phạm, Khoa TLGD, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá ngành QLGD, sự đóng góp ý kiến của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường. Báo cáo đã được Trường ĐH Vinh công bố công khai theo đúng quy định.

## **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**

### **Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.**

#### **Mở đầu**

Hệ đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục (QLGD) của Khoa Tâm lý - Giáo dục (TLGD) được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo từ năm 2003 Trước khi xây dựng CTĐT, tổ chức tuyển sinh và đào tạo, Nhà trường đã xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT. Mục tiêu và CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành QLGD gắn kết Nhà trường, ngành đào tạo với nhu cầu đào tạo của xã hội, được xác định rõ ràng. CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành QLGD là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của ngành, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong giáo dục. Vì vậy, khi xây dựng mục tiêu và CĐR của CTĐT, khoa TLGD đã căn cứ trên tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và không tách khỏi mục tiêu chung của giáo dục đại học đã quy định tại Luật giáo dục đại học, có sự đóng góp ý kiến các bên liên quan. CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành QLGD được khoa TLGD định kỳ được rà soát, cập nhật theo quy trình chung của Trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Mục tiêu của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD được xác định rõ ràng trong các phiên bản CTĐT 2017, 2022 và 2023 với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự điều chỉnh theo từng giai đoạn phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật giáo dục đại học [H1.01.01.01]. Tính rõ ràng của mục tiêu của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD được thể hiện qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, Từ mục tiêu chung, khoa Tâm lý-Giáo dục xây dựng mục tiêu cụ thể đảm bảo sự tương thích và làm nền tảng để thiết kế CĐR của CTĐT ở phiên bản 2022 và 2023. Theo đó, có 4 mục tiêu cụ thể (*Program objectives-PO*) được xếp vào 3 nhóm: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Sự tương thích, nhất quán giữa mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể được thể hiện qua bảng đối sánh 1.1.1 [H1.01.01.02]. Mục tiêu CTĐT được xây dựng theo Quy trình của Nhà trường và sự định hướng của mục tiêu cho việc thiết kế CĐR và CTĐT thạc sĩ ngành QLGD. Năm 2022, CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO, gồm (1) kiến thức và lập luận ngành, (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến) [H1.01.01.03] [H1.01.01.04]. Năm 2023, CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung nhằm thể hiện được khi HV tốt nghiệp có đủ năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển

dụng, phù hợp với triết lý giáo dục của UNESCO và được điều chỉnh nhằm phù hợp hơn với Khung trình độ năng lực Quốc gia và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu dạy học và phát triển năng lực trong công cuộc đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông.

Trên cơ sở khảo sát nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành nghề mà học viên có thể làm sau khi ra trường. Khoa TLGD đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan về CTĐT và CDR, do vậy CTĐT thạc sĩ ngành QLGD được xây dựng một cách bài bản, thể hiện rõ ràng, cụ thể cấu trúc hợp lý và có hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, yêu cầu về năng lực mà học viên có thể đạt được sau khi tốt nghiệp, vì vậy đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan khác [H1.01.01.05].

***Bảng 1.1.1. Đối sánh mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục theo định hướng nghiên cứu***

| Mục tiêu chung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mục tiêu cụ thể của CTĐT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành QLGD theo định hướng nghiên cứu có kiến thức nền tảng về khoa học giáo dục và quản lý giáo dục, có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế. | <p><b>PO1.</b> Vận dụng được những kiến thức khoa học giáo dục hiện đại và chuyên sâu về khoa học quản lý giáo dục vào thực tiễn nghề nghiệp.</p> <p><b>PO2.</b> Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong thực tiễn quản lý giáo dục, thực hiện lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, đánh giá trong quản lý giáo dục.</p> <p><b>PO3.</b> Thực hiện đúng các quy định về chuẩn mực đạo đức nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; chuẩn mực trong nghiên cứu khoa học và các hoạt động giáo dục; có ảnh hưởng tích cực tới nhà giáo, cán bộ quản lý, người học và cộng đồng.</p> <p><b>PO4.</b> Phát triển được năng lực quản trị nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục; phát triển các mối quan hệ trong giáo dục; chủ động thích ứng với các xu thế đổi mới giáo dục và quản lý giáo dục.</p> |

Trên cơ sở mục tiêu chung của CTĐT, mục tiêu cụ thể thể hiện mong muốn của Trường Đại học Vinh về những nội dung mà CTĐT có thể mang lại cho người học

gồm cả kiến thức, kỹ năng, thái độ và được thể hiện ở mục tiêu cụ thể của CTĐT. Mục tiêu này được xây dựng, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung tùy theo nhu cầu của xã hội, thể hiện qua nội dung CTĐT qua các thời kỳ [H1.01.01.04] [H1.01.01.06].

**Bảng 1.1.2. Đối sánh sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Vinh và mục tiêu giáo dục đại học với mục tiêu CTĐT thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục theo định hướng nghiên cứu**

| Sứ mạng                                                                                                                                                                                                                                                     | Tầm nhìn                                                                                                                                                           | Mục tiêu CTĐT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mục tiêu giáo dục đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế | Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045 | <p><b>PO1.</b> Vận dụng được những kiến thức khoa học giáo dục hiện đại và chuyên sâu về khoa học quản lý giáo dục vào thực tiễn nghề nghiệp.</p> <p><b>PO2.</b> Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong thực tiễn quản lý giáo dục, thực hiện lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, đánh giá trong quản lý giáo dục.</p> <p><b>PO3.</b> Thực hiện đúng các quy định về chuẩn mực đạo đức nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; chuẩn mực trong nghiên cứu khoa học và các hoạt động giáo dục; có ảnh hưởng tích cực tới nhà giáo, cán bộ quản lý, người học và cộng đồng.</p> <p><b>PO4.</b> Phát triển được năng lực quản trị nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục; phát triển các mối quan hệ trong giáo dục; chủ động thích ứng với các xu thế đổi mới giáo dục và quản lý giáo dục.</p> | <p>(1) Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;</p> <p>(2) Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ, đào tạo, có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân</p> |

Mục tiêu CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và ban hành để phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn đã được công bố của Nhà trường qua các giai đoạn. Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường Đại học Vinh được ban hành kèm theo Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 /12/2019 cụ thể: *“Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học; Tầm nhìn là “ Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”*. Khi xây dựng mục tiêu của CTĐT, các thành viên soạn thảo gồm các chuyên gia, nhà nghiên cứu, giảng viên của ngành đã lồng ghép tinh thần của Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, cũng như định hướng kế hoạch phát triển trong giai đoạn tới của Nhà trường vào mục tiêu của CTĐT. Theo đó, mục tiêu CTĐT ngành QLGD năm 2023 đã được rà soát, sửa đổi phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Nhà trường theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 18/10/2022 về Sứ mạng: *“Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế”*; Tầm nhìn là *“ Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới năm 2045”* [H1.01.01.07]. Dựa vào Bảng đối sánh 1.1.2 nhận thấy mục tiêu của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD đã cụ thể hóa sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.08].

Mục tiêu CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD phù hợp với với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Điều 5 điểm 2 Mục tiêu cụ thể của Luật Giáo dục đại học năm 2012 số 08/2012/QH 13 ngày 18/6/2012, mục tiêu chung của giáo dục đại học là: *“(1) Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; (2) Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ, đào tạo, có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân”* và được thể hiện qua bảng đối sánh 1.1.2 [H1.01.01.08] [H1.01.01.09].

Mục tiêu này cũng phù hợp với mục a, điểm 2 Điều 1 Quyết định số 1982 về phê duyệt Khung trình độ Quốc gia và Điều 39 về mục tiêu Giáo dục đại học của Luật Giáo dục 2019 số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 [H1.01.01.10].

Bên cạnh đó, khi tiến hành đối sánh mục tiêu CTĐT của ngành QLGD trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh với một số trường đại học trong nước có đào tạo ngành QLGD cho thấy mục tiêu CTĐT có nhiều điểm tương đồng [H1.01.01.11].

Mục tiêu CTĐT thạc sĩ ngành QLGD được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch điều chỉnh, cập nhật và phát triển chương trình theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo và quy mô phát triển của Khoa, của Trường. Trên cơ sở này, hàng năm, khoa TLGD đã đều có rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và ban hành theo quy trình của Nhà trường [H1.01.01.04] [H1.01.01.06] và công bố trên website để cho học viên, cựu học viên, GV và các bên liên quan khác có thể nắm rõ [H1.01.01.12].

### 2. Điểm mạnh

Mục tiêu CTĐT thạc sĩ ngành QLGD được xác định rõ ràng qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, định hướng để khoa TLGD xây dựng CĐR và CTĐT, được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học.

Khi xây dựng mục tiêu, CĐR và CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục, khoa TLGD đã tiến hành khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động và tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan, được cập nhật theo quy trình

### 3. Điểm tồn tại

Chưa đảm bảo tính đại diện của các đối tượng tham gia hội thảo của khoa TLGD về xây dựng mục tiêu, CĐR và CTĐT; thời gian cho các bên liên quan thảo luận tại các đợt cập nhật CTĐT chưa nhiều.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị, người thực hiện               | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, khoa TLGD đảm bảo tính đại diện của các đối tượng tham gia hội thảo về xây dựng CĐR và CTĐT; tăng thời gian cho các bên liên quan thảo luận tại các đợt cập nhật CTĐT trong các lần cập nhật sau. | Khoa TLGD<br>Phòng SĐH<br>TT.<br>ĐBCL | Định kỳ hằng năm                    |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung Mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT ngành Quản lý giáo dục                                                                                                                  | Khoa TLGD<br>Phòng SĐH                | Định kỳ hằng năm                    |         |

|  |  |  |             |  |  |
|--|--|--|-------------|--|--|
|  |  |  | TT.<br>ĐBCL |  |  |
|--|--|--|-------------|--|--|

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

*1. Mô tả hiện trạng*

CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành QLGD được xây dựng dựa trên các yêu cầu chung của Bộ GD&ĐT (Luật Giáo dục đại học; Công văn số 2196/BGDĐT-GD&DH - Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo; Quyết định số 1982/QĐ-TTg - Phê duyệt Khung trình độ quốc gia; Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT - Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ, trình độ Tiến sĩ; Quyết định số 436/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ – Quyết định Ban hành Kế hoạch thực hiện khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020 – 2025; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT - ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ) [H1.01.02.01]; Dựa trên Quy định về CĐR chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh trong Bộ chuẩn ĐBCL chương trình đào tạo phiên bản 1.0 được ban hành năm 2023 và các văn bản hướng dẫn của Nhà trường về việc xây dựng CĐR [H1.01.02.02]. CĐR chương trình đào tạo (CTĐT) (ký hiệu PLO) được xây dựng dựa theo đề cương CDIO phiên bản 3.0, khung trình độ quốc gia, chuẩn CTĐT, năng lực nghề nghiệp và yêu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu người học, nhà tuyển dụng, chuyên gia). Đồng thời, các PLO cần được xây dựng phù hợp với Tâm nhìn và Sứ mạng của Trường Đại học Vinh [H1.01.02.03]. Năm 2022 CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO, gồm (1) kiến thức và lập luận ngành, (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến) và rà soát, điều chỉnh cập nhật vào năm 2023.

***CĐR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD được xác định rõ ràng thể hiện ở các điểm sau:***

1. CĐR ngành QLGD được xây dựng bài bản, cấu trúc hợp lý và có hệ thống, đo lường được, thể hiện yêu cầu của các bên liên quan và được mô tả chi tiết, cụ thể, rõ ràng ở 9 CĐR cấp độ 2 và 20 CĐR cấp độ 3 (đối với định hướng nghiên cứu), 8 CĐR cấp độ 2 và 20 CĐR cấp độ 3 (đối với định hướng ứng dụng). CĐR ngành QLGD bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT thạc sĩ ngành QLGD của Trường Đại học Vinh:

(PLO1.1) Phân tích và tổng hợp được những kiến thức khoa học giáo dục hiện đại và chuyên sâu về khoa học quản lý giáo dục; (PLO1.2) Đánh giá được những kiến thức khoa học giáo dục và quản lý giáo dục; (PLO 2.1) Phát hiện và giải quyết được các vấn đề cần nghiên cứu trong khoa học giáo dục và quản lý giáo dục; (PLO2.2) Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục; (PLO2.3) Phát triển được các kỹ năng quản lý trong cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo; (PLO3.1) Thể hiện được chuẩn mực đạo đức nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; chuẩn mực trong nghiên cứu khoa học; (PLO3.2) Có ảnh hưởng tích cực tới nhà giáo, cán bộ quản lý, người học và cộng đồng; (PLO4.1) Hình thành ý tưởng, thiết kế được các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế; (PLO 4.2) Có năng lực triển khai và vận hành các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế [H1.01.02.04].

2. CĐR ngành QLGD tương thích và phản ánh được mục tiêu của CTĐT đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, yêu cầu về năng lực mà học viên có thể đạt được sau khi tốt nghiệp và được thể hiện qua *bảng 1.2.1 mô tả mối quan hệ giữa các mục tiêu và CĐR của CTĐT* [H1.01.02.05].

3. CĐR ngành QLGD được xây dựng tương thích và phù hợp với 4 nhóm trụ cột của CDIO theo các chủ đề: có 2 chuẩn kiến thức (PLO1.1-PLO1.2), 3 chuẩn về kỹ năng (PLO2.1-PLO2.3), 02 chuẩn năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo (PLO3.1-PLO3.2) và 02 chuẩn Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành (PLO4.1-PLO4.2).

4. CĐR ngành QLGD phù hợp với khung trình độ quốc gia Việt Nam với những kiến thức, những kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà học viên tốt nghiệp cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT và triển vọng việc làm trong tương lai và được thể hiện qua bảng biểu 1.2.2 đối sánh với CĐR cấp độ 2 ngành QLGD với CĐR trình độ bậc 7 trong Khung trình độ quốc gia [H1.01.02.06].

5. Ngoài ra, CĐR ngành QLGD được xác định rõ ràng còn thể hiện ở việc dựa trên các CĐR của CTĐT. Khoa TLGD đã xây dựng *bảng ma trận phân nhiệm CĐR các PLO cho các học phần* [H1.01.02.07] .

6. Các giảng viên ngành QLGD căn cứ vào số tín chỉ và đặc điểm của học phần (hình thức tổ chức dạy học, độ khó của các chủ đề PLO, cơ sở vật chất và người học) để thiết kế các CLO phù hợp cả về nội hàm và mức năng lực trong đề cương chi tiết học phần [H1.01.02.08].

***Bảng 1.2.1. Mô tả mối quan hệ giữa các mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành QLGD trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu***

| Mục tiêu cụ thể | Chuẩn đầu ra của CTĐT |
|-----------------|-----------------------|
|-----------------|-----------------------|

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Kiến thức</b></p> <p><b>PO1.</b> Phân tích và đánh giá được những kiến thức khoa học giáo dục hiện đại và chuyên sâu về khoa học quản lý giáo dục</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p><b>Kiến thức</b></p> <p><b>PLO1.1.</b> Phân tích và tổng hợp được những kiến thức khoa học giáo dục hiện đại và chuyên sâu về khoa học quản lý giáo dục</p> <p><b>PLO1.2.</b> Đánh giá được những kiến thức khoa học giáo dục và quản lý giáo dục</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <p><b>Kỹ năng</b></p> <p><b>PO2.</b> Phát hiện được các vấn đề cần nghiên cứu và tổ chức thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục; phát triển các kỹ năng quản lý trong cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo.</p> <p><b>PO3.</b> Thực hiện chuẩn mực đạo đức nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; chuẩn mực trong nghiên cứu khoa học và các hoạt động giáo dục; có ảnh hưởng tích cực tới nhà giáo, cán bộ quản lý, người học và cộng đồng</p> | <p><b>Kỹ năng</b></p> <p><b>(PLO 2.1)</b> Phát hiện và giải quyết được các vấn đề cần nghiên cứu trong khoa học giáo dục và quản lý giáo dục</p> <p><b>(PLO2.2)</b> Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục</p> <p><b>(PLO2.3)</b> Phát triển được các kỹ năng quản lý trong cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo;</p> <p><b>(PLO3.1)</b> Thể hiện được chuẩn mực đạo đức nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; chuẩn mực trong nghiên cứu khoa học;</p> <p><b>(PLO3.2)</b> Có ảnh hưởng tích cực tới nhà giáo, cán bộ quản lý, người học và cộng đồng</p> |
| <p><b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p><b>PO4.</b> Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế.</p>                                                                                                                                                                                                                                     | <p><b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p><b>(PLO4.1)</b> Hình thành ý tưởng, thiết kế được các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế</p> <p><b>(PLO 4.2)</b> Có năng lực triển khai và vận hành các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế</p>                                                                                                                                                                                                            |

CĐR của CTĐT được cụ thể hóa thành CĐR của từng học phần trong CTĐT, tăng tính khả thi của các CĐR của CTĐT cũng như lý giải được giá trị của mỗi CĐR.

Các CĐR này cũng được tổ chức dưới dạng các nhóm kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp vào việc thực hiện CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận kỹ năng trong CTĐT [H1.01.02.07], và làm cơ sở cho việc xây dựng ĐCCT và các CĐR cho từng học phần học phần trong ĐCCT [H1.01.02.08].

***CĐR của CTĐT nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai***

CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành QLGD bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà học viên cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. Từ các yêu cầu chung của Bộ GD&ĐT. Nhà trường ban hành Quy trình xây dựng/điều chỉnh và công bố CĐR CTĐT trình độ thạc sĩ để xây dựng và điều chỉnh CĐR. Quy trình này gồm các bước xây dựng CĐR và các bước cập nhật cải tiến CĐR và CTĐT [H1.01.02.09], có đối chiếu với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và thể hiện sự tương tích, phù hợp với những kiến thức, những kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà học viên tốt nghiệp cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT và triển vọng việc làm trong tương lai và được thể hiện qua bảng biểu 1.2.2 *đối sánh với CĐR cấp độ 2 ngành QLGD với CĐR trình độ bậc 7 trong Khung trình độ quốc gia* [H1.01.02.06].

***Bảng 1.2.2. Đối sánh với CĐR cấp độ 2 ngành QLGD định hướng nghiên cứu với CĐR trình độ bậc 7 trong Khung trình độ quốc gia***

| <b>CĐR người tốt nghiệp phải có</b> | <b>CĐR cấp độ 2 ngành QLGD</b>                                                                                                                                                                                                   | <b>Khung trình độ quốc gia (bậc 7)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kiến thức</b>                    | <p><b>PLO1.1.</b> Phân tích và tổng hợp được những kiến thức khoa học giáo dục hiện đại và chuyên sâu về khoa học quản lý giáo dục</p> <p><b>PLO1.2.</b> Đánh giá được những kiến thức khoa học giáo dục và quản lý giáo dục</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.</li> <li>- Kiến thức liên ngành có liên quan.</li> <li>- Kiến thức chung về quản lý và quản trị</li> </ul> |
| <b>Kỹ năng</b>                      | <p><b>Kỹ năng</b></p> <p><b>(PLO 2.1)</b> Phát hiện và giải quyết được các vấn đề cần nghiên cứu trong khoa học giáo dục và quản lý giáo dục</p>                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá giữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.</li> <li>- Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học</li> </ul>                         |

|                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                  | <p><b>(PLO2.2)</b> Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục</p> <p><b>(PLO2.3)</b> Phát triển được các kỹ năng quản lý trong cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo;</p> <p><b>(PLO3.1)</b> Thể hiện được chuẩn mực đạo đức nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; chuẩn mực trong nghiên cứu khoa học;</p> <p><b>(PLO3.2)</b> Có ảnh hưởng tích cực tới nhà giáo, cán bộ quản lý, người học và cộng đồng</p> | <p>với người cùng ngành và với những người khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.</li> <li>- Kỹ năng nghiên cứu, phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.</li> <li>- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</li> </ul> |
| <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b> | <p><b>(PLO4.1)</b> Hình thành ý tưởng, thiết kế được các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế</p> <p><b>(PLO 4.2)</b> Có năng lực triển khai và vận hành các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế</p>                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu đưa ra những sáng kiến quan trọng.</li> <li>- Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.</li> <li>- Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.</li> <li>- Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.</li> </ul>                                                                                      |

Về mặt kiến thức có 2 CĐR nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản vững chắc về kiến thức xã hội; kiến thức vững chắc về cơ sở ngành và chuyên ngành. Về kỹ năng có 5 CĐR, rèn luyện các kỹ năng mềm cùng các kỹ năng nghề nghiệp vững vàng. Có 2 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm của học viên trong lĩnh vực chuyên môn, giúp học viên có được đạo đức nghề nghiệp đúng đắn. Những trang bị về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm của CTĐT ngành Thạc sĩ ngành QLGD giúp học viên sau khi ra trường có thể làm việc được ngay, lại vừa có thể học tiếp lên bậc cao hơn hoặc làm công tác nghiên cứu. CĐR của CTĐT ngành Thạc sĩ

ngành QLGD thể hiện qua các cấp độ CTĐT và học phần. Từ CĐR của CTĐT, Khoa TLGD xây dựng bảng ma trận CĐR và học phần, xây dựng CĐR của HP (*trong các đề cương học phần*) có tham khảo hệ thống phân loại nhận thức của Bloom, thể hiện các mức phát triển về kiến thức, kỹ năng, lượng hóa được và đo lường được giúp đánh giá việc đạt CĐR của CTĐT và của các học phần [H1.01.02.06] [H1.01.02.10].

Việc xây dựng, thẩm định và ban hành cũng như cập nhật cải tiến CĐR của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD được thực hiện theo Quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, có khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan [H1.01.02.09], [H1.01.02.11].

## 2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, thể hiện rõ ràng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà học viên tốt nghiệp cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT và triển vọng việc làm trong tương lai, làm cơ sở cho việc xây dựng CTDH.

CĐR của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD được xây dựng, điều chỉnh bao quát được cả các yêu cầu chung theo hệ thống giáo dục Việt Nam và các quy trình của Nhà trường và yêu cầu chuyên biệt mà học viên cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

## 3. Điểm tồn tại

Khoa TLGD mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo ý kiến khảo sát của các bên liên quan, tuy nhiên chưa chủ động tiến hành công việc này thường xuyên theo từng năm học

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Khoa TLGD sẽ tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan hàng năm (gồm GV, học viên, cựu học viên, nhà tuyển dụng) và phân tích và sử dụng thông tin khảo sát về CĐR của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD để có cơ sở cải tiến, cập nhật. | Khoa TLGD; Phòng ĐTSĐH, | 2024                                |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Định kỳ thực hiện rà soát, cập nhật, CĐR của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD làm cơ sở                                                                                                                                                                | Khoa TLGD; Phòng        | 2024                                |         |

|  |  |                         |        |  |  |
|--|--|-------------------------|--------|--|--|
|  |  | cho việc cải tiến CTDH. | ĐTSDH, |  |  |
|--|--|-------------------------|--------|--|--|

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. *Mô tả hiện trạng*

CĐR của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng cũng như trong quá trình rà soát, cập nhật, cải tiến. Việc xây dựng, rà soát, cập nhật và cải tiến CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành QLGD tuân thủ theo Quy định về CĐR chương trình đào tạo và sử dụng ý kiến phản hồi các bên liên quan trong thiết kế CĐR và chương trình dạy học của Trường Đại học Vinh được quy định trong Bộ chuẩn ĐBCL chương trình đào tạo phiên bản 1.0 được ban hành năm 2023 và quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Trường đại học Vinh (trong đó có quy trình xây dựng và phát triển CĐR) [H1.01.03.01].

Giai đoạn xây dựng CĐR và CTĐT: Khoa Quản lý giáo dục, Phòng ĐTSDH đã thực hiện theo đúng các bước của Quy trình. Theo Quy trình, việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi để xây dựng CĐR và CTĐT được xác định với các bước: Thành lập tổ soạn thảo xây dựng CĐR/CTĐT; Xây dựng dự thảo CĐR/CTĐT; Tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan; Hoàn thiện Dự thảo CĐR/CTĐT; Hoàn thiện phê duyệt và công bố CĐR/CTĐT. Trong đó có bước 3 là tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan. Ở bước này tổ soạn thảo thực hiện các nội dung sau:

1. Thiết kế phiếu khảo sát các bên liên quan.
2. Lập kế hoạch, xác định các đối tượng, dự toán kinh phí khảo sát, tổ chức thảo luận, xin ý kiến chuyên gia về các công việc cần làm để thu thập thông tin nhằm hoàn thiện CĐR/CTĐT.
3. Tổ chức khảo sát thu thập thông tin:
  - Tổ soạn thảo tập huấn cho cán bộ thực hiện khảo sát.
  - Tổ chức khảo sát các bên liên quan.
  - Xử lý số liệu khảo sát.

Sản phẩm của bước này là ***Phiếu khảo sát thu thập thông tin*** và ***Bảng tổng hợp kết quả khảo sát thu thập thông tin của các bên liên quan*** [H1.01.03.01].

CĐR được kết cấu dựa trên quá trình hệ thống hoá quan điểm của các bên liên quan sau khi khảo sát nhằm đưa ra một bảng danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như tính chất chuyên môn của lĩnh vực ngành. Trong quá trình xây dựng CĐR và CTĐT, Nhà trường và Khoa đã tổ chức các Hội nghị tham vấn, khảo sát ý kiến đóng góp của các bên liên quan về CĐR của CTĐT bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp, chính thức và không chính thức. Trên cơ sở dự thảo CĐR của CTĐT được

xây dựng, các bên liên quan được xin ý kiến tham vấn về sự cần thiết và mức độ đáp ứng đối với người học khi tốt nghiệp CTĐT thạc sỹ ngành Quản lý giáo dục.

Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CĐR/CTĐT, Khoa TLGD đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan gồm: các nhà quản lý, giảng viên, HV, cựu HV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CĐR, cấu trúc CTĐT [H1.01.03.02]. Giai đoạn rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT được thực hiện định kỳ theo quy trình thông qua Hội đồng KHĐT của Khoa, Trường và thông qua việc lấy ý kiến của các bên liên quan để có những hiệu chỉnh phù hợp. Ở cấp độ đơn vị đào tạo, sau khi CĐR và CTĐT được ban hành và triển khai áp dụng, theo quy định chung của Nhà trường, Khoa bắt đầu triển khai các bước của Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR và CTĐT. Phối hợp với phòng ĐTSĐH, Trung tâm ĐBCL khảo sát ý kiến các bên liên quan, sử dụng các kết quả khảo sát để cập nhật, cải tiến CĐR và CTĐT. Ngoài ra, Khoa còn thu thập các thông tin từ các buổi họp GV, họp Khoa, để xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT, giúp Khoa điều chỉnh CĐR và CTĐT sao cho hiệu quả nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo của ngành [H1.01.03.03]. Đồng thời, khoa TLGD đã tham khảo CĐR của CTĐT một số trường đại học (ĐH) uy tín ở Việt Nam và phân tích dựa trên bảng đối sánh CTĐT của Trường Đại học Vinh nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của thạc sỹ ngành Quản lý giáo dục. CĐR của CTĐT thạc sỹ ngành QLGD Trường Đại học Vinh đã phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục các CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần [H1.01.03.04].

Trong giai đoạn đánh giá CTĐT (2019-2023), CĐR của CTĐT thạc sỹ ngành QLGD đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện ít nhất 02 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường [H1.01.03.05]. Kết quả của việc thực hiện rà soát, cập nhật, đánh giá CĐR và CTĐT trong 5 năm giai đoạn đánh giá là CTĐT thạc sỹ ngành QLGD đã qua đợt xây dựng chương trình giáo dục trình độ thạc sỹ theo hệ thống tín chỉ trước năm 2017. Năm 2019, 2021 Khoa Tâm lý giáo dục có thực hiện rà soát nhỏ, nhưng không có thay đổi nội dung. Năm 2022, Nhà trường triển khai nghiên cứu và vận dụng tiếp cận CDIO vào việc phát triển CTĐT thạc sỹ ngành QLGD và được xây dựng mới theo quy trình chặt chẽ với sự tham gia của các bên liên quan, chú trọng cập nhật xu thế mới của quốc tế trong phát triển năng lực giáo viên. CTĐT được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO, gồm (1) kiến thức và lập luận ngành, (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến). Năm 2023, CĐR tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung theo hướng cụ thể hóa một số năng lực nhằm thể hiện được năng lực của HV khi tốt nghiệp, đáp ứng yêu cầu của

các nhà tuyển dụng, phù hợp với triết lý giáo dục của UNESCO. Năm 2023, Nhà trường tiếp tục hướng dẫn rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR và CTĐT. Việc rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR và CTĐT hàng năm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan góp phần làm tăng tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của học viên ngành QLGD trình độ Thạc sĩ qua các năm. Về cơ bản, cấu trúc của CTĐT năm 2022 và năm 2023 tương đối giống nhau, số lượng CĐR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD được xác định gồm 9 CĐR cấp độ 2 và 20 CĐR cấp độ 3. Điểm khác nhau là: Năm 2022 có CĐR cấp chương trình và CĐR học phần, nhưng chưa có quy định về việc tổng hợp CĐR học phần cho CĐR cấp chương trình; có ma trận sơ khai, nhưng chưa đánh giá được CĐR cho người học. CTĐT năm 2023 có đầy đủ ma trận, đánh giá người học, quy trình đánh giá,... [H1.01.03.06].

CĐR và CTĐT thạc sĩ ngành QLGD sau khi xây dựng và điều chỉnh đã được hội đồng chuyên môn cấp Khoa, cấp Trường thông qua, nghiệm thu và được Trường Đại học Vinh phê chuẩn, ra quyết định thực hiện và được công bố công khai rộng rãi tới các CB, GV, người học, nhà sử dụng lao động và các bên liên quan khác trên Website của Trường, subweb của Khoa, trên bảng tin của Khoa, thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cảm nang HV, đợt gặp mặt HV đầu khóa [H1.01.03.07].

Như vậy, CĐR của CTĐT đã được xây dựng và thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật dựa trên yêu cầu của các bên liên quan, xu hướng của thế giới và thực tiễn giáo dục, được công bố công khai và rộng rãi, thể hiện sự cam kết của nhà trường về chất lượng đào tạo của chương trình.

### *2. Điểm mạnh*

Khoa TLGD đã tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan về CĐR và CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD khi xây dựng cũng như khi triển khai CTĐT theo quy trình Nhà trường đã ban hành với các biểu mẫu rõ ràng.

CĐR và CTĐT thạc sĩ ngành QLGD sau khi được ban hành và triển khai đã được rà soát, điều chỉnh theo yêu cầu của các bên liên quan và công bố công khai trên Website và các trang tin của Trường và của Khoa Tâm lý giáo dục.

### *3. Điểm tồn tại*

Khoa TLGD đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng số lượng doanh nghiệp được khảo sát còn hạn chế.

### *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                        | Đơn vị thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2023 Khoa TLGD tiếp tục hoàn thiện công tác nghiên cứu nhu cầu của thị trường lao động, mở rộng số lượng | Khoa TLGD<br>Phòng ĐT | Năm học 2023-2024   |

|   |                    |                                                                                                                                                                                                                                          |                                            |                      |
|---|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------|
|   |                    | doanh nghiệp cần khảo sát để đảm bảo cho CTĐT của Khoa đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, đạt hiệu quả cao.                                                                                                     | SĐH<br>TT. ĐBCL                            |                      |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | -Rà soát biểu mẫu, tăng cường tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan về CĐR và CTĐT<br>- Tăng cường rà soát, điều chỉnh định kỳ CĐR và CTĐT theo yêu cầu của các bên liên quan và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. | Khoa<br>TLGD<br>Phòng ĐT<br>SĐH<br>TT ĐBCL | Năm học<br>2023-2024 |

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Mục tiêu CTĐT thạc sĩ ngành QLGD được xác định rõ ràng qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, định hướng để khoa TLGD xây dựng CĐR và CTĐT, được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục Đại học. Khi xây dựng mục tiêu, CĐR và CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD, Khoa đã tiến hành khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động và tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan, được cập nhật theo quy trình.

CĐR thạc sĩ ngành QLGD được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, thể hiện rõ ràng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của học viên khi tốt nghiệp, làm cơ sở cho việc xây dựng CTDH. CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành QLGD được xây dựng, điều chỉnh bao quát được cả các yêu cầu chung theo hệ thống giáo dục Việt Nam và các quy trình của Nhà trường và yêu cầu chuyên biệt mà học viên cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

Khoa đã tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan CĐR trình độ thạc sĩ ngành QLGD khi xây dựng cũng như khi triển khai CTĐT theo quy trình Nhà trường đã ban hành với các biểu mẫu rõ ràng. Sau khi được ban hành và triển khai CĐR trình độ Thạc sĩ ngành QLGD đã được rà soát, điều chỉnh theo yêu cầu của các bên liên quan và công bố công khai trên Website, và các trang tin của Trường và của Khoa.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Chưa đảm bảo tính đại diện của các đối tượng tham gia hội thảo của khoa TLGD về xây dựng mục tiêu, CĐR và CTĐT; thời gian cho các bên liên quan thảo luận tại các đợt cập nhật CTĐT chưa nhiều.

Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT theo ý kiến khảo sát của các bên liên quan, tuy nhiên chưa chủ động tiến hành công việc này thường xuyên theo từng năm học.

Khoa TLGD đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng số lượng được khảo sát còn hạn chế.

## **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

### **Mở đầu**

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD là văn bản cung cấp thông tin về CTĐT cho các bên liên quan: học viên, người sử dụng lao động, các tổ chức nghề nghiệp và các cơ quan quản lý có thẩm quyền, giúp Khoa và Nhà trường đảm bảo các CĐR của CTĐT được thiết kế rõ ràng để học viên có khả năng đạt được. Nội dung của bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần đính kèm của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định được công bố công khai cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. CTĐT và đề cương môn học định kỳ được rà soát, điều chỉnh và bổ sung cập nhật theo quy định cũng như yêu cầu của thực tế. Việc xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CTĐT có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan như: Nhà tuyển dụng, học viên, GV, nhà quản lý trong và ngoài trường có kinh nghiệm và chuyên môn cao. CTĐT được xây dựng trên cơ sở năng lực đào tạo vốn có của Trường, tham khảo các CTĐT từ các trường ĐH có uy tín trong và ngoài nước.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD được xây dựng theo quy định của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01], và các văn bản hướng dẫn của Trường Đại học Vinh [H2.02.01.02]. Bản mô tả CTĐT phiên bản năm 2022 của ngành QLGD được ban hành theo quyết định số 1738/QĐ-ĐHV ngày 18/7/2022 có đầy đủ các nội dung, bao gồm:

1. Cơ sở giáo dục: Tên cơ sở đào tạo và cấp bằng là Trường Đại học Vinh.
2. CTĐT: Quản lý Giáo dục trình độ thạc sĩ.
3. Thời gian đào tạo: (1.5 - 2.0) năm.
4. Mục tiêu: bao gồm mục tiêu tổng quát và 04 mục tiêu cụ thể.
5. CĐR của CTĐT: được mô tả theo 4 trụ cột của CDIO bao gồm: (1) kiến thức và lập luận ngành; (2) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển ý tưởng liên quan đến lĩnh vực Quản lý giáo dục.
6. Tiêu chí tuyển sinh: áp dụng theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh sau đại học của Trường Đại học Vinh.
7. Cấu trúc chương trình dạy học (CTDH): được thể hiện qua chương trình khung gồm 61 tín chỉ, 16 học phần và kế hoạch dạy học dự kiến và mô tả vắn tắt môn học.
8. Ma trận kỹ năng.
9. Đề cương các môn học/học phần.
10. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh bản mô tả CTĐT [H2.02.01.03].

Ngoài những nội dung trên, Bản mô tả CTĐT năm 2022, 2023 còn thể hiện một số nội dung khác như: khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của NH.

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thay đổi công nghệ, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới hoặc những văn bản pháp quy hiện hành, .... về lĩnh vực của ngành QLGD. Từ khi CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD được ban hành, việc cập nhật bản mô tả CTĐT được thực hiện định kỳ hàng năm và không định kỳ theo giai đoạn:

Từ năm 2017 đến nay, Trường đã trải qua 1 lần xây dựng vào năm 2017, Khoa tâm lý giáo dục có rà soát nhỏ năm 2019, 2021 nhưng không thay đổi so với năm 2017 và xây dựng tiếp cận CDIO năm 2022, cập nhật bản mô tả CTĐT một cách hệ thống, tổng thể và toàn diện vào năm 2023.

*Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục năm 2017:* thể hiện các quy định về CĐR trong bản mô tả CTĐT rất hạn chế và còn thiếu ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT.

*Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD năm 2022* được Nhà trường xây dựng có sự khác biệt với bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD 2017 và đã cập nhật thêm được những nội dung như: Mô tả thông tin quy định cụ thể CĐR của CTĐT. CĐR được truyền tải vào CTĐT và các học phần thông qua ma trận tích hợp CĐR (hay còn gọi là ma trận kỹ năng) nhằm góp phần đạt được CĐR của CTĐT, ma trận tích hợp phương pháp dạy và học với CĐR của CTĐT, phần mô tả về CTDH, danh sách đội ngũ GV, CSVG phục vụ học tập (bao gồm: hệ thống phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy; thư viện; danh mục giáo trình, tập bài giảng), hướng dẫn thực hiện chương trình. Các nội dung này được trình bày theo một tuần tự logic và rõ ràng, giúp cho người đọc hiểu được những vấn đề cốt lõi của một quá trình đào tạo từ mục tiêu tổng quát đến chi tiết, từ CĐR mong muốn đến nội dung chương trình và cấu trúc chương trình đáp ứng CĐR, từ yêu cầu đối với NH đến cam kết về CSVG và đội ngũ GV [H2.02.01.03].

*Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD năm 2022, 2023* đã được Nhà Trường xây dựng và cập nhật mới, thể hiện được thông tin chú trọng: Số lượng CĐR của CTĐT được xác định gồm 9 CĐR cấp độ 2 và 20 CĐR cấp độ 3, cải tiến giảm khối lượng học phần kiến thức chung xuống còn 7 tín chỉ, tăng khối lượng học phần kiến thức cơ sở ngành lên 54 tín chỉ, cập nhật các học phần mới. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các Nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính thiết thực của các kiến thức được đào tạo. Về cơ bản, cấu trúc của bản mô tả CTĐT năm 2022 và năm 2023 tương đối giống nhau, điểm khác nhau là: Bản mô tả CTĐT năm 2022 có CĐR cấp chương trình và CĐR học phần, nhưng chưa có quy định về việc

tổng hợp CDR học phần cho CDR cấp chương trình; có ma trận sơ khai, nhưng chưa đánh giá được CDR cho người học. Bản mô tả CTĐT năm 2023 có đầy đủ ma trận, đánh giá người học, quy trình đánh giá,... [H2.02.01.03], [H2.02.01.04].

Bản mô tả CTĐT và CTDH trình độ thạc sĩ ngành QLGD được Khoa rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch, hướng dẫn của Trường với quy trình chặt chẽ [H2.02.01.05] và dựa trên cơ sở tiếp thu những ý kiến thu thập được từ báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan (NSDLĐ, NH và cựu NH, CBVC) [H2.02.01.06], ý kiến đóng góp của các thành viên trong Khoa, hội đồng Khoa, Hội đồng thẩm định, Hội đồng khoa học và đào tạo [H2.02.01.07], kết quả đối sánh khung CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD của Trường với các cơ sở giáo dục khác và đối sánh CTĐT của ngành QLGD qua các năm [H2.02.01.08].

Cụ thể, tháng 01/2022, Nhà trường ban hành kế hoạch số 06/KH-ĐHV ngày 21/01/2022 về việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật các CTĐT trình độ thạc sĩ. Tháng 02/2022, thành lập tổ tư vấn cho Hiệu trưởng về rà soát, chỉnh sửa, cập nhật các CTĐT trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh theo quyết định số 348/QĐ-ĐHV ngày 24/02/2022. Tháng 3/2022, ban hành khung CDR CTĐT trình độ thạc sĩ theo quyết định Số 655/QĐ-ĐHV ngày 28/3/2022 và Thông báo kết luận của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh tại cuộc họp về rà soát, chỉnh sửa, cập nhật các CTĐT trình độ thạc sĩ theo quyết định số 33/TB-ĐHV ngày 8/3/2022. Tháng 6/2023, Hướng dẫn hoàn thiện sản phẩm đề tài KHCN trọng điểm cấp trường “Phát triển CTĐT trình độ thạc sĩ theo tiếp cận CDIO năm 2023” theo hướng dẫn số 05/HD-ĐHV ngày 06/6/2023 và Hướng dẫn mẫu khung CTĐT trình độ thạc sĩ theo công văn Số 684/ĐHV-ĐTSDH ngày 7/6/2023 [H2.02.01.05]. Các ý kiến của các bên liên quan (chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu NH) là cơ sở quan trọng để Khoa chỉnh sửa, điều chỉnh dự thảo CTĐT, Bản mô tả CTĐT phù hợp, đầy đủ nội dung [H2.02.01.06]. Bên cạnh đó, để có căn cứ đối chiếu, so sánh với CTĐT các CSGD có kinh nghiệm và uy tín, Khoa đã tiến hành tổng hợp, đối sánh CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD với một số CSGD và đối sánh CTĐT các năm làm căn cứ xác đáng cho các ý kiến đóng góp vào dự thảo [H2.02.01.08].

Sau khi hoàn thiện dự thảo Bản mô tả CTĐT, Khoa gửi về Hội đồng Thẩm định CTĐT của Trường, Hội đồng Thẩm định CTĐT cho ý kiến về những nội dung cần chỉnh sửa. Tiếp đó, Khoa TLGD hoàn thiện nội dung và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét thông qua. Cuối cùng Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành Bản mô tả CTĐT và CTDH [H2.02.01.03].

Việc cập nhật, đánh giá bản mô tả CTĐT được thực hiện thông qua quá trình cập nhật CTĐT và CDR gồm 5 bước: *Bước 1*: Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTDH/CTĐT; *Bước 2*: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTDH/CTĐT; *Bước 3*: Đánh giá và xây dựng đánh giá về tính hiệu quả của

CTDH/CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với CĐR và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); *Bước 4*: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTDH/CTĐT và trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua; *Bước 5*: Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTDH/CTĐT và trình Hiệu trưởng ban hành CTDH/CTĐT sửa đổi, bổ sung [H2.02.01.03] [H2.02.01.09].

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT, nội dung văn bản này được Nhà trường đăng tải trên Website của Phòng Đào tạo SDH và của Khoa TLGD, được cập nhật trong các tài liệu quảng bá, cẩm nang học viên của Nhà trường, phổ biến trong buổi lễ Khai giảng đầu khoá của tân học viên [H2.02.01.10].

### *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD đầy đủ các nội dung và thông tin, qua đó, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT.

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD được cập nhật định kỳ hàng năm và theo giai đoạn cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của Việt Nam và thế giới.

### *3. Điểm tồn tại*

Nội dung góp ý cho việc cập nhật và công bố thông tin về bản mô tả CTĐT từ các Nhà tuyển dụng chưa được Khoa thực hiện kịp thời theo từng năm học.

### *4. Kế hoạch hành động*

| <b>TT</b> | <b>Mục tiêu</b>        | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>Đơn vị thực hiện</b>   | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| 1         | Khắc điểm phục tồn tại | Từ năm học 2024, Khoa Tâm lý sẽ tiến hành cập nhật nhanh chóng tất cả các nội dung của các Nhà tuyển dụng cần cập nhật và công bố thông tin về bản mô tả CTĐT                                                                                                               | Khoa TLGD<br>Phòng ĐT SDH | Năm học 2023-2024          |
| 2         | Phát huy điểm mạnh     | Rà soát định kỳ Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD và phổ biến để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT.<br>Cập nhật theo giai đoạn Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của Việt Nam và thế giới. | Khoa TLGD<br>Phòng ĐT SDH | Năm học 2023-2024          |

### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

#### Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

##### 1. Mô tả hiện trạng

ĐCCT các học phần là bản mô tả quá trình giảng dạy và đóng vai trò quan trọng giúp GV và học viên thực hiện đúng trách nhiệm của mình. CĐR chi tiết của từng học phần luôn gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. ĐCCT học phần đảm bảo thể hiện được CĐR của môn học, PPGD để có thể đạt được các CĐR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, GV xây dựng ĐCCT các học phần theo hướng dẫn của Nhà trường [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H2.02.02.03]. Trong đợt xây dựng năm 2022 và rà soát, điều chỉnh 2023 CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD có 16 học phần (61 tín chỉ) và 100% ĐCCT của các học phần trong CTĐT đào tạo Thạc sĩ ngành QLGD có đầy đủ các nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT, bao gồm:

- + Tên đơn vị/tên GV đảm nhận giảng dạy;
- + Tên môn học/học phần;
- + Số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR;
- + Các yêu cầu của môn học/học phần;
- + Cấu trúc môn học/học phần;
- + Phương pháp dạy-học;
- + Phương thức kiểm tra/đánh giá;
- + Tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Khi xây dựng đề cương học phần, các giảng viên phụ trách học phần bám vào ma trận kỹ năng phân nhiệm cho học phần để đảm bảo sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của từng học phần [H2.02.02.04]. Từng CĐR học phần có ghi rõ CĐR đó tương ứng với CĐR nào của CTĐT, chỉ số đo lường việc đạt CĐR của CTĐT. Trong nội dung chi tiết học phần, ứng với từng bài, có ghi rõ số tiết lý thuyết, thực hành; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; bài học này đáp ứng CĐR nào của học phần. Phương pháp đánh giá bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần; trọng số của mỗi điểm thành phần; đáp ứng CĐR nào của học phần; mức độ đóng góp của học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT. Những nội dung này giúp GV lượng hóa được việc đạt được CĐR của học phần mình đảm nhiệm [H2.02.02.02] [H2.02.02.03].

Tất cả CTĐT, các ĐCCT học phần, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phân cấp cho Trưởng Khoa phê duyệt, ký ban hành bằng bản mềm và bản cứng, được công bố công khai trên Website của Phòng Đào tạo SDH, của Khoa TLGD,... và gửi trực tiếp qua hệ thống Elearning của Trường đến từng GV, học viên, được đóng tập để sử dụng và lưu trữ theo từng khóa, từng ngành [H2.02.02.05], [H2.02.02.06].

100% đề cương các học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch nhà trường [H2.02.02.01]. Đề cương chi tiết có đầy đủ các thông tin cần thiết giúp cho đơn vị chức năng dễ dàng trong việc quản lý chất lượng và phục vụ đào tạo đáp ứng các yêu cầu của môn học, đồng thời giúp cho các bên liên quan có thông tin đầy đủ và minh bạch về môn học để giám sát quá trình đào tạo của chương trình. Quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT các năm đều được Phòng Đào tạo SĐH phối hợp với Khoa lấy ý kiến của các bên liên quan về CDR để làm căn cứ xây dựng, cập nhật, sửa đổi ĐCCT học phần và được thực hiện theo quy trình chặt chẽ từ việc xây dựng, hoàn thiện đến nghiệm thu ĐCCT học phần. Khoa thực hiện báo cáo việc sử dụng thông tin khảo sát để cải tiến chất lượng CTĐT, CDR và ĐCCT học phần [H2.02.02.07], [H2.02.02.08].

So với ĐCCT khóa 2017, ĐCCT năm 2022, 2023 đã có nhiều thay đổi, thể hiện rõ sự cải tiến trong việc thiết kế bài giảng với các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá có các trình độ năng lực cụ thể được lượng giá rõ ràng để đạt được CDR [H2.02.02.03]. Đề cương học phần được rà soát, cập nhật thông tin về môn học, bổ sung CDR, danh mục tài liệu, một số đề cương học phần dạy học theo đồ án/dự án được xây dựng [H2.02.02.03]. Các đề cương học phần đều tuân thủ quy định của trường, được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT của trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước, có sự chọn lọc phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam [H2.02.02.09].

## *2. Điểm mạnh*

100% ĐCCT các học phần của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT, đặc biệt mức độ đóng góp của học phần vào việc đạt CDR của CTĐT; tính kết nối các nội dung học phần với phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm đạt CDR của học phần, để có thể lượng hóa chính xác năng lực đáp ứng CDR CTĐT mà học viên cần đạt được sau khi học xong học phần.

Tất cả các ĐCCT học phần của CTĐT Thạc sĩ ngành Quản lý Giáo dục được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ hàng năm. Đặc biệt các CDR của học phần được rà soát lại để có thể lượng hóa chính xác năng lực đáp ứng CDR của CTĐT. ĐCCT học phần được cập nhật phương pháp đánh giá Rubric qua đó góp phần việc đánh giá học phần được cụ thể, rõ ràng, khoa học và công bằng hơn.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong đề cương học phần chưa được Khoa, Bộ môn và các giảng viên tiến hành một cách đồng bộ và thống nhất; do vậy, thông tin để cải tiến điều chỉnh nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần còn hạn chế.

## *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                | Đơn vị thực hiện          | Thời gian thực hiện |
|----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Chuyên ngành định kỳ thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong đề cương học phần để làm cơ sở cho các điều chỉnh | Khoa TLGD<br>Phòng ĐT SDH | Năm học 2023-2024   |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Cập nhật đề cương học phần thường xuyên để phù hợp với mục tiêu và CDR của CTĐT                                                                                         | Khoa TLGD<br>Phòng ĐT SDH | Năm học 2023-2024   |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

*1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD sau khi được xây dựng, rà soát, điều chỉnh cập nhật, hoàn thiện và được phê duyệt chính thức, đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, giúp các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, học viên, cựu học viên...) tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện nhất [H2.02.03.01].

Cùng với việc công bố công khai Bản mô tả CTĐT, toàn bộ đề cương trong CTĐT [H2.02.03.02] cũng được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để GV, NH và đối tượng quan tâm khác có thể dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu.

Tùy đối tượng mà Nhà trường và Khoa TLGD chọn hình thức công bố thích hợp để các bên liên quan tiếp cận một cách thuận tiện nhất, sử dụng, lựa chọn thông tin cho mục đích của từng đối tượng. Cụ thể như: Trường Vinh đã chọn kênh thông tin có độ phủ rộng rãi là công bố công khai trên website chính thức của Phòng Đào tạo SDH và website của Khoa TLGD [H2.02.03.03], Ngoài ra, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT còn được công bố công khai bằng các hình thức khác như: trong các buổi “Gặp mặt học viên đầu khoá”, " Các đợt sinh hoạt chính trị đầu khoá học", Sổ tay học viên, tờ rơi, Elearning của Trường, fanpage, ...[H2.02.03.04].

Đối với GV, Trong chu kỳ đánh giá. Tùy từng giai đoạn, Giảng viên Khoa TLGD đã sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần bản mới được phê duyệt gần nhất để giúp GV chuẩn bị kế hoạch giảng dạy cũng như nắm được nội dung giảng dạy của các học phần khác để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các học phần, giữa các năm học. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD còn là cơ sở để Khoa TLGD và đội ngũ GV thảo luận và nghiên cứu về chương trình hiện hành và chương

trình mới nhằm đảm bảo có cùng một cách hiểu về CDR ra của chương trình. Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD giúp nhà trường đảm bảo các CDR của chương trình được thiết kế rõ ràng và học viên tốt nghiệp có thể đáp ứng CDR, đồng thời chứng minh khả năng đạt được chúng. Bản mô tả CTĐT là tài liệu tham khảo cho hoạt động rà soát nội bộ và giám sát các hoạt động của CTĐT [H2.02.03.01] [H2.02.03.02].

*Đối với học viên*, Trường và Khoa TLGD đã tận dụng các kênh thông tin khác nhau để đảm bảo học viên luôn tiếp cận được với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần; giúp học viên có được cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD, tiếp cận và nắm được CDR của CTĐT. Các hình thức công bố công khai cho người học như công bố trên website của Phòng ĐTSĐH và của Khoa TLGD [H2.02.03.03], công bố trên trang đăng ký học của HV, giới thiệu cho HV trong buổi Lễ khai giảng và buổi sinh hoạt đầu khóa Ngay từ buổi học đầu tiên, hướng dẫn cách tiếp cận thông tin CTĐT trong sổ tay HV. Hàng năm, khi tiếp đón tân HV, Khoa TLGD tổ chức gặp mặt và giới thiệu về các CTĐT cũng như truyền thống lịch sử phát triển của Khoa, qua đó CTĐT được truyền thông một cách hiệu quả. Bản mô tả CTĐT các phiên bản và 100% đề cương chi tiết của các học phần đều được cung cấp cho người học theo đúng quy định. Các thông tin liên quan đến Đề cương học phần đã được tích hợp và quản lý trên hệ thống quản lý học tập (LMS), nhằm chuyển tải đến người học một cách thuận tiện và chính xác nhất [H2.02.03.04]. Theo quy định của Nhà trường, ĐCCT của học phần phải được giảng viên cung cấp và giới thiệu cụ thể cho HV vào buổi học đầu tiên của học phần, qua đó HV nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CDR và các nội dung hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần của mình cần đạt được [H2.02.03.04]. Bên cạnh đó, thông qua các cuộc họp định kỳ của chủ nhiệm cũng giúp NH dễ dàng tiếp cận và nắm được đầy đủ, chính xác các thông tin về Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần. Ngoài ra, trong các học phần giảng dạy, các GV cũng dành thời gian trình chiếu Slide giới thiệu tới NH về ĐCCT học phần được giảng dạy [H2.02.03.05]. Việc công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần trình độ thạc sĩ ngành QLGD bằng nhiều hình thức khác nhau tạo điều kiện thuận lợi giúp cho NH nắm được các học phần đăng ký học và có thể xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học, nâng cao chất lượng học và đạt KQHT tốt hơn.

*Đối với các bên liên quan khác*, Khi xây dựng và phát triển CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD, bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần của ngành khi được xây dựng và định kỳ được rà soát, điều chỉnh, cập nhật dựa trên việc thu thập ý kiến của các bên liên quan. Thông qua việc thu thập ý kiến này, nội dung của bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trong CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD được phổ biến tới các bên liên quan. Sau khi hoàn thành dự thảo bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD và ĐCCT

học phần đã được gửi tới các chuyên gia trong và Ngoài trường để được phản biện, tiếp đó được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa TLGD. Ngoài ra, các bên liên quan khác như: cơ quan quản lý, Nhà sử dụng lao động, cựu học viên đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất bằng cách truy cập vào Website của Nhà trường giúp những người quan tâm và các bên liên quan nắm bắt được các thông tin về CTĐT và kiến thức truyền tải của các học phần trong CTĐT. Từ đó, Nhà trường có thể tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và các doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng các yêu cầu của các nhà sử dụng lao động [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03].

### *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD và ĐCCT các học phần được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường quản lý nhà nước; tăng cường cơ hội hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan đến CTĐT bao gồm Bản mô tả CTĐT và Đề cương học phần như đăng tải lên website của nhà trường, hệ thống phần mềm CMC, hệ thống LMS để sinh viên, giảng viên, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các đơn vị sử dụng lao động còn chưa hiệu quả. Một số nội dung đổi mới trong CTĐT chưa được cập nhật và lan tỏa đến cộng đồng các nhà tuyển dụng.

### *4. Kế hoạch hành động*

| <b>TT</b> | <b>Mục tiêu</b>    | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                                                                                           | <b>Đơn vị thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| 1         | Khắc phục tồn tại  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa dạng hóa, lồng ghép tổ chức các hoạt động liên quan truyền thông về CTĐT thạc sĩ ngành QLGD</li> <li>- Xây dựng mạng lưới cựu học viên để quảng bá và lan tỏa CTĐT</li> </ul> | Khoa TLGD /Phòng ĐT SĐH | Năm học 2023-2024          |
| 2         | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan đến CTĐT                                                                                                                       | Khoa TLGD /Phòng ĐT SĐH | Năm học 2023-2024          |

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD đầy đủ các nội dung và thông tin, qua đó, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT. Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD được cập nhật định kỳ hàng năm và theo giai đoạn cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển khoa học công nghệ của thế giới.

100% ĐCCT các học phần của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT, đặc biệt mức độ đóng góp của HP vào việc đạt CDR của CTĐT; tính kết nối các nội dung học phần với phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm đạt CDR của học phần, để có thể lượng hóa chính xác năng lực đáp ứng CDR CTĐT mà học viên cần đạt được sau khi học xong học phần. Tất cả các ĐCCT học phần được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ hàng năm. Đặc biệt các CDR của học phần được rà soát lại để có thể lượng hóa chính xác năng lực đáp ứng CDR của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD và ĐCCT các học phần được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường quản lý nhà nước; tăng cường cơ hội hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan đến CTĐT bao gồm Bản mô tả CTĐT và Đề cương học phần như đăng tải lên website của nhà trường, hệ thống phần mềm CMC, hệ thống LMS để sinh viên, giảng viên, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Nội dung góp ý cho việc cập nhật và công bố thông tin về bản mô tả CTĐT từ các Nhà tuyển dụng chưa được Khoa thực hiện kịp thời theo từng năm học.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong đề cương học phần chưa được Khoa, Bộ môn và các giảng viên tiến hành một cách đồng bộ và thống nhất; do vậy, thông tin để cải tiến điều chỉnh nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần còn hạn chế.

Đa dạng hóa, lồng ghép tổ chức các hoạt động liên quan truyền thông về CTĐT thạc sĩ ngành QLGD. Xây dựng mạng lưới cựu học viên để quảng bá và lan tỏa CTĐT

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### **Mở đầu**

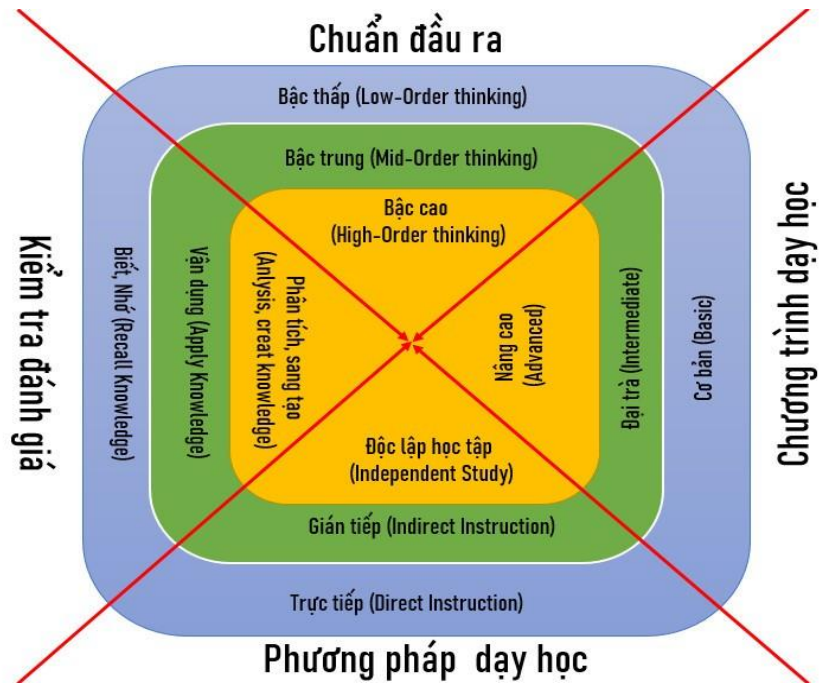
Cấu trúc CTDH trình độ thạc sĩ ngành QLGD được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá KQHT được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo NH đạt được CDR của từng học phần và CDR của CTĐT. Nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ chương trình.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

#### *1. Mô tả hiện trạng*

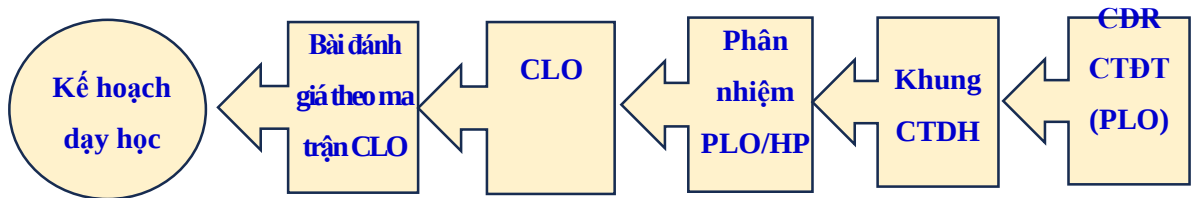
CDR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục được Nhà trường ban hành và phổ biến rộng rãi, CDR được xác định rõ ràng và phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, yêu cầu về năng lực mà học viên có thể đạt được sau khi tốt nghiệp [H3.03.01.01] [H3.03.01.02]. Trên cơ sở mục tiêu và CDR, Nhà trường đã ban hành quy trình hướng dẫn về thiết kế CTDH tương thích với CDR. Chương trình dạy học (CTDH) bao gồm Chuẩn đầu ra PLO, khung CTDH, ma trận phân nhiệm các PLO cho các học phần, sơ đồ mô tả cấu trúc và trình tự các học phần, đề cương học phần. Chương trình dạy học được thiết kế theo mô hình tương thích kiến tạo, quy trình thiết kế ngược và mô hình CFB.

- *Mô hình tương thích kiến tạo (CAM - Constructive Alignment Model)* là mô hình này dựa trên thuyết kiến tạo (Constructivism) và mô hình tương thích (Alignment Model). Theo mô hình này, CTDH được thiết kế nhằm đảm bảo sự tương thích giữa 3 trụ cột (*Chuẩn đầu ra, Phương pháp dạy học và Kiểm tra đánh giá*) tương ứng với 3 cấp độ từ cơ bản đến nâng cao (Hình 3.1.1). CTDH của Trường Đại học Vinh định hướng thiết kế CTDH theo mô hình tương thích kiến tạo ở cấp độ nâng cao, tương ứng với CDR ở mức năng lực cao (Mức 4, 5); phương pháp dạy học chủ động, độc lập nghiên cứu; hoạt động kiểm tra đánh giá hướng tới các sản phẩm có tính sáng tạo. Để đảm bảo tính tương thích này, Nhà trường chú trọng việc triển khai các hình thức dạy học tích cực, trọng tâm là dạy học dự án (Project Based Learning- PBL), với trọng số tối thiểu 25% tổng số tín chỉ trong toàn CTDH.



**Hình 3.1.1. Mô hình tương thích kiến tạo (CAM) trong phát triển CTDH**

- Quy trình thiết kế ngược: quy trình thiết kế CTDH được xuất phát từ CDR của ngành đào tạo (PLO), từ đó triển khai thiết kế theo tuần tự: *Khung CTDH*; *Phân nhiệm các PLO cho các học phần (HP)*; *CDR học phần (CLO)*; *Bài đánh giá theo ma trận các CLO*; *Kế hoạch dạy học* theo ma trận bài đánh giá (Hình 3.1.2).



**Hình 3.1.2. Quy trình thiết kế ngược đối với CTDH**

- Mô hình CFB (CDIO-Flipped- Blended Learning) là mô hình tích hợp giữa các mô hình: CDIO, dạy học đảo ngược (Flipped Learning) và dạy học kết hợp (Blended Learning).

Trên cơ sở đó Khoa tiến hành thiết kế CTDH theo hướng tích hợp dựa trên CDR nhằm đảm bảo học viên tốt nghiệp ngành Quản lý giáo dục đạt được những kiến thức, kỹ năng và tính tự chủ và trách nhiệm sau khi ra trường [H3.03.01.03]. Việc thiết kế CTDH Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục được thực hiện theo quy trình do Nhà trường ban hành bao gồm 7 bước, trong đó các bước 1,2 và 5 thể hiện rõ CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm: (1)Thành lập nhóm xây dựng, nghiên cứu CTDH/CTĐT (mục tiêu, CDR, tổ chức thực thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương

trình...); (2) Xây dựng dự thảo CTDH/CTĐT lần 1; (3) Triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan; (4) Hoàn thiện CTDH/CTĐT lần thứ nhất; (5) Tổ chức xây dựng CĐR và đề cương chi tiết các học phần của Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2; (6) Tổ chức hội thảo hoàn thiện Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2; (7) Hoàn thiện phê duyệt và công bố CTDH/CTĐT [H3.03.01.04].

Tất cả các phiên bản CTĐT Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục đều có CĐR. Cụ thể CTDH phiên bản 2022, 2023 có (9 CĐR cấp độ 2 đối với định hướng nghiên cứu), (8 CĐR cấp độ 2 đối với định hướng ứng dụng).

CTDH 2022, 2023 có kế hoạch phân bổ các học phần theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể với ngành Quản lý giáo dục CTDH trình độ thạc sĩ, thời gian đào tạo là 2 năm (4 học kì) bao gồm cả thời gian làm Luận văn tốt nghiệp. CTDH được thiết kế gồm các khối kiến thức: *kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành*.

**Bảng 3.1.1. Bảng tỉ lệ phân trăm các khối kiến thức của CTDH**

| STT | Khối kiến thức                       | Số tín chỉ | Tỷ lệ %    |
|-----|--------------------------------------|------------|------------|
| 1   | Phần kiến thức chung                 | 6          | 10         |
| 2   | Phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc  | 12         | 20         |
| 3   | Phần kiến thức cơ sở ngành tự chọn   | 12         | 20         |
| 4   | Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc | 9          | 15         |
| 5   | Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn  | 6          | 10         |
| 6   | Luận văn thạc sĩ                     | 15         | 25         |
|     | <b>Tổng toàn khóa</b>                | <b>61</b>  | <b>100</b> |

CTDH đều được thiết kế dựa trên CĐR, điều đó thể hiện rõ qua Bảng phân nhiệm CTĐT và các học phần [H3.03.01.05]. So với các phiên bản trước đây, CTDH năm 2022, 2023 được thiết kế dựa trên CĐR được thể hiện chi tiết, khoa học hơn, rõ ràng, cụ thể trong các học phần. Mỗi học phần trong CTDH đã thể hiện được đóng góp của các CĐR từng học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT. 100% các học phần xây dựng đảm bảo chi tiết CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.05]. Mỗi CĐR của học phần thể hiện rõ đóng góp vào đạt được CĐR của CTĐT. Đồng thời, nội dung của các chương/mục trong mỗi học phần cũng kết nối với các CĐR của học phần [H3.03.01.05]. Cụ thể:

Các học phần kiến thức chung (Triết học; Tiếng Anh) tập trung vào việc giúp NH đạt các CĐR về kiến thức về lý luận chính trị, ngoại ngữ, ... phù hợp với trình độ thạc sĩ của ngành Quản lý giáo dục, CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm, trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu; Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (gồm các học phần,...) cung cấp những kiến thức nền tảng về cơ sở ngành, tập trung trang bị cho NH kiến thức cơ bản và mở rộng về các nguyên lý về quản trị giáo dục; Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc và chuyên ngành tự chọn

hướng đến việc đạt các CĐR về kiến thức ngành, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các học phần thực tập, đề án tốt nghiệp giúp NH đạt một số CĐR ở mức độ cao hơn. Điều này được thể hiện qua: Hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.01.06]; Bản mô tả CTĐT, Bản mô tả môn học/ học phần; Ma trận kỹ năng, CĐR của CTĐT; tài liệu bài giảng [H3.03.01.03] [H3.03.01.05].

Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học viên của 100% các học phần trong CTĐT ngành Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục được GV lựa chọn phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR.

Dựa trên CĐR của học phần, GV xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của học viên đảm bảo 100% các học phần trong CTDH phải phù hợp, góp phần đạt được CĐR [H3.03.01.03].

100% CTDH đã xây dựng việc dạy và học thể hiện rõ trong ĐCCT của các học phần. Tất cả các CĐR HP được bố trí trong các chương mục/bài. Mỗi chương mục/bài có một số phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với CĐR của học phần đảm nhiệm. Phương pháp thuyết giảng được áp dụng đối với tất cả học phần; các phương pháp được áp dụng phù hợp với các học phần cơ sở ngành, học phần chuyên ngành trong đó có các phương pháp dạy học tích cực như nghiên cứu tình huống; phương pháp thực hành, thực tế áp dụng với thực tập, đề án tốt nghiệp; phương pháp làm việc nhóm áp dụng khi GV giao bài tập, thảo luận nhóm, bài tiểu luận theo chủ đề; phương pháp tự nghiên cứu áp dụng để hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu của NH. Các PPGD được mô tả theo từng chương/mục trong đề cương chi tiết học phần thể hiện sự phong phú, phù hợp góp phần đạt được CĐR [H3.03.01.03].

Các phương pháp dạy học trình độ Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục được xây dựng phù hợp để đạt được CĐR được thể hiện rõ trong các *Ma trận phương pháp dạy học và CĐR*

**Bảng 3.1.2. Ảnh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập**

| Hoạt động giảng dạy và học tập | CĐR |     |     |     |     |     |     |     |     |
|--------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
|                                | 1.1 | 1.2 | 2.1 | 2.2 | 2.3 | 3.1 | 3.2 | 4.1 | 4.2 |
| Thuyết trình                   | x   | x   | x   |     |     |     |     |     |     |
| Vấn đáp                        | x   | x   | x   |     |     |     |     |     |     |
| Hướng dẫn                      | x   | x   | x   |     |     |     |     |     |     |
| Tự học                         | x   | x   | x   | x   | x   |     |     | x   | x   |
| Thảo luận                      | x   | x   | x   |     |     |     |     |     |     |
| Thực hành                      |     | x   | x   |     | x   | x   | x   | x   | x   |
| Hoạt động nhóm                 |     | x   | x   | x   |     | x   | x   |     |     |
| Nghiên cứu tình huống          |     | x   | x   |     | x   |     |     | x   | x   |
| Học dựa trên dự án             |     | x   | x   | x   | x   | x   | x   | x   | x   |

Phương thức kiểm tra, đánh giá của học phần thể hiện trong ĐCCT học phần đảm bảo sự linh hoạt, phù hợp với tính chất học phần. ĐCCT học phần có ma trận liên kết phương pháp đánh giá học phần với các CĐR cần đạt được của học phần. Việc đánh giá kết quả học tập của NH bao gồm tổ hợp các phương thức đánh giá và được chia thành 2 loại chính là: điểm quá trình và điểm thi cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần) với trọng số tương ứng của năm 2017 là 70% và 30% của năm 2022 là 50% và 50% (trừ học phần triết học theo quy định riêng của Bộ GD&ĐT).

Đối với năm 2022, Đánh giá quá trình bao gồm: điểm bài tập (Điểm BT) với trọng số 60%, điểm chuyên cần (Điểm CK) với trọng số 20% và điểm thảo luận (Điểm TL) với trọng số 20%. Điểm thi kết thúc học phần bao gồm: thi cuối kỳ và tiểu luận. Trong ĐCCT của học phần ghi rõ tương ứng với từng loại kiểm tra đánh giá, GV ghi rõ loại hình kiểm tra, bài kiểm tra, trọng số và đáp ứng CĐR nào của học phần. Đối với năm 2023 điểm quá trình và điểm cuối kỳ trọng số tương ứng vẫn như năm 2022 là 50% và 50%. Điểm khác biệt của năm 2023 so với năm 2022 là không có quy định về trọng số các bài đánh giá trong điểm quá trình mà tùy thuộc vào số tín chỉ và mức độ đóng góp các bài đánh giá. Giảng viên quy định trọng số các bài đánh giá trong điểm quá trình với trọng số tương ứng được quy định trong đề cương học phần [H3.03.01.03].

Hình thức đánh giá bài giữa kỳ phong phú, gồm bài tập cá nhân, thảo luận, bài tập nhóm, bài kiểm tra viết trên lớp, bài tiểu luận. Bài thi kết thúc học phần nhằm mục đích đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức, những kỹ năng thu được của NH trong học phần đó, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của GV và cách học của NH [H3.03.01.03]. Tuy nhiên, thi cuối kỳ trong các học phần vẫn tập trung vào hình thức thi tự luận, chưa phát huy được năng lực thực hành của NH. Đối với GV, trong quá trình giảng dạy, GV sử dụng sổ ghi nhật ký giảng dạy, sổ theo dõi học tập và giảng dạy trên lớp để ghi lại những nội dung giảng dạy, thay đổi trong quá trình giảng dạy cũng như những lưu ý về NH trong học phần để đảm bảo đúng tiến độ và kế hoạch giảng dạy.

Đối với mỗi học phần, GV lựa chọn tổ hợp phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với học phần. Trong ĐCCT học phần thể hiện rõ:

- Ví dụ về phương pháp dạy học: *Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...*

- Ví dụ về phương pháp đánh giá: *Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...*

Đồng thời để góp phần hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR, GV phải đưa ra các phương pháp kiểm tra đánh giá, ứng với từng loại điểm thành phần GV phải ghi rõ điểm đánh giá quá trình hay điểm thi kết thúc học phần đáp ứng với với CĐR nào của học phần dựa vào bảng mô tả các tiêu chí đánh giá theo các cấp độ khác nhau trên cơ

sở các yêu cầu, mục tiêu cần đạt của học phần. Điều này được thể hiện rõ trong ĐCCT các học phần. Mỗi CTDH, Khoa Tâm lý giáo dục đều lập bảng “*Ma trận phương pháp đánh giá các học phần của CTDH phù hợp CĐR*” để thấy mối tương quan logic giữa Phương pháp dạy học – Kiểm tra đánh giá – CĐR [H3.03.01.03], [H3.03.01.05], [H3.03.01.06].

Khi thiết kế cũng như khi rà soát CTDH, CĐR và ĐCCT học phần ngoài các thành phần Nhà tuyển dụng, cựu học viên... ý kiến đóng góp của thành phần GV đóng vai trò rất quan trọng [H3.03.01.07]. GV giảng dạy CTĐT Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục là những người tham gia soạn thảo ĐCCT học phần trong chương trình và cũng là những người xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của học viên của tất cả các học phần trong CTĐT Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR [H3.03.01.06].

### 2. Điểm mạnh

CTDH Thạc sĩ ngành QLGD được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm của học viên.

GV của Khoa Tâm lý giáo dục đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý, phù hợp, linh hoạt và có thể lượng hóa được góp phần đạt CĐR.

### 3. Điểm tồn tại

CTDH Thạc sĩ ngành QLGD thiết kế các hoạt động gắn kết với đơn vị sử dụng lao động, các đơn vị ngoài Trường giúp đạt được CĐR nhưng hoạt động ghi nhận sự phản hồi của các đơn vị khi tham gia trong CTDH chưa được thể hiện đầy đủ.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị thực hiện         | Thời gian thực hiện |
|----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Khoa Tâm lý giáo dục sẽ phối hợp chặt chẽ với Phòng ĐTSĐH, Trung tâm DV, HTSV & QHDN ghi nhận đầy đủ nội dung phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động tham gia vào CTDH nhằm tăng hiệu quả đạt được CĐR. | Khoa TLGD<br>Phòng ĐTSĐH | Năm học 2023-2024   |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Tiếp tục thường xuyên cập nhật kịp thời, tiếp tục khảo sát và có những thay đổi CTDH phù hợp với chuẩn đầu ra đã công bố.                                                                                              | Khoa TLGD<br>Phòng ĐTSĐH | Năm học 2023-2024   |

### 5. Tự đánh giá: Điểm đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng  
 1. *Mô tả hiện trạng*

Dựa trên khung CTĐT và CĐR chung của ngành QLGD [H3.03.02.01] [H3.03.02.02], 100% ĐCCT các học phần trong CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD được biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, và đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR và được thể hiện ở ma trận kỹ năng mô tả liên hệ từng học phần với CĐR của CTĐT [H3.03.02.03]. Mỗi ĐCCT của từng học phần đều mô tả đầy đủ, chi tiết bao gồm đơn vị đào tạo, thông tin về học phần, GV, về tổ chức dạy và học, mục tiêu, CĐR của học phần, nội dung, PPGD, kiểm tra đánh giá học phần, danh mục tài liệu học tập. Cấu trúc thời lượng các học phần đều nêu rõ thời lượng (số giờ) dành cho phần lý thuyết, thực hành, thảo luận, tự học và tự nghiên cứu. ĐCCT các học phần đều có mục tiêu cụ thể và CĐR của học phần. CĐR học phần được thể hiện rõ ràng gồm yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm của học viên. Việc giảng dạy thực tế theo nội dung ĐCCT được Khoa và các đơn vị đào tạo kiểm tra thường xuyên nhằm đảm bảo hiệu quả đào tạo đạt CĐR [H3.03.02.04].

CTDH ngành QLGD được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ khối kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành. Trong đó, những chuỗi môn học được sắp xếp hợp lý qua 3 học kỳ, đầy đủ các cấp độ, theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa, bổ sung và nâng cao để giúp học viên đạt được CĐR [H3.03.02.03], [H3.03.02.05], [H3.03.02.06].

Hiện nay, ngành QLGD đang áp dụng CTĐT ban hành năm 2022 với 61 tín chỉ. Việc lựa chọn các học phần cụ thể cần thiết hay không cần thiết trong khung chương trình đảm bảo được tính cần thiết, hợp lý của việc lựa chọn các học phần trong chương trình. Căn cứ ma trận tích hợp học phần với CĐR của chương trình, CĐR của học phần được xác định và nó làm cơ sở thiết kế CTDH của học phần. Mỗi CĐR của học phần được chỉ rõ đóng góp với việc đạt các CĐR của CTĐT đã phân nhiệm cho học phần. Điều này đã làm rõ sự cần thiết của các nội dung đồng thời thể hiện tính logic trong việc đạt được mức độ của CĐR qua các học phần trong tiến trình đào tạo. Khi xây dựng danh mục CĐR của CTĐT, mỗi học phần đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà học viên tiếp nhận. Mỗi đề cương khi được xây dựng, chỉnh sửa đều được nghiệm thu nhằm đảm bảo sự tương thích về mặt kiến thức theo chiều dọc giữa các học phần theo tiến trình đào tạo, hỗ trợ các học phần khác trong cùng học kỳ giảng dạy và phù hợp với CĐR chung của ngành QLGD. Việc bố trí các học phần trong bảng ma trận học phần thể hiện có sự tương thích về nội dung và sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Đồng thời các CĐR có sự phát triển xuyên suốt quá trình học tập của học viên với mức độ đáp ứng tăng dần theo thời gian học và theo mức độ chuyên sâu của học phần, nó cũng

phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của CTDH Thạc sĩ ngành QLGD [H3.03.02.03], [H3.03.02.05], [H3.03.02.06].

Thứ tự các học phần trong CTDH Thạc sĩ ngành QLGD được sắp xếp một cách khoa học, từ các học phần cơ bản đến các học phần nâng cao nhằm đảm bảo cho học viên tiếp nhận được toàn bộ kiến thức theo đúng trình tự logic. Học phần thuộc khối kiến thức chung được xây dựng để giúp học viên nâng cao lý luận và kỹ năng mềm. Đối với khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, các học phần được cấu trúc thành hai loại: *học phần tự chọn* và *học phần bắt buộc*. Tất cả các học phần bắt buộc trong chuyên ngành sẽ giúp cho học viên xây dựng được nền tảng để học viên theo đuổi ngành nghề sau này, các học phần tự chọn sẽ giúp cho học viên nâng cao tư duy, mở rộng tầm nhìn của mình hơn về nghề nghiệp. Chiều sâu kiến thức bảo đảm bởi mối liên hệ dọc xuyên suốt cả các khối kiến thức và trong từng khối kiến thức riêng biệt của CTDH. Học phần luận văn tốt nghiệp được lồng ghép với các học phần lý thuyết theo mức độ tăng dần giúp người học không chỉ được trang bị nền tảng kiến thức vững chắc mà còn có đầy đủ các kỹ năng về chuyên môn nhằm đảm bảo CĐR của CTĐT [H3.03.02.03], [H3.03.02.05], [H3.03.02.06].

100% các học phần trong CTDH Thạc sĩ ngành QLGD khi xây dựng được Khoa TLGD xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. PPGD và kiểm tra, đánh giá NH được thiết kế khoa học, được trình bày trong ĐCCT học phần và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Các CĐR của CTĐT gồm kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm được phân bổ cho các học phần và CĐR của học phần cũng được xác định tương ứng. Điều này có ảnh hưởng tới việc lựa chọn PPGD và đánh giá NH. Trong mỗi học phần, tương ứng với nội dung chi tiết, PPGD được lựa chọn phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR của học phần. PPKTĐG đa dạng như bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình, bài tiểu luận, bài kiểm tra viết, bài thi tự luận... nhằm giúp NH đạt được CĐR. CTDH được thực hiện có tính khoa học, hợp lý theo tiến độ được phê duyệt và ban hành [H3.03.02.06] [H3.03.02.07].

Trong quá trình xây dựng và phát triển CTDH trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan theo quy trình trong Quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đã được ban hành. Việc lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về nội dung, PPGD, kiểm tra, đánh giá các học phần được thực hiện. Khi xây dựng các ĐCCT học phần năm 2022, rà soát, cập nhật năm 2023, Khoa có thực hiện lấy ý kiến góp ý bằng văn bản đối với GV, nhà khoa học,... Tuy nhiên, việc lấy ý kiến chưa mở rộng đối tượng và chỉ tập trung vào các học phần chuyên ngành do Khoa đảm nhận, ý kiến đóng góp của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu NH đối với các học phần trong việc đảm bảo và mức độ đảm bảo đạt CĐR của ngành là còn ít, chưa thực sự rõ

ràng, chủ yếu là những góp ý về về cấu trúc nội dung ĐCCT học phần [H3.03.02.08]. Bên cạnh đó, dựa trên Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan Trường Đại học Vinh, Nhà Trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong đó có nội dung việc tìm hiểu đánh giá của NH đối với việc đạt các CĐR của CTDH, đánh giá của NH đối với chất lượng giảng dạy của GV,... Hằng năm, Trung tâm ĐBCL phối hợp với Phòng ĐTSĐH và các đơn vị liên quan tiến hành khảo sát lấy ý kiến NH về "hoạt động giảng dạy của GV". Sau đó, Nhà trường tiến hành phân tích, đánh giá dữ liệu và tổng hợp kết quả trong một báo cáo khảo sát lấy ý kiến NH về "hoạt động giảng dạy của GV" để đánh giá một phần nội dung của học phần có thể hiện việc đạt được CĐR của CTDH hay không [H3.03.02.09].

Trong giai đoạn từ 2017 đến 2023, Nhà trường và Khoa TLGD đã định kỳ rà soát CTDH, các lần điều chỉnh và cập nhật CTDH, ĐCCT các học phần chuyên ngành QLGD trình độ thạc sĩ là kết quả của những cuộc họp khoa, trong đó đã tham khảo ý kiến của các bên liên quan. CĐR CTĐT khung CTĐT, ĐCCT học phần trình độ thạc sĩ ngành QLGD sau khi được cập nhật đã được thông báo tới NH, qua đó cung cấp tài liệu học tập cho học viên, tạo điều kiện cho học viên cập nhật kiến thức mới một cách liên tục, đáp ứng nhu cầu trong công tác chuyên môn cho học viên ở hiện tại và tương lai [H3.03.02.10], [H3.03.02.11] [H3.03.02.12].

Tất cả các thông tin liên quan đến CĐR, CTĐT và các quy định, quy chế của Trường được phổ biến rộng rãi, công khai tới các bên liên quan, đặc biệt là GV và học viên. Đối với GV, Khoa Tâm lý Giáo dục và Phòng ĐTSĐH thông báo cho từng GV qua địa chỉ email của họ cung cấp. Ngoài ra, GV có thể tìm hiểu những thông tin này qua website của Khoa TLGD và Phòng ĐTSĐH. Đối với học viên, thông qua website của Khoa TLGD, tài khoản cá nhân trong phần mềm quản lý học viên hay qua hoạt động tư vấn của Phòng ĐTSĐH để tìm hiểu và nắm rõ các thông tin này [H3.03.02.13].

## *2. Điểm mạnh*

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH và toàn bộ ĐCCT học phần của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các học phần, ma trận kỹ năng cũng như qua việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV Khoa TLGD đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTDH Thạc sĩ ngành QLGD

## *3. Điểm tồn tại*

Khoa TLGD chỉ mới phân tích, đánh giá việc học viên có đạt được CĐR hay không dựa vào kết quả học tập từng học phần, chưa tổ chức phân tích đánh giá một cách bài bản ở góc độ CTDH Thạc sĩ ngành QLGD.

## *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                            | Đơn vị thực hiện        | Thời gian thực hiện |
|----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Khoa TLGD sẽ thực hiện phân tích đánh giá việc đạt được CĐR của CTDH Thạc sĩ ngành QLGD một cách hệ thống.                                                             | Khoa TLGD /Phòng ĐT SDH | Năm học 2023-2024   |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Tiếp tục rà soát từng học phần trong CTDH và toàn bộ ĐCCT học phần của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD, để phù hợp và thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR | Khoa TLGD /Phòng ĐT SDH | Năm học 2023-2024   |

*5. Tự đánh giá: tiêu chí Đạt mức 5/7*

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

*1. Mô tả hiện trạng*

CTDH trình độ thạc sĩ ngành QLGD được xây dựng và cấu trúc rõ ràng gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CĐR của CTĐT và CĐR đối với ngành học và mỗi học phần, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đào tạo toàn khóa và thời lượng mỗi học phần. Cấu trúc của CTDH được thiết kế gồm 16 học phần với tổng số 61 tín chỉ. Các học phần trong CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD được cấu trúc có sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần kiến thức chung (kiến thức đại cương), cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Trong đó, khối kiến thức chung gồm môn (Triết học và Tiếng Anh) chiếm tổng số 7 tín chỉ, còn lại là khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành [H3.03.03.01].

Sự sắp xếp các khối kiến thức trong CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD thể hiện ở Bảng 3.3.1 sau:

***Bảng 3.3.1. Cấu trúc chương trình dạy học trình độ Thạc sĩ ngành QLGD***

| <b>Khối kiến thức</b>                                  | <b>Số tín chỉ (TC)</b> | <b>Chiếm tỷ lệ</b> |
|--------------------------------------------------------|------------------------|--------------------|
| - Kiến thức chung (Triết học, Tiếng Anh)               | 6                      | 10%                |
| - Phần kiến thức cơ sở ngành                           |                        |                    |
| + Các học phần bắt buộc                                | 12                     | 20%                |
| + Các học phần lựa chọn                                | 12                     | 20%                |
| - Phần kiến thức chuyên ngành                          |                        |                    |
| + Các học phần bắt buộc                                | 9                      | 15                 |
| + Các học phần lựa chọn                                | 6                      | 10                 |
| - Học phần tốt nghiệp<br>+ Luận văn thạc sĩ ngành QLGD | 15                     | 25%                |
| <b>Tổng cộng</b>                                       | <b>61 TC</b>           | <b>100%</b>        |

Các học phần thuộc các khối kiến thức được sắp xếp đảm bảo tính logic về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm cần trang bị cho học viên trong suốt quá trình đào tạo. Các khối kiến thức được sắp xếp theo hệ thống, cấu trúc hợp lý, cân đối đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của học viên nhằm giúp cho học viên có thể tiếp thu được những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, cũng như khả năng nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03].

Trình tự các học phần được sắp xếp logic, đảm bảo NH có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả trong thời gian học tập. 100% các học phần trong CTDH Thạc sĩ ngành QLGD được bố trí hợp lý về *học phần điều kiện, thời lượng cho mỗi học phần, thời điểm/học kỳ thực hiện....* Các học phần được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. NH có thời gian phù hợp để học tập trên giảng đường cũng như thời gian thực tế và cũng như hoạt động nghiên cứu. Cấu trúc CTDH được thể hiện qua sơ đồ hình 3.3.2 sau:

**Bảng 3.3.2. Cấu trúc chương trình dạy học**

| <b>Học kỳ 1</b> |              | <b>Học kỳ 2</b>                                                 |              | <b>Học kỳ 3</b>             |              | <b>Học kỳ 4</b>                     |
|-----------------|--------------|-----------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------|--------------|-------------------------------------|
| <b>Tên HP</b>   | <b>Số TC</b> | <b>Tên HP</b>                                                   | <b>Số TC</b> | <b>Tên HP</b>               | <b>Số TC</b> | Luận văn thạc sĩ ngành QLGD (15 TC) |
| Triết học       | 4            | Những quan điểm tâm lý học hiện đại trong quản lý giáo dục (TC) | 3            | Quản lý chất lượng giáo dục | 3            |                                     |
| Tiếng Anh       | 3            | Xã hội học giáo                                                 | 3            | Đổi mới quản lý cơ          | 3            |                                     |

|                                                |   |                                                        |   |                                                                  |   |  |
|------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------|---|--|
|                                                |   | dục (TC)                                               |   | sở giáo dục trong bối cảnh hiện nay                              |   |  |
| Tổ chức nghiên cứu khoa học giáo dục           | 3 | Các mô hình quản lý giáo dục hiện đại (TC)             | 3 | Dự báo, quy hoạch và kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục     | 3 |  |
| Quản lý giáo dục và quản trị nhà trường        | 3 | Giáo dục học so sánh (TC)                              | 3 | Xây dựng và phát triển các mối quan hệ trong giáo dục (TC)       | 3 |  |
| Quản trị nguồn lực trong giáo dục              | 3 | Kinh tế học giáo dục (TC)                              | 3 | Quản lý xây dựng văn hóa nhà trường (TC)                         | 3 |  |
| Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi trong giáo dục | 3 | Chính sách trong giáo dục (TC)                         | 3 | Quản lý phát triển chương trình giáo dục (TC)                    | 3 |  |
|                                                |   | Đo lường và đánh giá trong giáo dục (TC)               | 3 | Thanh tra, kiểm tra trong quản lý giáo dục (TC)                  | 3 |  |
|                                                |   | Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin trong QLGD (TC) | 3 | Quản lý tài chính, tài sản trong các CSGD theo hướng tự chủ (TC) | 3 |  |

Qua bảng 3.3.2 cho thấy CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD được Khoa TLGD thiết kế theo trật tự kiến thức từ cơ bản, cơ sở đến chuyên ngành và được giảng dạy trong 4 học kỳ.

Cấu trúc các học phần được thiết kế và xây dựng hợp lý, đảm bảo CĐR của ngành QLGD. NH tốt nghiệp đảm bảo được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp theo CĐR ngành QLGD. CĐR của CTĐT được phân nhiệm rõ ràng cho các học phần. CTDH đảm bảo sự gắn kết, liên mạch giữa các học phần tạo kiến thức lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn Quản lý giáo dục với các học phần trang bị kỹ năng làm việc. Nội dung của Luận văn thạc sĩ, Đề án tốt nghiệp giúp NH tổng hợp, vận dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên môn hình thành sản phẩm khoa học cuối khóa mang tính hệ thống, sáng tạo [H3.03.03.01] [H3.03.03.04].

*Phần kiến thức chung* gồm có học phần Triết học, Tiếng Anh được bố trí ở học kỳ 1. Học phần Triết học đảm bảo cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn; hiểu biết về đường lối cách mạng Việt Nam trước và trong thời kỳ đổi mới; xác lập thế giới quan duy vật và phương pháp nghiên cứu biện chứng cho học viên; góp phần bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, nâng cao đạo đức, củng cố niềm tin và lập trường vững vàng cho học viên.

*Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành* bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn. *Các học phần bắt buộc* trong CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD bao gồm các nội dung kiến thức chính theo quy định của Bộ GD&ĐT sẽ giúp cho học viên có đủ kiến thức nền tảng để theo đuổi ngành QLGD trong tương lai. *Các học phần tự chọn* trong CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD được Khoa TLGD thiết kế chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết để học viên có thể tự chọn nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định.

*Học phần tốt nghiệp* của học viên được thực hiện theo hướng (nghiên cứu và ứng dụng). Học viên sẽ thực hiện luận văn tốt nghiệp hoặc đề án tốt nghiệp (15 tín chỉ), dưới sự hướng dẫn của GV trong Khoa TLGD Trường Đại học Vinh hoặc GV của Trường khác. Luận văn tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học của học viên nhằm giúp học viên áp dụng kiến thức một cách tổng hợp và bước đầu làm quen với việc thực hiện một dự án của ngành tích hợp với các kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình [H 3.03.03.05].

Mỗi học phần trong CTDH trình độ Thạc sĩ ngành Tâm lý giáo dục đều thể hiện rõ ở trong ĐCCT học phần, trong đó ghi rõ: *thời lượng, số tín chỉ lý thuyết, số tiết thảo luận/bài tập, số tín chỉ thực hành, số tiết tự học, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá, ...* Việc bố trí qua 4 học kỳ trên bảng ma trận học phần thể hiện rõ các học phần điều kiện, tiên quyết, học phần học trước, học phần được học ở học kỳ tiếp theo, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho học viên có thể chủ động tốt nghiệp trước thời hạn trong quy định cho phép. Các học phần giữa các khối kiến thức của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD có sự hỗ trợ lẫn nhau, có tính kế thừa, đảm bảo quá trình phát triển có tính hệ thống của sản phẩm đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng [H3.03.03.01],[H3.03.03.02], [H3.03.03.03].

CTDH trình độ thạc sĩ ngành QLGD thường xuyên được xem xét và cập nhật thông qua các việc rà soát, cập nhật CTĐT được thực hiện dựa trên các mục tiêu cụ thể từ thực tiễn đặt ra. Trường và Khoa đã tiến hành xây dựng CTDH năm 2017, có rà soát năm 2019 nhưng không thay đổi chương trình so với trước đó. Năm 2022 xây dựng CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, sau đó có rà soát bổ sung, điều chỉnh chương trình vào các năm 2022 và năm 2023. Quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT diễn ra nghiêm túc và hiệu quả bám sát với mục tiêu. CTDH

được rà soát và hoàn thiện với sự đóng góp trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển năng lực của NH, khuyến khích tinh thần nghiên cứu, học tập, có trách nhiệm của NH [H3.03.03.04] [H3.03.03.06]. Trên cơ sở đó, ĐCCT học phần cũng được điều chỉnh và cập nhật vào CTDH [H3.03.03.01]. Năm 2023, Nhà trường đã ban hành các quy định/hướng dẫn việc xây dựng CTDH trong đó nêu rõ bố cục, cấu trúc của CTDH [H3.03.03.07].

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh và bổ sung CTDH, Khoa cũng đã lấy ý kiến đóng góp của GV, chuyên gia, NH, cựu NH và NSDLĐ. Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy tất cả đều đánh giá CDR và khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đó là sự phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường [H3.03.03.08] [H3.03.03.09].

CTDH khi thực hiện rà soát, điều chỉnh đều có sự tham khảo từ các CTĐT tiên tiến để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Chương trình có sự điều chỉnh đảm bảo tỉ lệ cân đối giữa các học phần thuộc các khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Về cơ bản, chương trình tuân thủ theo chương trình khung theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, quy định của Bộ GD&ĐT quy định về cấu trúc các khối kiến thức và số tín chỉ, chiến lược phát triển của Nhà trường [H3.03.03.01] [H3.03.03.10].

CTDH sau khi thực hiện rà soát, điều chỉnh đã tăng cường thêm các học phần phát triển kỹ năng cho NH trong khung CTĐT. Trong CTDH của ngành QLGD hiện nay đã bổ sung, cập nhật một số nội dung như ma trận kỹ năng, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, PPGD và học tập. Trường và Khoa đã thực hiện đầy đủ các quy trình theo đúng quy chế đào tạo, quy định của Trường và triển khai trong kế hoạch giảng dạy hàng năm [H3.03.03.11].

Khi thiết kế, điều chỉnh CTDH, Trường đều thực hiện những đối sánh cần thiết như đối sánh giữa CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD của Trường với CTĐT của các trường khác [H3.03.03.12]. Tuy nhiên, quá trình rà soát và cập nhật CTDH, Khoa chưa tham khảo CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD trình độ thạc sĩ của nhiều trường đại học trên thế giới. Nhưng về cơ bản, CTDH trình độ thạc sĩ ngành QLGD tuân thủ theo chương trình khung do Bộ GD&ĐT quy định về cấu trúc, thời lượng các khối kiến thức và số tín chỉ và khá tương đồng với CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD của các trường ở Việt Nam.

CTĐT có tính tích hợp cao khi có sự liên thông với các ngành học khác trong cùng nhóm ngành. Với thời gian đào tạo là hai năm, khối lượng học phần 60 tín chỉ, trung bình 15 tín chỉ/một học kì, NH có thể học tập tại Trường song vẫn đảm nhận công việc tại đơn vị công tác [H3.03.03.01].

Hàng năm, Phòng ĐTSĐH công bố biểu đồ kế hoạch năm học và thời khóa biểu cho Khoa. Từ đó, Khoa TLGD sẽ gửi thời khóa biểu và kế hoạch giảng dạy cho GV đầu mỗi học kỳ để triển khai thực hiện theo kế hoạch [H3.03.03.02]. Các thông tin về học tập cũng được gửi trực tiếp đến từng học viên thông qua elearning của Trường và qua hệ thống cổng thông tin điện tử. Tại đây, học viên nắm được sự phân bổ CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD toàn khóa học, dễ dàng theo dõi tiến độ học tập, chủ động đăng ký môn học. Mọi cập nhật của CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD đều được Khoa TLGD công bố công khai để các bên liên quan sử dụng và đánh giá góp ý [H3.03.03.02], [H3.03.03.14].

### 2. Điểm mạnh

CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD có cấu trúc theo hướng tích hợp, các học phần trong CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Các môn học kết nối và hỗ trợ lẫn nhau. Các kỹ năng được tích hợp chặt chẽ vào các môn học.

CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD được định kỳ rà soát, cập nhật. Khi điều chỉnh có tham khảo các CTDH của các trường ĐH về thời gian đào tạo, số tín chỉ của các khối kiến thức.

### 3. Điểm tồn tại

Khoa TLGD có đối sánh CTDH với các trường khác, tuy nhiên chưa phân tích sâu về việc sử dụng thông tin phản hồi từ sau đối sánh để cải thiện CTDH.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị thực hiện       | Thời gian thực hiện |
|----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm học 2023-2024, Khoa TLGD sẽ nâng cao chất lượng công tác đối sánh, sử dụng kết quả đối sánh để cải thiện CTDH.                                                                                                          | Khoa TLGD /Phòng ĐTSĐH | Năm học 2023-2024   |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Tăng cường rà soát cấu trúc CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD.<br>Khi điều chỉnh CTDH cần có tham khảo đa dạng hơn các CTDH của các trường ĐH khác trong và ngoài nước về thời gian đào tạo, số tín chỉ của các khối kiến thức. | Khoa TLGD /Phòng ĐTSĐH | Năm học 2023-2024   |

### 5. Tự đánh giá: tiêu chí Đạt mức 5/7

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

#### *Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm học viên; GV đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý, phù hợp, linh hoạt và có thể lượng hóa được góp phần đạt CĐR.

Nội dung chi tiết của toàn bộ ĐCCT học phần được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận kỹ năng cũng như qua việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD.

CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD có cấu trúc theo hướng tích hợp, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Các môn học kết nối và hỗ trợ lẫn nhau. Các kỹ năng được tích hợp chặt chẽ vào các môn học. CTDH được định kỳ rà soát, cập nhật. Khi điều chỉnh có tham khảo các CTDH của các trường khác về thời gian đào tạo, số tín chỉ của các khối kiến thức.

#### *Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

CTDH Thạc sĩ ngành QLGD thiết kế các hoạt động gắn kết với đơn vị sử dụng lao động, các đơn vị ngoài Trường giúp đạt được CĐR nhưng hoạt động ghi nhận sự phản hồi của các đơn vị khi tham gia trong CTDH chưa được thể hiện đầy đủ.

Khoa TLGD chỉ mới phân tích, đánh giá việc học viên có đạt được CĐR hay không dựa vào kết quả học tập từng học phần, chưa tổ chức phân tích đánh giá một cách bài bản ở góc độ CTDH Thạc sĩ ngành QLGD.

Khoa TLGD có đối sánh CTDH với các trường khác, tuy nhiên chưa phân tích sâu về việc sử dụng thông tin phản hồi từ sau đối sánh để cải thiện CTDH.

## Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

### Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra đã được Trường Đại học Vinh tuyên bố trong các chương trình đào tạo. Chương trình thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát mục tiêu đào tạo và CDR của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội. Kể từ năm 2021, nhà trường áp dụng việc đào tạo theo tiếp cận CDIO cho bậc đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Quản lý giáo dục đã nhấn mạnh đến phương pháp tiếp cận mới trong dạy học. Trong đó, chú trọng hơn đến phương pháp dạy học phát triển năng lực HV, nhấn mạnh các chuẩn đầu ra theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan

#### 1. Mô tả hiện trạng

Triết lý giáo dục được Nhà trường xây dựng và ban hành chính thức qua Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 tháng 12 năm 2019 về Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục. Năm 2022, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045 theo Nghị quyết của Hội đồng Trường số 18/NQ-HĐT ngày 26 tháng 12 năm 2022, với triết lý giáo dục được giữ nguyên [H4.04.01.01]. Nội dung của Triết lý giáo dục là “**Hợp tác - sáng tạo**” được diễn giải cụ thể như sau:

*“Trường Đại học Vinh xác định **Hợp tác** (Collaboration) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. Hợp tác là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn.*

*Trường Đại học Vinh coi **Sáng tạo** (Creativity) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá và không ngừng cải tiến. Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình “Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành” trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm”.*

Triết lý giáo dục của nhà trường được công bố rộng rãi trên Website Trường, trong các ấn phẩm giới thiệu về Trường (brochure) cho các bên liên quan biết góp ý xây dựng [H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục cũng được Trường, Khoa gửi đến tất cả CB-GV, HV trong Trường giúp mọi thành viên hiểu rõ và thực hiện. Cụ thể:

Đối với CB-GV, Triết lý giáo dục của Nhà trường là “**Hợp tác - Sáng tạo**”, được chuyển tải vào chương trình dạy học, cụ thể:

- “**Hợp tác**” được chuyển tải vào các CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác, giao tiếp, trách nhiệm với bản thân và trách nhiệm với xã hội, từ đó triển khai vào hoạt động dạy học cho các học phần (đặc biệt là các học phần dạy học dự án - Project Based Learning);

- “**Sáng tạo**” được chuyển tải vào các CĐR về kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tri thức, thích ứng với sự thay đổi và hướng tới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đồng thời, “Sáng tạo” còn yêu cầu một số CĐR cần hướng tới mức độ nhận thức cao nhất (mức 5 - sáng tạo) trong thang đo CĐR. Ưu tiên việc chuyển tải triết lý “Sáng tạo” vào các học phần dạy học dự án.

Triết lý giáo dục giúp Khoa thiết kế CTDH và lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với CTDH để đạt CĐR, Triết lý giáo dục được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo của từng Khoa và được thể hiện trong CĐR chương trình đào tạo thạc sĩ tiếp cận CDIO thể hiện rõ trong mục tiêu, CĐR và đề cương chi tiết học phần. Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của chương trình đào tạo ngành QLGD và triết lý giáo dục của trường Đại học Vinh. Trong đó, CĐR (cấp độ 2) của ngành QLGD đặt ra là người học cần đạt được các yêu cầu: (PLO1.1) *Phân tích và tổng hợp được những kiến thức khoa học giáo dục hiện đại và chuyên sâu về khoa học quản lý giáo dục*; (PLO1.2) *Đánh giá được những kiến thức khoa học giáo dục và quản lý giáo dục*; (PLO 2.1) *Phát hiện và giải quyết được các vấn đề cần nghiên cứu trong khoa học giáo dục và quản lý giáo dục*; (PLO2.2) *Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục*; (PLO2.3) *Phát triển được các kỹ năng quản lý trong cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo*; (PLO3.1) *Thể hiện được chuẩn mực đạo đức nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; chuẩn mực trong nghiên cứu khoa học*; (PLO3.2) *Có ảnh hưởng tích cực tới nhà giáo, cán bộ quản lý, người học và cộng đồng*; (PLO4.1) *Hình thành ý tưởng, thiết kế được các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế*; (PLO 4.2) *Có năng lực triển khai và vận hành các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới quản lý giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế* [H4.04.01.03].

Đối với học viên: Ngay từ khi học viên nhập học, Triết lý giáo dục được phổ biến tới HV trong buổi lễ Khai giảng đón chào tân HV, nhằm giúp HV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của chính mình trong quá trình học tập nhằm đáp ứng được

mục tiêu đào tạo chung của Nhà trường. Ngoài ra, Khoa cũng tổ chức buổi gặp gỡ và giao lưu giữa tân HV của Khoa cùng với BCN Khoa nhằm cung cấp các thông tin về CTĐT, phương pháp học tập, các hình thức kiểm tra đánh giá, giới thiệu các Câu lạc bộ học thuật hiện có của Nhà trường, của Khoa các hoạt động hướng nghiệp,...giúp các HV hiểu rõ hơn về Khoa, về ngành và tiềm năng ngành học mà mình đã chọn để gắn bó nghề nghiệp trong tương lai và về phương pháp học tập chủ động trong quá trình học tập tại Trường [H4.04.01.04].

Triết lý giáo dục của Nhà trường được phổ biến tới các bên liên quan trong và ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau như Qua góp ý khi xây dựng, qua các buổi tập huấn, diễn đàn, trong các hội thảo, hội nghị, các văn bản hướng dẫn,... phổ biến trên website và qua các phương tiện truyền thông khác, cụ thể:

*Đối với giảng viên:* Triết lý giáo dục và CDR được các GV quán triệt trong quá trình xây dựng CTĐT, tập huấn xây dựng CDR của CTĐT trình độ thạc sĩ tiếp cận CDIO, xây dựng logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần và trong hội nghị cán bộ, viên chức.

*Đối với học viên:* Ngay từ năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới HV trong đón tiếp nhập học, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo và mục tiêu đào tạo của ngành QLGD trên website của Trường/Khoa và các trang thông tin điện tử khác. Đồng thời, mỗi GV khi bắt đầu giảng dạy môn học của mình, đều dành thời gian phổ biến tới HV triết lý giáo dục của nhà Trường. Các GV và cố vấn học tập sẽ phổ biến triết lý giáo dục của Trường và Khoa trong qua các buổi dự giờ sinh hoạt hoạt lớp [H4.04.01.04].

*Đối với nhà tuyển dụng:* Các nhà tuyển dụng được phổ biến triết lý giáo dục trong các buổi Hội thảo, họp Hội đồng khoa học góp ý về chương trình đào tạo.

*Đối với xã hội:* Triết lý giáo dục của nhà Trường được công khai trên Website; mục tiêu đào tạo và CDR CTĐT của Khoa được công khai trên website của Trường và qua fanpage của Khoa. Để chuyển tải triết lý giáo dục tới toàn xã hội, toàn bộ các học phần hiện nay trong CTĐT của ngành QLGD được xây dựng dựa trên thực tế nhu cầu xã hội đảm bảo phù hợp với phương thức đào tạo, thể hiện trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình, đồng thời tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành QLGD, tiêu chí đánh giá học phần, kiểm tra đánh giá HV, mức độ kiến thức học viên cần đạt được sau mỗi học phần đều được tuyên bố rõ ràng và cụ thể trong đề cương học phần [H4.04.01.05].

Hàng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi từ HV đang học tập tại trường và cả người học đã tốt nghiệp về hoạt động giảng dạy các hoạt động của Nhà trường, Nhà trường tiến hành việc lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục nhằm đo lường mức độ hài lòng. Việc xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành QLGD được tiến hành xây dựng trên cơ sở kết quả của việc xử lý thông tin từ

các ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy triết lý giáo dục của nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.01.06].

### 2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới HV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn... đồng thời khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

### 3. Điểm tồn tại

Việc công bố triết lý và mục tiêu giáo dục cần mở rộng đối tượng đến các nhà tuyển dụng.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị, người thực hiện                                          | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và Khoa.<br>tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức thông qua website của trường, Subwed của Trường, qua mạng xã hội, trực tiếp... để công bố rộng rãi triết lý và mục tiêu giáo dục của trường và ngành QLGD đến tất cả các nhà tuyển dụng. | -Trường<br>thuộc/Khoa/Viện<br>-Phòng ĐT SDH<br>-Ban truyền thông | Hàng năm            |         |

|   |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                      |          |  |
|---|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------|--|
| 2 | Phát huy điểm mạnh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường các hoạt động truyền thông nhằm phổ biến, giới thiệu tới các bên liên quan hiểu rõ Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của trường, của Khoa và ngành QLGD.</li> <li>- Trường/Khoa tiếp tục có nhiều chương trình, hoạt động ở các địa phương hơn để truyền bá được mục tiêu giáo dục của Nhà trường và ngành QLGD</li> </ul> | Khoa Tâm lý giáo dục | Hàng năm |  |
|---|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------|--|

5. Tự đánh giá: mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Theo quy định về Khung trình độ quốc gia 1982, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo [H4.04.02.01], và hướng dẫn của trường Đại học Vinh về xây dựng CĐR chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ [H4.04.02.02]. Khoa đã tiến hành xây dựng CĐR của CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD phản ánh được mục tiêu đào tạo sau khi người học tốt nghiệp, CĐR ngành QLGD trình độ thạc sĩ được xác định rõ ràng thể hiện ở 9 CĐR cấp độ 2 và 20 CĐR cấp độ 3 [H4.04.02.03], từ đó lập bảng Ma trận phân nhiệm CĐR chương trình đào tạo và các học phần thể hiện sự đóng góp của các học phần và chỉ số đo lường việc đạt CĐR của chương trình [H4.04.02.03]. Qua ma trận, có thể thấy được mức độ đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR. Ma trận này là công cụ đánh giá giúp Khoa xác định những kiến thức/kỹ năng nào được trang bị thông qua CTDH và học phần nào đảm nhận; Đồng thời giúp Nhà trường xác định tiến trình trang bị các kiến thức/kỹ năng thông qua những chuỗi môn học có được sắp xếp hợp lý và đầy đủ các cấp độ để đảm bảo giúp học viên đạt được CĐR của chương trình [H4.04.02.03]. Nhà trường cũng ban hành văn bản hướng dẫn về kiểm tra, rà soát CTĐT, trong đó có hướng dẫn và yêu cầu đối với khung CTDH và đề cương chi tiết học phần bao gồm các nội dung, phương pháp giảng dạy để cải tiến các nội dung trên theo triết lý giáo dục tiếp cận năng lực [H4.04.02.04].

Trên cơ sở đó chuyên ngành QLGD đã xây dựng phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR. Các phương pháp giảng dạy được thiết kế phù hợp với từng học phần, cụ thể: học phần lý thuyết áp dụng linh hoạt phương pháp thảo luận

nhóm, trình bày các nghiên cứu cá nhân, thuyết trình theo chủ đề..... Đối với học phần thực hành là phương pháp nghiên cứu tình huống, bài tập, tiểu luận, tham quan thực tế/thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động, các GV phụ trách các chuyên đề đã xây dựng và triển khai các hình thức, phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Đặc biệt, trong CTĐT phiên bản từ năm 2022 (áp dụng từ khóa 30 trở đi), có học phần được thực hiện theo phương pháp dạy học dựa trên dự án [H4.04.02.05]. Mỗi học phần trong CTDH đảm nhận một số CDR chương trình. Trên cơ sở được phân nhiệm đó, Khoa xây dựng ĐCCT học phần, thông qua đó GV xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CDR của HP và của CTĐT. Để lựa chọn một tổ hợp các PPGD đa dạng, hiệu quả, GV phải sử dụng một cách hợp lý nhiều *phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học* khác nhau trong một tiết học, một buổi dạy học hay trong suốt quá trình thực hiện học phần, để đạt được hiệu quả cao [H4.04.02.05].

*Sử dụng đa dạng phương pháp giảng dạy:* Các hoạt động dạy và học của ngành QLGD được thiết kế phù hợp để đạt được CDR. Các hoạt động dạy học và công nghệ dạy học được sử dụng đa dạng như: thuyết giảng, làm việc nhóm, dạy học dự án... GV bắt buộc phải đưa phương pháp giảng dạy cụ thể vào từng bài, từng buổi học trong kế hoạch lên lớp đầu mỗi học kỳ. Xu hướng giảm thuyết giảng, tăng tỷ lệ các phương pháp khác như làm việc nhóm, trình diễn, vấn đáp, tăng cường các phương pháp dạy học gián tiếp, dạy học trải nghiệm, dạy học tương tác và tự học của học viên nhằm phát huy tính chủ động học tập trong HV. Từng GV luôn linh hoạt phối hợp các phương pháp khác nhau trong từng phần nội dung nhỏ của học phần, hướng đến giúp HV đạt CDR [H4.04.02.05]. Đối với các học phần kiến thức chung (chính trị, tiếng Anh), các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn, tự học, thảo luận. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và luận văn, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, hoạt động nhóm, nghiên cứu các tình huống thực tiễn và học dựa trên dự án. Những hoạt động này nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá chất lượng, phân tích nghiên cứu giải quyết các bài toán thực tiễn trong chuyên ngành QLGD [H4.04.02.05].

Các phương pháp dạy học trình độ Thạc sĩ ngành QLGD được xây dựng phù hợp để đạt được CDR được thể hiện rõ trong các *Ma trận phương pháp dạy học và CDR* (Bảng 4.2.1).

**Bảng 4.2.1. Ánh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập**

| Hoạt động giảng dạy và học tập | CDR |     |     |     |     |     |     |     |     |
|--------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
|                                | 1.1 | 1.2 | 2.1 | 2.2 | 2.3 | 3.1 | 3.2 | 4.1 | 4.2 |
| Thuyết trình                   | x   | x   | x   |     |     |     |     |     |     |
| Vấn đáp                        | x   | x   | x   |     |     |     |     |     |     |

|                       |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|-----------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Hướng dẫn             | x | x | x |   |   |   |   |   |   |
| Tự học                | x | x | x | x | x |   |   | x | x |
| Thảo luận             | x | x | x |   |   |   |   |   |   |
| Thực hành             |   | x | x |   | x | x | x | x | x |
| Hoạt động nhóm        |   | x | x | x |   | x | x |   |   |
| Nghiên cứu tình huống |   | x | x |   | x |   |   | x | x |
| Học dựa trên dự án    |   | x | x | x | x | x | x | x | x |

*Sử dụng đa dạng phương tiện dạy học:* GV sử dụng nhiều phương tiện dạy học đa dạng, kết hợp luân phiên các phương pháp hiện đại (giáo án điện tử), lời nói của GV, mô hình thí nghiệm, hình ảnh, âm thanh trong việc trình bày nội dung của bài giảng [H4.04.02.06].

Trong năm 2020 và 2021 (thời điểm ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19), Nhà trường đã chỉ đạo việc dạy học chuyển sang hình thức trực tuyến, HV được hướng dẫn phương pháp học tập phù hợp với phương thức dạy học mới đòi hỏi sự chủ động của HV cao hơn. HV được GV hướng dẫn cụ thể để truy cập vào hệ thống các phần mềm trực tuyến nhằm thực hiện việc học tập với GV đạt hiệu quả...

Nhà trường đang sử dụng hệ thống phần mềm học tập trực tuyến là các phần mềm: LMS, Zoom, Microsoft Team.... Trang học tập trực tuyến giúp tăng sự tương tác của GV và HV ngoài lớp học truyền thống và còn cung cấp thêm thông tin cho HV các hoạt động khác như tham gia diễn đàn, chat trực tuyến,... [H4.04.02.07].

*Sử dụng nhiều hình thức tổ chức dạy học khác nhau:* Vừa học bài mới - ôn tập bài cũ, minh họa các ví dụ mang tính thực tiễn, chỉ dẫn cho HV cách học từng học phần, thảo luận, viết bài thu hoạch. Các GV của Khoa đã thay đổi PPGD truyền thống làm HV thụ động trong quá trình học sang PPGD thuyết trình, kết hợp với trình chiếu, hỏi đáp thảo luận và làm việc nhóm. GV nêu những vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn, hướng dẫn HV chủ động đưa ra những phương hướng giải quyết của bản thân hoặc của nhóm, sau đó GV tổng hợp và đưa ra kết luận cần thiết. Trong quá trình giảng dạy, GV trong Khoa đưa ra những liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của HV [H4.04.02.05], [H4.04.02.06].

Để thực hiện được các PPDH hiệu quả, phải có sự tương tác giữa người dạy và học viên. GV hướng dẫn học viên sử dụng các hoạt động học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR (tự học, tự nghiên cứu, thực hành, làm bài tập và hoạt động nhóm, NCKH, làm tiểu luận, học trực tuyến, ...). Các môn học trong CTDH trình độ Thạc sĩ ngành QLGD kết nối và hỗ trợ lẫn nhau. Để đạt CĐR, các kỹ năng được GV giảng dạy tích hợp chặt chẽ vào các học phần. Ngoài việc thuyết giảng trên lớp, GV đồng thời giúp HV rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tự học, biết cách tìm hiểu và tra cứu tài liệu, biết cách xử lý thông tin để trở thành tri thức của

mình. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học. Bên cạnh đó, người học còn được gia tăng cơ hội học tập trải nghiệm chủ động và tích cực thông qua hệ thống bài giảng/ bài tập trên hệ thống học tập trực tuyến LMS của Nhà trường.

Ngoài ra, nhằm giúp HV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức đạt được CĐR, bên cạnh việc tổ chức học trực tiếp trên lớp và hoạt động nghiên cứu khoa học, hàng năm, HV còn tham gia thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động, viết BCTT, luận văn tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của GV. Trong quá trình thực tập, viết báo cáo, GV thường xuyên hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc và cung cấp các tài liệu cần thiết cho quá trình nghiên cứu của HV, thông qua nhiều phương thức khác nhau: gặp trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, qua thư điện tử, qua kênh trực tuyến zoom... Bên cạnh đó, nhằm giúp HV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức đạt được CĐR, Khoa còn tổ chức, thông báo, hướng dẫn cho HV tham gia các buổi tọa đàm, hướng nghiệp thực tế [H4.04.02.08].

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Khoa tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV theo từng kỳ. Ngoài ra, Kết thúc mỗi học kỳ, mỗi khóa học, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của HV và GV về các hoạt động dạy và học được sử dụng trong CTĐT và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả khảo sát qua các năm cho thấy hầu hết các HV hài lòng với các nội dung này [H4.04.02.09].

## *2. Điểm mạnh*

Khoa đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CĐR học phần và CTĐT, giúp HV tiếp thu và rèn luyện năng lực chuyên môn, bao gồm các hoạt động trong và ngoài lớp học.

Sử dụng các phần mềm học tập trực tuyến nhằm hỗ trợ tối đa cho HV, kết hợp giữa mô hình dạy học truyền thống và phương thức đào tạo trực tuyến.

Học viên thể hiện sự hài lòng cao với các PPGD của GV.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số GV chưa thành thạo trong việc sử dụng các hoạt động giảng dạy và học tập tích cực (active learning), giảng dạy theo dự án (project-based learning) nhằm đạt CĐR.

## *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----|----------|----------|-------------------------|---------------------|---------|
|----|----------|----------|-------------------------|---------------------|---------|

|   |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                        |          |  |
|---|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------|--|
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Khoa tăng cường các sinh hoạt học thuật, các seminar về phương pháp giảng dạy chú trọng đến các hoạt động giảng dạy và học tập tích cực, giảng dạy theo dự án ...                                                                                                        | -Khoa Tâm lý giáo dục<br>-Phòng ĐT SDH | Hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh     | -Tăng cường các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CDR học phần và CTĐT<br>- Tăng cường kỹ năng sử dụng các phần mềm học tập trực tuyến nhằm hỗ trợ tối đa cho học viên, kết hợp giữa mô hình dạy học truyền thống và phương thức đào tạo trực tuyến. | -Khoa Tâm lý giáo dục<br>-Phòng ĐT SDH | Hàng năm |  |

5. Tự đánh giá: mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh đã triển khai đồng bộ đổi mới các hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp,... Trong CTĐT thạc sỹ ngành QLGD, 100% đề cương chi tiết các môn học mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Trong các đề cương chi tiết môn học phần, hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học của HV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, báo cáo tiểu luận, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, lập kế hoạch, triển khai và đánh giá cho HV [H4.04.03.01].

Trong CTĐT Thạc sĩ ngành QLGD, 100% các ĐCCT học phần đều mô tả đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV.

Chiến lược dạy và học của Khoa là lấy HV làm trung tâm và kích thích việc học tập có chất lượng cao. Các PPDH tích cực luôn được lựa chọn sử dụng trong từng môn học thể hiện trong kế hoạch lên lớp nhằm kích thích tính chủ động của HV trong học tập. Nhiều phương pháp học tập hiệu quả được áp dụng đa dạng trong từng học phần như: yêu cầu học viên tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, phản biện nhóm,... Các phương pháp này đã giúp học viên rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, có khả năng phân tích và tổng hợp. Tất cả các PPDH trên đều được mô tả rất rõ trong các ĐCCT học phần và được các GV triển khai đến HV [H4.04.03.01].

Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của chương trình ThS ngành Quản lý giáo dục thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp HV tham gia vào các hoạt động dạy và học, từ đó rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Để giúp HV thường xuyên rèn luyện các kỹ năng này, trong từng ĐCCT học phần đều có quy định HV phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tìm kiếm, đọc thêm tài liệu, làm các bài tập, tiểu luận liên quan môn học. Có một số chương/mục trong ĐCCT học phần, GV hướng dẫn HV tự học, tự nghiên cứu, tự đọc tài liệu dưới những hướng dẫn rõ ràng của GV [H4.04.03.01], [H4.04.03.02]. Khi nắm được phương pháp tự học tự nghiên cứu sẽ là tiền đề để HV học tốt những học phần khác và là cơ sở để HV chủ động trong việc “học tập suốt đời”. GV dạy cho HV cách lập kế hoạch học tập, kỹ năng nghe giảng và ghi chú theo tinh thần tự học, kỹ năng đọc sách để phục vụ việc tự học và cách sử dụng CNTT để phục vụ việc học tập. Hoạt động làm bài tập lớn, tiểu luận, NCKH là hoạt động chủ đạo tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV [H4.04.03.01], [H4.04.03.02]. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi HV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể. Ngoài ra, việc HV thi đua nhau trong NCKH, trong tìm tòi tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau đã tạo ra sự say mê học hỏi của HV. Mặt khác, HV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các GV giúp HV tự tin khi nghiên cứu độc lập góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời khi đi làm hay học tập nâng cao trình độ [H4.04.03.01].

Ngoài ra, luận văn tốt nghiệp là phần rất quan trọng để HV vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tế. Điều này đã khuyến khích và thúc đẩy HV tính tự tìm tòi và nghiên cứu tài liệu, kỹ năng trao đổi và giải quyết các vấn đề, từ đó rèn luyện khả năng tự học để HV có thể học tập suốt đời. Quá trình làm luận văn cũng rèn luyện cho HV các kỹ năng tiếp nhận và xử lý thông tin, trong đó có việc thúc đẩy khả

năng tự khám phá kiến thức, khả năng tạo ra kiến thức mới, khả năng vận dụng kiến thức và đặc biệt là khả năng truyền đạt kiến thức cho người khác. Việc khuyến khích HV hoàn thiện các kỹ năng nghiên cứu và thuyết trình được thực hiện qua các buổi seminar, làm tiểu luận thay vì làm các bài kiểm tra tại lớp [H4.04.03.03].

Cổng thông tin học tập trực tuyến cũng đã hỗ trợ học viên tích cực kỹ năng tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Nhằm thúc đẩy tinh thần tự nghiên cứu, tự học của HV, cổng thông tin học tập trực tuyến cũng được đưa vào hoạt động. Trong đó, HV có thể tìm thấy các slide, video bài giảng, các giáo trình, tài liệu học tập có liên quan nhằm phục vụ cho nhu cầu tự học của HV. Việc tổ chức dạy học theo hình thức trực tuyến chú trọng giao nhiệm vụ, yêu cầu HV chủ động xem trước bài giảng ở nhà, hướng dẫn HV cách thực hiện bài tập trước và sau buổi học, đề cao tinh thần tự học của HV [H4.04.03.04]. Trường Đại học Vinh đã và đang triển khai tổ chức dạy học online, do đó, thời lượng tự học của HV được điều chỉnh tăng lên so với các thời gian trước. Nhà trường triển khai yêu cầu GV xây dựng bài giảng elearning để giúp HV tự học. Một số phần lý thuyết HV được tự học thông qua bài giảng của GV trên hệ thống LMS của Nhà trường [H4.04.03.04].

GV giảng dạy CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành QLGD sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ HV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. GV sử dụng linh hoạt các phương pháp truyền thụ tri thức: Truyền thụ một chiều từ người dạy sang người học; phương pháp giải quyết vấn đề thông qua tình huống; tương tác trực tiếp để giải quyết vấn đề. Trong đó, phương pháp giảng dạy bằng tình huống, tương tác trực tiếp để giải quyết vấn đề được đa số các GV lựa chọn áp dụng cho những học phần chuyên ngành. Phương pháp này giúp HV nhớ lâu hơn, hình thành khả năng áp dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề gặp phải, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV. GV luôn tạo các cơ hội học tập, thông qua các hoạt động đa dạng, kích thích HV khám phá, áp dụng, phân tích và đánh giá các ý tưởng hơn là truyền đạt thông tin một chiều. HV sẽ có cơ hội được thắc mắc, nêu lên các vấn đề để xoay quanh các khái niệm hay các ý tưởng, từ đó tiến tới giải quyết các vấn đề. [H4.04.03.01], [H4.04.03.02]. Cụ thể hơn, GV đóng vai trò thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm nhỏ để HV tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo yêu cầu của chương trình. Trên lớp, HV hoạt động là chính, GV chỉ là người hướng dẫn. Nhưng trước khi lên lớp, GV phải đầu tư nhiều thời gian để thiết kế bài giảng sao cho đạt được CDR; chọn lọc phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu và nội dung bài giảng. Trong quá trình giảng dạy, ngoài giờ lên lớp, GV còn phải theo dõi các hoạt động tự học của HV, giúp đỡ khi cần thiết, trao đổi thảo luận và góp ý để HV đi đúng hướng. Do đó, GV phải chủ động, cần phải đầu tư công sức và thời gian rất nhiều so với kiểu dạy và học thụ

động mới có thể thực hiện bài lên lớp với vai trò là người gợi mở, xúc tác, động viên, cổ vũ trong các hoạt động tìm tòi hào hứng, tranh luận sôi nổi của HV. Đây cũng chính là cách nâng cao cho HV cách xây dựng động cơ học tập và hình thành thói quen học tập suốt đời [H4.04.03.01], [H4.04.03.02].

Kết quả của việc sử dụng các hoạt động dạy và học phù hợp được thể hiện ở kết quả HV tốt nghiệp. Tỷ lệ người học đạt tất cả các môn, bảo vệ thành công luận văn và tốt nghiệp đúng hạn đạt cao [H4.04.03.05]. Ngoài ra, hàng năm thông qua Hội nghị viên chức các GV của Khoa cũng lắng nghe ý kiến đóng góp về phương pháp giảng dạy từ Lãnh đạo nhà trường, từ cán bộ, GV của các phòng, khoa khác để hoàn thiện phương pháp giảng dạy [H4.04.03.06]. Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường đều tiến hành khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của GV, cựu HV, GV và các bên liên quan khác nhằm hoàn thiện phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ tốt nhất cho người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.07].

## *2. Điểm mạnh*

Trường có nhiều hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV.

## *3. Điểm tồn tại*

Một vài GV trẻ của Khoa chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy cho HV các kỹ năng để nâng cao kỹ năng học tập suốt đời.

Một số HV còn chưa tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu tìm tòi tài liệu và rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề. Vẫn còn một bộ phận HV chưa tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học với GV.

## *4. Kế hoạch hành động*

| <b>TT</b> | <b>Mục tiêu</b> | <b>Nội dung</b> | <b>Đơn vị,<br/>người thực<br/>hiện</b> | <b>Thời gian<br/>thực hiện<br/>hoặc hoàn<br/>thành</b> | <b>Ghi<br/>chú</b> |
|-----------|-----------------|-----------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------|
|-----------|-----------------|-----------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------|

|   |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                               |          |  |
|---|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------|--|
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | <p>Từ năm 2024, BCN Khoa sẽ yêu cầu các GV trẻ của Khoa tham gia dự giờ các GV giảng dạy lâu năm để học hỏi kinh nghiệm giảng dạy nhằm nâng cao kỹ năng học tập suốt đời cho học viên.</p> <p>- Tổ chức thường xuyên hơn các seminar, trao đổi học thuật cho HV. GV cần giám sát chặt chẽ hơn hoạt động tự học, tự nghiên cứu của HV và đưa nhiều HV tham gia nghiên cứu để hướng dẫn, và thúc đẩy năng lực NCKH của HV.</p> | Khoa TLGD<br>Phòng ĐT.<br>SDH | Hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh     | Tăng cường các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV.                                                                                                                                                                                       | Khoa TLGD                     | Hàng năm |  |

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Khoa đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CDR học phần và CTĐT, giúp HV tiếp thu và rèn luyện năng lực chuyên môn, bao gồm các hoạt động trong và ngoài lớp học; Sử dụng các phần mềm học tập trực tuyến nhằm hỗ trợ tối đa cho HV, kết hợp giữa mô hình dạy học truyền thống và phương thức đào tạo trực tuyến, kết hợp giữa mô hình dạy học truyền thống và phương thức đào tạo trực tuyến; HV thể hiện sự hài lòng cao với các PPGD của GV...

Trường có nhiều hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình và tìm việc, kỹ năng khởi nghiệp, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng

liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Khoa đã làm công tác truyền thông nhưng một số tổ chức sử dụng lao động chưa tiếp cận được với Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Một số GV chưa thành thạo trong việc sử dụng các hoạt động giảng dạy và học tập tích cực (*active learning*), giảng dạy theo dự án (*project-based learning*) nhằm đạt CĐR.

Một vài GV trẻ của Khoa chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy cho học viên các kỹ năng để nâng cao kỹ năng học tập suốt đời.

Một số HV còn chưa tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu tìm tòi tài liệu và rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề. Vẫn còn một bộ phận HV chưa tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học với GV.

## **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

### **Mở đầu**

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục bậc sau đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và thực hành nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Trường, Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá kết quả học tập của học viên Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục được thông báo công khai tới người học. Trước khi bắt đầu học các học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá kết quả học tập khá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Khoa TLGD (Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh) đã có các quy trình, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học. Trên cơ sở quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường đã ban hành các quyết định số 2468/ QĐ - ĐHV ngày 16/10/2018 về việc bổ sung sửa đổi quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh và Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Vinh số 2592/ QĐ - ĐHV ngày 02/11/2021, trong đó làm rõ các điều kiện, nội dung của việc kiểm tra – đánh giá [H5.05.01.01]. Quy trình đánh giá kết quả học tập được thực hiện chặt chẽ từ khi bắt đầu chương trình học cho đến khi tốt nghiệp nhằm đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của người học. Đối với chuẩn đầu ra về kiến thức chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục được nêu rõ yêu cầu về kiến thức sau khi tốt nghiệp [H5.05.01.02]. Đối với mỗi học phần học viên được đánh giá tối thiểu 03 con điểm thành phần. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần [H5.05.01.03]. Điều 22 trong Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 2 tháng 11 năm 2021 quy định hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp đồng thời đóng góp 30 % trọng số điểm học phần. Riêng đối với đánh giá luận văn tốt nghiệp Quy định cũng đã trình bày rõ quy định về đánh giá luận văn tốt nghiệp gồm: tiêu chí của hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp, quy trình đánh giá, cách tính điểm luận văn tốt nghiệp [H5.05.01.04]. Với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ

trường cũng đã ban hành quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh thể hiện trong quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 2 tháng 11 năm 2021. Đây là căn cứ để xác định người học đủ điều kiện tốt nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục [H5.05.01.04]. Đầu khóa học, phòng Đào tạo Sau đại học thông báo cho người học về kế hoạch học tập các chuyên đề, kế hoạch kiểm tra đánh giá, thi kết thúc học phần, thời gian tổ chức bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục nhằm giúp giảng viên và người học nắm được tiến trình học, thời gian học, thi và bảo vệ luận văn tốt nghiệp. Trên cơ sở các quy định chung về kiểm tra – đánh giá đã được ban hành của trường, Khoa TLGD phối hợp cùng phòng Đào tạo Sau đại học chủ động triển khai kế hoạch giảng dạy, học tập, các hình thức kiểm tra, đánh giá cho phù hợp với các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ ngành Quản lý giáo dục [H5.05.01.05].

Các tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá của trường Đại học Vinh phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra trình độ thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục trong đó nêu rõ các phương pháp kiểm tra – đánh giá [H5.05.01.06]. Trong quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra trình độ thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục xác định chuẩn đầu ra của từng học phần; xác định các phương pháp đánh giá kết quả học tập vận dụng các chuẩn đầu ra cho từng học phần như: bài tập thuyết trình, tự luận, thảo luận, hỏi đáp; xác định các tiêu chí đánh giá và thiết kế các rubric đánh giá, thang điểm cụ thể. Việc đánh giá kết quả học tập nhằm đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần một cách khách quan, công bằng [H5.05.01.07]

Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Khoa TLGD đều có các buổi họp, thảo luận, xin ý kiến của các giảng viên về nội dung cải tiến các phương pháp kiểm tra – đánh giá kết quả của từng học phần nhằm hoàn thiện mức độ đóng góp đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của mỗi học phần [H5.05.01.08].

Các phương pháp kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của người học đã được chuyên ngành Quản lý giáo dục, Khoa TLGD thiết kế để đo lường được mức độ đạt được kiến thức về quản trị, quản lý, kiến thức ngành, liên ngành, kiến thức nâng cao, hiện đại của chuyên ngành và vận dụng được các kỹ năng để giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp [H5.05.01.09]. Trong bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục nêu rõ ma trận tích hợp giữa phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Điều này cho thấy, các phương pháp đánh giá người học được lựa chọn đa dạng như: chuyên cần, bài tập, thuyết trình, làm việc nhóm, trắc nghiệm, tự luận ... có sự phù hợp cao với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Trong đề cương chi tiết học phần cũng chỉ rõ nội dung,

phương thức đánh giá người học tương thích với chuẩn đầu ra học phần [H5.05.01.10]. Căn cứ vào quy định về công tác kiểm tra – đánh giá kết quả người học, Khoa TLGD tiến hành đánh giá kết quả học phần bao gồm điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần. Hình thức đánh giá kết quả học tập của người học cũng từng bước được đa dạng hóa và phù hợp với chuẩn đầu ra từng học phần gồm: tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm và có kèm biểu mẫu đánh giá với các tiêu chí phù hợp với từng hình thức đánh giá. Trong đó, mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm thành phần và có quy định về trọng số điểm là Điểm HP = Điểm quá trình x 0,5 + điểm cuối kỳ x 0,5. Trong đó điểm quá trình gồm Điểm bài tập chiếm trọng số 0,6 + điểm chuyên cần chiếm trọng số 0,2 và điểm thảo luận chiếm trọng số 0,2. Sự phù hợp của các hình thức đánh giá này với chuẩn đầu ra học phần được thể hiện trong ma trận phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của đề cương chi tiết mỗi học phần [H5.05.01.11]. Đối với đánh giá luận văn, trước khi người học bảo vệ luận văn tốt nghiệp, chuyên ngành Quản lý giáo dục thành lập hội đồng đánh giá luận văn chuyển cho phòng Đào tạo Sau đại học, phòng Đào tạo Sau đại học rà soát trình hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn, tất cả thông tin đánh giá luận văn được trình bày đầy đủ trong bản nhận xét, phiếu chấm điểm luận văn của người học [H5.05.01.12]. Tuy nhiên, chuyên ngành Quản lý giáo dục chưa phối hợp chặt chẽ với phòng Sau đại học, Trung tâm Đảm bảo chất lượng về mức độ phù hợp của từng hình thức thi đối với mỗi học phần và chưa có sự đối sánh kết quả thi với các chuyên ngành khác.

## 2. Điểm mạnh

Trường Đại học Vinh, chuyên ngành Quản lý giáo dục đã thực hiện hệ thống văn bản, biểu mẫu, quy trình do nhà trường ban hành bằng các phương pháp kiểm tra – đánh giá được thiết kế phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành.

Chuyên ngành Quản lý giáo dục thường xuyên tổ chức họp, trao đổi và cải thiện phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Việc quy định về tỷ trọng của các thành phần đánh giá phù hợp với các yêu cầu đã được công bố trong chuẩn đầu ra.

## 3. Điểm tồn tại

Chuyên ngành Quản lý giáo dục chưa phối hợp chặt chẽ với phòng Sau đại học, Trung tâm Đảm bảo chất lượng về mức độ phù hợp của từng hình thức thi đối với mỗi học phần và chưa có sự đối sánh kết quả thi với các chuyên ngành khác.

## 4. Kế hoạch hành động

| STT | Mục tiêu  | Nội dung                    | Đơn vị thực hiện | Thời gian thực hiện |
|-----|-----------|-----------------------------|------------------|---------------------|
| 1   | Khắc phục | Phối hợp chặt chẽ với phòng | - Khoa TLGD,     | Hàng năm            |

|   |                    |                                                                                                                                                                                                    |                                                                  |          |
|---|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------|
|   | điểm tồn tại       | Đào tạo Sau đại học và trung tâm Đảm bảo chất lượng để tiến hành khảo sát người học về sự phù hợp của từng hình thức thi đối với từng học phần cũng như đối sánh với các chương trình đào tạo khác | - Phòng Đào tạo Sau đại học<br>- Trung tâm Đảm bảo chất lượng    |          |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục tổ chức các buổi seminar, sinh hoạt khoa học nhằm hướng dẫn, trao đổi, điều chỉnh phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học                                                      | Chuyên ngành Đào tạo Sau đại học và trung tâm Đảm bảo chất lượng | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh đã có các quyết định, quy định và hướng dẫn rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện ở quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 2 tháng 11 năm 2021[H5.05.02.01]. Các mốc thời gian học, thời gian thi hết học phần được trình bày cụ thể trong kế hoạch đào tạo hàng năm của phòng Đào tạo Sau đại học [H5.05.02.02]. Cách thức, hình thức, tiêu chí và trọng số đánh giá kết quả học tập của người học được trình bày tại Điều 22 trong quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ của Trường Đại học Vinh [H5.05.02.03]. Các thông tin về cơ chế phản hồi, xem lại bài thi được trình bày rõ tại hướng dẫn công tác khảo thí trong đào tạo trình độ thạc sỹ [H5.05.02.04]. Nhà trường cũng có quy định rõ ràng về tổ chức thẩm định chất lượng luận văn; quy định về việc đăng ký học, thi lại nếu không đáp ứng được yêu cầu theo quy định và quy định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ ... Về việc phúc khảo và theo dõi kết quả học tập, ngoài phòng Đào tạo Sau đại học, Nhà trường còn có Bộ phận Một cửa và Trung tâm đảm bảo chất lượng hỗ trợ theo dõi, giám sát kết quả học tập, kịp thời xử lý đảm bảo tiến độ học tập của học. [H5.05.02.05].

Nhằm giúp người học dễ dàng nắm bắt và thực hiện kế hoạch học tập; các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và giám sát, Trường đại học Vinh công bố công khai những quy định liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học thông qua trang thông tin điện tử của Nhà trường, qua đợt học chính trị đầu khóa và được cố vấn học

tập phổ biến đến từng người các trang cá nhân. Chẳng hạn, Trường đại học Vinh đã công khai quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh trên website của nhà trường [H5.05.02.06]. Đầu khóa học, phòng Đào tạo Sau đại học thông báo cho người học về chương trình đào tạo toàn khóa, kế hoạch học tập, kế hoạch thi, thời gian tổ chức bảo vệ luận văn, các quy định của trường có liên quan đến người học. Đồng thời ngay buổi gặp mặt học viên đầu khóa, nhà trường phổ biến quy chế đào tạo (bao gồm đánh giá kết quả học tập) trực tiếp tới người học; giảng viên trực tiếp giảng dạy các học phần công bố công khai đề cương chi tiết học phần, kế hoạch học tập, đề cương bài giảng, yêu cầu học tập, các hình thức học tập lên hệ thống LMS trước hai tuần khi học trực tiếp [H5.05.02.07]. Với các hình thức này giúp người học nắm được thông tin kịp thời để có kế hoạch học tập phù hợp.

Trường Đại học Vinh, khoa Tâm lý - Giáo dục phổ biến các quy định về kiểm tra – đánh giá kết quả học tập thông qua nhiều hình thức khác nhau. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của mỗi học phần được thể hiện rõ qua đề cương chi tiết. Đồng thời ngay trong buổi học trực tiếp đầu tiên của học phần, giảng viên cũng sẽ giới thiệu về cách thức đánh giá, tỷ trọng các thành phần điểm cho người học đối với các học phần. Việc làm này nhằm đảm bảo 100% người học tham dự học phần có thể nắm rõ các quy định về kiểm tra – đánh giá kết quả học tập. Phòng đào tạo sau đại học đưa ra kế hoạch giảng dạy từng kỳ và gửi tới các chuyên ngành để triển khai thực hiện. Điểm quá trình của mỗi người học được thông báo trên hệ thống LMS của nhà trường và buổi học cuối cùng của học phần được giảng viên thống kê thông báo và giải đáp thắc mắc nếu có [H5.05.02.08]. Trước mỗi đợt thi kết thúc học phần lịch thi được gửi trực tiếp qua tài khoản cá nhân của học viên trên LMS. [H5.05.02.09] chụp màn hình học viên]. Ngoài ra những quy định về đánh giá học viên tốt nghiệp gồm: đề cương luận văn, đề tài luận văn, điều kiện để được bảo vệ luận văn, kiểm tra tỉ lệ trùng lặp của luận văn thông qua phần mềm DoiT, hội đồng đánh giá luận và tổ chức đánh giá luận văn được trình bày rõ ràng trong quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ. Sau khi bảo vệ luận văn, người học được chỉnh sửa luận văn theo góp ý của hội đồng và có bản giải trình về sửa chữa luận văn được xác nhận bởi giáo viên hướng dẫn và chủ tịch hội đồng. Tất cả thông tin đánh giá luận văn được trình bày đầy đủ trong bản nhận xét luận văn và phiếu chấm điểm luận văn của người học [H5.05.02.10]. Bên cạnh đó, nhà trường còn thông qua đội ngũ phụ trách chuyên ngành để kịp thời thông tin về các quy định đánh giá kết quả học tập tới người học. Nhà trường đã ban hành quyết định thành lập đội ngũ hỗ trợ cho các chuyên ngành nhằm mục đích tư vấn, hỗ trợ học viên và đề xuất phương án xử lý đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo. Cụ thể, trong mỗi năm học, từng học kỳ, phụ trách chuyên ngành tiến hành họp lớp cao học phổ biến kịp thời cho học viên các quy định, quy chế, trong đó có quy định về đánh giá kết quả người học. Trên cơ sở đó, Khoa TLGD tổng hợp thành báo cáo tình hình thực

hiện nhiệm vụ, kế hoạch của khóa đào tạo để trình lên ban giám hiệu nhà trường thông qua các kỳ họp liên quan đến đào tạo sau đại học [H5.05.02.11]. Như vậy, nhà trường đã thông qua nhiều cách thức khác nhau để phổ biến quy định về đánh giá kết quả học tập tới người học. Tuy nhiên hiện nay, thời lượng dành cho chấm thi kết thúc học phần các môn thi theo hình thức viết tiểu luận còn chưa thật phù hợp. Hệ thống phần mềm kiểm tra – đánh giá, báo điểm cho học viên còn chưa thật hiệu quả và khoa học.

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống văn bản hoàn thiện quy định rõ về đánh giá kết quả của người học và được thông báo công khai đến người học thông qua nhiều phương thức như: tổ chức hướng dẫn trực tiếp cho người học, thông báo cho người học thông qua hệ thống phụ trách chuyên ngành, thông qua website đào tạo của nhà trường.

### 3. Điểm tồn tại

Thời lượng dành cho chấm thi kết thúc học phần các môn thi theo hình thức viết tiểu luận còn chưa thật phù hợp. Hệ thống phần mềm kiểm tra – đánh giá, báo điểm cho học viên còn chưa thật hiệu quả và khoa học

### 4. Kế hoạch hành động

| STT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                | Đơn vị thực hiện                                                        | Thời gian thực hiện |
|-----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1   | Khắc phục điểm tồn tại | Điều chỉnh thời gian phù hợp cho việc chấm thi tiểu luận, hoàn thiện hệ thống LMS để tích hợp để kiểm tra – đánh giá và thông báo kết quả học tập tới người học đúng thời gian quy định | - Khoa TLGD,<br>- Phòng ĐT SĐH<br>- TT. ĐBCL<br>- Viện NCĐTT trực tuyến | Tháng 01/2024       |
| 2   | Phát huy điểm mạnh     | Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá và công bố công khai kết quả đánh giá cho người học                                                                        | Phòng ĐT. SĐH<br>TT. ĐBCL                                               | Hàng năm            |

### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học cho các học phần trong chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục tuân thủ theo quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra – đánh giá của trường. Để đánh giá kết quả học tập, trường đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau các tiêu chí đánh giá kết quả học tập bao gồm: điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần, điểm tổng kết học phần, ... đã được quy định rõ tại quyết định 2592/QĐ-ĐHV ngày 2 tháng 11 năm 2021 quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sỹ của Trường Đại học Vinh [H5.05.03.01]. Căn cứ quy định này, chuyên ngành Quản lý giáo dục cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của học phần. Các hình thức kiểm tra – đánh giá bao gồm tự luận, tiểu luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận trên lớp ... Do học viên chuyên ngành Quản lý giáo dục chủ yếu là giáo viên phổ thông, nên để đảm bảo nâng cao nghiệp vụ sư phạm cho người học, nhóm các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành đã chú trọng tăng cường hình thức kiểm tra – đánh giá bằng các bài tập yêu cầu học viên thực hành [H5.05.03.02].

Quy trình và tiêu chí kiểm tra – đánh giá trong quy định của trường, trong đề cương chi tiết học phần đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng của các phương pháp kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của người học. Hiện nay, hoạt động kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của người học đã xây dựng được các thang đánh giá theo tiêu chuẩn, tiêu chí hiện thị trong đề cương môn học, các rubric đánh giá đã đáp ứng được các chuẩn đầu ra của học phần, thực hiện áp dụng các kỹ thuật đánh giá như thiết kế câu hỏi thi, phân tích đề thi, thiết ma trận, đề thi đánh giá năng lực học sinh, ... dựa trên lý thuyết về việc đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy. Trường đảm bảo có các quy định cụ thể về việc thiết kế câu hỏi thi, đề thi. Theo đó, yêu cầu các đề thi đồng đều về độ khó, không trùng nhau và tương thích với thang điểm, các nhóm câu hỏi thi bao quát được các kiến thức trong học phần, đo lường việc đạt được các chuẩn đầu ra học phần. Tính đồng đều về độ khó giữa các đề thi, tính tương thích với số tín chỉ và thời gian thi kết thúc học phần theo quy định. Yêu cầu quy trình soạn thảo và ban hành đề thi cũng được quy định chặt chẽ, đảm bảo tính bảo mật, khách quan [H5.05.03.03]. Để đánh giá độ tin cậy của đề thi, chuyên ngành Quản lý giáo dục dựa vào công cụ và cách thức sau: các văn bản của trường liên quan đến xây dựng và phát triển chương trình đào tạo và xây dựng đề thi; mục tiêu chuẩn đầu ra học phần; ma trận đề thi; ma trận câu hỏi thi; kết quả thi của người học [H5.05.03.04]. Ngoài ra, với luận văn tốt nghiệp phòng đào tạo sau đại học đã ban hành hướng dẫn thực hiện quy trình chấm luận văn tốt nghiệp cho các chuyên ngành đào tạo thạc sỹ [H5.05.03.05]. Tại buổi bảo vệ luận văn tốt nghiệp, sau khi người học bảo vệ, trả lời câu hỏi các thành viên hội đồng thảo luận và cho điểm vào phiếu kín theo thang điểm 10 được làm tròn đến một

chữ số thập phân. Kết quả được công bố sau khi có ý kiến phê duyệt của chủ tịch hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp [H5.05.03.06].

Nhằm đảm bảo đo lường được các yêu cầu chuẩn đầu ra cần đo; đảm bảo độ tin cậy, chính xác nhằm đảm bảo tính công bằng, chuyên ngành sử dụng các phương pháp kiểm tra – đánh giá khác nhau. Trường đại học Vinh đã ban hành đầy đủ quy định về việc ra đề, tổ chức thi, chấm thi [H5.05.03.07]. Quy trình này có sự tham gia của nhiều đơn vị trong trường như: trung tâm Đảm bảo chất lượng là đơn vị phụ trách in sao và lưu trữ đề thi; các khoa bộ môn phụ trách việc ra đề, chấm thi. Mỗi đơn vị đều xây dựng quy trình thực hiện công việc đầy đủ, khoa học, đảm bảo độ tin cậy, công bằng trong việc đánh giá kết quả học tập của người học. Sau khi kết thúc các học phần trong kỳ người học sẽ nhận được lịch thi kết thúc học phần đó, lịch thi chính thức được thông báo công khai cho người học theo dõi trước khi thi trên hệ thống LMS. Từ năm 2022 nhiều học phần trong chương trình đào tạo đã chuyển từ hình thức thi tự luận sang làm tiểu luận, đồ án. Điểm thi được đo theo thang điểm 10 và có các rubric đánh giá cụ thể [H5.05.03.08]. Hàng năm, nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên. Phòng Đào tạo sau đại học phối hợp với phòng Công tác chính trị học sinh – sinh viên thực hiện đầy đủ các quy định về đánh giá, hướng dẫn người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy khi kết thúc học phần. Trong các ý kiến đánh giá của người học có 92% ý kiến đồng ý và rất đồng ý về hình thức, phương pháp đánh giá học phần, không có người học nào đánh giá ở mức không đồng ý hay rất không đồng ý [H5.05.03.09]. Tuy nhiên, trong thời gian qua, chuyên ngành Quản lý giáo dục chưa có hình thức thi trắc nghiệm cho các học phần trong chương trình đào tạo thạc sỹ, chưa phân tích được phổ điểm để đánh giá được chuẩn đầu ra một cách rõ ràng.

### 2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra – đánh giá đã được đa dạng hóa, đảm bảo đánh giá kết quả học tập nghiêm túc, khách quan công bằng và phù hợp với chuẩn đầu ra từng học phần.

### 3. Điểm tồn tại

Chuyên ngành Quản lý giáo dục chưa có hình thức thi trắc nghiệm cho các học phần trong chương trình đào tạo thạc sỹ, chưa phân tích được phổ điểm để đánh giá được chuẩn đầu ra một cách rõ ràng.

### 4. Kế hoạch hành động

| STT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                       | Đơn vị thực hiện                               | Thời gian thực hiện |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------|
| 1   | Khắc phục điểm tồn tại | - Xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm cho một số học phần trong chương trình | - Khoa TLGD,<br>- Trung tâm Đảm bảo chất lượng | Tháng 4/2024        |

|   |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                         |          |
|---|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|
|   |                    | đào tạo<br>- Ban hành quy định đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                            | - Viện NCĐTT trực tuyến |          |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tổ chức thảo luận cấp khoa, cấp chuyên ngành về việc đa dạng hóa hình thức kiểm tra – đánh giá, đặc biệt là đánh giá định kỳ đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng trong chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành trong thời gian qua, chuyên ngành Quản lý giáo dục. | - Khoa TLGD             | Hàng năm |

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

#### 1. Mô tả hiện trạng

Việc phản hồi kết quả đánh giá của người học đã được nhà trường ban hành thành các quy định cụ thể để người học kịp thời cải thiện việc học tập [H5.05.04.01]. Theo quy định, giảng viên phải công bố công khai trước lớp các loại điểm chuyên cần, quá trình trước khi kết thúc học phần để người học có phản hồi kịp thời. Tuy nhiên, các loại điểm nêu trên đã được công bố công khai trên tài khoản cá nhân của người học trong hệ thống LMS của nhà trường [H5.05.04.02]. Đối với điểm thi kết thúc học phần, giảng viên chấm bài nộp về Trung tâm Đảm bảo chất lượng cả danh sách điểm, bài thi, nhập điểm thi cho văn phòng Trường Sư phạm, văn phòng tổng hợp và nhập điểm lên hệ thống quản lý điểm trực tuyến của nhà trường trong vòng 07 ngày sau khi chấm. Từ năm 2022 việc thi kết thúc học phần được thay thế bằng bài tiểu luận hoặc đồ án, giảng viên chấm trực tiếp trên hệ thống quản lý học tập E-learning và công bố trực tiếp cho người học thông qua tài khoản cá nhân [H5.05.04.03].

Nhằm giúp giáo viên và người học nắm bắt được các quy định về phản hồi kết quả đánh giá, Nhà trường đã công bố công khai kịp thời các quy định trên nhiều hình thức khác nhau. Hằng năm, trong các buổi gặp mặt sinh viên đầu khóa, họp lớp, giảng

viên và người học được phổ biến quy chế đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi kết quả học tập. Ngoài ra các quy định này được công khai trên website của Nhà trường [H5.05.04.04].

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá đã được người học sử dụng kịp thời để cải thiện việc học tập. Nhờ việc thông tin kịp thời và nhanh chóng người học có thể lập kế hoạch đăng ký học, đăng ký thi lại phù hợp với tiến độ học tập. Nhà trường cũng có quy định về học lại, thi lại để người học đạt kết quả tốt nhất [H5.05.04.05]. Phụ trách chuyên ngành lập danh sách thông báo và hỗ trợ người học có kết quả học tập kém để người học có phương án học tập thích hợp nhằm hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian cho phép. Trường đã ban hành quy định về việc bổ nhiệm phụ trách chuyên ngành đào tạo sau đại học nhằm nắm rõ tình hình học tập cũng như hỗ trợ người học trong suốt thời gian học tập tại trường. Phòng Đào tạo sau đại học yêu cầu phụ trách chuyên ngành hỗ trợ người học trong quá trình học tập như: đăng ký học đúng tiến độ, rà soát điểm tổng kết, lập danh sách người học thuộc diện cảnh báo để có sự tư vấn hỗ trợ kịp thời [H5.05.04.06]. Các cuộc họp giữa phụ trách chuyên ngành và người học được thực hiện thường xuyên trong mỗi học kỳ để nắm bắt tình hình, tư vấn hỗ trợ người học [H5.05.04.07].

Ngoài ra, hàng năm nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về kết quả đánh giá của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, thái độ phục vụ của phòng ban, chức năng liên quan đến hoạt động của người học. Tỷ lệ hài lòng của người học đối với nội dung kết quả kiểm tra thường xuyên, định kỳ được phản hồi kịp thời đạt mức trên 90 %. Phòng Đào tạo sau đại học phối hợp với phòng Công tác chính trị học sinh – sinh viên thực hiện đầy đủ các quy định về việc đánh giá, hướng dẫn người học tham gia đánh giá kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời sau mỗi học kỳ [H5.05.04.08]. Tuy nhiên, do số lượng học viên của Nhà trường đông, việc truy cập, xem điểm trên phần mềm quản lý học tập LMS có khi còn bị tắc nghẽn gây khó khăn cho công tác phản hồi kết quả học tập của người học.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường ban hành đầy đủ các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, đồng thời những quy định này được thông báo công khai kịp thời tới giảng viên và người học qua nhiều hình thức khác nhau. Phòng Đào tạo sau đại học có sự phân công công việc rõ ràng cho đội ngũ phụ trách chuyên ngành hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập tại trường. Ban chủ nhiệm Khoa TLGD, phụ trách chuyên ngành Quản lý giáo dục hoàn thành tốt nhiệm vụ giúp người học cải thiện kết quả học tập cũng như hoàn thành chương trình học tập đúng hạn.

## *3. Điểm tồn tại*

Phần mềm quản lý học tập LMS có khi còn bị tắc nghẽn gây khó khăn cho công tác quản lý và cho người học.

*4. Kế hoạch hành động*

| STT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                     | Đơn vị thực hiện        | Thời gian thực hiện |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| 1   | Khắc phục điểm tồn tại | Cải thiện phần mềm quản lý học tập LMS                                                                                                                       | - Viện NCĐTT trực tuyến | Tháng 01/2024       |
| 2   | Phát huy điểm mạnh     | Đa dạng hóa các loại hình phản hồi kết quả đánh giá người học, đồng thời công bố công khai cho người học để kịp thời cải thiện kết quả học tập của người học | - Khoa TLGD             | Hàng năm            |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

*1. Mô tả hiện trạng*

Trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần, Trường Đại học Vinh đã phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập cho người học. Toàn bộ quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học được cụ thể hóa trong Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 2 tháng 11 năm 2021 quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sỹ của Trường Đại học Vinh, quy định về tổ chức thi kết thúc học phần ...[H5.05.05.01]. Trước mỗi khóa học, tất cả văn bản này đều được phổ biến tới người học thông qua buổi gặp mặt học viên đầu khóa. Ngoài ra, trước mỗi học kỳ, trước mỗi học phần, phụ trách chuyên ngành và giảng viên phổ biến lại các quy định, quy trình phản hồi, khiếu nại kết quả các loại điểm học phần cho người học. Tất cả các nội dung này được phản ánh trong biên bản họp lớp qua các học kỳ [H5.05.05.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường đều tiến hành xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng việc xem lại kết quả học tập của người học. Đối với điểm quá trình, điểm kiểm tra giữa kỳ người học có thể xem trực tiếp trên tài khoản cá nhân của mỗi học viên và khiếu nại trực tiếp với giảng viên ngay sau khi điểm được công bố và trước khi giảng viên chốt điểm thành phần [H5.05.05.03]. Đối với điểm thi kết thúc học phần, sau khi có điểm thi của tất cả các môn thi trong đợt thi, toàn bộ điểm sẽ được công bố điểm tới người học. Thời gian nhận đơn khiếu nại kết quả bài thi, trong vòng 07 ngày kể từ khi công bố điểm thi. Đơn đề nghị xem lại kết quả bài thi nộp về bộ phận một cửa, bộ phận một cửa chuyển cho trung tâm Đảm bảo chất lượng giải quyết, trung tâm Đảm bảo chất lượng yêu cầu giảng viên xem lại bài thi, sau khi có kết quả xem lại bài thi, trung tâm Đảm bảo chất

lượng thông báo kết quả trực tiếp cho người học qua gọi điện trực tiếp, điểm số sẽ được cập nhật sau khi có kết quả [H5.05.05.04]. Thực tế, trong 05 năm gần đây, không có trường hợp nào xem lại bài thi. Từ năm 2022, phần lớn các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục chuyển sang hình thức làm bài tiểu luận nên không có học viên nào khiếu nại điểm thi.

Ngoài ra, đối với việc đánh giá luận văn tốt nghiệp, căn cứ vào quy trình tổ chức cho học viên làm luận văn tốt nghiệp được ban hành bởi phòng Đào tạo sau đại học, người học nếu có thắc mắc sẽ được các thành viên hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp giải đáp ngay tại buổi bảo vệ [H5.05.05.05]. Điều này cho thấy việc thực hiện đánh giá đảm bảo tính công bằng; đồng thời quy trình khiếu nại đã được phổ biến rộng rãi, dễ tiếp cận để người học có thể kịp thời xem lại và được giải quyết thỏa đáng. Tuy nhiên, từ năm 2018 đến nay khoa chưa ghi nhận trường hợp khiếu nại từ học viên

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy trình giải quyết khiếu nại rõ ràng, giúp người học có thể khiếu nại kịp thời khi cần. Thủ tục khiếu nại đơn giản, thời gian giải quyết khiếu nại nhanh chóng, thái độ đón nhận khiếu nại của khoa phụ trách chuyên ngành, giảng viên và các phòng ban chức năng liên quan cởi mở, công khai, hợp tác.

## 3. Điểm tồn tại

Nhà trường và khoa chưa có kênh trực tuyến để người học phản ánh các khiếu nại về các kết quả học tập một cách nhanh chóng.

## 4. Kế hoạch hành động

| STT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                     | Đơn vị thực hiện                       | Thời gian thực hiện |
|-----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|
| 1   | Khắc phục điểm tồn tại | Tạo kênh trực tuyến để người học phản ánh khiếu nại về kết quả học tập một cách nhanh chóng. | - Viện NCĐTT trực tuyến<br>- Khoa TLGD | Tháng 01/2024       |
| 2   | Phát huy điểm mạnh     | Quy trình giải quyết khiếu nại nhanh chóng, rõ ràng, thái độ cởi mở, công khai, hợp tác.     | - Viện NCĐTT trực tuyến<br>- Khoa TLGD | Hàng năm            |

## 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

### Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Trường Đại học Vinh có quy định rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học, có tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp, tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học

được các GV trong Khoa thiết kế có khả năng đo lường được mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Việc đánh giá KQHT của NH được bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm và theo CDIO. Các quy định về đánh giá KQHT của NH tương đối rõ ràng và được thông báo công khai tới NH ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT học phần, thông qua buổi gặp mặt NH đầu khóa và được phổ biến kịp thời tới NH với nhiều hình thức. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng (đánh giá trên lớp, bài về nhà, hoạt động nhóm, thuyết trình, thi, tiểu luận...), đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT thông qua Bộ phận một cửa, Trung tâm ĐBCL, Ban chủ nhiệm Khoa TLGD, phụ trách chuyên ngành. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại đó là: Chuyên ngành Quản lý giáo dục chưa phối hợp chặt chẽ với phòng Sau đại học, trung tâm Đảm bảo chất lượng về mức độ phù hợp của từng hình thức thi đối với mỗi học phần và chưa có sự đối sánh kết quả thi với các chuyên ngành khác; Thời lượng dành cho chấm thi kết thúc học phần các môn thi theo hình thức viết tiểu luận còn chưa thật phù hợp; Hệ thống phần mềm kiểm tra - đánh giá, báo điểm cho học viên còn chưa thật hiệu quả và khoa học; chưa có hình thức thi trắc nghiệm cho các học phần trong chương trình đào tạo thạc sỹ, chưa phân tích được phổ điểm để đánh giá được chuẩn đầu ra một cách rõ ràng; Phần mềm quản lý học tập LMS có khi còn bị tắc nghẽn gây khó khăn cho công tác quản lý và cho người học.

## **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên**

### **Mở đầu**

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường, phát triển đội ngũ GV được xác định là chiến lược trọng tâm, là tiền đề quan trọng để giữ vững và phát triển quy mô và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh nói chung và của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành QLGD. nói riêng. Để đáp ứng về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng Nhà trường và ngành QLGD luôn chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, tích cực tham gia hoạt động NCKH và tham gia các hoạt động xã hội. Việc phân công nhiệm vụ được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng của GV. Việc tuyển dụng đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, có tiêu chí rõ ràng, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật.

Đội ngũ GV tham gia giảng dạy và hướng dẫn chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ của ngành QLGD được quy hoạch đầy đủ đáp ứng về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng thể hiện qua tỷ lệ GV/Người học đáp ứng đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường có quy định phân công cụ thể khối lượng công việc hàng năm đối với đội ngũ GV. Ngoài ra GV luôn được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nhằm phát triển chuyên môn và kỹ năng. Bên cạnh đó việc quản lý kết quả theo công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho GV hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn góp phần thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và trách nhiệm đối với xã hội.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Nhà trường, đáp ứng được yêu cầu về đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu nhằm phục vụ yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Trường Đại học Vinh đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, trong đó có kế hoạch /quy hoạch phát triển đội ngũ GV thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự (có đề cập đến việc thu hút, tiếp nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý). Nhà trường cũng đặt ra giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, phù hợp về cơ cấu để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học, theo đó đặt ra mục tiêu tỉ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ tăng 5% năm, tỉ lệ giảng viên có học hàm phó giáo sư tăng 5% năm [H6.06.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các Quy chế về công tác cán bộ như: Đề án vị trí việc làm, Quy chế về

tổ chức hoạt động Trường Đại học Vinh, Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV, Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC, Quy định về việc chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu, kéo dài thời gian lao động... Trong Đề án vị trí việc làm có quy định rõ giảng viên có thể làm việc tại các vị trí gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành như Trưởng khoa, Phó trưởng khoa hoặc làm việc theo vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp với các tiêu chuẩn cụ thể, [H6.06.01.02]. Trên cơ sở chiến lược và các quy định đã được ban hành. Nhà trường và ngành QLGD đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành QLGD cho từng giai đoạn [H6.06.01.03]. Việc quy hoạch đội ngũ GV luôn được ngành QLGD chú trọng, được xem như là một trong các nhiệm vụ then chốt và được thể hiện trong kế hoạch năm học, được rà soát, bổ sung hàng năm dựa trên báo cáo về nhu cầu nhân lực của từng bộ môn [H6.06.01.04].

Để thực hiện đúng kế hoạch phát triển đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành QLGD, đảm bảo về số lượng và chất lượng của đội ngũ. Đầu mỗi năm học, ngành QLGD đều tổ chức thống kê số liệu quy hoạch đội ngũ GV, NCV trong từng năm. Tính đến nay (tháng 8/2023), Tổng số CB, GV tham gia CTĐT trình độ Thạc sĩ của ngành QLGD là..., gồm có 14 GV cơ hữu, trong đó có 03 PGS (chiếm 21,4 %), 11 TS (chiếm 78,5%). Tất cả các GV ngành QLGD đều có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo đúng với chuyên ngành giảng dạy, thành thạo máy tính và có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc [H6.06.01.05]. Cơ cấu về giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn của GV, NCV được thể hiện (ở bảng 6.1.1).

**Bảng 6.1.1. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu đào tạo trình độ SDH ngành QLGD theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2022-2023 (tính đến tháng 4/2023):**

| TT | Trình độ/học vị  | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Phân loại theo giới tính (ng) |    | Phân loại theo tuổi (người) |       |       |       |      |
|----|------------------|----------|-----------|-------------------------------|----|-----------------------------|-------|-------|-------|------|
|    |                  |          |           | Nam                           | Nữ | < 30                        | 30-40 | 41-50 | 51-60 | > 60 |
| 1  | Giáo sư, Viện sĩ | 0        | 0         | 0                             | 0  | 0                           | 0     | 0     | 0     | 0    |
| 2  | Phó Giáo sư      | 3        | 21,4      | 2                             | 1  | 0                           | 0     | 1     | 0     | 2    |
| 3  | Tiến sĩ          | 11       | 78,5      | 4                             | 7  | 0                           | 3     | 7     | 0     | 1    |
| 4  | Thạc sĩ          | 0        | 0         | 0                             | 0  | 0                           | 0     | 0     | 0     | 0    |
|    | Tổng             | 14       |           | 6                             | 8  |                             | 3     | 8     | 0     | 3    |

Trên cơ sở đó, Ban chủ nhiệm ngành QLGD đã thảo luận, phân tích về sự thiếu hụt giảng viên của ngành. Từ đó, xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong từng năm nhằm đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và

lực lượng cán bộ đã nghỉ hoặc sắp nghỉ hưu. Ngành Quản lý giáo dục xác định số lượng GV cần tuyển dụng mới tương ứng với các vị trí thiếu hụt trong bản mô tả công việc, căn cứ vào nhu cầu công việc, chỉ tiêu biên chế, tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm cần bổ sung và tình hình thực tế đội ngũ cán bộ của Khoa, Trường đơn vị đề xuất số lượng cần bổ sung, trình thành viên BGH phụ trách trực tiếp cho ý kiến gửi về phòng Tổ chức Cán bộ để tổng hợp nhu cầu tuyển dụng viên chức của toàn trường trình Hiệu trưởng. Hiệu trưởng thông qua chỉ tiêu cần tuyển dụng tại phiên họp giao ban BGH để thống nhất chỉ tiêu. Trên cơ sở kết luận của BGH, Hiệu trưởng báo cáo Ban thường vụ Đảng ủy xét duyệt chỉ tiêu cần tuyển. Trên cơ sở chỉ tiêu đã được duyệt, Phòng Tổ chức Cán bộ lập kế hoạch tổ chức thi tuyển, thông báo tiêu chuẩn, điều kiện, chỉ tiêu, thời hạn tuyển dụng và địa điểm tiếp nhận hồ sơ trên website trường Đại học Vinh, trên phương tiện thông tin đại chúng và tại phòng Tổ chức Cán bộ, kết quả thi tuyển được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, phòng Tổ chức Cán bộ thông báo bằng văn bản gửi tới người dự tuyển kèm theo thông báo về thời gian và địa điểm người trúng tuyển đến ký hợp đồng làm việc và hoàn thiện thủ tục tuyển dụng trong thời hạn quy định [H6.06.01.06]. Nhà trường cũng đã thực hiện các chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài để tuyển dụng được đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao. Do vậy, ngành QLGD và Trường không chỉ tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do Trường đào tạo mà còn tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do các trường khác đào tạo [H6.06.01.07]. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo. Đội ngũ GV được tuyển dụng mới của ngành QLGD đáp ứng yêu cầu đào tạo NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Hàng năm ngành QLGD cũng như Nhà trường đã tiến hành khảo sát và phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại ngành QLGD được thực hiện theo quy hoạch các nhóm chuyên môn sâu để phù hợp với nhu cầu đào tạo của Khoa [H6.06.01.08]. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của GV, Nhà trường và ngành QLGD đã triển khai thực hiện các kế hoạch cho các GV đi học nâng cao trình độ cả về chuyên môn và lý luận chính trị [H6.06.01.09]. Về kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV, Trường Đại học Vinh có quy chế chỉ tiêu nội bộ quy định rõ chế độ kinh phí cho việc đào tạo, trong đó cấp học phí và kinh phí hỗ trợ, giảm giờ chuẩn cho CB, GV đi học; tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các CB, GV hoàn thành việc bảo vệ luận án tiến sĩ... [H6.06.01.10].

Việc chuyển đổi đội ngũ CB-GV-NV cũng được Nhà trường thực hiện thường xuyên để phù hợp với tình hình thực tế và năng lực của từng vị trí [H6.06.01.11].

Việc quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo của Khoa dựa trên năng lực công tác và thành tích NCKH của CB để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như

quản lý. Quy trình bổ nhiệm CB lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. [H6.06.01.12].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch theo quy định rõ ràng tại Quy chế công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh [H6.06.01.13].

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Vào cuối mỗi năm học, các GV thực hiện việc tự đánh giá thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ..., sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Ngoài ra Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của người học đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho GV và các cán bộ quản lý để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của người học đối với hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường và ngành QLGD có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.14] [H6.06.01.15]. Nhà trường có chính sách khen thưởng đối với các GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, nâng lương trước thời hạn, giấy khen, bằng khen các cấp và các hình thức khen thưởng khác... [H6.06.01.16].

Nhà trường thường xuyên rà soát xem xét sự phù hợp của các quy định cũ và ban hành các quy chế, quy định mới về công tác tổ chức, cán bộ nhằm bổ sung hoặc thay thế các quy định cũ, thực hiện việc cải tiến về số lượng và chất lượng GV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ [H6.06.01.17].

## *2. Điểm mạnh*

- Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.

- Công tác quy hoạch đội ngũ của ngành QLGD được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến ngành QLGD theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

- Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành QLGD đang gặp khó khăn. Các Đề

án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của ngành QLGD chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới còn bị động.

*4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện                  | Thời gian thực hiện |            |
|----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|------------|
|    |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                          | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành Quản lý giáo dục cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa cần đầy đủ các nội dung cốt lõi</li> <li>- Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                          | Nhà trường<br>Khoa,<br>Phòng<br>TCCB     | 6/2022              | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên rà soát kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.</li> <li>- Tăng cường rà soát quy trình quy hoạch đội ngũ của ngành QLGD, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.</li> <li>- Tiếp tục công tác lập kế hoạch quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, rà soát các quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối</li> </ul> | Nhà trường<br>Khoa/Viện<br>Phòng<br>TCCB | 6/2022              | Hàng năm   |

|  |  |                                                                                                                        |  |  |  |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  |  | với tất cả các vị trí để mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường. |  |  |  |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. *Mô tả hiện trạng*

Công tác quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện dựa trên kế hoạch phát triển nhân sự của Trường và kế hoạch phát triển của ngành QLGD qua các giai đoạn [H6.06.02.01] [H6.06.02.02]. Để đảm bảo tỷ lệ GV/NH tham gia giảng dạy CTĐT trình độ Thạc sĩ, ngành QLGD đã triển khai thực hiện các kế hoạch của Trường và kế hoạch hoạt động của Khoa hàng năm. Hiện nay, tổng số GV tham gia giảng dạy trình độ Thạc sĩ của Ngành QLGD là 14 người, trong đó có 3 PGS (chiếm 21,4 %), 11 TS (chiếm 78,5%). Tất cả các GV đều đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển dụng của Trường, có trình độ chuyên môn cao phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng được yêu cầu quy định về đào tạo SDH (TT09/2017/TT-BGDĐT, ngày 04/4/2017) [H6.06.02.03]. Định kỳ hàng năm ngành QLGD thực hiện việc rà soát, đánh giá và bổ sung đội ngũ GV đảm bảo tỷ lệ GV/NH đúng quy định theo từng khối ngành đào tạo. Hiện nay tỷ lệ GV/NH tham gia đào tạo trình độ Thạc sĩ của ngành là 14 người đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ Thạc sĩ hiện thành theo Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT quy định. Có được kết quả này là nhờ Khoa đã thực hiện tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, bố trí công việc, phát triển đội ngũ và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ GV [H6.06.02.04] [H6.06.02.05].

Số lượng GV cần thiết để đáp ứng yêu cầu và nhu cầu giảng dạy cho ngành QLGD được thể hiện ở bảng biểu 6.2.1 và bảng tỷ lệ GV/NH bảng 6.2.2 như sau:

**Bảng 6.2.1. Số GV quy đổi của giai đoạn 2019 – 2023**

| Trình độ | Giảng viên cơ hữu |      |         |         | Giảng viên cơ hữu kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |      |         |         | GV dạy môn chung (hoặc giảng viên thỉnh giảng) | Tổng số GV quy đổi |
|----------|-------------------|------|---------|---------|------------------------------------------------|------|---------|---------|------------------------------------------------|--------------------|
|          | GS                | P.GS | Tiến sĩ | Thạc sĩ | GS                                             | P.GS | Tiến Sĩ | Thạc sĩ |                                                |                    |
|          | (1)               | (2)  | (3)     | (4)     | (5)                                            | (6)  | (7)     | (8)     | (9)                                            |                    |

| <b>Hệ số quy đổi<br/>(GV là quản lý<br/>thì nhân với hệ<br/>số 0.3)</b> |                   | 5 | 3 | 2 | 1 | 1.5 | 0.9 | 0.6 | 0.3 | 0.2 |      |
|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|---|---|---|---|-----|-----|-----|-----|-----|------|
| <b>Năm học</b>                                                          | <b>Tổng số GV</b> |   |   |   |   |     |     |     |     |     |      |
| 2018-2019                                                               | ...               |   |   |   |   |     |     |     |     |     |      |
| 2019-2020                                                               | ...               |   |   |   |   |     |     |     |     |     |      |
| 2020-2021                                                               | ...               |   |   |   |   |     |     |     |     |     |      |
| 2021-2022                                                               | ...               |   | 3 | 4 |   |     |     | 1.8 |     | 5.6 | 17.2 |
| 2022-2023                                                               | 6                 |   | 1 | 2 |   |     |     | 3   |     | 28  |      |

**Bảng 6.2.2. Tỷ lệ HV/GV của Ngành QLGD giai đoạn 2019 – 2023**

| <b>Năm</b> | <b>Số lượng GV quy đổi</b> | <b>Số lượng HV ngành ..... trình độ thạc sĩ</b> | <b>Tỷ lệ HV/GV</b> |
|------------|----------------------------|-------------------------------------------------|--------------------|
| 2018-2019  | ...                        |                                                 |                    |
| 2019-2020  | ...                        |                                                 |                    |
| 2020-2021  | ...                        |                                                 |                    |
| 2021-2022  | ...                        |                                                 |                    |
| 2022-2023  | 17.2                       | 83                                              | <b>4.8/1</b>       |

Tỷ lệ GV/NH theo từng năm ở bảng 6.2.2 như vậy về cơ bản là đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

Việc quy đổi về khối lượng công việc đối với GV theo giờ chuẩn được Nhà trường ban hành, hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành do BGD&ĐT ban hành [H6.06.02.06], trong đó có các quy định về quy đổi theo giờ chuẩn, hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo chuẩn và đo lường để giám sát, đánh giá và cải tiến. Phòng TCCB, trường Đại học Vinh là đơn vị giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý. Khối lượng công việc của GV đều được quy đổi thành giờ chuẩn: *giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác*.

Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản Quy định chế độ làm việc của GV, NCV trong đó có các quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, NCV. Cụ thể về khối lượng và thời gian làm việc đối với từng đối tượng; quy định về tiết chuẩn nghĩa vụ; hướng dẫn quy đổi tiết chuẩn, tiết miễn giảm; thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác của GV, ... theo chuẩn và đo lường được để giám sát, đánh giá và cải tiến. Đối với mỗi GV, khối lượng công việc phải hoàn thành là .... tiết chuẩn giảng dạy và .... tiết chuẩn NCKH. Ngoài ra, GV còn tham gia các hoạt động khác như: viết tài liệu giảng dạy học tập, hướng dẫn HV NCKH, viết ĐCCT HP và tham gia xây dựng, cập nhật, sửa đổi CTĐT, chấm thi, công tác đoàn thể, tham gia học tập bồi dưỡng để nâng cao năng lực cá nhân. Về NCKH, tùy theo chuyên môn, Khoa chia nhiệm vụ NCKH phù hợp với chuyên môn và học vị của từng GV, NCV qua nhiều hình thức khác nhau: nghiên cứu các đề tài cấp Trường; viết bài đăng công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín; viết các bài báo hoặc báo cáo tham luận tại các hội thảo/hội nghị; biên soạn tài liệu giảng dạy/học tập; hướng dẫn HV làm NCKH [H6.06.02.07] [H6.06.02.08].

Căn cứ vào năng lực GV, nhu cầu tuyển sinh, đào tạo, cân đối nhân lực, hằng năm ngành QLGD phân công khối lượng công tác, khối lượng hướng dẫn chuyên đề nghiên cứu, luận văn tốt nghiệp của mỗi chức danh theo đúng quy định của Nhà trường và của Bộ GD&ĐT về giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát và đánh giá định kỳ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng kỳ, GV ngành QLGD thực hiện phân công chuyên môn cho GV dựa trên bản mô tả công việc của từng GV. Sau khi thực hiện theo bảng phân công chuyên môn, Nhà trường thống kê khối lượng công việc của GV theo giờ chuẩn và thực hiện qui đổi [H6.06.02.09]. Nhà trường cũng có quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV để làm cơ sở đánh giá và phân loại công chức, viên chức; Ban hành Quy định, đánh giá phân loại viên chức và người lao động để xác định mức độ đáp ứng công việc của GV. Cuối năm học, căn cứ vào Bản mô tả vị trí công việc và phân công khối lượng giảng dạy, NCKH và các biên bản giao nhận nhiệm vụ hằng năm, các GV thực hiện việc tự đánh giá thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ.... GV đối sánh với kế hoạch cá nhân đề ra vào đầu năm theo 4 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa/Viện và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Nhà trường có chính sách đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, các hình thức khen thưởng khác [H6.06.02.10]. Ngoài ra, việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy

đổi giờ chuẩn còn được hỗ trợ bởi Cổng thông tin cán bộ là phần mềm nằm trong hệ thống thông tin tổng thể của Trường Đại học Vinh ([canbo.vinhuni.edu.vn](http://canbo.vinhuni.edu.vn)). Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định về quản lý các hoạt động KHCN của trường ĐH Vinh [H6.06.02.11]. Phòng thanh tra-pháp chế, Phòng ĐTSĐH, Phòng NCKH&HTQT và Khoa cùng tham gia vào việc giám sát khối lượng công việc của các CB-GV-NV, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo cho kết quả giảng dạy, NCKH và các mặt hoạt động khác của Trường, Khoa ngày càng được cải tiến và chất lượng. Việc quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV có điều chỉnh hằng năm. Ví dụ, để tăng cường công tác NCKH và PVCD, Nhà trường đã thay đổi quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên [H6.06.02.12].

Để hỗ trợ cho công tác đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của HV đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho GV và các cán bộ quản lý để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của HV đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên, Nhà trường và ngành QLGD có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong 5 năm gần đây, hầu hết các GV ngành QLGD đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Hầu hết các GV ngành QLGD đều được đánh giá ở mức lao động tiên tiến trở lên. Các GV đều rất hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc [H6.06.02.13].

### 2. Điểm mạnh

- Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho HV trình độ thạc sĩ ngành QLGD, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/NH và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCD.

- Có các tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường khối lượng công việc của GV. Khối lượng công việc của GV được đo lường, giám sát thường xuyên, kết quả đánh giá việc hoàn thành khối lượng công tác làm căn cứ cho việc cải tiến các hoạt động đào tạo của Khoa và Nhà trường.

### 3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện |      |
|----|----------|----------|-------------------------|---------------------|------|
|    |          |          |                         | Bắt                 | Hoàn |

|    |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                   | <b>đầu</b> | <b>thành</b> |
|----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------|--------------|
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc.                                                                                                                                                                                                                                                                       | Nhà trường ngành QLGD; Phòng TCCB | 6/2022     | Hàng năm     |
| 2. | Phát huy điểm mạnh     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV để đảm bảo Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/sinh viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ.</li> <li>- Thường xuyên rà soát các tiêu chí để đo lường khối lượng công việc của GV. Định kỳ đánh giá, đo lường khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao hằng năm của GV.</li> </ul> | Nhà trường ngành QLGD, Phòng TCCB | 6/2022     | Hàng năm     |

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

#### 1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Trường Đại học Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển qua từng giai đoạn, trong đó kế hoạch về phát triển đội ngũ GV là yếu tố cốt lõi [H6.06.03.01]. Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển, ban hành các kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV [H6.06.03.02] [H6.06.03.03]. Việc tìm kiếm các ứng viên phù hợp với các yêu cầu phát triển của Khoa và của Nhà trường đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để tuyển chọn được đội ngũ GV cho các vị trí Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn,

khả năng sử dụng ngoại ngữ. Các tiêu chí tuyển dụng GV bao gồm: 1) *Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt*; 2) *Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ*; 3) *Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc*; 4) *Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp*; 5) *Lý lịch bản thân rõ ràng*. Các tiêu chí này có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV [H6.06.03.04] [H6.06.03.05]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, viên chức, rà soát đề án việc làm và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng giảng viên cho các đơn vị. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn (đối với cán bộ giảng dạy). Với các ứng viên thi tuyển vào ngạch giảng viên thì phải có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6, phải vượt qua sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức giảng và phỏng vấn: mỗi ứng viên soạn giáo án nội dung 01 tín chỉ của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương đương 15 tiết), bốc thăm giảng 01 trong 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Hội đồng tuyển dụng. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, Nhà trường thông báo công khai chỉ tiêu và các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV trên website của Nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng... [H6.06.03.06]. Kết quả thi tuyển được thông báo trên trang thông tin của Nhà trường. Trong 1 năm tập sự, GV mới thường được Khoa phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ. Sau khi hết 01 năm tập sự và đạt được các yêu cầu của Trường và Khoa sẽ được chính thức ký hợp đồng vào ngạch giảng viên. Trong 5 năm qua, ngành .... đã tuyển dụng được .... cán bộ giảng dạy đáp ứng các tiêu chí đề ra nêu trên.

Hàng năm, Nhà Trường cũng đã mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho toàn thể CB-GV-NV trong toàn trường [H6.06.03.07].

Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Trong đó có quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (Giảng viên chính, Giáo sư, Phó Giáo sư). Ngoài ra, Trường cũng đề ra những tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như Trưởng khoa, Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm chức danh Lãnh đạo còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của CB và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ CB lãnh đạo quản lý của Khoa và Nhà trường [H6.06.03.08][H6.06.03.09]. Việc bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong ngành QLGD được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định [H6.06.03.10]

[H6.06.03.11]. Hằng năm, Nhà trường và Khoa đã thực hiện thống kê, rà soát lại đội ngũ GV, NCV được tiếp nhận, bổ nhiệm để có cơ sở đánh giá, xác định lại các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để có những điều chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển của xã hội. Các nội dung quy định về tiêu chí đánh giá năng lực GV được Nhà trường triển khai đến toàn thể CB-GV-NV và lấy ý kiến thông qua các thông báo góp ý, qua các buổi sinh hoạt bộ môn, Khoa, qua khảo sát ý kiến CB-GV-NV ở tổng kết năm học, ...nhằm đảm bảo tính thống nhất và công khai các tiêu chí đánh giá năng lực CB-GV-NV trước khi ban hành chính thức [H6.06.03.12].

## 2. Điểm mạnh

- Trường Đại học Vinh đã ban hành những quy định cụ thể trong tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển trên cơ sở vận dụng các văn bản pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, các nội dung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên do Nhà trường ban hành cũng được thảo luận rộng rãi, công khai trước khi đưa ra quy định chính thức bằng văn bản, cập nhật trên I-office của Nhà trường.

- Công tác CB của ngành QLGD được thực hiện theo Quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV rõ ràng, minh bạch, công khai. Đội ngũ GV của Khoa đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm.

## 3. Điểm tồn tại

- Việc thu thập thông tin góp ý xây dựng văn bản quy định của Nhà trường bằng hình thức thủ công, gây tốn kém thời gian và nhân lực để tổng hợp thông tin phản hồi. Dữ liệu điện tử trên I-Office khó tìm kiếm và chưa đầy đủ.

- Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị, người thực hiện           | Thời gian thực hiện |            |
|----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|------------|
|    |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                   | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập các ý kiến như Google form.</li> <li>- Về IOffice cần tải đầy đủ hơn các văn bản cũ, phân loại thông tin, từ khóa tìm kiếm.</li> <li>- Đa dạng hóa các hình thức thông</li> </ul> | Nhà trường<br>Khoa;<br>Phòng TCCB |                     | Hàng năm   |

|    |                    |                                                                                                                                                                                                        |            |  |          |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|----------|
|    |                    | báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu sinh viên. |            |  |          |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Phát huy và duy trì tốt những điểm mạnh đã có                                                                                                                                                          | ngành QLGD |  | Hàng năm |

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

#### 1. *Mô tả hiện trạng*

Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực là yếu tố tiên quyết quyết định đến sự phát triển của Nhà trường cũng như quyết định đến chất lượng đào tạo, NCKH. Trong đó, năng lực của GV đóng vai trò then chốt. Chính vì vậy trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của ngành QLGD nói riêng, việc đầu tư đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phấn đấu hàng đầu. Nhà trường có quy định rõ ràng đối với năng lực của giảng viên dựa trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng dạy (số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014; số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 [H6.06.04.01], bao gồm tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng giảng viên. Ngay từ khâu tuyển dụng, năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành. Trường Đại học Vinh đã phát hành Sổ tay Giảng viên, theo đó, năng lực của của giảng viên được xác định rõ ràng, bao gồm: năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực tổ chức cho sinh viên NCKH; năng lực ngoại ngữ. Ngoài ra tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ GV được mô tả chi tiết trong bản mô tả vị trí công việc [H6.06.04.02]. Hiện nay, tất cả các GV của ngành QLGD đều có khả năng tự thiết kế và thực hiện CTDH. Đây là cơ sở để có thể thực hiện hoạch định nguồn nhân lực, kế hoạch kế cận đồng thời hỗ trợ cho kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, xây dựng chế độ chính sách và đánh giá nhân sự. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV, NCV [H6.06.04.03].

Năng lực của GV, NCV được đánh giá hằng năm. Nhà trường có kế hoạch và văn bản hướng dẫn để thực hiện quy trình đánh giá năng lực của GV theo quy định. Nhà trường và Khoa TC-TM đã xác định năng lực của mỗi GV thể hiện qua trình độ

chuyên môn (TS, ThS, ...), chức danh (GS, PGS), trình độ ngoại ngữ (văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ), trình độ tin học (văn bằng chứng chỉ theo quy định), năng lực sư phạm (chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm).

Về định lượng, năng lực của GV được đánh giá trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Năng lực đào tạo của GV được thể hiện ở hoạt động giảng dạy trên lớp (ý kiến đánh giá nhận xét của NH và đồng nghiệp), hướng dẫn luận văn ThS và luận án TS; năng lực của GV về NCKH được xác định từ kết quả NCKH như số lượng đề tài, dự án các cấp chủ trì hoặc tham gia thực hiện, số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố, các sản phẩm khoa học được ứng dụng trong thực tiễn, biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo... Đối với GV, các năng lực về giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được quy định rất rõ trong Quy định về chế độ làm việc đối với GV. Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của GV còn được triển khai thông qua hệ thống thanh tra, kiểm tra của Trường và ngành QLGD, thông qua hoạt động dự giờ và ý kiến đánh giá của bộ môn, thông qua khảo sát ý kiến của NH về hoạt động giảng[H6.06.04.04], [H6.06.04.05].

Nhà trường ban hành các quy định và các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, nghiên cứu viên để đánh giá kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thành tích lao động của CB-GV-NV [H6.06.04.06]. Các chính sách này giúp Nhà trường, Khoa đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các quy định, chính sách về đánh giá và khen thưởng và được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (*Ngày thành lập trường, ngày Khai giảng, ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và Lễ tổng kết năm học*) Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đã đạt thành tích cao trong đào tạo, NCKH và PVCĐ [H6.06.04.07]. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia các hoạt động khác từ sự theo dõi của VPT, thông tin ghi nhận và báo cáo của Ban thanh tra; P.ĐT-KT, thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, Đoàn thanh niên, kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của BCN Khoa đối với từng cá nhân của Khoa TC-TM. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau như:

*Đối với GV:* Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Chất lượng thực hiện các công tác chung của Khoa, Trường theo sự phân công của lãnh đạo; Mức độ chấp hành nội quy của Trường. Ngoài ra, đối với các GV giảng dạy trình độ ThS trở lên có thêm tiêu chí hướng dẫn học viên viết luận văn ThS, hướng dẫn nghiên cứu sinh viết chuyên đề và luận án TS (đối với GV có bằng TS).

*Đối với CBQL, NV:* Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao; Mức độ chấp hành nội quy của Trường; Mức độ tham gia các công tác chung, phong trào của đơn vị và Trường. Kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học là kết luận cuối cùng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của CB-GV-NV.

Hàng năm, Trường Đại học Vinh thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức do Nhà trường ban hành. Cuối mỗi năm học, các giảng viên đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh được giao; Bộ môn và lãnh đạo Khoa đánh giá; cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá; bình xét xếp loại thi đua theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó, ngành QLGD tiến hành họp với toàn bộ GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Nhà trường và gửi kết quả cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá để bình xét kết quả thi đua cuối năm [H6.06.04.06]. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Hiệu trưởng Nhà trường ban hành văn bản quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học. Kết quả đánh giá năng lực hằng năm của GV của ngành QLGD trong 5 năm liên tiếp từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 cho thấy, tất cả các giảng viên của ngành QLGD đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H6.06.04.07].

Ngoài ra năng lực của đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua kết quả khảo sát HV về chất lượng giảng dạy của GV trong năm học, đây là một kênh quan trọng để xác định năng lực chuyên môn của đội ngũ GV. Sau khi tổng hợp phân tích kết quả khảo sát ý kiến của HV về hoạt động giảng dạy của GV. Nhà trường sẽ gửi kết quả cho Khoa để giúp GV tổng kết lại hoạt động giảng dạy của mình [H6.06.04.05], để từ đó có thể có thể phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế nếu có, nhằm ngày càng nâng cao năng lực và có căn cứ để xây dựng kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng để đạt chuẩn GV theo quy định.

## *2. Điểm mạnh*

- Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, NCV có quy trình cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá, đảm bảo việc đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực đội ngũ.

- Đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và hoạt động cộng đồng hàng năm. Nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH.

## *3. Điểm tồn tại*

- Còn một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng

công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế.

- Các thông tin về định mức của giảng viên cập nhật chưa kịp thời như định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác.

- Trình độ ngoại ngữ và năng lực NCKH của các GV trong Khoa chưa đồng đều.

#### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị, người thực hiện    | Thời gian thực hiện |            |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|------------|
|    |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                            | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho giảng viên hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế.</li> <li>- Cần cập nhật thông tin về định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác của GV vào đầu năm học.</li> <li>- Khoa cần yêu cầu tất cả các CB, GV xây dựng kế hoạch cụ thể tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, thường xuyên nghiên cứu sách báo, tài liệu, tham gia các buổi nghiệm thu các đề tài NCKH của các đồng nghiệp để học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng về NCKH cho bản thân, khắc phục những điểm còn yếu trong NCKH</li> </ul> | Trường ĐHV ngành QLGD TCCB | 6/2022              | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh     | Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường đề ra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | ngành QLGD                 | 6/2022              | Hàng năm   |

#### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

### *1. Mô tả hiện trạng*

Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đòi hỏi Nhà trường và mỗi CB-GV-NV không ngừng nỗ lực để từng bước đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ tin học ngoại ngữ để không lạc hậu so với các trường Đại học trong khu vực và trên thế giới. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn, trong đó có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt [H6.06.05.01]. Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực là bước đầu tiên quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Trường Đại học Vinh và ngành QLGD đã thực hiện khảo sát và tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của GV chủ yếu được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu của từng Bộ môn thông qua Kế hoạch phát triển năm học của các Bộ môn, đồng thời thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá nhu cầu trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường và của Khoa [H6.06.05.02], [H6.06.05.03].

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo của từng Bộ môn, ngành QLGD đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và kế hoạch đào tạo hàng năm. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ GV giai đoạn 2018 - 2022; Kế hoạch bổ nhiệm các chức danh GS, phó GS cũng như kế hoạch thi thăng hạng viên chức đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng phát triển đội ngũ của từng đơn vị. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên của ngành QLGD được xây dựng dựa trên yêu cầu thực tế. Hàng năm, căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng giảng viên, ngành QLGD rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt. Nhà trường đã tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, đặc biệt là đào tạo GV có trình độ cao.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn của Khoa: có đầy đủ đội ngũ GV tiến sĩ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ học viên chất lượng cao. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV trẻ tham gia [H6.06.05.04] [H6.06.05.05].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được triển khai thực hiện. Có ít nhất 75% số GV, NCV được đào tạo, bồi

dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Nhà trường. Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả, từ năm 2018 đến nay ngành đã có thêm ... tiến sĩ, nâng số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên trong ngành lên hiện nay lên.... %. Khoa và Nhà trường có chủ trương khuyến khích giảng viên phát triển chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế [H6.06.05.06].

Trường đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lý hành chính, lý luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý cũng như cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đã được nhà trường triển khai hoàn thành kế hoạch đặt ra hàng năm [H6.06.05.07]. Trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác. Nhà trường còn có các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ GV tham gia học tập, nâng cao trình độ, trong đó có qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng [H6.06.05.08].

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường giám sát, đánh giá hàng năm. Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị được phân công thực hiện việc giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của GV. Thông qua hoạt động báo cáo, đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát và ghi nhận. Các GV tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước phải báo cáo tình hình, kết quả cũng như tiến độ học tập cho Khoa và Nhà trường. Sau khi hoàn thành khóa học, GV báo cáo kết thúc chương trình để làm cơ sở cho Nhà trường tiếp nhận và bố trí công tác hợp lý theo nhu cầu. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt hiệu quả cao [H6.06.05.09].

## *2. Điểm mạnh*

- Khoa và Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.
- Nội dung đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú, phù hợp với nhu cầu của GV.
- Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...).

## *3. Điểm tồn tại*

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và ngành QLGD được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa.

- Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

#### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện |            |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|------------|
|    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                           |                         | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại  | - Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên<br>- Cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.                                                          | Nhà trường, ngành QLGD  | 6/2022              | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.<br>- Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ<br>- Tiếp tục có các chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ học tập | Phòng TCCB, ngành QLGD  |                     | Hàng năm   |

#### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

##### 1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ GV, NCV trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD đóng vai trò then chốt. Trường Đại học Vinh đã xây dựng và ban hành các quy định, quy chế với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCD đáp ứng theo

đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau, riêng đối với GV sẽ đánh giá dựa trên: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Khối lượng, chất lượng các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.06.01] [H6.06.06.02]. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.03] [H6.06.06.04]. Quá trình xây dựng các quy chế, quy định đánh giá hiệu quả công việc được công khai xin ý kiến của các GV trong nhà trường thông qua các buổi họp của Khoa và các đợt lấy ý kiến chung của toàn trường [H6.06.06.05].

Trên cơ sở các quy định và tiêu chí đã được ban hành, Nhà trường và ngành QLGD có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đối với GV, trong đó có phân công cụ thể, mô tả chi tiết các công việc, nhiệm vụ cho từng ngạch cán bộ giảng dạy theo quy định đối với ngành giáo dục như hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCD, nhu cầu ĐTBĐ và các hoạt động khác, đồng thời đăng ký danh hiệu thi đua năm học. Đầu mỗi năm học, các Bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao, phân công cho từng GV theo quy định. Từ đó, mỗi GV sẽ lập kế hoạch năm học cụ thể, thể hiện nội dung công việc của bản thân và tiến độ thời gian hoàn thành để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện của Nhà trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Hệ thống các quy chế, quy định này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học. Trong đó, định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Vinh. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN [H6.06.06.06].

Nhà trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc trong hoạt động giảng dạy nghiên cứu, NCKH và hoạt động chuyên môn. Việc đánh giá kết quả công việc của CB - GV - NV luôn được công khai, minh bạch thông qua hệ thống quản lý online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học...[H6.06.06.07]. Cuối năm học, GV thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và đối sánh với kế hoạch đề ra đầu năm và TĐG mức độ hoàn thành công việc của bản thân để tự xếp loại theo các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ; Không xếp loại*. Căn cứ trên kế hoạch phân công giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác từng học kỳ của GV. Bộ môn tổng hợp khối lượng công việc để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó trình Hội đồng thi đua Khoa xem xét. Ngoài ra, lãnh đạo Khoa còn căn cứ vào bản mô tả công việc của GV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian

hoàn thành các công việc được giao trong năm học [H6.06.06.08]. Hội đồng thi đua Khoa sẽ tiến hành đánh giá nhân sự thuộc Khoa, xem xét, đánh giá, xếp loại và bình bầu các danh hiệu thi đua. Căn cứ vào đề xuất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Khoa, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường họp xét, bỏ phiếu tín nhiệm và đề nghị Hiệu trưởng quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng như: *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng*. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm [H6.06.06.09] [H6.06.06.10].

Tất cả các CB-GV-NV của Trường đều hài lòng về kết quả đánh giá hàng năm, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và của các cấp có thẩm quyền (Bộ GD&ĐT, Tỉnh/Thành phố). Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua của Khoa, của Trường dựa trên quy chế để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học của các CB-GV-NV làm cơ sở để tính tiền lương bổ sung và xem xét xếp lại ngạch, bậc lương, hệ số lương áp dụng cho năm học mới của CB-GV trong Khoa. Do đó, điều này khuyến khích được các CB, GV phấn đấu hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao, tăng cường cải tiến chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.06.11] [H6.06.06.12].

Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp CB, ngành QLGD nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và nhà trường. Trong các năm học giai đoạn 2018-2022, GV của ngành QLGD luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. 100% GV ngành QLGD hoàn thành hoặc vượt mức thực hiện giờ chuẩn, NCKH và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm giai đoạn 2018-2022 cho thấy gần 100% GV ngành QLGD được xếp loại lao động tiên tiến trở lên. Tất cả các CB, GV đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của CB, GV và kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Nhà trường [H6.06.06.13].

## 2. Điểm mạnh

- Nhà trường có hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hoạt động của GV, NCV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức.

- Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVEC của GV trong Khoa.

## 3. Điểm tồn tại

- Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng.

- Một số GV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, khối lượng còn đạt mức khá thấp. Chưa thấy nhiều các hoạt động phục vụ cho cộng đồng.
- Chưa có hệ thống theo dõi và đánh giá được mức độ và hiệu quả hành động của GV sau đánh giá.

#### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện |            |
|----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|------------|
|    |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                         | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | - Nhà trường cần xem lại việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nhà trường              | 01/2024             |            |
|    |                        | - Khoa cần điều phối hợp lý hơn để một số GV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu quả cao. Kế hoạch cụ thể cần có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                         | Khoa Tâm lý giáo dục    | 01/2024             |            |
|    |                        | - Nhà trường cần có hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động của GV sau đánh giá.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nhà trường              | 06/2022             |            |
| 2. | Phát huy điểm mạnh     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát thường xuyên hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể để đánh giá hoạt động của GV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.</li> <li>- Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</li> <li>- Tăng thêm chính sách khen thưởng về kết quả công việc để tạo động lực cho GV trong hoạt động</li> </ul> | Nhà trường              | 06/2022             |            |

|  |  |                                      |  |  |  |
|--|--|--------------------------------------|--|--|--|
|  |  | đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. |  |  |  |
|--|--|--------------------------------------|--|--|--|

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### 1. *Mô tả hiện trạng*

Trong kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, nghiên cứu, phát triển và đổi mới về KHCN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kì cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KHCN, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVN, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường [H6.06.07.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các văn bản có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện, cũng như các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ bao gồm seminar khoa học cấp Khoa, Bộ môn; seminar khoa học mời chuyên gia báo cáo; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Trường. Thông qua các hội thảo, Hội nghị trao đổi học thuật với các Nhà khoa học, việc quảng bá hình ảnh của Nhà trường và của Khoa ngày càng được tăng cao và hiệu quả [H6.06.07.02]. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập rõ ràng, trong đó có quy định số giờ NCKH cho các giảng viên theo hệ số lương như sau: hệ số lương > 6,2: 315 giờ; >5,76: 260 giờ; >4,40: 220 giờ; >4,32: 200 giờ; >3,33: 175 giờ; >2,34: 165 giờ (*trích từ quy định chế độ làm việc đối với giảng viên số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021*) [H6.06.07.03].

Trong bản kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra các mục tiêu NCKH cụ thể của từng cá nhân, trong đó ghi rõ các loại hình, các công trình nghiên cứu sẽ tham gia (tham gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn HV NCKH) đảm bảo số giờ phải nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh, ngoài ra còn quy định rõ tiến độ, thời gian thực hiện và các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu. Ban lãnh đạo Khoa và Trường căn cứ vào bản kế hoạch theo dõi, giám sát, tạo động lực, thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.04].

Số lượng và các loại nghiên cứu của GV Khoa/Viện trong 5 năm chu kỳ đánh giá vừa qua được thống kê cụ thể (*trong bảng 6.7.1; 6.7.2*). Từ năm 2019 - 2023, ngành QLGD có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, giáo trình, sách tham khảo được nghiệm thu, nhiều báo cáo khoa học của GV ngành QLGD được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành [H6.06.07.05][H6.06.07.06]. Trong thời gian qua, Trường Đại học Vinh cũng có nhiều chính sách ưu tiên nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học

của học viên, giúp học viên phát huy năng lực tư duy sáng tạo, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, biến các ý tưởng sáng tạo thành hiện thực, góp phần phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ cho đất nước [H6.06.07.07]. Về kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường [H6.06.07.08].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng nghiên cứu khoa học của ngành QLGD và của Nhà trường cũng như các tổ chức khác trong và ngoài nước. Các ấn phẩm khoa học bao gồm sách chuyên khảo; Giáo trình phục vụ giảng dạy các môn chuyên ngành; Tài liệu học tập các học phần chuyên ngành do Khoa quản lý; Các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; Các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín và các Hội thảo khoa học các cấp có Hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng.

Kết thúc năm học, trong báo cáo tổng kết năm học, ngành QLGD và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV quy đổi sang giờ NCKH theo Quy định đối với từng chức danh công tác nhằm đảm bảo các GV đều hoàn thành nghĩa vụ nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn 2018 đến 2022, các GV ngành QLGD đã thực hiện nhiều đề tài, bài báo khoa học có liên quan đến nội dung chương trình đào tạo, số lượng đề tài các cấp, các báo cáo khoa học đăng trên các Kỷ yếu hội thảo các cấp và các bài báo khoa học được đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành tăng lên đã góp phần truyền tải thông tin, kiến thức cùng với việc đưa ra những giải pháp thực tiễn về NCKH và phục vụ cộng đồng. Tất cả GV trong Khoa đều hoàn thành định mức giờ chuẩn NCKH. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài được tiến hành và nghiệm thu đúng tiến độ, một số kết quả nghiên cứu của đề tài được ứng dụng trong thực tiễn: đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá trong đào tạo ngành QLGD [H6.06.07.09][H6.06.07.10]. Kết quả NCKH của Khoa sẽ được nghiên cứu, đối sánh giờ NCKH từng GV phải thực hiện với số giờ NCKH thực tế đã thực hiện của mỗi cán bộ, từ đó nghiên cứu điều chỉnh nhằm cải tiến số lượng và chất lượng NCKH được thể hiện qua sổ tay NCKH hàng năm của GV và kết quả đánh giá, phân loại giảng viên hàng năm. Sau mỗi lần đối sánh, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV đã có sự cải thiện [H6.06.07.11] [H6.06.07.12]. Nhà trường cũng có hình thức khen thưởng đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín để tạo động lực cho các GV [H6.06.07.13] [H6.06.07.14]. Với các thành tích về NCKH, hàng năm ngành QLGD đã có nhiều GV được Hội đồng thi đua cấp Trường xếp loại hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học [H6.06.07.15].

Hàng năm, thông qua các Hội nghị công chức viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết cuối năm, tổng kết công tác Đảng, bộ môn, Khoa và Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ giảng dạy về kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn và

các đề xuất trong NCKH. Việc làm thường niên này giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ NCKH của mình. Từ đó, có những định hướng chiến lược thích hợp nhằm nâng cao chất lượng, số lượng các công trình NCKH, trao đổi xu hướng mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, đồng thời thúc đẩy phong trào NCKH của Khoa [H6.06.07.16].

## 2. Điểm mạnh

- Có hệ thống văn bản cụ thể về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH mà GV và NCV phải thực hiện.

- Các hoạt động nghiên cứu khoa học của GV và NCV được định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng, được giám sát và đối sánh hàng năm bởi các cá nhân, Khoa/Viện, phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế và có cải tiến chất lượng qua hàng năm.

- Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ. Bên cạnh đó, các GV còn xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí uy tín cũng chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ NCKH của GV.

## 3. Điểm tồn tại

- Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế.

- Số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn ít.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện  | Thời gian thực hiện |            |
|----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------|------------|
|    |                        |                                                                                                                                                                                                                                                  |                          | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường đầu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước.</li> <li>- Tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế.</li> </ul>                                  | Phòng KH&HTQT, Khoa TLGD | 6/2022              | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên rà soát lại các hệ thống văn bản các loại hình hoạt động NCKH.</li> <li>- Định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng và giám sát, đối sánh, cải tiến hàng năm các hoạt động NCKH</li> </ul> | Phòng KH&HTQT, Khoa TLGD | 6/2022              | Hàng năm   |

|  |  |                                                                                                         |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  |  | - Thường xuyên có kế hoạch bổ sung, nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV trong Khoa. |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 6**

#### **1. Điểm mạnh**

Trường ĐH Vinh đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Nhà trường đã quan tâm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên thực hiện các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Công tác quy hoạch đội ngũ của Khoa TLGD học được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.

Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

Khoa TLGD có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu để giảng dạy cho sinh viên ngành QLGD, đảm bảo hợp lý khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên/sinh viên. Công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm giảng viên được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Hàng năm, Khoa TLGD và Nhà trường đều thực hiện đánh giá năng lực giảng viên với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau. Khoa bước đầu đã có các công bố quốc tế đạt yêu cầu về chất lượng và số lượng.

Nhà trường và Khoa TLGD đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên. Việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá hàng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của giảng viên đã tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động

đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên Khoa TLGD, ngành QLGD

Do làm tốt công tác quy hoạch cán bộ cũng như bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên nên hoạt động NCKH của giảng viên Khoa TLGD phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản. Nhiều đề tài NCKH cấp Trường và cấp Bộ đã được các giảng viên ngành QLGD hoàn thành với kết quả tốt. Chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên ngành QLGD được cải thiện theo từng năm.

## 2. Điểm tồn tại

Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành QLGD đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi. Năng lực NCKH của đội ngũ giảng viên còn hạn chế.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

Một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...Khoa chưa xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên được Nhà trường và ngành QLGD tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Qua thống kê đánh giá theo dõi cho thấy một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều. Kế hoạch cụ thể của từng giảng viên chưa đầy đủ và chưa có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của ngành chưa nhiều. Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của ngành chưa nhiều chưa đáp ứng được yêu cầu; Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế. Số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu giảng viên chưa tương xứng tiềm năng và thế mạnh của Khoa. Các công trình nghiên cứu

mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường còn hạn chế. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường chưa được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

## **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

### **Mở đầu**

Trường Đại học Vinh có đội ngũ nhân viên trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ vững vàng hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo của Nhà trường nói chung và Khoa TLGD nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, trung tâm ĐBCL, các dịch vụ hỗ trợ khác...) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên được Nhà trường thường xuyên tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện qua nhiều hình thức đảm bảo tính công bằng, khách quan và ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng hợp lý.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong từng giai đoạn. Trường Đại học Vinh đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, đề ra chiến lược phát triển đội ngũ thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của trường trong giai đoạn này, trong đó có giải pháp tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp điều kiện thực tế [H7.07.01.01].

Để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự, Nhà trường có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào nhu cầu và quy mô đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành đánh giá, phân tích tình trạng đội ngũ nhân viên của Trường và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên trong tương lai. Từ đó, Nhà trường thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được các yêu cầu, Trường cũng đã xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định rõ nhiệm vụ, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm của nhân viên [H7.07.01.02]. Mặt khác, Trường cũng xây dựng Quy định tuyển dụng với tiêu chí tuyển dụng, quy trình tuyển dụng chặt chẽ, công khai minh bạch để tuyển dụng được CB, nhân viên có chất lượng cho bộ máy nhân sự của trường. Những cá nhân thi tuyển vào vị trí viên chức của Trường, sau khi trúng tuyển đều phải trải qua thời gian

tập sự theo quy định. Trong thời gian tập sự viên chức được làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng; người hướng dẫn và các đơn vị thuộc Trường có liên quan đến công tác tập sự của viên chức. Trong thời gian thực hiện chế độ tập sự, Trường quan tâm cử viên chức tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp trước khi bổ nhiệm. Thời gian tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian thực hiện chế độ tập sự. Đối với các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ tập sự Trường đã cho chấm dứt hợp đồng theo quy định. Vì vậy, các cán bộ, viên chức, người lao động sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận hầu hết đã thể hiện được năng lực, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc [H7.07.01.03].

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ được Nhà trường ưu tiên cho những người có bằng cấp cao, phù hợp với công việc; ưu tiên ứng viên tốt nghiệp loại giỏi ở các trường Đại học; ưu tiên người có nhiều kinh nghiệm... Ngoài ra những SV tốt nghiệp tại trường có kỹ năng mềm tốt, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và CNTT được giữ lại phục vụ ở các trung tâm thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành tin học, ngoại ngữ, phòng xử lý học vụ, hành chính [H7.07.01.04]. Về thu nhập hàng tháng, ngoài thu nhập từ tiền lương theo ngạch bậc, mỗi nhân viên còn được hưởng thêm một khoản thu nhập tăng thêm theo từng vị trí công tác Bên cạnh đó, cũng như tất cả các viên chức khác, các nhân viên hỗ trợ cũng được nhận thêm các khoản tiền hỗ trợ vào những dịp lễ, Tết. Ngoài ra, Trường cũng cam kết tạo điều kiện cho nhân viên hỗ trợ được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ khi có nhu cầu, chính sách khen thưởng, tăng lương trước thời hạn trong trường hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H7.07.01.05].

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên. Đầu mỗi năm học, căn cứ vào nhiệm vụ của mình, các phòng, ban, trung tâm phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với Đề án vị trí việc làm của Nhà trường. Nhà trường tổng hợp, phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên toàn trường, đối chiếu với đề án vị trí việc làm. Trên cơ sở đó, Nhà trường phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị [H7.07.01.06]. Bên cạnh đó, nhằm phát triển năng lực và linh hoạt đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã có chính sách luân chuyển nhân viên hành chính. Sau 05 năm làm việc, mỗi nhân viên sẽ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù), đảm bảo cho đội ngũ nhân viên có thể “giỏi một việc và biết làm nhiều việc”, tạo ra sự linh hoạt, tươi mới trong công việc, đồng thời cũng đảm bảo sự công bằng đối với tất cả các nhân viên, cán bộ hành chính ở các đơn vị khác nhau [H7.07.01.07].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác đào tạo ngành Quản lý giáo dục được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm của Nhà trường. Trường Đại học Vinh hiện có ....nhân viên làm việc ở các trung tâm, phòng, viện, trạm, nhà xuất bản, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường. Đội ngũ nhân viên làm việc ở các Trung tâm như Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Công nghệ thông tin.... Đội ngũ nhân viên của các phòng ban như phòng ĐTSĐH, phòng công tác chính trị HSSV, phòng TCCB, phòng Quản trị - Đầu tư, phòng KH&HTQT, phòng KH-TC... đa số có trình độ thạc sĩ trở lên, có nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được qui định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đề án vị trí việc làm của mỗi đơn vị hành chính, Trường đơn vị mô tả công việc của từng thành viên trong đơn vị và xây dựng bản phân công nhiệm vụ từng người, công khai lên website để tiện cho người khác liên hệ công việc [H7.07.01.08]. Bên cạnh đó, ngành Quản lý giáo dục cũng được hỗ trợ trực tiếp bởi đội ngũ các chuyên viên chuyên quản, các chuyên viên chuyên quản có nhiệm vụ là đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin do các đơn vị đào tạo phản ánh thuộc lĩnh vực công tác, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị [H7.07.01.09]. Phòng ĐTSĐH hỗ trợ các công tác đào tạo, hành chính, ... đây cũng là nơi liên lạc hành chính cho HV của Trường. Phối hợp với Viện, Khoa hướng dẫn HV quy trình thủ tục giao đề tài, phản biện và bảo vệ luận văn, luận án tốt nghiệp theo quy định của BGDĐT và của Nhà trường; Tiếp nhận và phối hợp với các đơn vị xử lý các giấy tờ, hồ sơ liên quan đến đào tạo SDH; Đề xuất tổ chức và quản lý các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn SDH để nâng cao trình độ chuyên môn cho các đối tượng đã tốt nghiệp đại học và SDH. Ngoài ra, ngành Quản lý giáo dục còn có đội ngũ cán bộ hỗ trợ cấp chương trình đào tạo gồm: .... chuyên viên phụ trách công tác văn phòng, ... chuyên viên phụ trách quản lý công tác chính trị HV; có ..... trợ lý đào tạo (trợ lý đào tạo chuyên trách và trợ lý đào tạo trực tuyến) và ..... trợ lý Đảm bảo chất lượng; có ..... giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập cho các khóa đào tạo từ năm thứ nhất đến năm cuối; các lớp học viên cũng được phân công ..... giảng viên làm nhiệm vụ chủ nhiệm lớp [H7.07.01.10]. Các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như kỹ năng tin học, công tác văn thư. Các nhân viên chuyên trách làm việc hành chính, các giảng viên kiêm nhiệm chủ động đăng ký lịch trực, làm việc tùy theo yêu cầu công việc và được hưởng các chế độ theo quy định của Trường.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan khác về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo

sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV cho thấy người học khá hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ NV của Nhà trường nói chung và của Khoa TLGD nói riêng trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H7.07.01.09]. Kết quả phản hồi từ các bên liên quan giúp Nhà trường và các đơn vị có liên quan có thêm cơ sở để quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành các chính sách thu hút, tuyển dụng để đảm bảo đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc theo từng năm từng giai đoạn rõ ràng

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa TLGD đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa. Cán bộ hỗ trợ cấp chương trình đào tạo của khoa làm việc rất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

## 3. Điểm tồn tại

Tính chuyên nghiệp và năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ (quản lý nhà học, thư viện...) còn hạn chế, đặc biệt là năng lực về công nghệ thông tin. Vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện mô tả thật cụ thể vị trí việc làm, những yêu cầu có tính chất đặc thù của đơn vị mình.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | <p>Thường xuyên tổ chức rèn luyện, bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp cho đội ngũ nhân viên phục vụ.</p> <p>Trường đẩy mạnh phát triển đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực về CNTT để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Trường.</p> <p>Rà soát hoàn thiện và cập nhật đề án vị trí việc làm của nhân viên từng đơn vị và trong toàn</p> | Phòng Tổ chức cán bộ    | Định kỳ hàng năm                    |         |

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện                | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|---------|
|    |                    | Trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                        |                                     |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Làm tốt công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.<br>Tiếp tục định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm đối với đội ngũ chuyên viên/nhân viên/kỹ thuật viên làm việc tại các đơn vị hành chính cũng như ở các đơn vị đào tạo, bảo đảm về số lượng, tiêu chuẩn phù hợp với sự phát triển của Trường cũng như các yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. | Ban giám hiệu;<br>Phòng Tổ chức cán bộ | Định kì hàng Năm                    |         |

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

*1. Mô tả hiện trạng*

Căn cứ vào Điều lệ Trường đại học được Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2010, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Trường đại học Vinh đã ban hành các quy định cụ thể về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên như: Nghị quyết ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường Đại học Vinh số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023; Quy định về luân chuyển cán bộ của Trường Đại học Vinh số 06/QĐ-ĐU ngày 27/2/2023,...trong đó nêu rõ phạm vi áp dụng, điều kiện, tiêu chuẩn, hội đồng tuyển dụng, hình thức tuyển dụng..., xác định rõ ràng các tiêu chí và quy trình chặt chẽ để tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên. Về tiêu chuẩn tuyển dụng, ngoài tiêu chuẩn chung, còn có các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh.

*Tiêu chuẩn chung:* Được quy định tại điều 4 Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023 của Trường Đại học Vinh.

*Tiêu chuẩn cụ thể:* Đối với chức viên chức hành chính: được quy định cụ thể tại

điều 6, điều 7 Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023.

Trong đó, tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn [H7.07.02.01]. Các yêu cầu, mô tả công việc của đội ngũ nhân viên ở các trung tâm, phòng ban chức năng được mô tả tại mục chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ trên Subweb của từng đơn vị chức năng của Trường [H7.07.02.02].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Trường xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/ khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý rộng rãi trong toàn Trường.

Nhà trường gửi Bản dự thảo cho các đơn vị trong Trường góp ý. Sau góp ý của các đơn vị trong Trường, Phòng Tổ chức Cán bộ tiến hành bổ sung, chỉnh sửa nội dung Quy chế. Hồ sơ góp ý cho bản Quy chế được gửi về Trường (qua phòng Tổ chức Cán bộ) hoặc qua địa chỉ Email, ngoài ra toàn văn dự thảo được đăng trên trang Web của Phòng Tổ chức Cán bộ, địa chỉ: <https://vinhuni.edu.vn> và eoffice của Trường. Căn cứ đề xuất tuyển dụng mới nhân sự của các phòng, ban, trung tâm và khoa, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị; đồng thời, ban hành Thông báo tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng với các tiêu chí cụ thể cho từng vị trí việc làm. [H7.07.02.03]. Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước theo quy trình tuyển dụng: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường.

Đội ngũ cán bộ quản lý các phòng ban chức năng của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng GV, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lý. Trường thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý cho các đơn vị phòng ban chức năng, đảm bảo tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [H7.07.02.04]. Việc xác lập tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển chủ yếu chỉ dựa trên nhu cầu cụ thể từng năm của các đơn vị nên còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất. Hiện nay, Nhà trường đã triển khai tái cấu trúc lại bộ máy để góp phần tinh giản đội ngũ cán bộ, giảm số lượng các tổ chức không cần thiết, đặc biệt là đội ngũ cán bộ hành chính để tạo tiền đề cho việc tự chủ của trường trong vài năm tới theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H7.07.02.05].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới

toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và công khai bằng nhiều hình thức bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường, trên hệ thống thông tin eOffice và trên các phương tiện thông tin đại chúng [H7.07.02.06]. Việc làm này đã giúp cho công tác tuyển dụng nhân viên của Nhà trường được công khai, minh bạch và công bằng. Vì vậy, cho đến nay, Nhà trường không nhận được các khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Các tiêu chí này được phổ biến công khai. Nhờ vậy, đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT của Khoa TLGD được đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

## 3. Điểm tồn tại

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                | Đơn vị, người thực hiện                                      | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Định kỳ phân tích, kết quả khảo sát ý kiến góp ý của các bên để ban hành bộ tiêu chí tuyển dụng nhân viên thống nhất, hiệu quả.                                                         | Phòng Tổ chức cán bộ                                         | Năm 2022                            |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Hoàn thiện và cập nhật các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường trong từng thời điểm và giai đoạn. | Phòng Tổ chức cán bộ, Các phòng, ban, trung tâm và Khoa TLGD | Định kỳ hàng năm                    |         |

## 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

### 1. Mô tả hiện trạng

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng trong Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh và được xác định rõ ràng từng vị trí trong Đề án

vị trí việc làm và vị trí công việc tại các đơn vị [H7.07.03.01]. Đối với nhân viên làm việc tại Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào thì đội ngũ Thư viện viên, Chuyên viên làm việc phải đạt trình độ Đại học trở lên; Kỹ thuật viên tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật. Nhân viên làm việc tại Trung tâm công nghệ thông tin yêu cầu đối với Chuyên viên là tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành công nghệ thông tin; kỹ thuật viên phải tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, có trình độ tin học và khả năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị phục vụ công tác. Đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm Thực hành thí nghiệm yêu cầu đối với Chuyên viên là trình độ Đại học trở lên các chuyên ngành có thực hành, thí nghiệm; đối với cán sự, nhân viên yêu cầu tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên, sử dụng thành thạo các phương tiện phục vụ thực hành thí nghiệm và các thiết bị văn phòng. Bên cạnh đó, nhân viên phải nắm vững các quy định pháp luật, chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ được giao.

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Nhà trường ban hành các văn bản quy định tiêu chí đánh giá, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.02]. Phiếu đánh giá được thiết kế rõ ràng, thể hiện đầy đủ các tiêu chí đánh giá về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ [H7.07.03.03]. Các tiêu chí này là căn cứ để Khoa TLGD, các phòng, ban Nhà trường đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên của đơn vị mình theo quy trình chặt chẽ, góp phần xây dựng được đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất và năng lực để nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc được xếp loại hằng tháng và hằng năm theo 04 mức: A (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ); B (Hoàn thành tốt nhiệm vụ); C (Hoàn thành nhiệm vụ từ 70% trở lên); D (Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ). Công tác đánh giá được tổ chức thường xuyên theo quy trình chặt chẽ, thống nhất qua các bước: nhân viên tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá. Hằng tháng, các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại viên chức cho các nhân viên làm cơ sở để thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm. Quy trình đánh giá, xếp loại được thực hiện qua 5 bước: *Bước 1.* Tập hợp lỗi vi phạm (theo mẫu) của các cá nhân trong tháng (nếu có) từ các phòng ban liên quan, gửi về các đơn vị có cá nhân vi phạm và Phòng Tổ chức Cán bộ trước ngày 02 hằng tháng; *Bước 2.* Các đơn vị tự đánh giá, xếp loại kết quả lao động của tháng trước căn cứ theo các tiêu chí, thực hiện từ ngày 03 đến 05 hằng tháng; *Bước 3.* Các đơn vị gửi kết quả đánh giá, xếp loại về phòng Tổ chức cán bộ trước ngày 8 hằng tháng; *Bước 4.* Phòng Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra; *Bước 5.* Phòng Tổ chức Cán bộ trình Hiệu trưởng ký bảng kết quả tổng hợp, đánh giá, xếp loại lao động và phối hợp với Phòng Kế hoạch -

Tài chính tính toán thanh toán thu nhập tăng thêm vào tháng sau liền kề theo quy định [H7.07.03.04]. Định kỳ cuối năm học, cán bộ được đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học gồm 4 bước: (i) cán bộ tự đánh giá; (ii) tổ chuyên môn họp đánh giá xếp loại; (iii) ban lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và đệ trình lên Trường; (iv) Hội đồng thi đua - khen thưởng của Trường đánh giá và phê duyệt xếp loại. Nhân viên hỗ trợ tự đánh giá bằng phiếu chấm điểm thi đua cá nhân dành cho khối CB hành chính theo tiêu chí thi đua của Nhà trường, bao gồm các tiêu chí về *Tư tưởng, chính trị, phẩm chất, đạo đức lối sống; Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; Tổ chức kỷ luật, chế độ báo cáo, hội họp, tham gia các hoạt động tập thể, xây dựng khối đoàn kết; Học tập, bồi dưỡng chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ*. Sau đó, Khoa TLGD và Trường sẽ lần lượt đánh giá thông qua các cuộc họp Hội đồng Thi đua; đưa ra kết luận về điểm số và xếp loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan [H7.07.03.05]. Tuy nhiên, đối với tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cho các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể còn chưa có. Việc đánh giá này cũng gặp khó khăn do giờ làm việc của giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, hoạt động đoàn, công đoàn chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy của những giảng viên kiêm nhiệm này trong các kỳ học.

Nhà trường cũng định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và hoạt động chung của Nhà trường. Người học thực hiện khảo sát trực tuyến trong trang cá nhân trên phần mềm CMC của trường. Các mức đánh giá bao gồm: *Tốt* (mức độ đáp ứng từ 80% trở lên); *Khá* (mức độ đáp ứng từ 65 đến 79%); *Trung bình* (mức độ đáp ứng từ 50 đến 64%); *Chưa đạt* (mức độ đáp ứng dưới 50%). *Chưa tiếp xúc*. Từ đó, Nhà trường có báo cáo về việc phản hồi người học đối với các đơn vị hành chính. Việc đánh giá giúp các đơn vị hành chính cũng như Nhà trường có thể quản lý chất lượng phục vụ tốt hơn và là một cơ sở để đánh giá xếp loại nhân viên [H7.07.03.06]. Kết quả đánh giá thi đua hàng năm cũng cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm [H7.07.03.07].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy trình và phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên chặt chẽ, hiệu quả. Việc đánh giá được thực hiện thường xuyên

## 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên mới chỉ tiến hành đối với việc lấy ý kiến của người học. Chưa triển khai lấy ý kiến của đội ngũ giảng viên về hoạt động của đội ngũ nhân viên.

Chưa có tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cụ thể cho các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể. Việc sử dụng các kết quả

đánh giá làm căn cứ để cải tiến, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên chưa thực sự triệt để.

#### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Trường cần mở rộng đối tượng khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên để có kết quả khách quan hơn và chính xác hơn<br>Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực cho từng đối tượng cụ thể (giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm công tác hoạt động hỗ trợ đào tạo và nhân viên).<br>Cần nghiên cứu kỹ các kết quả đánh giá, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên | Phòng TCCB              | Hàng năm                            |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá đội nhân viên các phòng ban, trung tâm và cán bộ chuyên trách các Khoa/Viện qua nhiều hình thức khác nhau.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Phòng TCCB              | Định kỳ hàng năm                    |         |

#### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

##### 1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Trường Đại học Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển qua từng giai đoạn, trong đó kế hoạch về phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức là yếu tố cốt lõi. Chính vì vậy trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của ngành Quản lý giáo dục nói riêng, việc đầu tư đội ngũ cán bộ, viên chức cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phấn đấu hàng đầu.

Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động [H7.07.04.01].

Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Nhà trường đã tiến hành khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc cho từng chức danh. Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức theo nội dung đào tạo, bồi dưỡng. Trường gửi thông báo và các biểu mẫu hướng dẫn các đơn vị, cá nhân đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đến tất cả các đơn vị trong trường. Các đơn vị tổ chức lấy ý kiến nhân viên trong đơn vị, tổng hợp danh sách đăng ký đào tạo, bồi dưỡng gửi về Phòng Tổ chức - Cán bộ. Trên cơ sở đó, Phòng Tổ chức - Cán bộ đã thống kê, phân tích kết quả khảo sát, sắp xếp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo thứ tự ưu tiên, trong đó có yêu cầu về bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.... Ngoài ra, Hàng năm vào cuối năm học ngành Quản lý giáo dục cũng đánh giá khối lượng công việc, khảo sát và tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo sát này được thể hiện trong kế hoạch năm học của ngành Quản lý giáo dục [H7.07.04.02] [H7.07.04.03].

Khoa TLGD và Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển nâng cao chất lượng cán bộ, nhân viên và kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ căn cứ trên kết quả khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của nhân viên [H7.07.04.04]. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, Nhà trường và Khoa tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ kinh phí để nhân viên được học tập, rèn luyện. Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Ngân sách này được phê duyệt tăng dần theo từng năm, thể hiện Nhà trường rất quan tâm đến nhu cầu đào tạo cán bộ hỗ trợ trong vòng 5 năm gần đây (2018-2022), Nhà trường đã chi ... triệu đồng (bình quân hơn ... triệu đồng/năm) dành riêng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhân viên của Trường. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ nêu trên, Nhà trường còn hỗ trợ tìm học bổng và thực hiện các thủ tục cần thiết đối với cán bộ, viên chức cơ hữu có nguyện vọng và năng lực theo học các CTĐT TS, ThS theo chương trình học bổng trong hoặc ngoài nước. Sau khi hoàn thành khóa học, các cán bộ, viên chức này sẽ được tiếp nhận và bố trí công tác tại đơn vị cũ hoặc bổ nhiệm vào các vị trí cao hơn, đồng thời được hưởng các chế độ đãi ngộ tương đương học hàm, học vị mới. Thời gian theo học các chương trình này vẫn được tính vào thâm niên công tác tại Trường. Nhờ vậy Nhà trường đã kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, đáp ứng nhu cầu của Nhà trường trong việc phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.07.04.05].

Nhà trường triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên

môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên dựa trên kế hoạch đã được thông qua. Các lĩnh vực bồi dưỡng bao gồm: Bồi dưỡng chuyên môn (học thạc sĩ, tiến sĩ đúng chuyên ngành); Bồi dưỡng lý luận chính trị (trung cấp, cao cấp chính trị); chuyên môn nghiệp vụ quản lý như: Quản lý hành chính Nhà nước, Quốc phòng - an ninh (đối với cán bộ nhân viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý); ngoại ngữ; tin học [H7.07.04.06]. Hàng năm Nhà trường cử các đoàn cán bộ đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham quan, học hỏi kinh nghiệm quản lý của các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước. Ngoài ra, Nhà trường có chính sách hỗ trợ đội ngũ nhân viên học lên bậc ThS, TS, tạo điều kiện và khuyến khích nhân viên thi thăng hạng khi đủ điều kiện [H7.07.04.07].

Kết quả, trong 5 năm qua, toàn trường đã có hơn .... nhân viên được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và ở nước ngoài, tham gia thực hiện các đề tài NCKH... Về phía Khoa TLGD, tính đến năm 2022, trong số ... nhân viên hỗ trợ chuyên trách có ... nhân viên đã đạt học vị... [H7.07.04.08]. Đến nay, Trường và Khoa TLGD có đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý sinh viên và các hoạt động khác liên quan đến công tác giảng dạy và NCKH của giảng viên, sinh viên và học viên.

## 2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

## 3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ. Việc triển khai hoạt động bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên chủ yếu lồng ghép trong công tác đào tạo bồi dưỡng chung của toàn Trường nên hiệu quả chưa cao.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                 | Đơn vị, người thực hiện           | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm nhằm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ. | Phòng Tổ chức cán bộ và Khoa TLGD | Định kỳ hàng năm                    |         |

|   |                    |                                                                                                                                                                                                                               |                               |                     |  |
|---|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------|--|
|   |                    | <i>Khoa phát huy hiệu quả quyền tự chủ đề xuất về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, phù hợp với vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên tại đơn vị.</i>                                                      |                               |                     |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Triển khai mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngay khi có nhu cầu.<br>Tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ tài chính để đội ngũ nhân viên có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. | Phòng<br>TCCB<br>Khoa<br>TLGD | Định kì<br>hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

*1. Mô tả hiện trạng*

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên trong toàn Trường đóng vai trò rất quan trọng đối với chất lượng đào tạo và sự phát triển của Nhà Trường. Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ, Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ này, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Hệ thống các quy định, quy chế này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học, bao gồm: Quy định về tổ chức hoạt động của Trường; Quy định về chế độ làm việc đối với cán bộ, viên chức; Quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương. Kế hoạch công việc của từng NV được quy định cụ thể về nội dung, khối lượng công việc, tiến độ thực hiện, nguồn lực thực hiện, thời gian hoàn, thành trong bảng phân công nhiệm vụ chi tiết của Ngành Quản lý giáo dục.

Ngoài ra, để việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên đạt hiệu quả, Trường Đại học Vinh ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm, nhân viên làm việc tại văn phòng khoa, đặc biệt là đối với Phòng ĐT SDH là đơn vị trực tiếp hỗ trợ công tác đào tạo, hành chính đối với các CTĐT thạc sĩ và tiến sĩ. Với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc cho từng đối tượng nhân viên [H7.07.05.01]. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành quy định về theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên bao gồm các quy định về đánh giá xếp loại cán bộ và bình xét thi đua khen thưởng, các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương đã

giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (*Ngày thành lập trường, ngày Khai giảng, ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và Tổng kết năm học, ...*) Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong công tác các cấp (*Trường, Thành phố, Trung ương...*). Đây chính là yếu tố động lực cho đội ngũ NV hỗ trợ tích cực hơn trong công tác, sẵn sàng đóng góp công sức cho hoạt động của Khoa và Nhà trường. Ngoài việc công nhận và khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước hạn đối với các cán bộ nhân viên đạt được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ NV phấn đấu hoàn thành thành xuất sắc nhiệm vụ được giao qua từng năm học [H7.07.05.02].

Nhà trường và Khoa TLGD đã triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá công việc của đội ngũ cán bộ, nhân viên dựa trên các quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công, dựa trên kế hoạch công tác cá nhân mà mỗi cán bộ, nhân viên đã xây dựng. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường và BCN Khoa TLGD thực hiện nghiêm túc, khoa học và thông qua hệ thống đánh giá đồng cấp và hệ thống phần mềm quản lý nhân sự. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia các hoạt động khác từ sự theo dõi đánh giá của Phòng TCCB, thông tin ghi nhận và báo cáo của Phòng Thanh tra - Pháp chế; Phòng ĐTSĐH..., thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, Đoàn thanh niên, kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của BCN Khoa và Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường đánh giá hiệu quả công việc của mỗi cán bộ, nhân viên hỗ trợ [H7.07.05.03]. Định kỳ hàng tháng và kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường triển khai xếp loại nhân viên dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành và bình xét các danh hiệu thi đua [H7.07.05.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức các đợt lấy ý kiến người học và các bên liên quan về hoạt động phục vụ người học của các phòng ban chức năng và đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Kết quả được tổng hợp thông báo đến từng đơn vị [H7.07.05.05]. Việc đánh giá đúng đắn và khen thưởng hàng năm được triển khai góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác.

Tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khối lượng, tiến độ công việc của đội ngũ nhân viên được xác định chủ yếu dựa vào việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ mà đơn vị phân công. Ngoài ra, đầu mỗi năm học, tất cả các nhân viên hỗ trợ đều phải đăng ký danh hiệu thi đua để xác định các mức độ hoàn thành công

việc, làm cơ sở cho đánh giá cuối năm. Danh hiệu thi đua cá nhân gồm: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc. Để quản trị theo kết quả công việc, Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác tháng với các yêu cầu rõ ràng, được triển khai, giám sát và đánh giá đến từng đơn vị trong Trường qua hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng. Trong các buổi họp Khoa TLGD, các nhân viên cũng thường xuyên được nhắc nhở, theo dõi tiến độ hoàn thành công việc [H7.07.05.06].

Hàng năm, nhằm đạt sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ NV trong Nhà trường về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác, trước khi ban hành các văn bản quy định chính thức, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của tất cả cán bộ, nhân viên trong trường góp ý cho các quy chế quy định mà Nhà trường đã ban hành để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp. Qua đó, tất cả cán bộ, nhân viên đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Điều đó giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin khách quan xây dựng các quy chế quy định giúp quản trị kết quả công việc của cán bộ, nhân viên được hiệu quả [H7.07.05.07].

Cán bộ, nhân viên trong toàn trường đều hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền. Kết quả đánh giá và bình xét thi đua được thông báo rộng rãi công khai trong toàn Trường, các ý kiến phản hồi từ đội ngũ nhân viên được Trường tiếp thu và giải trình thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng và Hội nghị viên chức toàn trường hằng năm. Cuối năm học, Khoa TLGD và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng. Vì vậy, đội ngũ nhân viên luôn thống nhất ý kiến với tập thể, hài lòng về việc quản trị công việc này [H7.07.05.08]. Tuy nhiên, ngoài kênh lấy ý kiến phản hồi trực tiếp trong các cuộc họp đánh giá, hiện nay Trường vẫn chưa có cơ chế khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua, khen thưởng của Nhà trường.

## *2. Điểm mạnh*

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc xác định khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên chưa mang tính định lượng rõ ràng. Nhà Trường chưa tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền

## *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | - Nghiên cứu xây dựng các định mức, khối lượng công việc cho đội ngũ nhân viên<br>- Định kỳ tiến hành khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của Khoa và Nhà trường. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Trường và Khoa xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc cải tiến công tác quản lý của Trường trong những năm tiếp theo. | Phòng TCCB, Khoa TLGD   | Định kỳ hàng năm                    |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Nhà trường tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ NV. Trong đó, cần thể hiện đầy đủ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,... để lượng hóa trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá, bình xét, tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng              | Phòng TCCB, Khoa TLGD   | Định kỳ hàng năm                    |         |

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa TLGD và của Trường Đại học Vinh đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng đúng quy định của Nhà trường một cách công khai, minh bạch, rõ ràng. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện để nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa hiện nay đảm bảo nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo ngành Quản lý giáo dục và NCKH của Khoa và Nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn một vài hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới như mô tả thật cụ thể vị trí việc làm; rà soát tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và tăng cường bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên.

## **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

### **Mở đầu**

Chính sách tuyển sinh trình độ thạc sĩ Quản lý giáo dục luôn được xác định rõ ràng, công khai, minh bạch và được cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn chuyên ngành theo học. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn học viên cũng được xác định rõ ràng và được đánh giá, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Bên cạnh đó, sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học chuyên ngành Quản lý giáo dục được theo dõi, giám sát một cách có hệ thống bởi đội ngũ bao gồm Ban chủ nhiệm khoa, phụ trách chuyên ngành, giảng viên chủ nhiệm lớp, giảng viên trực tiếp giảng dạy, nhân viên hỗ trợ, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan của nhà trường. Hiệu quả công tác giám sát được nâng cao nhờ ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo. Vấn đề chất lượng đào tạo, khả năng có việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp luôn được chú trọng thông qua hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trường cũng xây dựng môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan thoáng mát nhằm phát huy sự sáng tạo và thoải mái cho học viên khi học tập tại trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Chính sách tuyển sinh của Trường Đại học Vinh nói chung và của CTĐT Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục được xác định rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Chính sách tuyển sinh của ngành Quản lý giáo dục được xác định rõ ràng trong Thông báo tuyển sinh [H8.08.01.01]; Kế hoạch tuyển sinh [H8.08.01.02] và có sự điều chỉnh hằng năm. Quy định về tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, thông tin về các điều kiện đảm bảo đều thống nhất theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Vinh. Chính sách, đề án tuyển sinh cho chuyên ngành Quản lý giáo dục được cập nhật hằng năm căn cứ vào Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Vinh [H8.08.01.03; dữ liệu báo cáo của Phòng Đào tạo Sau đại học về kết quả số liệu tuyển sinh năm trước [H8.08.01.04], dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của năm tới phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chiến lược phát triển của trường [H8.08.01.05].

Trường Đại học Vinh đã ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ rõ ràng, đầy đủ, chi tiết, được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Khoa Tâm lý Giáo dục là đơn vị trực thuộc Trường, chính sách tuyển sinh của Khoa được thực hiện theo quy định của Trường Đại học Vinh [H8.08.01.06]. Hàng năm, dựa trên Quy định đào tạo, Quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ, trong đó ghi rõ số lượng tuyển cho từng ngành, điều kiện thi tuyển, xét tuyển, thời gian, hình

thức đào tạo, thời gian đào tạo, môn thi tuyển, xét tuyển cho từng ngành, đối tượng điều kiện dự tuyển, chính sách ưu tiên, tiêu chí xét tuyển cho các ngành đào tạo của trường. Quy trình và kế hoạch tuyển sinh được các đơn vị trong trường góp ý và Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh phê duyệt. Phương thức thi tuyển của trường từ năm 2017 đến 2021: thi viết 3 môn (gồm: môn cơ sở, môn cơ bản và môn ngoại ngữ). Đây là các phương thức phổ biến, tin cậy trong tuyển sinh đào tạo thạc sĩ được các trường đại học trong nước sử dụng [H8.08.01.07]. Từ năm 2022, căn cứ vào kết quả học tập bậc đại học, kết quả học bổ sung kiến thức, kinh nghiệm công tác, năng lực ngoại ngữ của thí sinh, nhà trường chuyển sang hình thức xét tuyển [H8.08.01.01]. Điểm trúng tuyển trong tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh nói chung và chuyên ngành Quản lý giáo dục nói riêng hằng năm đều cao hơn điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD&ĐT quy định. [H8.08.01.08].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Trường tổ chức họp đánh giá, rà soát công tác tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh tiến hành lấy ý kiến của các thành viên về kết quả công tác tư vấn, truyền thông tuyển sinh; chỉ tiêu tuyển sinh; kết quả thí sinh đăng ký xét tuyển; kết quả thí sinh nhập học; .... Phòng Đào tạo SDH thực hiện khảo sát học viên về công tác tuyển sinh, truyền thông tuyển sinh. Số liệu phản hồi của các bên liên quan về công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh, quy trình nhập học, hướng dẫn nhập học cho học viên được thu thập làm căn cứ xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học sau. Ngoài ra, nhà trường căn cứ vào dữ liệu dự báo nhu cầu nhân lực của chuyên ngành Quản lý giáo dục cũng như ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh chính sách tuyển sinh, đảm bảo sự linh hoạt, phù hợp và cập nhật với tình hình và nhu cầu nhân lực thực tế [H8.08.01.09].

Trải qua 66 năm thành lập và phát triển, Trường Đại học Vinh có một số lượng cựu NH đông đảo, rất nhiều trong số đó là những người thành công, đang làm việc và giữ các vị trí trọng trách trong hệ thống các cơ quan, doanh nghiệp trong cả nước. Tuy nhiên, việc liên kết với cựu NH của Trường Đại học Vinh chưa được thực hiện bài bản, có quy trình và tính hiệu quả chưa cao. Việc kết nối tới cựu NH vừa giúp trường kết nối với nhà tuyển dụng, các cơ quan, doanh nghiệp tạo điều kiện thực tập, việc làm thông qua cơ quan, doanh nghiệp và các mối quan hệ của cựu NH. Trường chưa tận dụng được kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của chuyên ngành Quản lý giáo dục [H8.08.01.10].

## *2. Điểm mạnh*

Công tác tuyển sinh của Trường Đại học Vinh được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp với bối cảnh của Trường và được công bố công khai trong toàn xã hội. Đặc biệt, chính sách tuyển sinh rõ ràng cụ thể, đáp ứng yêu cầu cần tuyển sinh cho CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục được cập nhật và rõ ràng

qua các năm trên các phương tiện truyền thông để người học có thể nắm bắt được thông tin kịp thời và đầy đủ nhất về ngành học.

Nhà trường cũng như Khoa TLGD luôn hỗ trợ tốt nhất cho các học viên từ khâu làm hồ sơ tuyển sinh trong đào tạo đến sau đào tạo.

### 3. Điểm tồn tại

Việc liên kết với cựu NH của ngành Quản lý giáo dục chưa được thực hiện bài bản, có quy trình và tính hiệu quả chưa cao.

Chưa tận dụng được kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của chuyên ngành Quản lý giáo dục

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị, người thực hiện                                                          | Thời gian thực hiện, hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kế hoạch cụ thể và liên kết với cựu NH của ngành.</li> <li>- Đưa công tác quảng bá tuyển sinh lên trang thông tin thông tin điện tử của tỉnh Nghệ An.</li> <li>- Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu người học về chính sách tuyển sinh của chuyên ngành nhằm tận dụng kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh</li> </ul> | Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Khoa...<br><br>- Phòng Đào tạo Sau đại học và Khoa TLGD | Hàng năm                             |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Làm tốt công tác truyền thông, quảng bá rộng rãi chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ phận Truyền thông, Phòng Đào tạo Sau đại học, Khoa Tâm lý Giáo dục            | Hàng năm                             |         |

### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

*1. Mô tả hiện trạng*

Tiêu chí tuyển chọn học viên học CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục được xác định rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Vinh. Nhà trường thực hiện đúng Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ và Thông báo tuyển sinh hàng năm về đối tượng, phạm vi, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến, điều kiện dự thi, chính sách ưu tiên, tuyển thẳng, hồ sơ đăng kí, thời gian đăng kí, lệ phí thi tuyển [H8.08.02.01]. Bên cạnh đó, các thông tin về điểm trúng tuyển, quy trình, hồ sơ nhập học, điều kiện nhập học được cung cấp để thí sinh có căn cứ lựa chọn ngành học [H8.08.02.02]. Ví dụ, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn học viên cao học chuyên ngành Quản lý giáo dục đợt 2 năm 2023 được xác định rõ ràng như sau:

|                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Đối tượng tuyển sinh và điều kiện dự thi</b></p> | <p>Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:</p> <p><i>Về văn bằng:</i> người dự thi cần phải thỏa mãn một trong những điều kiện sau:</p> <p>a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ.</p> <p>b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi theo quy định của nhà trường.</p> <p>c) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục quản lí chất lượng (trước đây là Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục)- Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.</p> <p><i>Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:</i></p> <p>a) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.</p> <p>b) Những đối tượng còn lại phải có ít nhất 1.0 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng kí thi kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.</p> <p><i>Có lý lịch bản thân rõ ràng,</i> không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.</p> |
|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                        | <p><i>Có đủ sức khoẻ để học tập.</i> Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, nhà trường xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tuỳ tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.</p> <p>Ngoài ra, thí sinh phải nộp hồ sơ, lệ phí đăng kí dự tuyển và lệ phí dự thi đầy đủ, đúng hạn theo quy định.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Phương thức tuyển sinh</b>          | Xét tuyển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>Chính sách ưu tiên, tuyển thẳng</b> | <p><b>1. Đối tượng ưu tiên</b></p> <p>a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;</p> <p>b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;</p> <p>c) Con liệt sĩ;</p> <p>d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;</p> <p>đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;</p> <p>e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.</p> <p><b>2. Mức ưu tiên</b></p> <p>Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào kết quả thi môn Tiếng Anh (nếu phải thi) và cộng 1 điểm (thang điểm 10) vào kết quả thi môn Cơ bản.</p> |
| <b>Hồ sơ đăng ký</b>                   | <p>Hồ sơ tuyển sinh do Trường Đại học Vinh quy định và nộp bằng hình thức online, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu của Trường).</li> <li>- 01 bản lý lịch có cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận (theo mẫu của Trường).</li> <li>- 01 bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học.</li> <li>- 01 bản sao hợp lệ bằng điểm toàn khóa đại học.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

|                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bản sao hợp lệ chứng chỉ hoặc bảng điểm các môn học bổ sung kiến thức (nếu có).</li> <li>- Văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh (nếu thuộc diện miễn thi Tiếng Anh).</li> <li>- Bản sao hợp lệ các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn hoặc giấy xác nhận đủ thời gian kinh nghiệm làm việc chuyên môn để chứng nhận thâm niên công tác.</li> <li>- Công văn giới thiệu đi dự thi của thủ trưởng cơ quan quản lý đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (nếu thí sinh thuộc diện cơ quan cử đi dự thi).</li> <li>- 04 ảnh 3x4cm ghi rõ họ tên, ngày sinh, chuyên ngành dự thi.</li> <li>- Các giấy tờ ưu tiên (nếu có).</li> </ul> |
| <b>Thời gian nhận hồ sơ tuyển sinh</b> | Thời gian nhận hồ sơ đến hết ngày .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>Lệ phí thi tuyển</b>                | Lệ phí đăng ký dự thi, lệ phí thi tuyển sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

*Nguồn: Trường Đại học Vinh*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được rà soát, đánh giá hàng năm. Nhà trường cũng thực hiện việc rà soát, đánh giá các đề thi/quy trình/phương pháp thi tuyển/phương pháp xét tuyển; thực hiện các quy định tại Thông tư 41/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/9/2011 về việc Quy định chế độ thống kê, thông tin, báo cáo về tổ chức, hoạt động giáo dục [H8.08.02.03]; tích cực thu thập ý kiến của các bên liên quan để lấy cơ sở xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học phù hợp [H8.08.02.04]. Hàng năm, Nhà trường có báo cáo thống kê về công tác tuyển sinh, số lượng học viên học. Trên cơ sở đó Trường đã phân tích và dự báo được xu hướng tuyển sinh của các chuyên ngành và có kế hoạch thực hiện tuyển sinh dựa vào nhu cầu thực tế, chủ động giảm chỉ tiêu tuyển sinh để nâng cao chất lượng [CD8.08.01.05].

Bên cạnh đó, CSDL, thống kê kết quả tuyển sinh, quyết định phê duyệt điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển các chuyên ngành đào tạo thông báo điểm trúng tuyển, gửi giấy báo trúng tuyển và thời hạn xác nhận nhập học, quyết định công nhận học viên cao học [H8.08.01.06] cũng thể hiện rõ.

### *2. Điểm mạnh*

Tiêu chí và phương thức lựa chọn người học được nhà trường xác định rõ ràng, được rà soát đánh giá nhằm nâng cao chất lượng người học, phù hợp với đặc điểm của chuyên ngành đào tạo.

### *3. Điểm tồn tại*

Chưa có dữ liệu đầy đủ về ý kiến của các bên liên quan làm cơ sở xây dựng tiêu chí,

chỉ tiêu và phương pháp tuyển chọn người học.

*4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                       | Đơn vị, người thực hiện                                         | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Lấy ý kiến của các bên liên quan làm cơ sở xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn, chỉ tiêu tuyển sinh.                                   | Trung tâm CNTT, Phòng Đào tạo Sau đại học, Khoa Tâm lý Giáo dục | Năm                                 |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Tiếp cận đối tượng, khu vực tuyển sinh sớm hơn; chú ý đến những GV trường THPT có chất lượng đào tạo tốt trên địa bàn tuyển sinh truyền thống. | Phòng Đào tạo, Khoa Tâm lý Giáo dục                             | Hàng năm                            |         |

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

*1. Mô tả hiện trạng*

Quá trình đào tạo Thạc sỹ của Trường Đại học Vinh nói chung, của chuyên ngành Quản lý giáo dục nói riêng có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện. Nhà trường đã phân công một phó hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo sau đại học và quản lý khoa học [H8.08.03.01]; Hoạt động tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sỹ, nhà trường giao cho Phòng Đào tạo SDH phụ trách, có sự phối hợp tham gia của Trung tâm Đảm bảo chất lượng và các khoa đào tạo. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Đào tạo SDH và Trung tâm Đảm bảo chất lượng được quy định rõ ràng, cụ thể [H8.08.03.02]. Trưởng Khoa SDH đã phân công nhiệm vụ cho các chuyên viên phòng phụ trách nhóm công việc [H8.08.03.03]. Ngoài ra, Nhà trường còn có quyết định bổ nhiệm phụ trách chuyên ngành cao học cho từng chuyên ngành [H8.08.03.04]. Đối với khoa Tâm lý Giáo dục có CTĐT thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục ngoài phụ trách chuyên ngành còn có các chủ nhiệm lớp cao học, trợ lý quản lý sinh viên, học viên, văn phòng khoa. Chủ nhiệm chuyên ngành và Trợ lý quản lý sinh viên, học viên của khoa được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập

và rèn luyện của người học, xử lý học vụ, cảnh báo kết quả học tập, có trách nhiệm hỗ trợ người học và báo cáo kịp thời với lãnh đạo Phòng ĐT SDH và Khoa để giải quyết [H8.08.03.05].

Bên cạnh đó, Nhà trường, Khoa luôn có kế hoạch và triển khai các hoạt động phù hợp nhằm giám sát kết quả học tập, khuyến khích tinh thần học tập của học viên. Có quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Để giám sát tiến trình học tập của người học trong hệ thống đào tạo theo CĐR, Trường Đại học Vinh đã ban hành nhiều quy định, thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác cụ thể là: trường sử dụng phần mềm quản lý CMC, phần mềm quản lý người học LMS, hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning và phần mềm USmart để theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, thành lập hội đồng và các quyết định về công tác quản lý người học (công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát người học), quy định xét cảnh báo học tập và buộc thôi học [H8.08.03.06]. Sau mỗi kì học, Phòng Đào tạo SDH sẽ thông kê và báo cáo kết quả học tập của học viên thuộc diện cảnh báo khẩn cấp và cảnh báo kết quả học tập cho phụ trách chuyên ngành và học viên [H8.08.03.07].

Kế hoạch đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục được tổ chức thành 04 kì học, trong đó 03 học kì đầu là học các học phần trình độ thạc sĩ, học kì 4 là thời gian thực hiện luận văn của học viên, mỗi học kì kéo dài 4 - 6 tháng, thời gian học tập toàn khóa từ khoảng 24 tháng. Khung thời gian và kế hoạch đào tạo được phổ biến công khai đến từng học viên, đảm bảo cho học viên có học lực bình thường theo đuổi và hoàn tất chương trình học. Ngay khi nhập học, học viên được phổ biến các nội dung như nội quy của Nhà trường và CTĐT. Đối với chuyên ngành Quản lý giáo dục, người học đều sẽ phải hoàn thành .... tín chỉ: .....tín chỉ khối kiến thức chung, ..... tín chỉ khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành, ..... tín chỉ luận văn tốt nghiệp [H8.08.03.08]. Vào giữa học kì 2 hoặc sang học kì 3, Phòng Đào tạo Sau đại học phối hợp với khoa tổ chức phân công người hướng dẫn và xác định đề tài luận văn, tổ chức duyệt đề cương nghiên cứu. Học viên thực hiện đúng các quy định về viết luận văn, bảo vệ luận văn.

Các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định trong *Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ* của trường, trong *Tài liệu hướng dẫn học viên cao học*. Ngoài ra, trong đề cương các học phần được sử dụng đào tạo học viên trong các năm học, các loại hình, cách thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thường được nêu rõ. Cụ thể, điểm kiểm tra học phần/thường kì có trọng số 0,4, điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6. Mỗi học kì Trường tổ chức một kì thi chính và một kì thi phụ vào thời gian thích hợp. Kì thi phụ dành cho các HV không tham dự được kì thi chính có lí do chính đáng, có đơn xin hoãn thi. [H8.08.03.09]. Trường hợp không tổ chức được kì thi phụ, học viên sẽ phải dự thi kết thúc học phần cùng với khóa tiếp theo. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu

luận được thể hiện rõ trong đề cương, bài giảng của giảng viên. Mục đích, phương pháp kiểm tra, đánh giá, thời gian làm bài, cũng được nêu rõ. Về thời gian làm bài, tùy theo số tín chỉ của học phần và phương pháp kiểm tra đánh giá cũng được ghi cụ thể. Vào đầu mỗi kì học, khi lên lớp, giảng viên sẽ đưa đề cương học phần, đề cương bài giảng lên hệ thống E-Learning để học viên nắm được khối lượng kiến thức, số lượng các bài kiểm tra, hình thức kiểm tra và thi kết thúc học phần. Quy định về điểm thường xuyên, điểm chuyên cần, điểm thi kết thúc học phần đạt yêu cầu cũng được ghi rõ trong các tài liệu hướng dẫn học viên. Với hệ thống thông tin rõ ràng, cụ thể kể trên, người học có thể chủ động lập kế hoạch học tập để đảm bảo sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện [H8.08.03.10]. Ngoài ra, đối với học phần ngoại ngữ, căn cứ vào khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, mỗi năm Trường Đại học Vinh tổ chức nhiều lần đánh giá học phần ngoại ngữ chung cho HV thạc sĩ trong toàn trường. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ được sử dụng làm điều kiện để HV bảo vệ luận văn.

HV làm luận văn trong kì 4 (đợt 1) hoặc cuối kì 4 (đợt 2). Các nội dung hướng dẫn về việc chọn đề tài luận văn, yêu cầu với luận văn, điều kiện bảo vệ luận văn, người hướng dẫn và Hội đồng đánh giá luận văn, trường hợp thẩm định luận văn đều được thông báo trước cho HV từ khi bắt đầu tiến trình học tập [H8.08.03.11].

Kết thúc mỗi năm học, phòng Đào tạo Sau đại học và Trung tâm CNTT thuộc Viện NC&ĐTTTT sẽ cung cấp cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được giám sát bởi các bên liên quan. Kết quả học tập của người học được Phòng đào tạo Sau đại học quản lý giám sát bằng hồ sơ điểm học tập. Đồng thời, trong từng môn học, học viên còn được người dạy giám sát chất lượng học tập qua nhiều đầu điểm như điểm tiểu luận, điểm bài tập nhóm, điểm kiểm tra định kì, điểm thi. Phụ trách chuyên ngành và chủ nhiệm lớp phối hợp cùng các GV giảng dạy theo dõi, giám sát tiến độ học tập của NH, đôn đốc, nhắc nhở NH hoàn thành tiến độ kế hoạch học tập, định kỳ tổ chức họp lớp, trao đổi, nắm bắt thông tin về NH để có biện pháp đáp ứng kịp thời [H8.08.03.12].

## *2. Điểm mạnh*

Trường và Khoa xác định rõ các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và triển khai nhiều hình thức giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

## *3. Điểm tồn tại*

Chưa có tiêu chí cụ thể giám sát thường xuyên sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện.

## *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                 | Đơn vị, người thực hiện                         | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | - Xây dựng các tiêu chí cụ thể giám sát rèn luyện của người học hàng tuần, hàng tháng                                                                    | Phòng Đào tạo Sau đại học, Khoa Tâm lý Giáo dục | Hàng năm                            |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Giúp đội ngũ cố vấn học tập nâng cao năng lực tư vấn, có thêm cơ sở dữ liệu để giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện hiệu quả hơn | Khoa Tâm lý Giáo dục                            | Hàng năm                            |         |

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh, Khoa TLGD có bộ phận cũng như cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và tư vấn việc làm cho học viên cao học. Cụ thể: ở đơn vị cấp trường là Phòng ĐT SDH, Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Phòng CTCT - HSSV chịu trách nhiệm hỗ trợ, tư vấn việc làm cho học viên, về phía khoa Tâm lý Giáo dục có Ban chủ nhiệm khoa, phụ trách chuyên ngành, chủ nhiệm lớp, các giảng viên trực tiếp giảng dạy chuyên ngành chịu trách nhiệm hỗ trợ học viên trong việc cải thiện học tập [H8.08.04.01].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa TLGD có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của học viên. Thông qua kế hoạch đào tạo của Nhà trường cho các khóa cao học, các buổi họp lớp, các buổi học theo thời khóa biểu, các nhóm zalo, email, chủ nhiệm chuyên ngành, giảng viên chủ nhiệm lớp và đội ngũ giáo viên giảng dạy các học phần thường xuyên tư vấn cho HV về phương pháp học, lựa chọn hướng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, rèn luyện, kỹ năng mềm... cho học viên [H8.08.04.02]. Đối với các khóa mới nhập học, trường cử đại diện cán bộ Phòng Đào tạo SDH, phụ trách chuyên ngành, giảng viên giảng dạy tham gia buổi “Gặp mặt đầu khóa” nhằm giới thiệu, trang bị cho học viên góc nhìn tổng quan về chuyên ngành học, CTĐT cũng

như quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và các quy định của Nhà trường; phổ biến các quy định về văn hóa ứng xử, trách nhiệm xây dựng môi trường văn hóa học đường, các hoạt động xã hội khác... [H8.08.04.03]. Bên cạnh đó, trường có đội ngũ GV, các nhà khoa học có học hàm, học vị với chuyên môn vững vàng, sẵn sàng tham gia hướng dẫn học viên chuyên ngành Quản lý giáo dục thực hiện tốt hoạt động nghiên cứu như hướng dẫn học viên làm luận văn tốt nghiệp và cao hơn là tham gia viết bài báo khoa học, đề tài nghiên cứu cấp trường... [H8.08.04.04]. Trường hợp học viên có bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành sẽ được cộng điểm bài báo trong kết quả bảo vệ luận văn [H8.08.04.05], đối với đề tài cấp Trường nếu học viên có tham gia sẽ được cấp kinh phí theo quy định. Ngoài ra, học viên cao học của Nhà trường sau khi học xong 1 năm học nếu đạt các kết quả theo yêu cầu của Nhà trường sẽ được nhận học bổng với mức tối đa 3 triệu đồng/năm [H8.08.04.06]. Bên cạnh đó, trường và Khoa có tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hội thảo cho HV cao học, nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa HV các khóa, các ngành đào tạo và giữa HV với giảng viên, viên chức Trường và các chuyên gia có trình độ cao [H8.08.04.07].

Trường luôn đảm bảo cho học viên được tiếp cận đầy đủ nguồn giáo trình, tài liệu học tập liên quan đến CTĐT đang học thông qua hệ thống sách, báo, tạp chí... phong phú tại thư viện trường cũng như nguồn tài liệu trực tuyến. Đối với hoạt động hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho học viên, nhà trường bố trí Trạm Y tế trong khuôn viên trường, có bác sỹ và cán bộ y tế trực thường xuyên, sơ cấp cứu và xử lý ban đầu các trường hợp học viên gặp vấn đề về sức khỏe [H8.08.04.08].

Đối với hoạt động hỗ trợ việc làm cho học viên cao học, Nhà trường và Khoa TLGD đều có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho học viên. Tuy nhiên, hầu hết học viên của chuyên ngành Quản lý giáo dục đều đang đi làm tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, do đó vấn đề tìm kiếm việc làm không phải là ưu tiên đối với học viên, vấn đề quan trọng là năng lực của học viên sau khóa học. Vì vậy, định kỳ Nhà trường có tổ chức lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động để đánh giá năng lực của học viên sau khóa học [H8.08.04.09]. Đối với những HV chưa có việc làm, Khoa và cán bộ giảng dạy quan tâm, tích cực tìm kiếm thông tin và giới thiệu những vị trí việc làm phù hợp với năng lực của HV. Trung tâm DV, HTSV&QHĐN thường xuyên hỗ trợ các thông tin về việc làm nếu học viên có nhu cầu, liên hệ trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, các tổ chức, các lớp tập huấn kiến thức khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo trong trường [H8.08.04.09].

Hàng năm, Trường có tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của học viên đang học các học phần, học viên sắp tốt nghiệp, học viên đã tốt nghiệp về chất lượng và hiệu quả đối với các hoạt động hỗ trợ, tư vấn người học. Qua đợt khảo sát gần nhất, có trên.....% học viên hài lòng với chất lượng hỗ trợ, tư vấn của Khoa và Trường [H8.08.04.10].

## 2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường cũng như của Khoa TLGD được tổ chức một cách đa dạng, hiệu quả giúp cải thiện kết quả học tập, đạt CĐR của chương trình đào tạo.

Trường và khoa Tâm lý Giáo dục có sự kết nối tốt với các doanh nghiệp, giúp hỗ trợ hiệu quả việc học tập, tham quan, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm thực tế.

## 3. Điểm tồn tại

Hoạt động trao đổi học thuật seminar, hội thảo khoa học còn ít. Chưa có nhiều các hoạt động thể thao phong trào cho học viên cao học để tạo điều kiện giao lưu, học tập.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                            | Đơn vị thực hiện        | Thời gian thực hiện |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tăng cường tổ chức hội thảo, seminar và các hoạt động thể thao phong trào cho HV cao học để tạo điều kiện giao lưu, học tập cho HV. | Trường ĐHV<br>Khoa TLGD | Hàng năm            |
| 1  | Phát huy điểm mạnh | Phát huy vai trò của bộ phận tư vấn hỗ trợ HV.<br>Nâng cao hiệu quả hoạt động ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ người học.               | Trường ĐHV<br>Khoa TLGD | Hàng năm            |

## 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

### 1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của học viên. Trường Đại học Vinh đã xây dựng giá trị cốt lõi: *Trung thực - Trách nhiệm - Say mê - Sáng tạo - Hợp tác*, với triết lý giáo dục: *Hợp tác - Sáng tạo*. Với giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục như vậy, cán bộ GV trường đại học Vinh là những con người tâm huyết với nghề nghiệp; luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao với người học, với Nhà trường; đam mê sáng tạo trong công tác. Sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh được đào tạo trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp, luôn thể hiện sự văn minh, say mê sáng tạo trong học tập và rèn luyện. Cán bộ GV và người học đều hướng tới giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường, tạo nên một môi trường tâm lý, xã hội thân

thiện, hợp tác giữa cán bộ GV và người học; tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H8.08.05.01]. Về quy hoạch hệ thống tòa nhà phục vụ công tác, tổng diện tích đất của Nhà trường là 44,12 ha với tổng diện tích sàn xây dựng 140212 m<sup>2</sup>, trong đó cơ sở 1 tại số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh có diện tích 14 ha với đầy đủ các tòa nhà cho GV và người học: Khu hiệu bộ, giảng đường, khu làm việc của các Viện, Thư viện, Phòng thí nghiệm, không gian học tập phục vụ cho nhu cầu tự học, Nhà tập luyện và thi đấu thể thao, sân vận động, ký túc xá. Tất cả được quy hoạch, bố trí khoa học, hiện đại, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường có 6 giảng đường lớn tại các cơ sở chính (Khu nhà A, B, D) bao gồm 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 51054 m<sup>2</sup>, bố trí được khoảng 8460 chỗ ngồi trong 1 ca với diện tích bình quân 5,9 m<sup>2</sup>/chỗ ngồi [H8.08.05.02]. Hầu hết phòng học của học viên được trang bị máy điều hòa, quạt, hệ thống chiếu sáng đạt chất lượng cao, có trên 80% các phòng học có các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như: projector, loa và 1 số thiết bị khác [H8.08.05.03]. Nhà trường có 4 nhà kí túc xá 5 tầng (tại cơ sở 1) với tổng diện tích sử dụng là 48799 m<sup>2</sup>, với 237 phòng ở với sức chứa 1145 chỗ, bình quân diện tích 8,3 m<sup>2</sup> sử dụng/1 học viên theo định mức 6-8 người/1 phòng; hệ thống điện nước, nóng lạnh, wifi được lắp đặt đầy đủ. Ngoài ra Nhà trường có 6 sân bóng chuyên, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, SV, HV với tổng diện tích 29.589 m<sup>2</sup>, 1 nhà thi đấu đa năng với 1.000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho cán bộ và người học [H8.08.05.04]. Từ năm 2016, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo quy hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng quy mô đào tạo và NCKH, đặc biệt là đào tạo tiếp cận năng lực CDIO. Tất cả đều tạo nên môi trường làm việc thân thiện, thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Với hệ thống thoát nước tốt, trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên trường và thường xuyên phát động phong trào bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường, đến nay, cảnh quan môi trường của trường Đại học Vinh có sự thay đổi vượt bậc, đạt yêu cầu xanh, sạch, đẹp và phù hợp cho các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi của người học [H8.08.05.05]. Nhà trường ban hành các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn ở Trường Đại học Vinh [H8.08.05.05], các kế hoạch tổ chức Hội nghị - tập huấn công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và công tác HS, SV, HV [H8.08.05.06]; ban hành bộ quy tắc ứng xử văn hóa của học sinh, sinh viên, học viên trường Đại học Vinh [H8.08.05.07]. Ngoài ra, Nhà trường cũng thực hiện tốt các công tác giáo dục pháp luật về an toàn giao thông [H8.08.05.08], công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường và an toàn vệ sinh thực phẩm [H8.08.05.09]. Trạm Y tế của Trường với đầy đủ cơ sở vật chất có thể thực hiện tốt công tác kiểm tra sức

khỏe và chữa bệnh thông thường cho cán bộ GV, SV, HV. Công tác vệ sinh môi trường được thực hiện bởi công ty môi trường ký hợp đồng với Nhà trường, thực hiện dưới sự kiểm tra và giám sát của phòng Quản trị - Đầu tư. Ngoài ra, Nhà trường còn điều động SV của các Khoa/Viện tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên Trường, với mục đích vừa làm sạch môi trường, vừa giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và rèn luyện ý thức lao động. Đảm bảo an ninh chính trị trong Nhà trường là đội bảo vệ, do Nhà trường ký hợp đồng với công ty vệ sĩ [H8.08.05.10].

Để có những phản biện, góp ý tốt, Nhà trường đã tổ chức khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường, theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể để ngày càng hoàn thiện môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường. Đối với học viên chuyên ngành Quản lý giáo dục được khảo sát, trung bình trên ...% học viên đánh giá ở mức độ “Tốt” (Mức độ đáp ứng từ 80% trở lên), trên .....% học viên đánh giá ở mức độ “Khá” (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%) và khoảng .....% học viên đánh giá ở mức độ “Trung bình” (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%) [H8.08.05.11].

#### 2. Điểm mạnh

Trường và Khoa TLGD có môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

#### 3. Điểm tồn tại

Một vài phòng học có bàn, ghế và tường nhà còn có vết vẽ bẩn, do ý thức của người học còn chưa tốt.

#### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành |
|----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | + Tuyên truyền, nâng cao ý thức của người học trong việc giữ gìn cơ sở vật chất, cảnh quan, môi trường trong Nhà trường;<br>+ Thực hiện có hiệu quả các hình thức kỷ luật đối với người học viết, vẽ bẩn lên bàn ghế phòng học, cố ý hủy hoại tài sản của Nhà trường. | Đoàn thanh niên         | Hàng năm                            |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Tiếp tục hoàn thiện đề án quy hoạch tổng thể trường ĐH Vinh                                                                                                                                                                                                           | Phòng Quản trị-Đầu tư   | Tiếp tục từ năm 2020                |

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 8**

Nhà trường và Khoa TLGD đã có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai và cập nhật hằng năm, đảm bảo tuyển được số lượng học viên có kết quả và năng lực tốt, thu hút được học viên tham gia thi tuyển vào ngành Quản lý giáo dục. Các hoạt động tư vấn học tập được Khoa và Phòng đào tạo SĐH triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của học viên. Hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập, về kết quả học tập và khối lượng học tập của học viên tương đối hiệu quả. Môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho học viên. Tuy nhiên, nhà trường chưa tận dụng được kênh thông tin từ đội ngũ cựu người học và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của ngành Quản lý giáo dục Trường Đại học Vinh/Khoa TLGD chưa tận dụng triệt để và hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu để giám sát tốt hơn quá trình học tập, rèn luyện cũng như tiến trình tiến bộ của người học.

## **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

### **Mở đầu**

Nhà trường và Khoa Tâm lý giáo dục (TLGD) luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để cán bộ và học viên cao học ngành Quản lý giáo dục (QLGD) đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thí nghiệm thực hành với trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật. Bên cạnh đó, nhà trường và Khoa Tâm lý giáo dục luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho học viên cao học ngành QLGD.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-1985 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,61 ha trong tổng thể quy hoạch 118 ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An [H9.09.01.01]. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chiến lược về phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, trong đó có Chiến lược về phát triển cơ sở vật chất hiện đại với mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo đồng bộ, hiện đại, từng bước xây dựng khuôn viên thông minh, phù hợp với quy mô và các hình thức đào tạo, NCKH và mô hình quản trị Nhà trường số (giai đoạn 2022-2025) và tập trung đầu tư vào hệ thống CNTT phục vụ giảng dạy và quản trị đại học theo hướng Đại học thông minh; tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất cần thiết (cơ sở hạ tầng, văn phòng làm việc, trang thiết bị...) để trở thành Trung tâm hệ sinh thái ĐMST khu vực Bắc trung bộ và cả nước (giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045). Trên cơ sở Chiến lược phát triển được đề ra, Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn và tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường [H9.09.01.02].

Trong những năm qua, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ GD&ĐT và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Nhà trường đã có CSVC hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập, được đánh giá là CSGD đại học có CSVC vào tốp đầu của cả nước. Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng được nhu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và người học. Nhà trường có phòng

làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.864 m<sup>2</sup>, đạt xấp xỉ 15m<sup>2</sup>/1 cán bộ, giảng viên, nhân viên; có hệ thống phòng sinh hoạt bộ môn, phòng làm việc cho giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của bộ môn. Trường có 10 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 đến 200 chỗ; 85 phòng học từ 75 đến 100 chỗ; 155 phòng học trên 50 chỗ; 16 phòng học đa nhạc, họa; Có tổng 211 phòng làm việc trong đó 197 phòng làm việc của các đơn vị chức năng, 14 phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; 2 thư viện, 1 trung tâm học liệu; 3 trung tâm nghiên cứu; 86 phòng thí nghiệm cho các chuyên ngành đào tạo; có đầy đủ các thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập. Trường đã đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (phải đảm bảo quy định tối thiểu 2,8m<sup>2</sup>/HV).

**Bảng 9.1.1. Thống kê số lượng phòng TN-TH, phòng học toàn Trường**

| <b>Cơ sở đào tạo</b>                     | <b>DT sàn xây dựng (m<sup>2</sup>)</b> | <b>Số phòng làm việc</b> | <b>Số phòng họp</b> | <b>Số Hội trường lớn</b> | <b>Số phòng học</b> | <b>Số phòng, cơ sở, Thí nghiệm, Thực hành</b> |
|------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------|---------------------|--------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|
| Số phòng                                 |                                        | 211                      | 10                  | 10                       | 282                 | 154                                           |
| Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> ) | 191.778                                | 11.054                   | 413                 | 3.026                    | 51.054              | 43,860                                        |

Toàn bộ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Các phòng làm việc, phòng họp, phòng THTN...được trang bị đầy đủ điện, quạt, điều hòa không khí, bàn, ghế, tủ làm việc, máy tính nối mạng... Trong các phòng học, hội trường đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, lắp đặt hệ thống âm thanh, đầy đủ hệ thống quạt, hệ thống điều hoà, hệ thống chiếu sáng, hệ thống camera, góp phần đáp ứng tốt cho công tác đào tạo của Trường. Phần lớn các thiết bị trong Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung cơ sở vật chất giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư và được kiểm kê hàng năm. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.01.03].

Riêng đối với Khoa Tâm lý giáo dục có hệ thống phòng làm việc với các thiết

bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, khoa đang sử dụng tầng 2, tòa nhà A0 của trường gồm 01 văn phòng làm việc. Đồng thời, Khoa được giao sử dụng 01 phòng học nhà A1 dùng để sinh hoạt chuyên môn của giảng viên. Phòng sinh hoạt chuyên môn của ngành Quản lý giáo dục hiện tại đang sử dụng phòng học của Nhà trường. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế v.v.. [H9.09.01.03].

Về phòng học, ngành Quản lý giáo dục đảm nhận việc giảng dạy các học phần cho HV chuyên ngành, với số lượng 30 - 50 HV/ lớp. được bố trí tại các phòng học nhà A, được sử dụng linh hoạt theo mục đích của giảng dạy theo từng học phần. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được đầu tư các trang thiết bị hiện đại phù hợp với việc nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo.

Trang thiết bị và các phương tiện học tập được trang bị có chất lượng, sử dụng có hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu dạy học và NCKH cho GV và HV cao học ngành QLGD. Các thiết bị hỗ trợ trang bị ở các phòng học đã góp phần nâng cao hiệu quả của dạy - học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo. Ngoài ra, học viên ngành QLGD còn sử dụng hệ thống phòng học có trang thiết bị hiện đại với hệ thống bảng tương tác và thư viện số kết nối. [H9.09.01.04].

Nhà trường rất chú trọng đến việc bố trí không gian học tập chung, phòng học, phòng họp trực tuyến. Năm 2020, Nhà trường đã thành lập Trung tâm sản xuất học liệu với thiết bị hiện đại để hỗ trợ trong công tác dạy và học trực tuyến. Giai đoạn 2 của tái cấu trúc, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến được thành lập năm 2021 nhằm quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường, hỗ trợ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các bậc học theo hình thức trực tuyến [H9.09.01.04].

Công tác đầu tư nâng cấp CSVG trong thời gian qua đã đầu tư được 01 công trình Trung tâm khảo thí cao 7 tầng để phục vụ công tác khảo thí, đánh giá kết quả đào tạo; dự án "Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư CSVG, thiết bị hạ tầng CNTT" của Trường Đại học Vinh để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý CSGD phổ thông; Cải tạo sửa chữa công trình nhà học B - Viện Nông nghiệp và Tài nguyên; công trình xây dựng và cung cấp thiết bị hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở 2... tính đến nay, tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng tại các cơ sở của Nhà trường là: 229.150 m<sup>2</sup>, tỷ lệ 5,99 m<sup>2</sup>/sinh viên. Cơ sở hạ tầng CNTT, phòng thí nghiệm, thực hành đã được đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng bộ phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã ban hành các quy định về quản lý tài sản, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo

dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT các ngành học, trong đó có ngành QLGD[H9.09.01.05]. Công tác kiểm kê tài sản được diễn ra hàng năm sẽ làm căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung tài sản phục vụ cho công tác đào tạo và phát triển các CTĐT [H9.09.01.06]. Kinh phí dành cho đầu tư, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất và trang thiết bị được lập dự toán đầu tư, mua sắm và rà soát hàng năm nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Nhà trường thực hiện công tác duy tu và bảo trì bảo dưỡng thường xuyên cơ sở vật chất nhằm đảm bảo phục vụ công tác đào tạo được diễn ra thuận lợi [H9.09.01.07].

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn, thư viện và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành QLGD. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị thư viện phục vụ CTĐT ngành QLGD của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của người học. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học qua các năm về cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu [H9.09.01.08].

## 2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ diện tích lớp học, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH ngành QLGD.

- Nhà trường đáp ứng trang thiết bị hiện đại theo yêu cầu của ngành QLGD, phục vụ NCKH và thực hiện các đề tài, dự án, đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.

## 3. Điểm tồn tại

- Ngành QLGD chưa có phòng sinh hoạt chuyên môn riêng để phục vụ công tác seminar, sinh hoạt học thuật. Hiện nay, ngành cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện    | Thời gian thực hiện |            |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|------------|
|    |                        |                                                                                                                                                                                  |                            | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng tập giảng cho GV, HV ngành QLGD nói riêng và các bộ môn/ngành trong trường Đại học Vinh nói chung | Phòng QT &ĐT<br>Phòng KHTC | Hàng năm            | Hàng năm   |

|    |                          |                                                                                                        |                                  |             |             |
|----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------|-------------|
| 2. | Phát huy<br>điểm<br>mạnh | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo<br>dưỡng trang thiết bị, phòng<br>học, giảng đường, phòng chức<br>năng. | Phòng QT<br>&ĐT<br>Phòng<br>KHTC | Hàng<br>năm | Hàng<br>năm |
|----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------|-------------|

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

#### 1. *Mô tả hiện trạng*

Thư viện của phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Vinh được thành lập năm 1959. Trong giai đoạn từ năm 1959 đến 1997, vốn tài liệu, trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, phương thức hoạt động chủ yếu theo mô hình của thư viện truyền thống.

Năm 2001 cùng với sự kiện đổi tên trường, để đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Đại học Vinh đa ngành, ngày 04 tháng 9 năm 2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số: 4947/QĐ-BGDĐT-TCCB thành lập Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện trên cơ sở đơn vị Thư viện và Xưởng in của trường. Năm 2009, Trường Đại học Vinh đã có Quyết định số 2327/TCCB ngày 08/10/2009 đổi tên Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện Trường Đại học Vinh thành Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào [H9.09.02.01].

Thư viện cơ sở 1 là tòa nhà 7 tầng có 3 cầu thang máy với diện tích sàn gần 9000 m<sup>2</sup>, sức chứa khoảng 1.800 bạn đọc. Toàn Thư viện có 8 phòng đọc, 6 phòng máy tính, 01 hội trường và 1 sảnh dùng chung tại tầng 1. Thư viện tại cơ sở 2 với diện tích sàn 677 m<sup>2</sup>, sức chứa khoảng 100 bạn đọc. Thư viện có 1 phòng đọc và 24 bộ máy tính phục vụ nhu cầu học tập. Các phòng/khu trong thư viện được trang bị đầy đủ điện, ánh sáng, quạt, bàn, ghế ....đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người đọc [H9.09.02.01].

Thư viện, phòng đọc có nội quy/quy định/hướng dẫn, được trang bị các trang thiết bị để hoạt động. Về cơ sở vật chất, thiết bị và hạ tầng thông tin, Thư viện và phòng đọc được trang bị đồng bộ (*chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị in ấn, phần mềm tra cứu, nội quy Thư viện và hướng dẫn tra cứu sử dụng, ...*) phù hợp và hệ thống các phòng đọc được kết nối liên hoàn và phủ sóng Wifi, đáp ứng nhu cầu của một thư viện hiện đại. Để phục vụ người sử dụng một cách có hiệu quả, thư viện đã xây dựng các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa. Công tác tổ chức phục vụ bạn đọc được thực hiện từ thứ 2 đến chủ nhật trong tuần từ 7h30 đến 21h30 nhằm phục vụ tốt các chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu về học liệu, nguồn thông tin khoa học của cán bộ, giảng viên và người học [H9.09.02.02]. Ngoài ra, vào đầu năm học hàng năm, Thư viện đều tổ chức hướng dẫn sử dụng khai thác thông tin và sử dụng thư viện cho học viên cao học, SV chính

quy vừa nhập học. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực cho học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường trong việc khai thác thông tin và sử dụng thư viện có hiệu quả [H9.09.02.03].

Thư viện trường Đại học Vinh được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho sinh viên khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện được đầu tư các hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, với đầy đủ trang thiết bị và các phương tiện kỹ thuật như hệ thống mượn - trả tài liệu tự động 24/7; phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến, máy scan - số hóa, đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống máy chiếu, máy photocopy, máy vi tính, màn hình ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học ngành QLGD nói riêng và trường Đại học Vinh nói chung [H9.09.02.04].

Cùng với các đơn vị khác trong toàn trường, hằng năm tại trung tâm Thư viện tổ chức kiểm kê tài sản và cơ sở vật chất. Đây là hoạt động thường xuyên nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của Nhà trường [H9.09.02.04]. Căn cứ vào hoạt động kiểm kê, Nhà trường thực hiện đầu tư nâng cấp và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất của các đơn vị [H9.09.02.05].

Thư viện trường cung cấp tương đối đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và học viên cao học ngành QLGD nói riêng, Khoa Tâm lý giáo dục và Nhà trường nói chung. Tính đến tháng 06/2023, về tài liệu truyền thống, thư viện có trên 15.000 tên tài liệu với hơn 160.000 cuốn phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường, bao gồm luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu tham khảo và giáo trình. Trong đó, danh sách học liệu phục vụ đào tạo ngành QLGD được đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học cho giáo viên và sinh viên, học viên. Các đầu sách của thư viện đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần ngành QLGD, tài liệu phục vụ cho chương trình cao học chuyên ngành QLGD là: tựa/50 bản sách, cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung [H9.09.02.06].

**Bảng 9.2.1. Thống kê số lượng sách tham khảo và giáo trình chuyên ngành**

| Cơ sở đào tạo   | Số lượng sách tham khảo quốc văn (cuốn) | Số lượng sách tham khảo ngoại văn (cuốn) | Số lượng đầu báo, tạp chí chuyên ngành | Số lượng Luận văn ThS | Số lượng đề tài NCKH | Số lượng sách điện tử |
|-----------------|-----------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Trung tâm TT-TV | 17.340                                  | 10.056                                   | 64                                     | 25.334                | 142                  | 25.935                |

|     |  |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|--|
| NTH |  |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|--|

Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm thư viện tiến hành lập kế hoạch, dự toán, hoá đơn và thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu...) [H9.09.02.07].

**Bảng 9.2.2. Thống kê tình hình chi mua sách và giáo trình của Trường**

(đơn vị tính: triệu đồng)

| Năm                                           | 2018    | 2019    | 2020   | 2021    | 2022    |
|-----------------------------------------------|---------|---------|--------|---------|---------|
| Kinh phí mua tài liệu giáo trình của thư viện | 1006.30 | 2220.42 | 536.55 | 132.611 | 187.418 |

Các nguồn tài liệu, giáo trình phục vụ đào tạo của Nhà trường ở trong thư viện đều đảm bảo tính pháp lý và bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ [H9.09.02.08].

Công tác bổ sung giáo trình, học liệu được tiến hành thường xuyên, khoa học theo đúng quy trình bổ sung học liệu của nhà trường. Các đầu sách của Thư viện được bổ sung căn cứ theo danh mục học liệu có trong ĐCCT các học phần của các ngành đào tạo. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học [H9.09.02.08]. Nguồn học liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Kipos. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ tốt CTĐT, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp giảng viên và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh... Ngoài ra, nhằm tăng cường khả năng hợp tác, trao đổi thông tin và kết nối, thư viện Trường đã tích cực tham gia các tổ chức, Hiệp hội nghề nghiệp như Liên hiệp thư viện Việt Nam; ...Liên kết với các Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế quốc dân.. [H9.09.02.09].

Hàng năm, Nhà trường theo dõi các hoạt động của thư viện qua các dữ liệu như thống kê số lượt bạn đọc tới thư viện, số lượt mượn tài liệu [H9.09.02.10]. Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện đánh giá hiệu quả các hoạt động của Thư viện qua Phiếu trưng cầu ý kiến bạn đọc và đánh giá phản hồi của người học, giáo viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo ngành QLGD cho thấy giảng viên và HV ngành QLGD nói chung hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện [H9.09.02.11].

## 2. Điểm mạnh

- Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên.

- Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

- Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

### 3. Điểm tồn tại

Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của GV, HV ngành QLGD chưa đa dạng và cập nhật.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện  | Thời gian thực hiện |            |
|----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------|------------|
|    |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                          | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc.                                                                                                                                                                                          | Trung tâm TTTV Khoa TLGD | Hàng năm            | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếp tục cập nhật ý kiến của giảng viên, người học để đáp ứng và cập nhật sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt sau mỗi lần rà soát chương trình đào tạo.</li> <li>Tiếp tục thực hiện các buổi hướng dẫn khai thác thông tin thư viện đến các sinh viên, giảng viên, đặc biệt sinh viên năm thứ nhất.</li> </ul> | Trung tâm TTTV Khoa TLGD | Hàng năm            | Hàng năm   |

### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (TH-TN) được thành lập theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng, trại trong toàn trường. Có chức năng chính là phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên trong trường. Từ đó, Nhà trường đã ban hành các văn

bản về quy chế tổ chức và hoạt động của riêng Trung tâm cũng như quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong toàn trường với Trung tâm thực hành thí nghiệm [H9.09.03.01].

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV, người học trong công tác NCKH, chuyển giao công nghệ và kỹ năng thực hành, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của xã hội. Nhà trường trang bị đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Toàn bộ hệ thống phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại 05 tòa nhà, được quy hoạch và xây dựng đúng tiêu chuẩn phòng thực hành thí nghiệm của Bộ GD&ĐT [H9.09.03.02]. Hiện nay, toàn trung tâm THPTN có 86 phòng thực hành thí nghiệm được chia thành 8 nhóm ngành, diện tích bình quân phòng THPTN/người học là 4,48m<sup>2</sup>/người. HV có thể phát triển kỹ năng thực hành, thực hiện đồ án môn học và đề tài NCKH ngoài giờ học chính khóa. Tất cả các ngày trong tuần đều mở cửa, kể cả Thứ Bảy và Chủ nhật. Hầu hết các đơn vị đều bố trí thời khóa biểu và các lịch học thí nghiệm, thực hành, làm NCKH theo hướng khai thác tối đa công suất sử dụng các phòng học, phòng TN-TH [H9.09.03.03].

Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng Trung tâm đào tạo thực hành Ngân hàng, Chứng khoán và Công ty mô phỏng tại tầng 7 tòa nhà điều hành của trường dành cho sinh viên khối ngành kinh tế. Nhà trường cũng đã đầu tư xây dựng Trung tâm thực hành pháp luật tại nhà A0; Phòng xử án mô phỏng tại tầng 7 Trung tâm Thông tin - Thư viện. Tất cả đều được trang bị tài liệu và cơ sở vật chất gồm máy lạnh, máy chiếu, bàn ghế, tủ tài liệu, các trang thiết bị văn phòng phẩm,... đáp ứng nhu cầu học tập, hoạt động của học viên và sinh viên [H9.09.03.03].

Hệ thống phòng học máy tính của nhà trường đáp ứng yêu cầu của đào tạo và NCKH của người học. Trong các phòng học máy tính, nhà trường trang bị hệ thống máy tính, hệ thống âm thanh, máy chiếu, màn chiếu điện, điều hòa phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học. Hệ thống phòng học được quản lý sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lý, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần [H9.09.03.03].

Trung tâm THPTN là đơn vị có hệ thống tài sản và thiết bị phục vụ đào tạo lớn nhất Trường Đại học Vinh, do đó công tác quản lý tài sản rất được chú trọng. Năm 2017, được sự đồng ý của Nhà trường, Trung tâm đã xây dựng và ban hành quy trình quản lý tài sản, máy móc thiết bị tại Trung tâm THPTN. Ngoài ra còn ban hành quy định làm việc tại Phòng thí nghiệm và mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có bản nội quy cụ thể [H9.09.03.04].

Tại các phòng học, phòng TH-TN đều có nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng. Tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có bảng công khai tài sản, bên cạnh đó danh mục tài sản tại Trung tâm TH-TN còn được công

khai trên Website của đơn vị. Bên cạnh đó, Trường có sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị của các Phòng TH-TN. Qua sổ theo dõi cho thấy, các trang thiết bị được sử dụng với tần suất sử dụng 10 tiết/ngày vẫn hoạt động tốt, công tác điều hành kế hoạch giảng dạy hợp lý nên các phòng phòng TH-TN được khai thác tối đa công suất sử dụng khi có sự cố đều được tổ kỹ thuật bảo trì sửa chữa kịp thời. Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác rà soát và kiểm kê tài sản tại Trung tâm THPT làm căn cứ để mua sắm bổ sung cho năm học sau [H9.09.03.05].

Các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường luôn được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu.

Các trang thiết bị phục vụ dạy, học và NCKH được lập dự toán đầu tư, sửa chữa, bảo dưỡng theo quy trình. Cuối mỗi năm học P.QT và ĐT phối hợp với các đơn vị sử dụng tài sản, CSVC tiến hành kiểm kê và đánh giá hiệu quả chất lượng từng tài sản, trang thiết bị tại trường, theo từng hạng mục để tổng hợp báo cáo gửi về HĐQT và BGH, từ đó có kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị cùng với việc nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo và NCKH. Vào đầu năm học, P.QT và ĐT thông báo cho các đơn vị lập Báo cáo tổng kết CSVC, công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế,... năm học cũ và lập kế hoạch trang bị CSVC, vật tư TH-TN, in ấn, văn phòng phẩm, dự án đầu tư trang thiết bị cho năm học mới. Về phía, Trung tâm TH-TN có nhiệm vụ tổng hợp và đề nghị mua sắm tài sản, thiết bị vật tư phục vụ TH-TN cũng như đề xuất sửa chữa và thanh lý các tài sản hàng năm tại đơn vị quản lý [H9.09.03.06].

Hiện nay, tại Trung tâm TH-TN có 4 tổ chuyên môn, Ban Giám đốc gồm 3 cán bộ, có 28 cán bộ làm việc trực tiếp tại các phòng thí nghiệm, với phương châm 1 người phụ trách ít nhất 02 phòng thí nghiệm, thực hành và 02 học phần THPT. Cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành thí nghiệm. Nhiệm vụ và lịch làm việc cụ thể của từng cán bộ được cập nhật trên Website của đơn vị. Ngoài ra, tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có nhật ký ghi lại quá trình làm việc hàng ngày của cán bộ phụ trách và nhật ký sử dụng thiết bị đối với các thiết bị từ 15 triệu đồng trở lên. Tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/không hoạt động, số giờ vận hành của phòng học máy tính được theo dõi trong sổ nhật ký phòng máy tính [H9.09.03.07].

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ công tác THPT cũng như đáp ứng tốt về mặt trang thiết bị phục vụ THPT, Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng THPT và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát ý kiến NH về khóa học đối với các HP sử dụng phòng THPT luôn được Nhà trường, Khoa phân tích, đánh giá và đưa ra những điều chỉnh cần thiết và kịp thời. Điều này đánh giá được những nỗ lực của Trường và Khoa trong việc tích cực xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp phòng THPT

trong những năm qua nhằm đáp ứng tốt hiệu quả sử dụng CSVN và thực hiện theo Kế hoạch đảm bảo chất lượng của Trường [H9.09.03.08].

### 2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng học máy tính cơ bản đáp ứng nhu cầu đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường và của HV ngành QLGD. Việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị được đáp ứng kịp thời khi có yêu cầu.

### 3. Điểm tồn tại

Một số máy tính đã cũ ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng trong dạy và học của GV và HV.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                         | Đơn vị, người thực hiện                  | Thời gian thực hiện |            |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|------------|
|    |                        |                                                                                  |                                          | Bắt đầu             | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Rà soát các máy tính đã cũ để đề xuất bổ sung, thay thế                          | Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT.               | Hàng năm            | Hàng năm   |
| 2. | Phát huy điểm mạnh     | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng thực hành, thí nghiệm | Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT Trung tâm THPT | Hàng năm            | Hàng năm   |

### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm CNTT được thành lập năm 2012 theo quyết định số 300/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2012 của Hiệu trưởng Trường đại học Vinh, với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường. Năm 2021, Trường đại học Vinh thành lập Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến và sáp nhập Trung tâm CNTT vào Viện để giao nhiệm vụ phụ trách công tác CNTT của toàn Trường được thể hiện qua chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm CNTT, website đơn vị <https://vienncdttt.vinhuni.edu.vn/co-cau-to-chuc/trung-tam-cong-nghe-thong-tin>. Viện NC&ĐTTT có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc thực hiện công tác hoạch định, phát triển hệ thống CNTT; quản lý, tư vấn, hỗ trợ vận hành, ứng dụng và phát triển hệ thống CNTT; quản lý cổng thông tin điện tử của trường (website: <https://vinhuni.edu.vn/>); tổ chức đào tạo trực tuyến (e-Learning) và đào tạo từ xa. Trung tâm CNTT của Trường cùng với các đơn vị chức năng xây dựng phần mềm quản lý tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ toàn trường

để đảm bảo công tác quản lý, kiểm kê, thanh lý tài sản hàng năm đúng quy định. Đội ngũ cán bộ của Viện là những người đã được đào tạo chuyên sâu về CNTT và được phân công nhiệm vụ cụ thể phụ trách hệ thống CNTT toàn trường, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt, đảm bảo các phần mềm quản lý được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu quản lý mới của Nhà trường [H9.09.04.01].

Trường nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng và tác động của công nghệ thông tin sẽ làm thay đổi, nâng cao năng suất lao động, đồng thời quyết định sự thành công trong công tác đào tạo, NCKH và công tác quản lý các trình độ đại học cũng như sau đại học thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Vì vậy, Nhà trường xây dựng hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản lý.

Nhà trường đầu tư và cung cấp đầy đủ thiết bị CNTT cho công tác giảng dạy đào tạo, NCKH của Trường và hệ thống CNTT, các thiết bị tin học được Nhà trường đầu tư đang hoạt động rất hiệu quả. Trường hiện có gần 2.000 máy tính tại các phòng thực hành CNTT, có 08 phòng máy chuyên dụng đáp ứng tốt cho việc học ngoại ngữ và thi trắc nghiệm. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ của Nhà trường từ học vị Tiến sĩ trở lên được cấp máy tính xách tay để phục vụ công tác, hỗ trợ cho công việc giảng dạy và các công tác khác [H9.09.04.02].

Công tác tin học hóa trong các hoạt động của Nhà trường rất được chú trọng. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học, sử dụng các phần mềm quản lý để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường (quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác) và đáp ứng nhu cầu dạy học của giảng viên, sinh viên trong đổi mới phương pháp dạy học. Các hoạt động dạy học trực tuyến được áp dụng rộng rãi từ hệ chính quy, hệ tại chức; từ bậc đại học và sau đại học của Nhà trường. Công tác quản lý của trường thực hiện thông qua hệ thống thông tin tổng thể phần mềm Trí Nam; e-office, CMC, LMS; các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lý để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Cán bộ giảng viên giảng dạy ngành QLGD trình độ SDH nói riêng và cán bộ toàn trường nói chung được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng là @vinhuni.edu.vn. Các hoạt động của nhà trường, được quản lý bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lý. Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường đã và đang áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường có hệ thống các phòng học trực tuyến gồm 16 phòng, chia 3 cụm có thể đáp ứng cho việc học tập đồng thời cho hơn 1.000 người học. Với hệ thống phòng học trực tuyến

đảm bảo sự trao đổi giao tiếp tốt giữa người dạy và người học và ở tất cả các bậc học được đào tạo của Trường. Nhà trường đang đưa và áp dụng Công thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học như giảng viên đưa bài giảng, bài tập, chia nhóm, nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên phần mềm và người học tự tải về bài giảng, bài tập, nhiệm vụ nhóm/cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên để giảng viên đánh giá. Năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, hệ thống dạy – học trực tuyến cùng phần mềm dạy học Zoom và nền tảng quản lý học tập trực tuyến LMS đã phát huy hiệu quả, đảm bảo tiến độ, kế hoạch đào tạo trong tình hình đại dịch covid hoành hành [H9.09.04.03].

Tất cả hệ thống máy tính trong Nhà trường được nối mạng Internet, mạng Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường cũng đã thực hiện triển khai tối ưu hoá hệ thống mạng máy tính toàn trường, lắp đặt camera tại các phòng thực hành thí nghiệm, giảng đường và KTX [H9.09.04.04].

Trường Đại học Vinh quản lý, theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính cũng như cần bổ sung, nâng cấp các hệ thống phần cứng cũng như phần mềm của hệ thống CNTT qua sổ nhật ký làm việc tại các phòng thực hành, qua sổ theo dõi vận hành tại các hệ thống chuyên trách của trung tâm CNTT quản lý [H9.09.04.05].

Nhà trường có quy định quản lý, khai thác sử dụng hệ thống CNTT, đảm bảo hệ thống làm việc thường xuyên, liên tục, đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả [H9.09.04.06]. Hệ thống CNTT của trường hàng năm được lập kế hoạch về việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và nâng cấp nằm trong kế hoạch mua sắm, sửa chữa như: Triển khai các dịch vụ đảm bảo an toàn, an ninh mạng, nâng cấp phần cứng để đáp ứng nhu cầu hoạt động quản lý đào tạo và bồi dưỡng.

Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các đơn vị gửi về và định hướng phát triển của Nhà trường, Viện NC&ĐTTT lập kế hoạch về công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực CNTT và được tập hợp trong Kế hoạch đầu tư CSVC hàng năm. Dựa trên kế hoạch này Nhà trường đã thường xuyên thực hiện các hoạt động đầu tư, nâng cấp thiết bị, phần mềm CNTT. Việc đầu tư, mua sắm, nâng cấp các trang thiết bị liên quan đến CNTT đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, tất cả đều có hồ sơ cung cấp, lắp đặt hạ tầng và thường xuyên bảo trì, sửa chữa, thay thế [H9.09.04.07].

\* Quy trình lập kế hoạch mua sắm, nâng cấp như sau:

1. Đơn vị sử dụng gửi nhu cầu cho Viện NC&ĐTTT tiếp nhận và lập kế hoạch.
2. Căn cứ nhu cầu của Nhà trường, Viện NC&ĐTTT lập kế hoạch đề xuất và phối hợp với Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Kế hoạch - Tài chính trình Ban Giám hiệu phê duyệt chủ trương tổ chức thực hiện.

Kế hoạch trung hạn được giao cho Viện NC&ĐTTT và Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Kế hoạch - Tài chính. Lập danh mục trang thiết bị, xây dựng hồ sơ pháp lý, quản lý, vận hành hạ tầng CNTT và dịch vụ CNTT bao gồm: Hệ thống máy chủ và các thiết bị mạng, phòng thực hành máy tính, hạ tầng mạng và đường truyền internet, hệ thống dự phòng, hệ thống bảo mật và quyền truy cập, các phần mềm ứng dụng và điều hành, nhằm phục vụ công tác trao đổi thông tin, tác nghiệp, đào tạo, NKCH và phục vụ cộng đồng [H9.09.04.08].

Căn cứ vào nhu cầu và kế hoạch hàng năm của các đơn vị, Viện NC&ĐTTT, Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Kế hoạch - Tài chính phối hợp với các đơn vị trong toàn trường xây dựng kế hoạch và thực hiện lập hồ sơ cung cấp lắp đặt hạ tầng, bảo trì, sửa chữa thay thế. Bên cạnh việc kiểm tra thường xuyên về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị CNTT; Viện NC&ĐTTT lên kế hoạch đầu tư, sửa chữa bảo trì, nâng cấp hạ tầng CNTT và trang thiết CNTT.

Các hoạt động bảo trì về CNTT thường xuyên được thực hiện, bao gồm hệ thống sever máy chủ, điều hòa, phòng cháy chữa cháy, đèn, lưu điện, phòng trung tâm dữ liệu, bảo trì website, trang thiết bị máy tính phòng làm việc...[H9.09.04.09]. Nhờ vậy, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được thường xuyên đáp ứng ngày càng tốt hơn cho các nhu cầu.

Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan khác về chất lượng cũng như mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Qua khảo sát cho thấy ý kiến các bên liên quan đều hài lòng về hệ thống thông tin phục vụ dạy và học, NCKH, công tác quản lý của Nhà trường và hệ thống thông tin phục vụ dạy và học, NCKH và công tác quản lý của Khoa TLGD cũng như của ngành QLGD SDH, qua đó Nhà trường có kế hoạch cải tiến hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến nhằm cập nhật và nâng cấp thường xuyên [H9.09.04.10].

## *2. Điểm mạnh*

Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được đầu tư đồng bộ, hiện đại, và được duy tu sửa chữa, cập nhật thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ quá trình đào tạo và NCKH của giảng viên và SV.

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH của cán bộ và SV ngành Quản lý giáo dục được tin học hóa, sử dụng hệ thống thông tin điện tử.

## *3. Điểm tồn tại*

- Tốc độ truy cập vào website và hệ thống dữ liệu của nhà trường có lúc còn chậm.

- Chất lượng mạng internet ở một số khu vực phòng học chưa tốt, ảnh hưởng tới hoạt động tương tác trực tuyến của giảng viên và người học.

## *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị, người thực hiện                                        | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu phương thức phân luồng, tổ chức lại quyền truy cập, sử dụng các nội dung của phần mềm để đảm bảo tốc độ truy cập vào dữ liệu, hạn chế tối đa tình trạng nghẽn mạng trong một số thời điểm.</li> <li>- Nâng cao chất lượng đường truyền internet tại hệ thống phòng học, đảm bảo tốc độ truy cập đồng đều ở tất cả các khu vực trong nhà trường.</li> </ul> | Trường Đại học Vinh<br>Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến   | Hàng năm                            |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai thác hiệu quả các hệ thống phần mềm giảng dạy và học tập trực tuyến</li> <li>- Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống CNTT và hạ tầng CNTT</li> </ul>                                                                                                                                                                                                     | Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến<br>Giảng viên, Người học | Hàng năm                            |

**5. Tự đánh giá:** Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

**1. Mô tả hiện trạng**

Trường Đại học Vinh luôn tuân thủ Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ như: Nghị định của Chính phủ về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Phòng cháy Chữa cháy, Thông tư số 14/2013/TT-BYT..., cũng như quy định về thiết kế và xây dựng nhà trường theo đúng tiêu chuẩn thiết kế trường đại học, trong đó có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật [H9.09.05.01].

Trên cơ sở quy định chung của Nhà nước, Trường đã cụ thể hóa thành các nội quy, quy chế để đảm bảo các tiêu chuẩn về cảnh quan môi trường sư phạm như: quy định về sử dụng các trang thiết bị CSVN, quy định về nội quy giảng đường, phòng làm việc, nội quy sử dụng các phòng thực hành, quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, quy định về công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học và KTX, quy định về an toàn

vệ sinh thực phẩm đối với nhà ăn của Trường... Những quy định, quy chế này hoàn toàn phù hợp với các Nghị định và Thông tư hướng dẫn quy định tại Đề án bảo vệ môi trường của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Nhà trường đã tổ chức các cuộc tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học. Đồng thời, trường thực hiện báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp. Nhà trường cũng thành lập Ban chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học, an toàn giao thông, lập kế hoạch và ban hành các công văn triển khai công tác an ninh trường học, tăng cường phòng, chống bạo lực học đường, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên mạng máy tính [H9.09.05.02].

Trường đã bê tông hóa kiên cố hệ thống đường đi, sân trường giúp khuôn viên trường được thông thoáng, cảnh quan cây xanh được đầu tư chăm sóc và đảm bảo tốt về vệ sinh - môi trường. Kí túc xá cho người học được đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định. Hành lang, khuôn viên giảng đường, nhà làm việc và KTX đều được thiết kế và xây dựng có khu vực cho người khuyết tật. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch để cải tiến nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học [H9.09.05.03].

Trường có khuôn viên đẹp, có căng tin và nhà ăn phục vụ đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và văn hóa, văn nghệ của người học. Nhà trường có hệ thống sân chơi, phòng tập đa năng gồm 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, sinh viên với diện tích 35.000m<sup>2</sup> và nhà thi đấu với 1000 chỗ ngồi phục vụ cho các nhu cầu vui chơi giải trí và các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường có bố trí các nhà để xe và căn tin phục vụ cho người dạy và học ở các hướng rất thuận tiện. Nhằm tạo điều kiện cho người học, Nhà trường có 05 tòa KTX với đầy đủ các trang thiết bị bên trong. Hàng năm các trang thiết bị đều được rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng và bổ sung thay thế nhằm đảm bảo an toàn cho người ở hàng năm. Nhà trường có đội ngũ nhân viên vệ sinh đảm bảo vệ sinh môi trường trong các giảng đường, khu vệ sinh, hội trường, đường bộ, bộ phận phục vụ và công ty dịch vụ vệ sinh thực hiện thường xuyên hàng ngày cho người dạy và học cảm thấy an toàn, thoải mái trong khuôn viên của trường. Về vấn đề môi trường: để đảm bảo vệ sinh chung, Trường đã ký hợp đồng với 01 số công ty vệ sinh để đảm bảo các phòng học và phòng làm việc luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học, cảnh quan môi trường sư phạm: “xanh - sạch - đẹp”. Bên cạnh đó, Trường đã ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt đến nơi quy định của Thành phố để đảm bảo vệ sinh, cảnh quan môi trường [H9.09.05.03].

Nhà trường có Trạm y tế đảm bảo tiêu chuẩn theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, được ban hành theo Quyết định số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Trạm y tế được đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị, nhân lực, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời cho sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe. Cán bộ và HV ngành QLGD nói riêng và toàn trường nói chung có thể khám chữa bệnh định kỳ và được cấp phát thuốc tại Trạm y tế. Đây cũng là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh, tật học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV và AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học. HV ngành QLGD được triển khai việc khám sức khỏe định kỳ. Hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Trường đều tiến hành công tác phun thuốc khử khuẩn, phòng dịch bệnh vào thời điểm giao mùa hoặc khi có dấu hiệu dịch đột xuất. Để kịp thời ứng phó khi dịch bệnh xảy ra, Trường đã ban hành các thông báo hướng dẫn đơn vị, VC, NH thực hiện công tác phòng chống dịch. Khi dịch Covid - 19 xảy ra, Trường đã nhanh chóng thành lập Ban chỉ đạo phòng chống Covid - 19, kịp thời có các biện pháp chỉ đạo ứng phó với diễn biến của tình hình dịch bệnh. Trạm Y tế lên kế hoạch trình Ban Giám hiệu ký duyệt, đồng thời kết hợp với các đơn vị chức năng để phát hiện, tuyên truyền sâu rộng tới VC và NH. Trạm Y tế là đầu mối, thường xuyên cung cấp một số thuốc cơ bản như: oresol, biseptol, paracetamol, cloraminB, NaCl 0,9%, nước rửa tay sát khuẩn, để kịp thời ứng phó với các dịch bệnh. Đối với công tác quản lý và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại Nhà ăn, Trường thường xuyên lưu mẫu nấu ăn hằng ngày, được cơ quan quản lý cấp giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong 5 năm qua, Nhà ăn của Trường không hề xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm đối với GV và NH [H9.09.05.04].

Về vấn đề an toàn: công tác an ninh trật tự luôn được Trường chú trọng. Lực lượng bảo vệ của Trường tại các cơ sở có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hằng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết, Trường đều có phân công trực lãnh đạo và thông báo kế hoạch bảo vệ đến tất cả các đơn vị và VC, GV. Trường đã phối hợp tốt với Công an Phường Bến Thủy và các phường lân cận trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; giải quyết kịp thời những sự vụ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường. Đội ngũ bảo vệ, ngoài nhiệm vụ bảo vệ tài sản còn có chức năng hướng dẫn cho người học, cán bộ và người đến làm việc với Nhà trường những vấn đề về an ninh trong trường học. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu (gồm các đồng chí do Thành đội thành phố Vinh thành lập), Đội Thanh niên xung kích gồm các học viên, sinh viên của Trường. Hệ thống an toàn của Trường đạt qui định hiện hành. Bên cạnh

đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường, trong Tòa nhà Công nghệ cao và trong các phòng thực hành thí nghiệm. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong Trường được bảo đảm, tạo tâm lý yên tâm cho người dạy và người học về một môi trường an toàn, an ninh đảm bảo [H9.09.05.05].

Nhà Trường kết hợp với Công an Thành phố Vinh trong công tác bảo đảm an ninh, vì vậy khi có sự việc xảy ra đều có sự tham gia khẩn trương của các lực lượng chức năng của Phường, Thành phố góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực trường. Trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ. Công tác phòng cháy, chữa cháy của Trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn Trường. Trường đã thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt - phòng chống cháy nổ, tổ chức các hoạt động PCCC, tuyên truyền công tác PCCC cho VC, quản lý các trang thiết bị PCCC và các hoạt động PCCC của đơn vị, xây dựng phương án PCCC, chuẩn bị lực lượng và phương tiện chữa cháy, dự trù kinh phí cho hoạt động PCCC hằng năm. Cán bộ các đơn vị được tập huấn PCCC, an toàn lao động, an toàn PTN, an toàn phóng xạ theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Hàng năm, Nhà trường còn thực hiện đúng các chế độ báo cáo về phân tích chất lượng môi trường của Nhà trường [H9.09.05.05].

Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CSVC và môi trường cảnh quan phục vụ người học. Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng từ các bên liên quan Trường luôn nhận được các phản hồi tích cực về tính phù hợp của môi trường, sức khỏe, an toàn. Với các ý kiến đóng góp, Nhà trường cũng đã thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng về môi trường và cảnh quan trong Nhà trường [H9.09.05.06].

## *2. Điểm mạnh*

- Nhà trường có diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo qui định tiêu chuẩn xây dựng trường đại học hiện hành (TCVN: 3981-1985).

- Nhà trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

- Trạm y tế của Trường đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho GV và HV ngành QLGD nói riêng và toàn trường nói chung.

## *3. Điểm tồn tại*

Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe chưa riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

## *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị, | Thời gian thực hiện |
|----|----------|----------|---------|---------------------|
|----|----------|----------|---------|---------------------|

|    |                        |                                                                                                                                | <b>người thực hiện</b>                   | <b>Bắt đầu</b> | <b>Hoàn thành</b> |
|----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------|-------------------|
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cần lưu ý, riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. | Trạm y tế                                | Hằng năm       | Hằng năm          |
| 2. | Phát huy điểm mạnh     | Tiếp tục thực hiện và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường an ninh, trật tự, an toàn và chăm sóc sức khỏe.                  | Trạm y tế, Phòng QT & ĐT, Phòng CTCTHSSV | Hằng năm       | Hằng năm          |

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 9**

Điểm mạnh là Nhà trường đã đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập phục vụ CTĐT ngành QLGD bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị. Thư viện và các nguồn học liệu, hệ thống CNTT, hạ tầng trực tuyến, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp, được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã hình thành và xác định cụ thể các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và ngành QLGD, Khoa TLGD nói riêng.

Điểm tồn tại đó là hệ thống máy tính phục vụ cho dạy học chưa được thay thế kịp thời. Đồng thời, Nhà trường cần quan tâm đến việc bố trí các không gian sinh hoạt chuyên môn, seminar cho bộ môn và các phòng thực hành giảng dạy cho học viên cao học.

## **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

### **Mở đầu**

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một cơ sở đào tạo. Không ngừng nâng cao chất lượng được xem là nhiệm vụ quan trọng nhất mà Nhà trường, ngành Quản lý giáo dục cũng như các ngành đào tạo cần chú trọng. Sự tin tưởng của NH và của các bên liên quan khác đối với Nhà trường được xây dựng và duy trì thông qua các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng của Trường và của CTĐT. Các hoạt động này giúp đảm bảo rằng CTDH ngành Quản lý giáo dục trình độ ThS được thiết kế tốt, được theo dõi thường xuyên và định kỳ rà soát, qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với CĐR. Tất cả các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan thu nhận được đều được Khoa sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH ngành Quản lý giáo dục trình độ ThS. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như thư viện, phòng TN/TH, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác cho CTDH luôn được đánh giá và cải tiến đã góp phần nâng cao chất lượng chương trình. Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng một hệ thống thu nhận phản hồi ý kiến của các bên liên quan và sử dụng các kết quả phản hồi này để cải tiến chất lượng chương trình và chất lượng Nhà trường.

Tiêu chí 10.1 Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường xây dựng hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, NV, NH, nhà sử dụng lao động và cựu NH,...) khi thiết kế và phát triển CTDH. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được các đơn vị chức năng trong trường, Khoa TLGD và ngành Quản lý giáo dục triển khai thu thập theo nhiều kênh khác nhau. Trường đã ban hành quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong trường, trong đó có văn bản giao nhiệm vụ quy định rõ quy trình thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan.

Nhà trường đã giao Trung tâm ĐBCL phối hợp với Phòng đào tạo SĐH, Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Phòng CTCT&HSSV và các đơn vị có liên quan thực hiện thiết kế quy trình, nội dung và tổ chức thu thập ý kiến phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (*trong đó có thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực*) khi thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.01.01]. Các quy trình bao gồm: Quy trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, Quy trình xây dựng CĐR, Quy trình xây dựng CTĐT, Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT, Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT. Theo Quy trình, việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi để xây dựng CĐR và CTĐT/CTDH được xác định với các bước: Thành lập tổ soạn thảo xây dựng CĐR/CTĐT; Xây dựng dự thảo CĐR/CTĐT; Tổ chức khảo sát thu thập thông tin các

bên liên quan; Hoàn thiện Dự thảo CĐR/CTĐT; Hoàn thiện phê duyệt và công bố CĐR/CTĐT. Trong đó có bước 3 là tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan. Ở bước này tổ soạn thảo thực hiện các nội dung sau:

1. Thiết kế phiếu khảo sát các bên liên quan (có tham khảo mẫu phiếu khảo sát ở phần phụ lục).

2. Lập kế hoạch, xác định các đối tượng, dự toán kinh phí khảo sát, tổ chức thảo luận, xin ý kiến chuyên gia về các công việc cần làm để thu thập thông tin nhằm hoàn thiện CĐR/CTĐT.

3. Tổ chức khảo sát thu thập thông tin:

- Tổ soạn thảo tập huấn cho cán bộ thực hiện khảo sát.
- Tổ chức khảo sát các bên liên quan.
- Xử lý số liệu khảo sát.

Sản phẩm của bước này là ***Phiếu khảo sát thu thập thông tin*** và ***Bảng tổng hợp kết quả khảo sát thu thập thông tin của các bên liên quan***.

Để tổ chức và triển khai thực hiện việc khảo sát. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát với các nội dung: Xác định mục đích của cuộc khảo sát, trong đó mục đích của từng loại; xác định phạm vi và đối tượng khảo sát; yêu cầu của việc khảo sát; công cụ khảo sát; tài liệu viện dẫn; nội dung khảo sát; quy trình với từng khảo sát. Công cụ khảo sát được xây dựng và được ấn định thành các biểu mẫu cụ thể, phục vụ cho từng loại hình khảo sát, do vậy thông tin thu được có thể sử dụng để đối sánh giữa các năm [H10.10.01.02].

Dựa trên kế hoạch chung của Nhà trường, Khoa TLGD thu thập thông tin, minh chứng để xây dựng dự thảo CĐR và CTĐT. Tiếp theo, khoa TLGD tổ chức các cuộc họp để lấy ý kiến của các giảng viên trong Khoa nhằm hoàn thiện bản dự thảo CĐR và CTĐT. Trên cơ sở đó, Khoa tổ chức Hội thảo khoa học lấy ý kiến của các bên liên quan (các chuyên gia, NSDLĐ, cựu NH) [H10.10.10.03], [H10.10.10.04]. Tiếp đó, Khoa họp hoàn thiện nội dung và gửi về Ban rà soát, điều chỉnh CTĐT. Ban rà soát, điều chỉnh thảo luận những nội dung cần sửa đổi mục tiêu, CĐR và CTĐT trên cơ sở ý kiến đề nghị từ Khoa, hoàn thiện để dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật mục tiêu, CĐR và CTĐT để trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua. Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật mục tiêu, CĐR và CTĐT và trình Hiệu trưởng ban hành mục tiêu, CĐR và CTĐT đã được sửa đổi, bổ sung [H10.10.10.05]. Trong CTĐT được ban hành kèm theo “Quyết định ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ”, “Quyết định ban hành Bộ chuẩn ĐBCL chương trình đào tạo”...thì có thể thấy những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (*có thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực*) đã được phân tích, sử dụng để xây dựng/phát triển CTDH [H10.10.10.06].

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ phía các bên liên quan được tiến hành

vào 2 giai đoạn:

- 1) Giai đoạn xây dựng và phát triển một CTĐT mới;
- 2) Giai đoạn rà soát, cập nhật, cải tiến CTĐT. Cụ thể:

*Khi xây dựng CTĐT:* Nhà trường đã ban hành quy trình và các văn bản hướng dẫn việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Ngành QLGD tiến hành các loại khảo sát: (i) Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực trình độ Thạc sĩ theo ngành đào tạo; (ii) Khảo sát nhu cầu của các bên liên quan đối với người tốt nghiệp về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực NH đạt được sau khi tốt nghiệp; tổ chức lấy ý kiến của: GV, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan về CTĐT. Khi xây dựng, phát CTĐT, ngoài các thành phần nhà tuyển dụng, cựu NH,... ý kiến đóng góp của thành phần GV đóng vai trò rất quan trọng [H10.10.01.02] [H10.10.01.07].

*Về việc rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT:* Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn việc rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo. Trong quá trình CTĐT đang triển khai áp dụng, hàng năm Nhà trường đều tiến hành khảo sát ý kiến GV, HV, NTD về CTĐT và CDR nhằm rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT và CDR cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường [H10.10.01.08].

Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan [H10.10.01.09] và thực hiện các hoạt động khảo sát khác như: Khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát NH sắp tốt nghiệp về khóa học; khảo sát người học tốt nghiệp; Khảo sát cựu HV cao học về chương trình đào tạo; khảo sát Giảng viên về CTĐT và hoạt động đào tạo sau đại học; Đánh giá của Nhà tuyển dụng về học viên cao học tốt nghiệp và chương trình đào tạo; đánh giá lớp học chuyên đề chương trình đào tạo thạc sĩ [H10.10.01.10].

Theo nhóm đối tượng, gồm: HV, cựu HV, nhà tuyển dụng, GV, các chuyên gia và CB quản lý phục vụ cho xây dựng và phát triển CTDH. Tùy thuộc vào mục tiêu và đối tượng được lấy ý kiến, Nhà trường đã tổ chức khảo sát các bên liên quan với nhiều hình thức khác nhau như khảo sát online, phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn, tọa đàm, thảo luận nhóm... cố gắng hướng đến đảm bảo tính đại diện và tính khách quan của thông tin. Cụ thể: Khoa TLGD đã phối hợp với Phòng Đào tạo SDH, TT.ĐBCL, Viện NC&ĐTTT tổ chức khảo sát bằng phần mềm cho các bên liên quan như CB-GV-NV, HV, cựu HV, Nhà tuyển dụng. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa còn thực hiện bằng nhiều hình thức khác như:

Phối hợp với Trung tâm DV, HTSV&QHDN tổ chức nhiều hội thảo nghề nghiệp cũng như hội chợ việc làm, đại diện của nhiều doanh nghiệp đã tham gia các hội thảo, hội chợ và cung cấp nhiều thông tin phản hồi về yêu cầu của thị trường lao động cũng như chất lượng NH, về CTĐT/CTDH....Khoa còn trực tiếp lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng thông qua việc tổ chức NH đi kiến tập, thực tập tại các doanh

nghiệp, phỏng vấn trực tiếp các đơn vị sử dụng lao động về chất lượng cựu NH của Khoa hiện đang làm việc tại các đơn vị này. Nhiều cựu HV của Khoa cũng đã có nhiều đóng góp ý kiến giá trị cho việc xây dựng, cải tiến CTĐT/CTDH của Khoa.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan sau khi được thu thập, xử lý, được Khoa ...sử dụng để thiết kế và phát triển hoặc (điều chỉnh, cập nhật) CTDH kịp thời.

Sau khi thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan. Nhà trường đã sử dụng để thiết kế và phát triển hoặc (điều chỉnh, cập nhật) CTDH kịp thời. Kết quả của việc thực hiện cập nhật, đánh giá CTĐT và CĐR trong 5 năm giai đoạn đánh giá là CTĐT ngành Quản lý giáo dục đã qua đợt xây dựng chương trình giáo dục trình độ thạc sĩ năm 2017 theo hệ thống tín chỉ và xây dựng chương trình giáo dục thạc sĩ tiếp cận CDIO năm 2022 rà soát điều chỉnh lớn vào năm 2023. Các điều chỉnh cụ thể như thay đổi số TC, đổi tên một số HP, điều chỉnh các HP từ khối kiến thức bắt buộc sang khối kiến thức tự chọn hoặc ngược lại, bỏ bớt một số HP không còn phù hợp và thêm mới các HP nhằm đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động trong thời hội nhập toàn cầu. Cập nhật một số thay đổi CTĐT trình độ ThS ngành Quản lý giáo dục đối với các khóa đào tạo gần đây [H10.10.01.11].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến các bên liên quan với các quy trình và biểu mẫu khảo sát luôn được cải tiến giúp thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, khoa học và tin cậy làm căn cứ để Khoa thiết kế và phát triển CTĐT.

Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ đầy đủ các BLQ (HV, cựu HV, NTD, GV, chuyên gia ngành) để phát triển CTĐT; công tác lưu trữ thông tin được thực hiện một cách hệ thống, tin học hóa, thuận tiện cho việc khai thác dữ liệu thu thập được; các quy trình, biểu mẫu khảo sát được cải tiến qua các năm nhằm giúp công tác thu thập thông tin phản hồi hiệu quả hơn.

Có tổng hợp và phân tích các kết quả từ các khảo sát ý kiến các BLQ về CĐR, đối sánh các CTDH, ý kiến đóng góp của các BLQ về CTDH, các kết quả thẩm định; có theo dõi tình trạng sửa đổi CĐR và CTDH.

## 3. Điểm tồn tại

Một số HV còn chưa xem trọng việc tham gia trả lời khảo sát, mặc dù Trường đã tuyên truyền và nhắc nhở... Mặt khác, việc tiếp cận nhà tuyển dụng chưa được thuận lợi nên số lượng ý kiến khảo sát từ đối tượng này chưa đa dạng và chưa được nhiều.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị thực hiện | Thời gian thực hiện |
|----|----------|----------|------------------|---------------------|
|----|----------|----------|------------------|---------------------|

|   |                        |                                                                                                                                                   |                        |                   |
|---|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------|
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Đề xuất xây dựng quy định về việc sử dụng kết quả lấy ý kiến của các bên liên quan vào việc điều chỉnh CTDH                                       | Khoa, đơn vị chức năng | Năm học 2022-2023 |
| 2 | Phát huy điểm mạnh     | Tiếp tục đa dạng hóa các phương thức lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, nhà khoa học và các bên liên quan khác về chất lượng thực hiện CTDH. | Khoa, đơn vị chức năng | Hàng năm          |

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. *Mô tả hiện trạng*

Thực hiện theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 [H10.10.02.01]. Trường Đại học Vinh, Khoa TLGD đã tiến hành thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT phù hợp với quy định của pháp luật và đáp ứng nhu cầu của xã hội. Năm 2022, khi tiến hành xây dựng và rà soát, chỉnh sửa, cập nhật CTĐT trình độ thạc sĩ theo chuẩn CDIO. Trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn và tổ chức các buổi tập huấn chi tiết để phổ biến và hướng dẫn quy trình xây dựng và phát triển CTDH/CTĐT theo tiêu chuẩn mới phù hợp với xu thế. Sau đó, trường triển khai cho các đơn vị liên quan thực hiện [H10.10.02.02]. Năm 2022, Trường đã ban hành chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ theo quyết định số 1738/QĐ-ĐHV ngày 18/7/2022 và được đưa vào giảng dạy, được rà soát định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường [H10.10.02.03].

Để thiết kế một CTDH mới và rà soát, phát triển CTDH đó khi vận hành trong quá trình đào tạo một cách đồng bộ, có kiểm soát. Nhà trường ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo quyết định số .../QĐ-ĐHV ngày ..., gồm 2 phần: (1) Quy trình thiết kế và (2) quy trình phát triển [H10.10.02.04]. Theo đó, *quy trình thiết kế CTDH/CTĐT* gồm 7 bước và *quy trình phát triển CTDH* gồm 5 bước.

(1) *Quy trình xây dựng (quy trình thiết kế) CTDH/CTĐT* gồm 7 bước như sau:

**Bước 1:** Thành lập nhóm xây dựng, nghiên cứu CTDH/CTĐT (mục tiêu, CDR, tổ chức thực thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình...)

**Bước 2:** Xây dựng dự thảo CTDH/CTĐT lần 1

**Bước 3:** Triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan

**Bước 4:** Hoàn thiện CTDH/CTĐT lần thứ nhất

**Bước 5:** Tổ chức xây dựng CDR và đề cương chi tiết các học phần của Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2

**Bước 6:** Tổ chức hội thảo hoàn thiện Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2

**Bước 7:** Hoàn thiện phê duyệt và công bố CTDH/CTĐT

*(2) Quy trình phát triển CTDH/CTĐT gồm 5 bước sau:*

**Bước 1:** Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTDH/CTĐT

**Bước 2:** Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTDH/CTĐT

**Bước 3:** Đánh giá và xây dựng đánh giá về tính hiệu quả của CTDH/CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với CDR và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...)

**Bước 4:** Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTDH/CTĐT và trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua

**Bước 5:** Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTDH/CTĐT và trình Hiệu trưởng ban hành CTDH/CTĐT sửa đổi, bổ sung.

Trong quy trình thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT có quy định yêu cầu về việc rà soát nội dung chương trình. Trước năm 2023, Nhà trường mới chỉ có các văn bản hướng dẫn thực hiện việc xây dựng CDR, CTĐT tiếp cận CDIO, các quy trình thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT mới chỉ được đưa ra trao đổi, thảo luận trong các buổi họp chuyên môn của Nhà trường, của Khoa TLGD hoặc họp ngành Quản lý giáo dục. Do vậy, việc rà soát quy trình cũng mới chỉ thực hiện qua các cuộc họp của Nhà trường và Khoa Tâm lý giáo dục. Quy trình chính thức mới được xây dựng ban hành vào năm 2023 nên việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện rà soát, đánh giá sẽ được thực hiện vào định kỳ 2 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường vào các năm tiếp theo. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT và các biểu mẫu đính kèm luôn được rà soát và đánh giá.

*Thực hiện rà soát và đánh giá quy trình:* Hàng năm, Nhà trường thông báo cho các đơn vị về việc cập nhật các quy trình nghiệp vụ, các biểu mẫu cho phù hợp. Trong đó, Quy trình Xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CDR cũng được rà soát, cập nhật. Các đơn vị lập sổ theo dõi sửa đổi tài liệu, hồ sơ để nhận biết phiên bản mới nhất đang được sử dụng.

*Rà soát và đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH:* một CTDH sau khi được ban hành, Nhà trường và Khoa tiến hành rà soát và đánh giá từng năm (để có những cải tiến nhỏ) và chu kỳ 2 năm (để có những cập nhật, cải tiến lớn). Việc rà soát, đánh giá được thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc họp chuyên môn của tổ bộ môn, của Khoa và giao ban đào tạo của Nhà trường; qua trao đổi qua email, qua các cuộc

đối thoại của Khoa với NH, cựu NH và nhà tuyển dụng...Sau đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn các đơn vị rà soát, cập nhật CTDH/CTĐT [H10.10.02.05] [H10.10.02.06].

*Sau khi rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường và Khoa thực hiện cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.*

*Cải tiến quy trình:* Quy trình xây dựng, điều chỉnh và công bố CDR và Quy trình xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành CTĐT và các biểu mẫu đính kèm được cải tiến định kỳ cho phù hợp với các văn bản pháp quy được ban hành mới của Bộ GD&ĐT và phù hợp với các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT. Qua quá trình rà soát quy trình và biểu mẫu, Nhà trường đã có những điều chỉnh cải tiến quy trình. Trước năm 2023, Nhà trường mới chỉ có các văn bản hướng dẫn thực hiện việc xây dựng CDR, CTĐT tiếp cận CDIO, các quy trình thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT mới chỉ được đưa ra trao đổi, thảo luận trong các buổi họp chuyên môn của Nhà trường, của Khoa Tâm lý – Giáo dục hoặc họp ngành Quản lý giáo dục Năm 2023, việc cải tiến quy trình đã được thể hiện qua việc Nhà trường đã chính thức ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo (Số .../QĐ-ĐHV ngày .../.../2023), trong đó có CTDH được chuẩn hóa giúp cho Khoa TLGD chủ động hơn trong việc thiết kế và phát triển CTĐT. Trên cơ sở quy trình đã được ban hành, Nhà trường tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện mục tiêu, CDR chương trình đào tạo thạc sĩ theo tiếp cận CDIO [H10.10.02.07].

*Cải tiến CTDH:* (i) Trong chu kỳ 5 năm giai đoạn kiểm định chất lượng, Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tiếp cận CDIO năm 2022 theo quyết định số 1738/QĐ-ĐHV ngày 18/7/2022, trong đó đã có những cập nhật thay đổi như thay đổi số TC /HP và cho toàn CTĐT, thay đổi một số môn học, tăng một số môn thực tập, kỹ năng mềm, .... (ii) Việc cập nhật định kỳ hàng năm: Tất cả các CTĐT và CDR, các ĐCCT môn học, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được định kỳ bổ sung hàng năm với các điều chỉnh nhỏ (điều chỉnh chương, mục; cập nhật nội dung mới thay cho những nội dung không còn phù hợp, ...) và (iii) điều chỉnh giữa kỳ. CTĐT được bổ sung, điều chỉnh cập nhật theo định kỳ, phù hợp với hướng dẫn chung của Nhà trường, mỗi lần điều chỉnh đều tính đến các yếu tố như: cập nhật có kế thừa, thay đổi theo quy trình mà không làm xáo trộn đến lựa chọn HP của NH. HP thay thế hoặc bổ sung phải có sự tương thích với những HP trong chương trình nhằm đảm bảo quyền lợi cho NH, Khoa sẽ cập nhật danh mục các môn tương đương và thay thế, và thông báo trên website của Khoa và của Nhà trường.

Riêng đối với Khoa Tâm lý giáo dục, ngành Quản lý giáo dục đã thực hiện cải tiến CTDH, đã có những hiệu chỉnh, cập nhật liên tục theo yêu cầu của xã hội và có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước. Vì vậy, khi xây dựng CTĐT trình

độ Thạc sĩ của ngành Quản lý giáo dục và áp dụng từ các khóa năm 2022 cho đến nay mang tính hợp lý, phù hợp hơn với yêu cầu của các bên liên quan và với CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học khác [H10.10.02.08].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường ban Quy trình xây dựng, điều chỉnh và công bố CĐR và Quy trình xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành CTĐT được cải tiến hàng năm với các bước xây dựng, rà soát, cập nhật, kèm theo các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng. Việc thiết kế và phát triển CTDH của các Khoa/Viện được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ và thống nhất.

Nhà trường và Khoa TLGD tuân thủ quy trình PDCA trong việc thiết kế và phát triển CTDH. Vì vậy CTDH ngành Quản lý giáo dục trình độ thạc sĩ sau khi được thiết lập, thường xuyên được rà soát, đánh giá và cải tiến trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

### 3. Điểm tồn tại

Hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa đa dạng.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị thực hiện          | Thời gian thực hiện |
|----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2023, TT.ĐBCL, Phòng ĐT SĐH, Khoa TLGD phối hợp với TT CNTT sử dụng công nghệ web để khảo sát online lấy ý kiến các Chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, NH, Nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Cần đa dạng đối tượng và hình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Tăng cường các kênh khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, tăng số lượng và chọn lọc đối tượng khảo sát nhằm tăng hiệu quả của các phiếu khảo sát. | Khoa TLGD<br>Phòng ĐT SĐH | Năm học 2023-2024   |
| 1  | Phát huy điểm mạnh     | Rà soát thường xuyên và cải tiến Quy trình xây dựng, điều chỉnh và công bố CĐR và Quy trình xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành CTĐT. Rà soát, cập nhật, kèm theo các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng.                                                                                                                                                                                                                                                                             | Khoa TLGD<br>Phòng ĐT SĐH | Năm học 2023-2024   |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |  |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  |  | Nhà trường và Khoa TLGD cần tuân thủ quy trình PDCA trong việc thiết kế và phát triển CTDH. Vì vậy CTDH ngành Quản lý giáo dục trình độ thạc sĩ sau khi được thiết lập, thường xuyên được rà soát, đánh giá và cải tiến trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan. |  |  |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có các quy định và hướng dẫn về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong tất cả các CTĐT được triển khai để đảm bảo sự tương thích với CDR của CTĐT và của HP. Các quy định/quy trình này đã hướng dẫn cụ thể hoạt động đánh giá quá trình giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của NH bao gồm: kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần, xếp loại và xét công nhận tốt nghiệp... [H10.10.03.01] [H10.10.03.02]. Đồng thời quá trình dạy và học còn được rà soát và đánh giá thông qua Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV [H10.10.03.03]. Việc xây dựng, hướng dẫn, triển khai và giám sát các quy định này thể hiện trong quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị có liên quan trong trường [H10.10.03.04]. Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH được quy định rõ trong hướng dẫn công tác khảo thí trong đào tạo trình độ thạc sĩ và đề cương chi tiết các học phần, trong đó chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện qua các hình thức: *thứ nhất*, Điểm học phần là tổng của điểm quá trình (Điểm QT) và điểm thi kết thúc học phần (Điểm CK) với trọng số tương ứng là 50% và 50% (trừ học phần triết học theo quy định riêng của Bộ GD&ĐT). Trong đó, điểm quá trình gồm điểm bài tập chiếm trọng số 60%, điểm chuyên cần chiếm 20%, điểm thảo luận chiếm 20%. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm; *thứ hai*, đánh giá kết thúc học phần được quy định cụ thể đối với công tác ra đề thi, duyệt đề thi, bảo quản đề thi, coi thi, chấm thi; *thứ ba*, đánh giá tốt nghiệp được thực hiện dưới hình thức viết báo cáo tốt nghiệp và hình thức thực tập viết khóa luận

tốt nghiệp được Trường quy định tại văn bản Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ [H10.10.03.05]. Kết quả học tập của HV được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá người học [H10.10.03.06]. Công tác rà soát kết quả thi học phần của NH được quy định trong chức năng của Trung tâm ĐBCL, Phòng Thanh tra - Pháp chế; Kế hoạch và hoạt động thanh tra thi hàng kỳ [H10.10.03.07].

Nhà trường xây dựng hệ thống rà soát, giám sát: giám sát giờ giấc, giám sát tiến độ, giám sát chất lượng giảng dạy, giám sát việc học tập của NH, ... rất chặt chẽ, để trên cơ sở đó, có biện pháp khắc phục, cải tiến kịp thời. Việc triển khai rà soát, đánh giá các PPGD, PPKTĐG KQHT của NH được diễn ra đồng bộ ở các bộ phận chức năng. Trung tâm ĐBCL phối hợp với Phòng ĐTSĐH, Phòng Thanh tra - Pháp chế thực hiện chức năng đảm bảo quá trình KTĐG KQHT được công bằng, khách quan, thực hiện nghiêm túc các quy trình nghiệp vụ như: quy trình in-sao đề, báo điểm, giao nhận đề thi và bài thi, phân công coi thi, phiếu chấm lên điểm, báo điểm, xem lại. Trung tâm ĐBCLCL là đơn vị chủ trì đảm bảo về công tác đánh giá chất lượng của nhà trường. Việc giám sát hoạt động dạy và học về mặt giờ giấc và tiến độ dạy học được Nhà trường giao cho Phòng Thanh tra-Pháp chế thực hiện. Phòng Thanh tra-Pháp chế kiểm tra các hoạt động dạy/học thường xuyên, mức độ nghiêm túc của các hoạt động giảng dạy như thời gian, lịch trình giảng dạy có đúng đề cương và thi cử, thanh tra giám sát việc thực hiện các hoạt động trong trường của NH và CB coi thi đảm bảo đúng theo qui chế, nếu vi phạm sẽ bị lập biên bản. Khi có bất cứ vi phạm nào Phòng Thanh tra-Pháp chế sẽ gửi lại thông báo cho khoa để nhắc nhở các GV. Đơn vị, cá nhân nào vi phạm đều phải có giải trình thích đáng mới được chấp nhận. Việc này sẽ được đánh giá vào thi đua, khen thưởng cuối năm [H10.10.03.07] [H10.10.03.08]. Việc giám sát khối lượng giảng dạy của từng giảng viên còn dựa vào việc sử dụng phần mềm hệ thống kê khai giảng dạy được kê khai vào cuối năm học [H10.10.03.09]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội giảng cho GV toàn trường để đánh giá chất lượng giảng viên trong toàn trường [H10.10.03.10]. Việc giám sát mức độ nghiêm túc của NH được thể hiện ở báo cáo của giảng viên phụ trách học phần và giảng viên chủ nhiệm lớp [H10.10.03.11]. Việc đánh giá NH còn được thể hiện qua các báo cáo, biên bản đánh giá về khoá luận tốt nghiệp của HV hàng năm [H10.10.03.12]. Ngoài ra, một hệ thống camera được lắp đặt trong tất cả các phòng học, các phòng thí nghiệm thực hành đã hỗ trợ tích cực cho việc giám sát hoạt động dạy học đang diễn ra trong lớp. Kế hoạch và kết quả thực hiện việc giám sát giảng viên và NH của Phòng Thanh tra-Pháp chế và Khoa TLGD được thể hiện trong kế hoạch năm học, báo cáo tổng kết năm học, các biên bản đánh giá quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập [H10.10.03.13] [H10.10.03.14].

Bên cạnh việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học của giảng viên và NH, Nhà trường còn có thực hiện việc hướng dẫn rà soát, điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết các học phần, đánh giá kết quả học tập của NH. Để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và công bằng trong kiểm tra, đánh giá, các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá NH được Nhà trường thường xuyên rà soát các quy chế quy định, hình thức thi, phần mềm quản lý, phần mềm thi, ngân hàng đề thi, chấm thi, công bố kết quả và các quy trình nghiệp vụ có liên quan, ... [H10.10.03.01] [H10.10.03.02].

Việc rà soát các quy chế quy định, rà soát các quy trình nghiệp vụ liên quan đến kiểm tra, đánh giá NH, rà soát phần mềm thi trắc nghiệm trên máy,... Các phương pháp đánh giá được rà soát bởi GV và tổ trưởng bộ môn khi rà soát ĐCCT hàng năm.

Nhà trường và Khoa thường xuyên triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của HV trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.01] [H10.10.03.02].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện trao đổi chuyên môn nhằm rà soát, đánh giá công tác dạy và học của GV và HV. Qua việc trao đổi, cho thấy công tác này đã được thực hiện thường xuyên ở từng học kỳ tại Khoa TLGD và những ý kiến đóng góp thực sự hữu ích cho GV khi thực hiện đề cương HP ở cả mặt nội dung, PPGD, kỹ năng thực hiện bài giảng để hướng đến CĐR của HP và của ngành học [H10.10.03.14]. Khoa TLGD cũng tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, seminar, hội thảo khoa học về việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm đạt CĐR môn học và ngành học [H10.10.03.15].

Đề đo lường mức độ đạt CĐR của NH, Nhà trường đã thiết kế lại các Quy trình xây dựng và công bố CĐR; Quy trình xây dựng và ban hành CTĐT; Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT (đối với ngành xây dựng mới); Quy trình tổ chức, cập nhật và đánh giá, phát triển CTĐT [H10.10.03.16].

Trên cơ sở kết quả đánh giá đạt CĐR của CTĐT, Khoa TLGD đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT và CĐR đang thực hiện. Đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng CTĐT, CĐR và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật này. Việc đánh giá phải làm rõ tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với CĐR và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy). Mỗi CĐR phải được đánh giá tối thiểu một lần trong chu kỳ đánh giá CTĐT. Qua các kết quả đánh giá việc đạt CĐR, tiến hành thống kê các kết quả học tập của HV qua từng học kỳ và cuối mỗi năm học, Nhà trường và Khoa TLGD có kế hoạch điều chỉnh các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.02], [H10.10.03.17].

Hàng năm, Trung tâm ĐBCL phối hợp với Phòng đào tạo SDH, Trung tâm CNTT, Khoa TLGD và các đơn vị có liên quan tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV,

HV và các bên liên quan về quá trình dạy - học, hoạt động KTĐG, kết quả học tập của HV và các hoạt động khác của Nhà trường. Ngoài ra, hàng năm, việc lấy ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của giảng viên còn thông qua các cuộc gặp mặt giữa Phòng ĐTSDH, Khoa TLGD và HV, qua đường dây nóng, hòm thư góp ý hoặc trao đổi giữa các nhóm HV và giảng viên phụ trách các học phần. Các kết quả này được Nhà trường thông báo đến GV để biết điều chỉnh kịp thời phương pháp giảng dạy phù hợp. Tất cả các kết quả khảo sát được Nhà trường và Khoa TLGD sử dụng để cải tiến chất lượng [H10.10.03.18].

### 2. Điểm mạnh

Các cơ chế và quy định về việc rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của NH được Nhà trường và Khoa thực hiện rất nghiêm ngặt, có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, đảm bảo quy trình PDCA nhằm nâng cao chất lượng đào tạo Nhà trường.

Việc cải tiến quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của NH được Nhà trường và Khoa thực hiện trên cơ sở tham khảo các kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV và HV.

### 3. Điểm tồn tại

Chưa tổng hợp các đánh giá mức độ tương thích giữa hoạt động đánh giá kết quả học tập của HV với CDR một cách đồng bộ.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị thực hiện   | Thời gian thực hiện |
|----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2023. Khoa và các Bộ môn sẽ tổng hợp các đánh giá mức độ tương thích giữa hoạt động đánh giá kết quả học tập của HV với CDR của các HP một cách đồng bộ hơn để từ đó có biện pháp kiểm soát và cải tiến kịp thời. | Khoa TLGD TT.ĐBCL  | Năm học 2023-2024   |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Tăng cường rà soát, đánh giá các quy định về chất lượng quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của NH.                                                                                                           | Khoa TLGD TT. ĐBCL | Năm học 2023-2024   |

### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

#### 1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh hoạt động dạy và học, NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cơ bản và quan trọng trong trường Đại học, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. NCKH giúp giảng viên củng cố được kiến thức chuyên môn vừa có điều kiện phát triển kiến

thức sâu rộng, liên ngành và chuyên ngành, gắn lý thuyết với thực tiễn. Hoạt động NCKH tại Trường Đại học Vinh được xem là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học thể hiện qua chiến lược và kế hoạch trong từng giai đoạn, năm học của trường. Để thực hiện được nhiệm vụ NCKH, phát huy vai trò của NCKH trong đào tạo. Trường đại học Vinh đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của BGD&ĐT về lĩnh vực NCKH như Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 ban hành Quy định về hoạt động KHCN trong cơ sở GDĐH; Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11/4/2016 Quy định về quản lý đề tài KHCN cấp Bộ; Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 1/6/2012 ban hành Quy định về hoạt động NCKH của SV trong các cơ sở GDĐH; Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT, ngày 17/9/2021 Quy định về hoạt động NCKH của SV trong cơ sở GDĐH [H10.10.04.01]. Nhà trường đã ban hành các quy định, quy chế, chính sách khuyến khích công tác NCKH của giảng viên và người học và các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện triển khai thực hiện đề tài KHCN, trong đó có các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy và học [H10.10.04.02] [H10.10.04.03].

Hàng năm, Khoa TLGD đã xây dựng kế hoạch công tác NCKH đối với đội ngũ CBGV và HV của Khoa thông qua kế hoạch năm học. Trong bản kế hoạch năm học, các giảng viên luôn đề ra những mục tiêu nghiên cứu khoa học cụ thể như tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học,..., *trong đó có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học* [H10.10.04.04]. Hàng năm, hoạt động NCKH của GV và HV của Nhà trường và Khoa TLGD được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú đa dạng khác nhau: Chủ trì, tham gia các đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh/thành, cấp Trường; viết bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo, tài liệu học tập cho NH; hướng dẫn HV NCKH;... Giảng viên Khoa TLGD luôn tích cực tham gia viết bài cho các hội nghị, hội thảo trong nước về lĩnh vực chuyên môn; tổ chức hội nghị HV nghiên cứu khoa học và tổ chức hội thảo quốc tế nhằm nâng cao tinh thần học hỏi giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn Khoa với những giảng viên, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn gắn với việc dạy và học. Các hoạt động NCKH được giám sát chất lượng bởi Hội đồng khoa học và đào tạo của Khoa, Trường. Số lượng đề tài các cấp, giáo trình, sách tham khảo và các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành ngày càng tăng. Các sản phẩm NCKH của Khoa là các báo cáo khoa học, các kỷ yếu hội thảo khoa học và nhiều bài báo khoa học được công bố ở trong và ngoài nước. Nhiều báo cáo khoa học, bài báo khoa học đã trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho việc giảng dạy và học tập các HP. Kết quả và sản phẩm của các công trình NCKH sau khi nghiệm thu và công bố được vận dụng trong thực tế tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực liên quan [H10.10.04.05].

Số lượng và các loại hình nghiên cứu của GV của Khoa trong 5 năm học vừa qua thống kê cụ thể như sau:

**Bảng 10.4.1. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao KHCN của Khoa Tâm lý - Giáo dục được nghiệm thu trong 5 năm gần đây**

| TT  | Phân loại đề tài  | Hệ số** | Số lượng |      |      |      |      | Tổng (đã quy đổi) |
|-----|-------------------|---------|----------|------|------|------|------|-------------------|
|     |                   |         | 2018     | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |                   |
| (1) | (2)               | (3)     | (4)      | (5)  | (6)  | (7)  | (8)  | (9)               |
| 1   | Đề tài cấp NN     | 2,0     |          |      |      |      |      |                   |
| 2   | Đề tài cấp Bộ*    | 1,0     | 1        |      |      |      |      |                   |
| 3   | Đề tài cấp tỉnh   | 1,0     |          |      | 2    | 1    |      |                   |
| 4   | Đề tài cấp trường | 0,5     | 3        | 1    |      |      |      |                   |
|     | <b>Tổng</b>       |         |          |      |      |      |      |                   |

**Bảng 10.4.2: Số lượng bài báo của cán bộ Khoa Tâm lý - Giáo dục đăng trong 5 năm gần đây**

| TT | Phân loại tạp chí                     | Hệ số** | Số lượng |      |      |      |      | Tổng (đã quy đổi) |
|----|---------------------------------------|---------|----------|------|------|------|------|-------------------|
|    |                                       |         | 2018     | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |                   |
| 1  | Tạp chí khoa học quốc tế              | 1,5     | 1        | 1    | 10   | 8    | 2    |                   |
| 2  | Tạp chí khoa học cấp Ngành trong nước | 1,0     | 13       | 0    | 7    | 3    | 2    |                   |
| 3  | Tạp chí/tập san cấp Trường            | 0,5     |          |      |      |      |      |                   |
|    | <b>Tổng</b>                           |         |          |      |      |      |      |                   |

Các đề tài NCKH của Khoa TLGD có tính ứng dụng thực tế cao và đã góp phần đáng kể vào quá trình dạy và học của Khoa. Hầu hết các đề tài NCKH của Khoa TLGD đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học của Khoa đều được ứng dụng vào giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của HV.

Các kết quả NCKH được Khoa áp dụng và chuyển tải thành các nội dung, các chuyên đề giảng dạy trên lớp hoặc thông qua một số hình thức khác như tổ chức seminar, hội thảo, ngoại khóa, cập nhật bổ sung nội dung các HP trong quá trình đào tạo, hướng dẫn HV làm NCKH. Bảng 10.4.3 sau thể hiện một số các đề tài NCKH tiêu biểu của CB-GV Khoa TLGD được ứng dụng trong hoạt động dạy và học trong những năm gần đây. Hầu hết các đề tài NCKH của Khoa đều có liên quan trực tiếp đến

nội dung hoặc phương pháp dạy và học ngành học, trong đó có ngành Quản lý giáo dục [H10.10.04.06].

Ngoài ra, NCKH của HV cũng được Khoa đặc biệt quan tâm. Nhiều bài báo khoa học, đề tài luận văn thạc sĩ là sản phẩm của các đề tài NCKH của GV và học viên cao học, nhiều đề tài NCKH của HV có tính ứng dụng cao. Trong 5 năm gần đây, HV của ngành Quản lý giáo dục đã tham gia nghiên cứu và viết đăng ký thực hiện một số đề tài NCKH cấp trường và có các bài báo khoa học được chọn đăng trên các Tạp chí, Kỷ yếu Hội thảo chuyên ngành có uy tín. Các đề tài nghiên cứu khoa học của HV đều gắn với ngành học, hoặc gắn với một số HP cụ thể trong CTĐT [H10.10.04.07].

Các kết quả NCKH của Khoa TLGD đã được sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của HV một cách có hiệu quả. Thông qua việc được tham gia nghiên cứu khoa học cùng các CB-GV, HV đã có kỹ năng NCKH tốt và có thêm trải nghiệm thực tế. Nhiều công bố quốc tế của CB, GV trong Khoa, kết quả đề tài nghiên cứu khoa học của GV là sản phẩm của các bài học thực hành mà GV hướng dẫn HV tiến hành các thực nghiệm. Khi thực hiện các đề tài NCKH, GV trong Khoa thường huy động một lực lượng HV tham gia, qua đó không chỉ giúp HV nắm vững kiến thức đã học, mà còn thực hành việc nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn. Ngoài ra, việc cải tiến hoạt động giảng dạy còn thể hiện ở việc cải tiến CTĐT thông qua các đề cương chi tiết [H10.10.04.08].

## 2. Điểm mạnh

- Khoa TLGD có đội ngũ giảng viên có năng lực và tích cực tham gia NCKH, có cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên cũng như NH phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác dạy và học ngành Quản lý giáo dục. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

- Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn; kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

## 3. Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH của HV chưa được triển khai đồng đều, chưa có kế hoạch chiến lược cụ thể. Đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh còn ít. Chính vì vậy, sự đóng góp của NCKH cho hoạt động dạy và học chưa bao phủ đầy đủ các lĩnh vực của ngành nghề.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu  | Nội dung                                        | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|-----------|-------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục | - Hình thành các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh | Khoa TLGD              | Năm 2024                       |         |

|   |                             |                                                                                                                                                                                                                                                             |                      |          |  |
|---|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------|--|
|   | điểm<br>tồn tại             | vực thuộc ngành đào tạo<br>để tìm kiếm các đề tài<br>NCKH các cấp.<br>- Xây dựng chiến lược<br>phát triển hoạt động sinh<br>viên NCKH                                                                                                                       |                      |          |  |
| 2 | Phát<br>huy<br>điểm<br>mạnh | - Tiếp tục khuyến khích,<br>tạo động lực trong NCKH<br>đối với các NCKH (viết<br>bài đăng tạp chí Quốc tế<br>có chỉ số WoS/Scopus, hội<br>thảo khoa học bằng tiếng<br>Anh)<br>- Tăng cường các nghiên<br>cứu ứng dụng, gắn với<br>thực tiễn của địa phương. | - ĐHV<br>- Khoa TLGD | Hàng năm |  |

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.5 Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

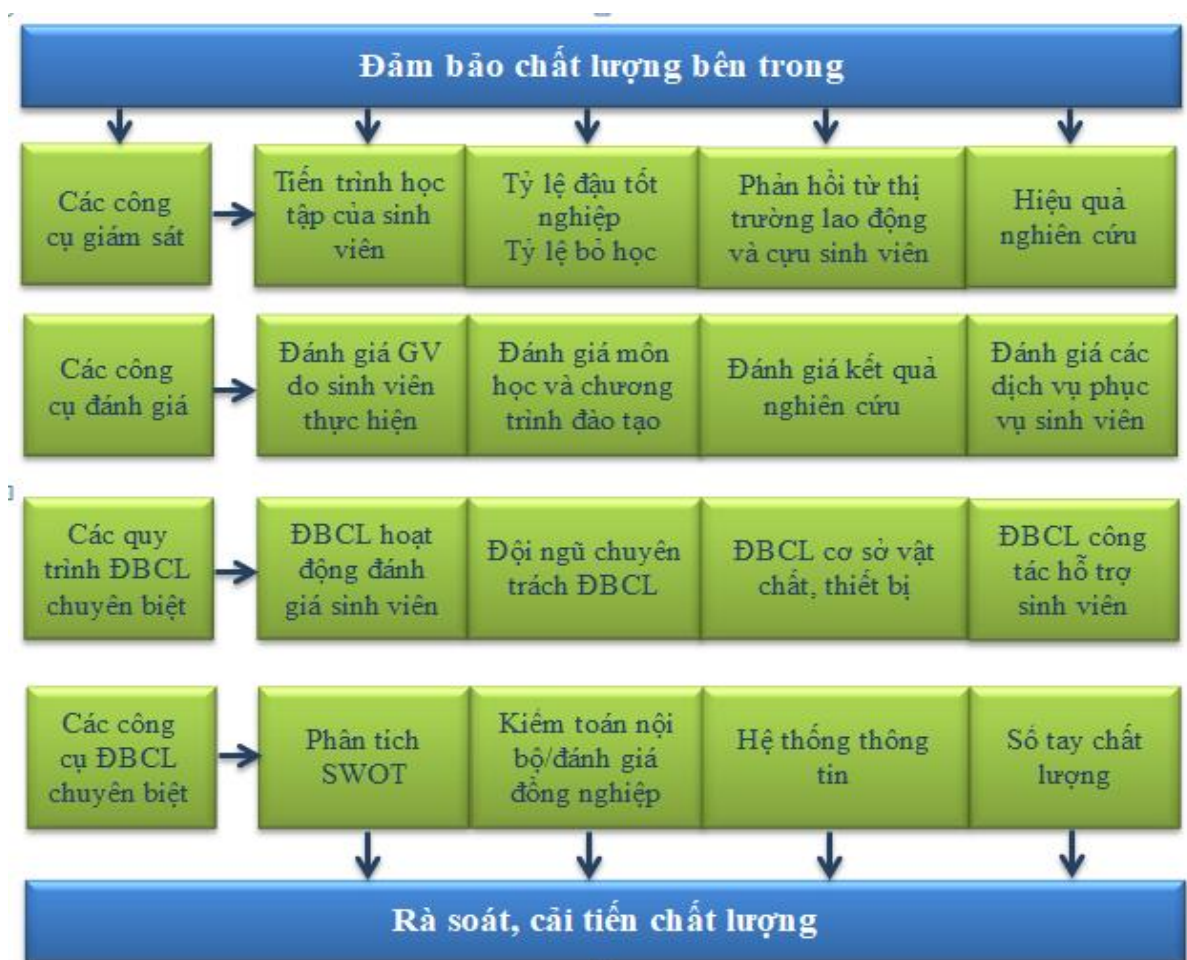
#### 1. *Mô tả hiện trạng*

Hệ thống ĐBCL nội bộ (IQA) của Đại học Vinh được thiết kế, xây dựng, và phát triển nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của nhà trường như đào tạo, NCKH, trong đó có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để thực hiện CTĐT. Qua Mô hình hệ thống ĐBCL bên trong của Đại học Vinh được *thể hiện qua hình 10.5.1* dưới đây cho thấy, công cụ đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Đại học Vinh được thực hiện bởi các đơn vị chức năng đối với từng mảng hoạt động với các quy định, quy trình rõ ràng và được phân nhiệm rõ trong văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị [H10.10.05.01].

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác như Quy định về hoạt động ĐBCL chất lượng giáo dục, Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, các kế hoạch đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài, các quy trình ISO, Sổ tay Đảm bảo chất lượng, các Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, ...

Nhà trường đã ban hành Quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan với các biểu mẫu rõ ràng để khảo sát ý kiến NH, CB-GV-NV và các bên liên quan khác để đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.02] [H10.10.05.03].

Trung tâm ĐBCL là đơn vị đầu mối phụ trách chính tổ chức đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác). Hằng năm Trung tâm ĐBCL đều lập kế hoạch đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích thông qua kế hoạch năm học, kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học, kế hoạch khảo sát các bên liên quan và triển khai tới các đơn vị chức năng có liên quan để tiến hành thực hiện [H10.10.05.04] [H10.10.05.05].



**Hình 10.5.1.** Mô hình hệ thống ĐBCL bên trong của Đại học Vinh

Tất cả các đơn vị trong toàn trường (trong đó có thư viện, các Khoa/Viện, Trung tâm công nghệ thông tin, Phòng CTCT-HSSV, Phòng ĐTSĐH,...) đều triển khai thực hiện theo quy định và kế hoạch đề ra việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác NH, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) trong xây dựng

kế hoạch công tác năm học của đơn vị mình trong đầu mỗi năm học và tự đánh giá trong báo cáo tổng kết năm học vào cuối năm học [H10.10.05.06].

Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bởi Trung tâm ĐBCL, Phòng CTCT-HSSV, Phòng ĐTSĐH..., và các đơn vị có liên quan:

- Thông qua việc lấy ý kiến NH và CB-GV-NV như: (1) khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV; (2) khảo sát ý kiến NH về các hoạt động Nhà trường; (3) khảo sát sự hài lòng của NH về các đơn vị hành chính và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ, (4) khảo sát ý kiến NH cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường; (5) khảo sát ý kiến NH tốt nghiệp; (6) khảo sát ý kiến GV/NH, NTD về CTĐT và CĐR, (7) Khảo sát ý kiến của phụ huynh và học sinh..., trong đó có các nội dung về công tác phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH; về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; về cơ sở vật chất Nhà trường như thư viện, phòng TN/TH, công nghệ thông tin [H10.10.05.07].

- Hàng năm, Phòng QT&ĐT thực hiện việc kiểm kê tài sản để đánh giá chất lượng các thiết bị và cơ sở vật chất có đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường, trên cơ sở đó để có phương án sửa chữa, cải tạo và thay thế trang thiết bị phục vụ cán bộ, giảng viên và NH [H10.10.05.08].

- Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào cũng triển khai thống kê, tổng hợp đánh giá kết quả ý kiến bạn đọc để có phương án bổ sung học liệu và cải tiến hoạt động hỗ trợ cho người đọc [H10.10.05.09].

- Ngoài ra, hàng năm, Nhà trường còn thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo theo kế hoạch và mời các Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục về đánh giá ngoài để kiểm định, đánh giá hệ thống chất lượng Nhà trường, trong báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài có đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ NH [H10.10.05.10].

- Phòng Thanh tra - Pháp chế hàng ngày giám sát, đánh giá các hoạt động dạy học và cơ sở vật chất phục vụ dạy học. Tất cả các bất thường đều được ghi nhận và xử lý kịp thời [H10.10.05.11].

- Ngoài ra, việc đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ còn được thực hiện bằng nhiều kênh khác nhau: tiếp nhận góp ý qua điện thoại, email, facebook, qua các cuộc họp giao ban (giao ban Nhà trường, giao ban Khoa...), qua đối thoại giữa Hiệu trưởng và NH, Hội nghị dân chủ SV/HV, Hội nghị công chức, viên chức .... Ngoài ra, tại mỗi đơn vị chức năng đều có bộ phận trực kỹ thuật mỗi ngày và tại mỗi phòng học đều có số điện thoại của bộ phận này và lãnh đạo Phòng QT&ĐT tiếp nhận những ý kiến phản ánh của GV, HV về những bất thường về CSVC, trang thiết bị để hỗ trợ kịp thời [H10.10.05.12].

Ở Khoa Tâm lý giáo dục, việc hỗ trợ NH cũng được thực hiện bởi cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm. Lịch sinh hoạt lớp và gặp gỡ HV sẽ do Khoa phối hợp với Phòng ĐTSĐH tổ chức. Trong buổi sinh hoạt lớp,

GV sẽ tham dự, thông báo các thông tin cần thiết, ghi nhận những phản ánh, đóng góp ý kiến của HV về tất cả các vấn đề như học tập, cơ sở vật chất, các vướng mắc... GV sẽ ghi nhận tất cả trong biên bản sinh hoạt lớp và gửi về Khoa, Phòng ĐTSĐH. GV hướng dẫn giữ liên lạc thường xuyên với ban cán sự lớp nhằm phát hiện và ghi nhận kịp thời tất cả những tâm tư, nguyện vọng của HV, đề xuất các giải pháp với lãnh đạo khoa, nhà trường. Từ đó có thể góp phần giúp HV yên tâm học tập, nỗ lực rèn luyện bản thân [H10.10.05.13].

Sau khi tiếp nhận thông tin và các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan, tất cả các đơn vị thực hiện các dịch vụ hỗ trợ như Thư viện, Trung tâm CNTT, Phòng CTSV-HSSV, Phòng ĐTSĐH, Phòng QT&ĐT, Đoàn Thanh niên, ... đều phải thực hiện cải tiến chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ như nâng cấp cơ sở vật chất về hạ tầng công nghệ thông tin [H10.10.05.14], bổ sung nguồn học liệu thư viện [H10.10.05.15],.... Sau mỗi đợt đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài của các Trung tâm Kiểm định giáo dục, Nhà trường và các đơn vị đã thực hiện đánh giá đều xây dựng kế hoạch khắc phục, cải tiến theo khuyến cáo của các đoàn đánh giá ngoài [H10.10.05.16].

## 2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác luôn được Trường, Khoa..., và các đơn vị chức năng giám sát, đánh giá tính hiệu quả và cải tiến thông qua một hệ thống văn bản, quy định, quy trình rõ ràng. Có khảo sát và có dựa trên các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này.

## 3. Điểm tồn tại

Dữ liệu giám sát, đánh giá quá trình thực hiện hỗ trợ và tiện ích đào tạo chưa được tập hợp theo hệ thống

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị thực hiện         | Thời gian thực hiện  |
|----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | TT. ĐBCL phối hợp với các đơn vị chức năng sẽ tăng cường cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trên cơ sở kết quả giám sát, đánh giá; đồng thời tiến hành tập hợp dữ liệu khảo sát, đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ một cách có hệ thống | Khoa<br>TLGD<br>TT. ĐBCL | Năm học<br>2023-2024 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Tăng cường giám sát, đánh giá tính hiệu quả và cải tiến thông qua một hệ thống văn bản, quy định, quy trình rõ ràng.                                                                                                                                 | Khoa<br>TLGD<br>TT. ĐBCL | Năm học<br>2023-2024 |

|  |  |                                                                                                                                                     |  |  |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  |  | Thực hiện tăng số lượng và quy mô đối tượng khảo sát và có dựa trên các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này. |  |  |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

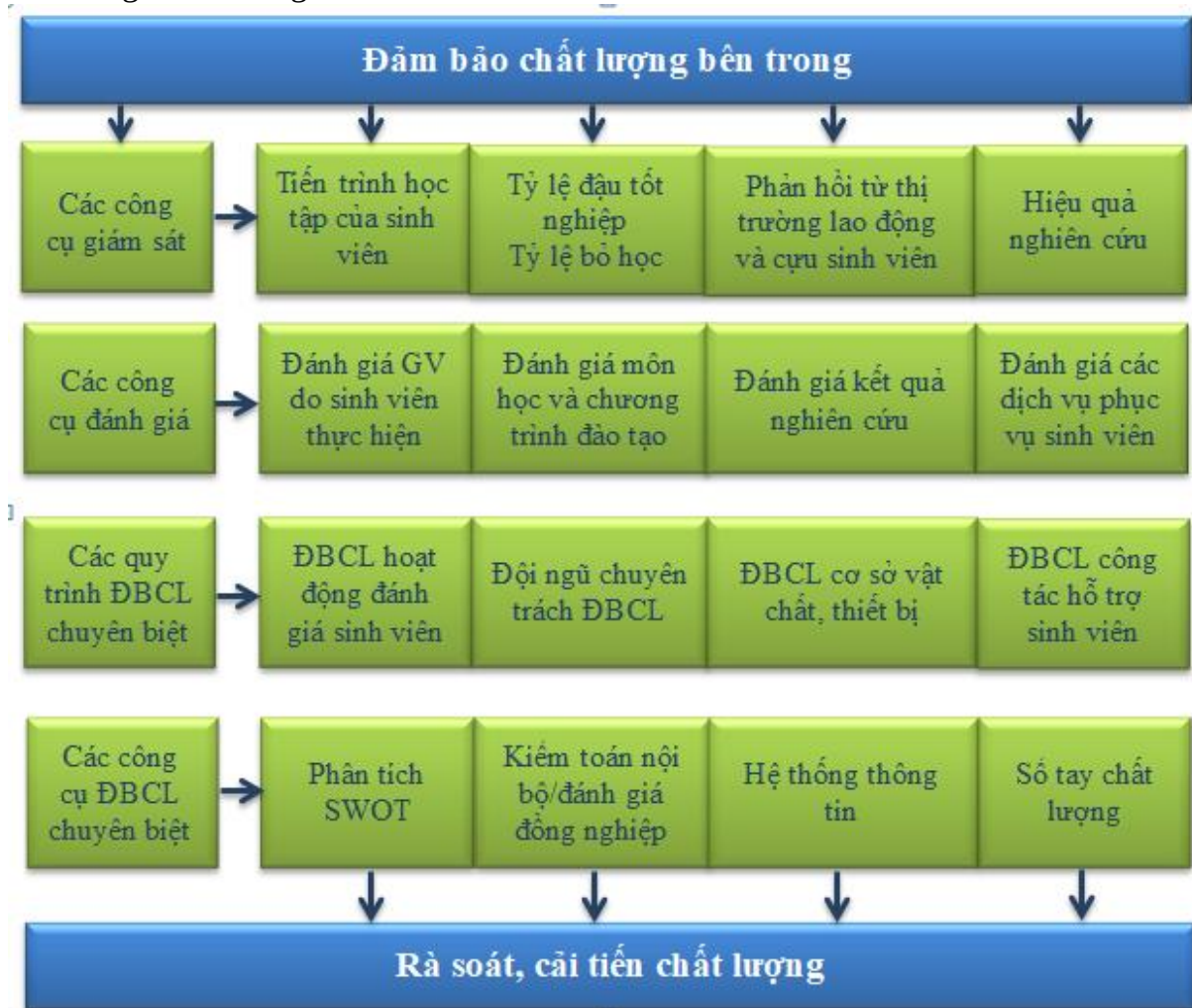
#### 1. *Mô tả hiện trạng*

Đảm bảo chất lượng là sự cải tiến liên tục, có hệ thống, có cấu trúc đến chất lượng trong việc duy trì và nâng cao chất lượng. Hệ thống đảm bảo chất lượng bao gồm 02 yếu tố: Đảm bảo chất lượng bên ngoài là đề cập đến hệ thống đảm bảo chất lượng được vận hành bởi các tổ chức ở bên ngoài các cơ sở giáo dục; Đảm bảo chất lượng bên trong đề cập đến hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập và vận hành bởi chính các cơ sở giáo dục đại học. Nói cách khác, cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò chính trong hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong. Nhưng để đảm bảo chất lượng, một trong những đòi hỏi quan trọng là trường đại học phải xây dựng và phát triển một hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong (Internal Quality Assurance: IQA). Hệ thống ĐBCL bên trong là nhân tố quyết định cho thành công của công tác ĐBCL trong trường. Mọi hoạt động ĐBCL trong Nhà trường đều được thực hiện dựa trên sự hỗ trợ của hệ thống ĐBCL bên trong. Toàn bộ sự tương tác các quá trình chính trong hệ thống ĐBCL bên trong của Trường Đại học Vinh (*thể hiện qua hình 10.6.1*) cho thấy hệ thống thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của Nhà trường được thực hiện theo đúng trình tự và khoa học. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan của Trường Đại học Vinh có tính hệ thống từ sự phân nhiệm đến quy trình, phương pháp, công cụ thu thập và xử lý kết quả đến việc phân tích đánh giá đến việc sử dụng kết quả để cải tiến chất lượng.

*Nhà trường ban hành các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm chính trong việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan:*

Để vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Trường thống nhất, liên tục và đạt hiệu quả cao, ngay từ năm 2007, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh đã ký quyết định thành lập Trung tâm ĐBCL [H10.10.06.01]. Trung tâm có chức năng điều phối, giám sát và thúc đẩy công tác ĐBCL với chức năng và nhiệm vụ rõ ràng, trong đó có chức năng tham mưu cho Nhà trường thực hiện công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ Nhà trường, giám sát việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng Nhà trường. Đồng thời, Trung tâm tham mưu cho Nhà trường xây dựng và thực hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan thông qua các hình thức khảo sát cụ thể. Việc lấy ý kiến các bên liên quan được vận hành liên tục

theo định kỳ đảm bảo tính hệ thống và khoa học trong công tác đảm bảo chất lượng bên trong của Trường [H10.10.06.01].



**Hình 10.6.1.** Mô hình hệ thống ĐBCL bên trong của Đại học Vinh

Bên cạnh TT.ĐBCL là đơn vị đầu mối, Phòng CTCT&HSSV, Phòng đào tạo, Phòng ĐT SDH, Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Trung tâm CNTT-Viện NC&ĐTTT,... cũng là các đơn vị chịu trách nhiệm chính lấy ý kiến các bên liên quan tùy vào mục đích, yêu cầu, đối tượng, hình thức, nội dung khảo sát [H10.10.06.02]. Ngoài ra, Nhà trường còn có một hệ thống các bộ phận ĐBCL ở từng đơn vị chức năng (Phòng/Ban/Trung tâm) và các đơn vị đào tạo (Khoa/Viện) cũng đã được thành lập là Hội đồng ĐBCL với các thành viên kiêm nhiệm là một lãnh đạo đơn vị và mạng lưới ĐBCL là các thành viên phụ trách công tác ĐBCL ở các đơn vị. Bộ phận ĐBCL ở các đơn vị đào tạo và các đơn vị chức năng có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ, thúc đẩy và triển khai công tác ĐBCL tại các đơn vị trong đó có công tác thu thập các ý kiến các bên liên quan [H10.10.06.03].

Nhà trường còn ban hành các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan. Cụ thể:

Nhà trường ban hành quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan với các biểu mẫu rõ ràng để khảo sát đánh giá và tư vấn cải tiến chất lượng dạy học, dịch vụ hỗ trợ như: Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh (số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016); Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Trường Đại học Vinh (số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022). Việc lấy ý kiến các bên liên quan được vận hành liên tục theo định kỳ đảm bảo tính hệ thống và khoa học trong công tác đảm bảo chất lượng bên trong của Trường. Đối với sinh viên, vào đầu học kì/năm học, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát các bên liên quan, trong đó nội dung khảo sát được thể hiện qua các phiếu khảo sát như: (i) khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV; (ii) khảo sát ý kiến NH về các hoạt động Nhà trường; (iii) khảo sát sự hài lòng của NH về các đơn vị hành chính và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ, (iv) khảo sát ý kiến NH cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường; (v) khảo sát ý kiến NH tốt nghiệp; (vi) khảo sát ý kiến GV/NH, NTD về CTĐT và CĐR, (vii) Khảo sát ý kiến của phụ huynh và học sinh,... Đối với học viên cao học, Nhà trường tiến hành khảo sát các nội dung như: Khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát NH sắp tốt nghiệp về khóa học; khảo sát người học tốt nghiệp; Khảo sát cựu HV cao học về chương trình đào tạo; khảo sát Giảng viên về CTĐT và hoạt động đào tạo sau đại học; Đánh giá của Nhà tuyển dụng về học viên cao học tốt nghiệp và chương trình đào tạo; đánh giá lớp học chuyên đề chương trình đào tạo thạc sĩ [H10.10.06.04].

*Ngoài ra, Nhà trường ban hành các quy trình khác như:*

Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT bao gồm: Quy trình xây dựng CĐR; Quy trình xây dựng CTĐT; Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT mới; Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT, trong đó có nhiều biểu mẫu khảo sát ý kiến các bên liên quan để xây dựng, cập nhật và cải tiến CTĐT & CĐR [H10.10.06.05].

Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được Khoa, các đơn vị liên quan và Nhà trường thực hiện đúng trình tự, khoa học. Phương pháp sử dụng đa dạng, các công cụ sử dụng có độ tin cậy, đối sánh được ý kiến của các bên liên quan để làm căn cứ cải tiến chất lượng. Các công cụ của từng khảo sát đều đã được ấn định thành các biểu mẫu cụ thể, phục vụ cho từng loại hình khảo sát, do vậy thông tin thu được có thể sử dụng để đối sánh giữa các năm.

Các hình thức khảo sát đa dạng và có tính hệ thống được thể hiện như: Khảo sát bằng phiếu hỏi giấy; Khảo sát trực tuyến qua phần mềm; trao đổi trực tiếp qua các cuộc họp giao ban, hội thảo, gặp mặt; các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Khoa, Trường với NH tại các hội thảo hội nghị; ngày gặp mặt cựu NH; các báo cáo tổng hợp tại các cuộc hội thảo, hội nghị với chuyên gia; Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng tại ngày hội việc làm; các báo cáo khảo sát tại các cuộc thực tập của SV/HV thực tập

tại đơn vị sử dụng lao động; các báo cáo tổng hợp của các diễn đàn của SV/HV như: (Hội nghị dân chủ sinh viên; Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và sinh viên; Hội nghị gặp mặt giữa Khoa và học viên cao học; Hội nghị công chức, viên chức,...); qua các công văn lấy ý kiến cán bộ viên chức trong trường; Khảo sát gián tiếp qua các trang thông tin mạng, điện thoại, đường dây nóng, hòm thư góp ý; ... Các công cụ sử dụng là bộ phiếu khảo sát và các phần mềm hỗ trợ, luôn có độ tin cậy cao [H10.10.06.06].

Hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan của từng đơn vị chức năng đều tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan theo quy định chức năng nhiệm vụ của đơn vị để cải tiến công việc. Ví dụ: Phòng CTCT&HSSV khảo sát NH về giảng viên và các hoạt động của Nhà trường; Thư viện tổ chức khảo sát ý kiến bạn đọc về nhu cầu nguồn học liệu; Trung tâm HTSV&QHDN khảo sát cựu NH về việc làm; Phòng đào tạo/Phòng ĐTSĐH khảo sát về CTĐT và CDR dành cho sinh viên/học viên cao học; Trung tâm CNTT phối hợp với các đơn vị liên quan khảo sát hình thức trực tuyến ... Các thông tin thu được, Nhà trường giao trách nhiệm cho từng đơn vị chủ trì xử lý, báo cáo và lưu trữ. Về công tác quản lý, Nhà trường đã phát triển cổng thông tin nội bộ. Tại đây CB-GV-NV sẽ được cấp 1 tài khoản để truy cập thông tin liên quan cá nhân và để truyền đạt thông tin nội bộ của nhà trường đến CB-GV-NV cũng như phản ánh đóng góp ý kiến cho Khoa, Trường một cách nhanh nhất và chính xác nhất từ đó phục vụ tốt hơn trong công việc [H10.10.06.07].

Ngoài ra, hệ thống ĐBCL của trường là một hệ thống mở, sẵn sàng lắng nghe và khuyến khích sự đóng góp ý kiến của tất cả các bên liên quan như NH, cựu NH, NTD, CB-GV-NV, các đối tác... Mọi hoạt động của trường đều nhằm đáp ứng và đáp ứng tốt yêu cầu của các bên liên quan được thiết kế, kiểm soát từ nhiều góc nhìn khác nhau. Tùy từng trường hợp cụ thể, Nhà trường sử dụng phương pháp phù hợp để đảm bảo sự tiện ích và tính khách quan trong thu thập các thông tin...

Nội dung và kết quả thực hiện các đợt khảo sát bao gồm:

- + Mục đích khảo sát: Khảo sát chuyên gia/nhà sử dụng lao động/sinh viên/cựu sinh viên với mục tiêu nâng cao chất lượng CTĐT.
- + Đối tượng khảo sát: Tham gia khảo sát là chuyên gia/nhà sử dụng lao động/sinh viên/cựu sinh viên, học viên cao học, phụ huynh, học sinh.
- + Phạm vi khảo sát: Nhà sử dụng LĐ trong các DN, trường học... chuyên gia trong từng lĩnh vực, sinh viên, học viên đang học và cựu sinh viên/học viên...
- + Phương thức khảo sát: Phiếu khảo sát đưa ra các câu hỏi dạng thang đo, câu hỏi ngắn, câu hỏi nhiều lựa chọn...
- + Công cụ khảo sát là: Phiếu giấy, phần mềm quản lý online, khảo sát qua điện thoại,...

*Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá*

Sau khi thực hiện các hoạt động khảo sát, Nhà trường đã xem xét, rà soát, đánh giá tính hiệu quả của cơ chế phản hồi từ việc tổ chức thực hiện đến hình thức, nội dung khảo sát nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy, có giá trị từ ý kiến đóng góp của các bên liên quan và thực hiện tiến hành tập hợp, xử lý, phân tích, tổng hợp và đánh giá sơ bộ trong các báo cáo về kết quả khảo sát bao gồm: Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV và các hoạt động của Nhà trường; Báo cáo khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, CĐR, CTDH (qua các hội thảo, hội nghị...); Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên/học viên cao học tốt nghiệp qua các năm,... Trên cơ sở các báo cáo đã được khảo sát, Tại các cuộc họp giao ban đào tạo, giao ban công tác và họp Khoa Tâm lý giáo dục, các ý kiến của các bên liên quan cũng được rà soát, căn cứ vào các dữ liệu của kết quả khảo sát, các đơn vị phân tích, đánh giá và đề xuất những điều chỉnh, cải tiến chất lượng[H10.10.06.08]. Các số liệu thống kê về khảo sát qua các năm đã được các đơn vị chức năng tổng hợp và đăng trên trang Ioffice của Nhà trường.

Một số kết quả đánh giá chính trong cơ chế phản hồi:

+ Đối với sinh viên/học viên và cựu sinh viên/cựu học viên: Tỷ lệ phản hồi là tương đối cao. Tuy nhiên, một bộ phận SV/HV chưa nhận thức đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của việc tham gia đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Nhà Trường. Các câu trả lời đánh giá của một số SV/HV còn chung chung, chưa cụ thể.

+ Đối với các chuyên gia: Ý kiến của các nhà khoa học rất quan trọng đối với việc điều chỉnh chương trình đào tạo và mục tiêu của chương trình đào tạo. Tuy nhiên, số lượng các nhà khoa học tham gia lấy ý kiến khảo sát vẫn còn ít.

+ Đối với nhà sử dụng lao động: Ý kiến thu thập được từ phía nhà tuyển dụng có ý nghĩa rất lớn giúp cho Nhà trường trong việc điều chỉnh chương trình, nội dung đào tạo nhằm đáp ứng được các yêu cầu của nhà tuyển dụng. Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng tham gia vào các đợt khảo sát là không nhiều, tỷ lệ phản hồi không cao.

+ Đối với giảng viên: Các GV đã thực hiện rất nghiêm túc khi được khảo sát. Ý kiến giảng viên giảng dạy cũng rất quan trọng trong việc điều chỉnh nội dung và chương trình giảng dạy.

*Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được cải tiến*

Tiếp thu ý kiến đánh giá về cơ chế phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường, Trung tâm ĐBCL và các đơn vị liên quan đã từng bước thực hiện điều chỉnh, cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan, thể hiện qua việc cải tiến từ sự phân nhiệm đến cải tiến quy trình, phương pháp, công cụ, Cụ thể:

+ Về sự phân nhiệm, Việc phụ trách công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan trước đây do các đơn vị liên quan phụ trách xây dựng kế hoạch triển khai và thực

hiện, hiện nay do trung tâm ĐBCL chủ trì và phân nhiệm lại cho các đơn vị trực tiếp thực hiện khảo sát.

+ Về quy trình, Năm 2016, Nhà trường mới chỉ ban hành quy trình khảo sát tạm thời (Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh, số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016), do phòng CTCT&HSSV soạn thảo. Năm 2022, việc khảo sát các bên liên quan do Trung tâm ĐBCL chủ trì và phân nhiệm đến các đơn vị có liên quan. Nhà trường cũng đã ban hành quy trình khảo sát tất cả các bên liên quan (Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Trường Đại học Vinh, số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022), do Trung tâm ĐBCL soạn thảo.

+ Việc xây dựng phiếu khảo sát trước đây đều do các đơn vị có liên quan đảm nhiệm tùy theo đối tượng và mục đích khảo sát. Năm 2023, Nhà trường thành lập Ban xây dựng, tổ hỗ trợ xây dựng và nhóm chuyên trách xây dựng Bộ phiếu khảo sát các bên liên quan bao gồm Ban giám hiệu, trưởng các đơn vị có liên quan và các giảng viên có kinh nghiệm trong hoạt động giảng dạy.

+ Đối tượng khảo sát trước đây chủ yếu là sinh viên, sinh viên tốt nghiệp thì hiện nay, Đối tượng khảo sát là tất cả các bên liên quan bao gồm cả sinh viên và học viên cao học, sinh viên tốt nghiệp, cựu học viên cao học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác.

+ Công cụ khảo sát trước đây chủ yếu là phiếu giấy thì hiện nay việc khảo sát đã kết hợp phiếu giấy lẫn khảo sát trực tuyến, số lượng đối tượng khảo sát tăng lên, hoạt động lấy ý kiến khi rà soát, phát triển chương trình đào tạo đã được thực hiện với sự tham gia của nhiều bên liên quan hơn, số cuộc khảo sát qua các năm tăng lên để đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng.

+ Đối với khảo sát các bên liên quan về việc xây dựng và phát triển CTĐT trước đây mới chỉ thể hiện ở các cuộc hội thảo trao đổi thì đến 2019, Nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng và phát triển CTĐT đối với trình độ đại học. Năm 2023, ban hành quy trình xây dựng và phát triển CTĐT đối với trình độ thạc sĩ, trong đó có quy trình khảo sát các bên liên quan.

+ Mẫu phiếu và câu hỏi khảo sát cũng thay đổi định kỳ cho phù hợp với mục tiêu khảo sát và kết hợp nhiều hình thức lấy ý kiến, trong đó tăng cường các hình thức hội nghị trực tuyến, khảo sát trực tuyến... [H10.10.06.09].

Các kết quả khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV sẽ được Nhà trường gửi đến từng GV và lãnh đạo Khoa TLGD biết để phát huy những mặt mạnh, cải tiến những tồn tại nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học. Những GV nào có ý kiến NH hài lòng thấp, Khoa TLGD tổ chức gặp mặt và trao đổi với GV về những ý kiến đóng góp của NH. Lãnh đạo Khoa TLGD sẽ sử dụng kết quả khảo sát này để có kế hoạch phân tiết giảng dạy, hợp đồng mời giảng, xếp loại thi đua hàng năm...

[H10.10.06.10]. Đối với các loại khảo sát ý kiến khác, lãnh đạo các đơn vị nhận kết quả khảo sát nhằm hỗ trợ cho việc ra các quyết định cho sự phát triển nguồn nhân lực, vật lực, CTĐT và CĐR, ... Sau mỗi học kỳ và cuối năm học, Khoa và các đơn vị liên quan phải lập một báo cáo về việc sử dụng các kết quả khảo sát để Nhà trường cải tiến hệ thống. Báo cáo việc sử dụng các kết quả khảo sát ý kiến GV, NTD và cựu NH để xây dựng, điều chỉnh CTĐT và CĐR [H10.10.06.11]. Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các HP trong chương trình, điều chỉnh CĐR, ĐCCT HP, Tài liệu học tập, ....

### 2. Điểm mạnh

- Có đầy đủ các văn bản quy định, hướng dẫn về cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

- Phương pháp lấy ý kiến khảo sát ngày càng đang dạng và có ứng dụng CNTT trong việc khảo sát lấy ý kiến của các đối tượng.

- Đối tượng khảo sát: Đa dạng, đa lĩnh vực, ngành nghề

- Có thực hiện đánh giá cơ chế phản hồi của các bên, từ đó có những cải tiến phù hợp

### 3. Điểm tồn tại

- Số lượng các doanh nghiệp tham gia khảo sát còn ít, các doanh nghiệp chưa tham gia tích cực vào hoạt động khảo sát.

- Một bộ phận sinh viên/học viên chưa nhận thức được đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của việc tham gia đóng góp ý kiến nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Trường. Các câu trả lời đánh giá của một số sinh viên/học viên còn chung, chưa cụ thể, một số câu trả lời còn bỏ trống.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị thực hiện         | Thời gian thực hiện  |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | -Trong năm 2023, Nhà trường, Khoa và các phòng ban liên quan cần gia tăng số lượng các doanh nghiệp tham gia khảo sát. Tăng nhận thức của sinh viên/học viên về vai trò, lợi ích khi tham gia khảo sát.<br>-Tăng cường áp dụng CNTT trong việc khảo sát và tổng hợp kết quả khảo sát các bên liên quan. | Khoa<br>TLGD<br>TT. ĐBCL | Năm học<br>2023-2024 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | - Rà soát các văn bản quy định, hướng dẫn về cơ chế phản hồi của các bên                                                                                                                                                                                                                                | Khoa<br>TLGD             | Năm học<br>2023-2024 |

|  |  |                                                                                                                                                                          |          |  |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|
|  |  | liên quan.<br>- Tăng đối tượng khảo sát: Đa dạng, đa lĩnh vực, ngành nghề<br>- Tiến hành thực hiện đánh giá cơ chế phản hồi của các bên, từ đó có những cải tiến phù hợp | TT. ĐBCL |  |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 10**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến các bên liên quan với các quy trình và biểu mẫu khảo sát luôn được cải tiến giúp thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, khoa học và tin cậy làm căn cứ để Khoa thiết kế và phát triển CTĐT. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ đầy đủ các BLQ (HV, cựu HV, NTD, GV, chuyên gia ngành) để phát triển CTĐT; công tác lưu trữ thông tin được thực hiện một cách hệ thống, tin học hóa, thuận tiện cho việc khai thác dữ liệu thu thập được; các quy trình, biểu mẫu khảo sát được cải tiến qua các năm nhằm giúp công tác thu thập thông tin phản hồi hiệu quả hơn. Có tổng hợp và phân tích các kết quả từ các khảo sát ý kiến các BLQ về CĐR, đối sánh các CTDH, ý kiến đóng góp của các BLQ về CTDH, các kết quả thẩm định; có theo dõi tình trạng sửa đổi CĐR và CTDH.

Nhà trường ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo gồm 2 phần: (1) Quy trình thiết kế và (2) quy trình phát triển. Việc thiết kế và phát triển CTDH của các Khoa/Viện được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ và thống nhất. Nhà trường và Khoa TLGD tuân thủ quy trình PDCA trong việc thiết kế và phát triển CTDH. Vì vậy CTDH ngành Quản lý giáo dục trình độ ThS sau khi được thiết lập, thường xuyên được rà soát, đánh giá và cải tiến trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

Các cơ chế và quy định về việc rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của NH được Nhà trường và Khoa thực hiện rất nghiêm ngặt, có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, đảm bảo quy trình PDCA nhằm nâng cao chất lượng đào tạo Nhà trường. Việc cải tiến quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của NH được Nhà trường và Khoa thực hiện trên cơ sở tham khảo các kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV và HV.

Số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của Khoa ngày càng tăng. Đa số kết quả của các công trình NCKH của Khoa đều được áp dụng vào việc giảng dạy các HP lý thuyết cũng như các HP thực hành, thực tập, thực tế của HV, đồng thời góp phần cải tiến chất lượng việc dạy và học trong Khoa.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác luôn được Trường, Khoa

giám sát, đánh giá tính hiệu quả và cải tiến thông qua một hệ thống văn bản, quy định, quy trình rõ ràng. Có khảo sát và có dựa trên các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này.

Việc thu nhận ý kiến các bên liên quan của Khoa, Trường được thực hiện mang tính hệ thống, khoa học và đa dạng. Có bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCL là Trung tâm ĐBCL, với đội ngũ có nhiều kinh nghiệm. Ngoài ra, còn có bộ phận ĐBCL ở trong từng đơn vị chức năng và các đơn vị đào tạo. Có hệ thống văn bản quy định về hoạt động khảo sát các BLQ để điều chỉnh, cải tiến CDR, CTĐT, chất lượng dạy học và các dịch vụ hỗ trợ. Có sử dụng các phần mềm hỗ trợ xử lý dữ liệu, các công cụ sử dụng có độ tin cậy cao và có đối sánh ý kiến của các BLQ để làm cơ sở cải tiến, có điều chỉnh định kỳ tùy theo mục tiêu khảo sát của năm học. Các kết quả khảo sát được xử lý, đánh giá và làm cơ sở để cải tiến liên tục, thường xuyên tất cả các hoạt động của Trường, của Khoa nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT và các hoạt động dạy học.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Một số HV còn chưa xem trọng việc tham gia trả lời khảo sát, mặc dù Trường đã tuyên truyền... Mặt khác, việc tiếp cận nhà tuyển dụng chưa được thuận lợi nên số lượng ý kiến khảo sát từ đối tượng này chưa đa dạng và chưa được nhiều.

Chưa tổng hợp các đánh giá mức độ tương thích giữa hoạt động đánh giá kết quả học tập của HV với CDR một cách đồng bộ.

Việc cải tiến hoạt động dạy-học từ kết quả NCKH được thực hiện chưa đồng bộ giữa các bộ môn và giữa các GV phụ trách chung HP, các HV.

Dữ liệu giám sát, đánh giá quá trình thực hiện hỗ trợ và tiện ích đào tạo SDH chưa được tập hợp theo hệ thống.

Chưa có sự đánh giá đầy đủ của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu HV về cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và học tập SDH.

## **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

### **Mở đầu**

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Chuyên ngành Thạc sĩ ngành QLGD được sự quan tâm của nhiều đơn vị quản lý nhà nước, các doanh nghiệp do nhu cầu nhân lực trình độ chuyên sâu ngày càng cao. Việc đánh giá kết quả đầu ra của quá trình đào tạo được coi là thông tin rất quan trọng giúp Nhà trường cải tiến chất lượng, hoạt động ĐBCL và hệ thống ĐBCL.

Kết quả đầu ra quan tâm đến mức độ đạt được các CĐR, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm, chuyển đổi vị trí công tác hay thăng tiến trong công việc của người học sau khi tốt nghiệp, mức độ tham gia và kết quả NCKH của người học. Đây là những chỉ số đầu ra quan trọng của quá trình đào tạo, thể hiện hiệu quả của toàn bộ quá trình đào tạo.

Các hoạt động NCKH cho NH được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của CTĐT ngành QLGD tập trung nghiên cứu theo định hướng NCKH của Trường, Khoa và ngành học. Trường, Khoa cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của GV, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT, CTDH và phát triển hệ thống ĐBCL.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của từng khóa đào tạo được nhà trường coi là những chỉ số cụ thể đánh giá kết quả đầu ra, được xác lập, thường xuyên giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Để giám sát và cải thiện các chỉ số này, Nhà trường có các phòng chức năng liên quan giúp cho việc xác lập và giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Nhà trường đã giao cho Phòng ĐT.SDH và các đơn vị đào tạo (khoa/viện) chịu trách nhiệm chính trong giám sát việc đạt được CĐR, tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp hàng năm; đồng thời cũng ban hành các quy định về việc đăng ký HP, hủy/rút đăng ký HP, đăng ký lại, học cải thiện điểm, nghỉ học tạm thời, cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học... Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ này còn có Trung tâm ĐBCL. Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm khảo sát ý kiến HV, thống kê tình hình tốt nghiệp, khảo sát nhà tuyển dụng về tình hình việc làm HV; tổ chức đánh giá nội bộ; ... giám sát, rà soát việc đảm bảo chất lượng trong công tác đào tạo [H11.11.01.02].

Khung thời gian học tập của CTĐT thạc sĩ được quy định tối đa là 02 năm, việc kéo dài thời gian học tập của HV cao học không quá 02 năm. Trường Đại học Vinh đã ban hành các Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ [H11.11.01.03]. Trường quan tâm và tạo điều kiện hỗ trợ để HV có thể hoàn tất CTĐT trong thời gian quy định. Mỗi

khóa học, Trường có quyết định phân công Trợ lý đào tạo đảm nhận trao đổi thông tin giữa lớp và Khoa, trong đó có nội dung tiếp nhận và xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo: HV nghỉ học tạm thời, chuyển cơ sở đào tạo, gia hạn thực hiện luận văn. Các trường hợp này, sau khi xử lý theo trình tự quy định, được lưu hồ sơ ở văn phòng Khoa và Phòng ĐT.SDH, ngoài ra hỗ trợ cho HV còn có cán bộ văn phòng Khoa, cố vấn học tập, trợ lý quản lý học viên, giảng viên chủ nhiệm lớp [H11.11.01.04]. Mỗi lớp học phần cao học đều có lớp trưởng do Khoa phân công và ban cán sự lớp, do tập thể lớp bầu ra. Ban cán sự đóng vai trò cầu nối giữa tập thể lớp với GV, viên chức quản lý và các bộ phận hỗ trợ; trong đó có việc nắm bắt tình hình học tập của HV [H11.11.01.05].

Trường ĐH Vinh có hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu và hỗ trợ người học từ cấp trường đến cấp Khoa/Viện đào tạo trong suốt quá trình đào tạo và sau khi tốt nghiệp Trường có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, khi học viên bắt đầu vào Trường nhập học, sau khi đã hoàn thành đầy đủ cơ sở dữ liệu, Trường sẽ cung cấp cho mỗi học viên một tài khoản cá nhân. Trong tài khoản cá nhân đó, có đầy đủ thông tin, lịch trình thời khóa biểu học tập. Các kết quả học tập của học viên được cập nhật thường xuyên và kịp thời trên hệ thống cũng như qua tài khoản cá nhân để giúp học viên theo dõi kịp thời và có kế hoạch cải thiện kết quả học tập [H11.11.01.06].

*Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng năm.*

Hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của NH ngành QLGD được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý HV thôi học, bỏ học hằng năm [H11.11.01.07]. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ NH bỏ học của các khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học sau [H11.11.01.08] [H11.11.01.09] được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:

**Bảng 11. 1.1. Tỷ lệ NHTN, thôi học của học viên cao học  
theo các khóa học từ năm 2019 - 2023**

| Khóa NH         | Số liệu<br>NH nhập<br>học | Số NH<br>đến thời<br>điểm TN | Số<br>lượng<br>NHTN | Tỷ lệ<br>NHTN<br>(%) | NH thôi học |              |
|-----------------|---------------------------|------------------------------|---------------------|----------------------|-------------|--------------|
|                 |                           |                              |                     |                      | Số<br>lượng | Tỷ lệ<br>(%) |
| 2017-2019 (K25) | 128                       | 126                          | 126                 | 98.4                 | 2           | 1.6          |
| 2018-2020 (K26) | 307                       | 301                          | 301                 | 98.0                 | 6           | 2.0          |
| 2019-2021 (K27) | 325                       | 302                          | 302                 | 98.5                 | 1           | 0.3          |

|                 |     |     |     |      |   |     |
|-----------------|-----|-----|-----|------|---|-----|
| 2020-2022 (K28) | 311 | 295 | 295 | 94.9 | 1 | 0.3 |
| 2021-2023 (K29) | 187 | 177 | 177 | 94.7 | 1 | 0.5 |

*Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được đánh giá, phân tích, giám sát*

Sau mỗi năm học, Trợ lý đào tạo và văn phòng Khoa thống kê tình hình kết quả học tập và số lượng HV thôi học. Tình hình HV gia hạn luận văn (tối đa một năm) được theo dõi và quản lý chặt chẽ. Định kỳ, Trường tiến hành xem xét và xử lý học vụ, cho thôi học các HV không hoàn thành nhiệm vụ học tập, kéo dài thời gian học tập quá thời hạn quy định. Trước khi xử lý học vụ, Trường ra thông báo danh sách và tiếp nhận thông tin phản hồi từ người học về nguyên nhân không hoàn thành nhiệm vụ.

Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Quyết định Số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh đã quy định rõ các trường hợp được tốt nghiệp và buộc thôi học. Hàng năm, Trường tổ chức xét tốt nghiệp và quyết định học viên thôi học. Học viên thuộc diện thôi học nếu rơi vào các trường hợp sau: vi phạm kỷ luật của Trường; không đáp ứng yêu cầu về kết quả học tập theo quy định; hết thời gian học tập tại Trường; có nguyện vọng thôi học. Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện, Phòng ĐT.SDH lập danh sách học viên bị cảnh báo kết quả học tập gửi tới Khoa để phối hợp liên hệ với học viên nhằm giúp học viên tập trung học tập, cải thiện điểm số. Đồng thời, thông qua các buổi sinh hoạt lớp, cố vấn học tập hoặc giáo viên chủ nhiệm thông báo cảnh báo đến người học và tìm hiểu các đối tượng thôi học, chậm tiến độ; làm rõ các nguyên nhân thôi học, chậm tiến độ đó. Nhà trường đã tiến hành phân tích, tìm hiểu nguyên nhân NH thôi học là do công việc quá bận, hoàn cảnh kinh tế, kết quả học tập không đạt yêu cầu, không thể hoàn thành chương trình học theo quy định. Đối với những HV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, cố vấn học tập luôn phải báo cáo định kỳ để Khoa và Nhà trường nắm rõ lý do để tư vấn, hỗ trợ theo dõi các trường hợp này [H11.11.01.10].

*Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT*

Hàng năm, nhà trường đều tiến hành đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT thông qua các báo cáo tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của Phòng ĐT.SDH; đồng thời đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp Khoa ... với các khoa gần chuyên môn khác của Trường Đại học Vinh. Kết quả đối sánh tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp trong 5 năm gần nhất giữa Khoa .... với các Khoa tương đồng trong Trường được thể hiện qua các bảng số liệu sau (bảng 11.1.2; bảng 11.1.3):

**Bảng 11.1.2. Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn (2 năm) của học viên cao học ngành QLGD. với các ngành đối sánh**

| Khóa | Ngành | Ngành Quản lý giáo dục | Ngành GD tiểu học | Ngành GD mầm non |
|------|-------|------------------------|-------------------|------------------|
|      |       |                        |                   |                  |

|                       |          |                    |               |               |
|-----------------------|----------|--------------------|---------------|---------------|
| 2017-2019<br>(K25)    | SLHVN    | 128                | 8             | 6             |
|                       | TLTN (%) | 100%<br>(125/125)  | 100%<br>(8/8) | 100%<br>(6/6) |
| 2018-2020<br>(K26)    | SLHVN    | 307                | 7             | 24            |
|                       | TLTN (%) | 68.1%<br>(209/307) | 71.4% (5/7)   | 87.5% (21/24) |
| 2019-2021<br>(K27)    | SLHVN    | 325                | 38            | 43            |
|                       | TLTN (%) | 94.7%<br>(286/302) | 100% (36/36)  | 95.3% (41/43) |
| 2020-2022<br>(K28)    | SLHVN    | 311                | 70            | 17            |
|                       | TLTN (%) | 96.6%<br>(285/295) | 100% (70/70)  | 100% (17/17)  |
| 2021-2023<br>(K29)    | SLHVN    | 187                | 48            | 20            |
|                       | TLTN (%) | 96.6%<br>(171/177) | 97.9% (46/47) | 100% (18/18)  |
| TLTN TB của ngành (%) |          |                    |               |               |

**Bảng 11.1.3. Tỷ lệ thôi học của học viên cao học ngành QLGD  
với các ngành đối sánh**

| Khóa<br>Ngành | Khóa 25    |                    | Khóa 26    |                    | Khóa 27    |                    | Khóa 28    |                             | Khóa 29    |                    |
|---------------|------------|--------------------|------------|--------------------|------------|--------------------|------------|-----------------------------|------------|--------------------|
|               | SLHV<br>NH | Tỷ lệ<br>TH<br>(%) | SLHV<br>NH | Tỷ lệ<br>TH<br>(%) | SLHV<br>NH | Tỷ lệ<br>TH<br>(%) | SLHV<br>NH | Tỷ lệ<br>thôi<br>học<br>(%) | SLHV<br>NH | Tỷ lệ<br>TH<br>(%) |
| Ngành<br>GDTH | 8          | 0 (0%)             | 7          | 0 (0%)             | 38         | 0 (0%)             | 70         | 0<br>(0%)                   | 48         | 0 (0%)             |
| Ngành<br>GDMN | 6          | 0 (0%)             | 24         | 1<br>(4.2%)        | 43         | 2<br>(4.7%)        | 17         | 0<br>(0%)                   | 20         | 0 (0%)             |

|               |     |             |     |             |     |             |     |           |     |             |
|---------------|-----|-------------|-----|-------------|-----|-------------|-----|-----------|-----|-------------|
| Ngành<br>QLGD | 128 | 1<br>(0.8%) | 307 | 1<br>(0.3%) | 325 | 1<br>(0.3%) | 311 | 0<br>(0%) | 187 | 1<br>(0.5%) |
|---------------|-----|-------------|-----|-------------|-----|-------------|-----|-----------|-----|-------------|

Kết quả tổng hợp, đối sánh, phân tích về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được nhà trường nghiên cứu, xây dựng giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp. Giải pháp đặt ra là nâng cao chất lượng của công tác GVCN, cố vấn học tập. Theo đó, GVCN, cố vấn học tập sẽ tìm hiểu nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp; hướng dẫn NH lập kế hoạch, xây dựng lộ trình học tập hợp lý. Ngoài ra, một trong những biện pháp hỗ trợ HV, giúp hạn chế việc giảm tỉ lệ tốt nghiệp đó là Nhà trường rà soát lại tính phù hợp của thời lượng thiết kế CTĐT với thực tế. Các CTĐT đều được thiết kế với thời lượng hợp lý, trang bị đầy đủ kiến thức và phù hợp với sức học của toàn thể HV. Khoa có những điều chỉnh phù hợp khi rà soát điều chỉnh chương trình, lập kế hoạch năm học như điều chỉnh thứ tự môn học, điều chỉnh tên môn học, tăng cường học phần thực tập,... Một số HV chưa đủ điều kiện để xét tốt nghiệp đúng tiến độ, có thể làm đơn xin bảo lưu kết quả và bổ sung điều kiện xét tốt nghiệp trong khoảng thời gian cho phép có quy định. Có thể thấy, Nhà trường và Khoa có thực hiện giám sát tỷ lệ NH tốt nghiệp hàng năm bằng nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên công tác phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học còn chưa sát với thực tế, để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ HV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn [H11.11.01.11] [H11.11.01.12].

## 2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học ngành QLGD bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao, do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

Nhà trường và ngành QLGD đều có bộ phận chuyên trách giám sát tỉ lệ thôi học/tốt nghiệp của sinh viên, các văn bản thực hiện và các công cụ giám sát được chú trọng. Học viên tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường nhằm mục đích hỗ trợ xác lập, giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học để cải tiến chất lượng.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                    | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành        | Ghi chú |
|----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Việc đối sánh tỷ lệ thôi học của ngành QLGD với các ngành khác phải được thực hiện thường xuyên và liên tục | Khoa/<br>ngành<br>QLGD  | Thực hiện Hằng năm, từ năm học 2023 - 2024 |         |
| 2  | Phát huy điểm          | Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Giáo viên chủ nhiệm tiếp tục                                                | Khoa/<br>ngành          | Hàng năm                                   |         |

|  |      |                                            |      |  |  |
|--|------|--------------------------------------------|------|--|--|
|  | mạnh | giám sát chặt chẽ tình hình học tập của NH | QLGD |  |  |
|--|------|--------------------------------------------|------|--|--|

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường giao cho Phòng ĐT.SDH và các đơn vị đào tạo (Khoa/Viện) chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, thống kê, tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của HV cao học của tất cả các CTĐT của Trường Đại học Vinh. Trong quá trình đào tạo, Khoa Giáo dục (cũ) và Khoa Tâm lý- Giáo dục đã thiết kế CTĐT, bố trí các HP một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian tốt nghiệp đúng tiến độ cho HV [H11.11.02.01]. Đối với các CTĐT trình độ ThS ngành QLGD thì thời gian tốt nghiệp của HV được quy định là 2 năm và tối đa không quá 4 năm. HV có thể tốt nghiệp sớm so với tiến độ hoặc có thể tốt nghiệp chậm tiến độ trong một khoảng thời gian cho phép [H11.11.02.02].

Thời gian tốt nghiệp trung bình của Học viên ngành QLGD được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên trong cùng CTĐT được tính toán đối với tất cả các hệ/hình thức đào tạo trong chu kỳ đánh giá. Ngoài Phòng ĐT.SDH là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của HV cao học của toàn trường nói chung và ngành. QLGD nói riêng. Trợ lý đào tạo của Khoa phối hợp cùng với Phòng ĐT.SDH và các đơn vị liên quan trọng việc thống kê, quản lý học viên tốt nghiệp [H11.11.02.03].

Về quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình: Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp cho học viên để kịp thời rà soát, hỗ trợ học viên tốt nghiệp đúng thời hạn. Những thông báo này được gửi cho tất cả các Khoa/Viện đào tạo, phòng, ban, các học viên và đăng tải trên trang thông tin chính thức của Trường [H11.11.02.04]. Triển khai thực hiện kế hoạch của Nhà trường, mỗi năm Khoa/ ngành QLGD đều tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho học viên, đồng thời, thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp của người học [H11.11.02.05], [H11.11.02.06]. Trên cơ sở đó, Trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp cho học viên toàn trường trong đợt xét, trong đó có sinh viên ngành QLGD [H11.11.02.07]. Thời gian tốt nghiệp trung bình và đối sánh với các ngành khác trong cùng trường của học viên ngành QLGD đã được Khoa thống kê, tính toán và thể hiện ở bảng biểu 12.1.1, 11.1.2.

*Bảng 11.2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình giai đoạn 2019-2023 ngành QLGD*

| TT | Năm tốt nghiệp<br>Năm(khoá) | SL HV<br>nhập<br>học | SL HV<br>tốt<br>nghiệp | Thời<br>gian TN<br>trung | Trong đó, số lượng HV<br>tốt nghiệp (%) |     |     |
|----|-----------------------------|----------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|-----|-----|
|    |                             |                      |                        |                          | Năm                                     | Năm | Năm |

|   |             |     |     | <b> bình</b> | <b> thứ 2</b> | <b> thứ 3</b> | <b> thứ 4</b> |
|---|-------------|-----|-----|--------------|---------------|---------------|---------------|
| 1 | 2018-2019   | 128 | 125 | 2            | 99.2          | 0.8           | 0             |
| 2 | 2019-2020   | 307 | 301 | 2            | 99.3          | 0.7           | 0             |
| 3 | 2020-2021   | 325 | 302 | 2            | 94.7          | 5.3           | 0             |
| 4 | 2021-2022   | 311 | 295 | 2            | 96.6          | 3.4           | 0             |
| 5 | 2022-2023   | 187 | 177 | 2            | 96.6          | 3.4           | 0             |
|   | <b>Cộng</b> |     |     |              |               |               |               |

Ghi chú: Thời gian TNTB=(HVTN năm 2\*2+HVTN năm 3\*3+HVTN năm 4\*4)/(tổng số HVTN năm 2+ SVTN năm 3+ SVTN năm 4)

**Bảng 11.2.2. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giai đoạn 2018-2023**

| <b>Ngành</b>      | <b>Thời gian tốt nghiệp trung bình</b> |                             |                             |                             |                             |
|-------------------|----------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|                   | <b>Năm TN<br/>2018-2019</b>            | <b>Năm TN<br/>2019-2020</b> | <b>Năm TN<br/>2020-2021</b> | <b>Năm TN<br/>2021-2022</b> | <b>Năm TN<br/>2022-2023</b> |
| Ngành QLGD.       | 2                                      | 2                           | 2                           | 2                           | 2                           |
| Ngành GD tiểu học | 2                                      | 2                           | 2                           | 2                           | 2                           |
| Ngành GDMN        | 2                                      | 2                           | 2                           | 2                           | 2                           |

Tỉ lệ thôi học của học viên cũng được Khoa và Trường tổng hợp hàng năm [H11.11.02.08].

Sau khi có các kết quả thống kê, Khoa tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập. Khoa ... và các đơn vị có liên quan đã tổng hợp phân tích hồ sơ để tìm hiểu nguyên nhân HV chậm tốt nghiệp để đề nghị Nhà trường đưa ra các giải pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời gian chậm tốt nghiệp [H11.11.02.09]. Sau các cuộc họp rà soát tình hình tốt nghiệp HV năm cuối của các CTĐT, Nhà trường và Khoa đã có các kế hoạch cải tiến tích cực nhằm cải tiến thời gian tốt nghiệp của người học:

- Đối với HV chậm tiến độ Luận văn cao học: Khoa thường xuyên liên hệ và nhắc nhở GV hướng dẫn gặp gỡ trao đổi, hướng dẫn cụ thể để HV có thể hoàn thành LV đúng quy định.

- Đối với HV còn nợ chứng chỉ tiếng Anh: Khoa động viên và tư vấn cho HV có phương pháp ôn tập và thi hiệu quả.

Khoa còn tiến hành họp mặt HV đầu mỗi năm học, theo dõi tình hình học tập của HV thông qua GVCN và Ban cán sự lớp. Đối với HV năm cuối, Trưởng Bộ Môn cùng với GVCN họp với lớp, động viên, khuyến khích và hướng dẫn HV thực hiện tốt đề tài tốt nghiệp. Đây là những biện pháp thiết thực nhằm giảm tỉ lệ bỏ học và tốt nghiệp đúng tiến độ của HV [H11.11.02.10].

Ngoài ra, trước khi xét tốt nghiệp, Phòng ĐT.SDH gửi dữ liệu thông tin HV còn thiếu những điều kiện gì để cảnh báo HV biết, HV có thể bổ sung giấy tờ cần

thiết, hoặc nhắc nhở sinh viên đăng ký học trả nợ, học cải thiện...nhằm hỗ trợ HV tốt nghiệp đúng hoặc trước thời hạn [H11.11.02.10].

Hàng năm, Khoa và Trường tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp của HV. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của HV ngành QLGD của Khoa qua các năm và đối sánh với một số ngành khác trong cùng trường, qua đó đánh giá hiệu quả các biện pháp đã triển khai, rút bài học kinh nghiệm để ngày càng cải tiến tốt hơn tỉ lệ HV tốt nghiệp đúng tiến độ [H11.11.02.11]. Tuy nhiên, việc tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học mới chỉ được Khoa đào tạo chú trọng, các Phòng/Ban của Trường chưa xem đây là một nhiệm vụ mang tính thường xuyên, định kỳ. Khoa và Trường mới chỉ tiến hành đối sánh trong trường chứ chưa tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của ngành QLGD

## 2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được xác lập và giám sát, được đối sánh giữa các khóa đào tạo. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giám sát người học được triển khai đồng bộ, kịp thời. Các hoạt động tổng kết, đánh giá hiệu quả hỗ trợ người học hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định.

## 3. Điểm tồn tại

- Chưa sử dụng phần mềm, các công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên chậm tốt nghiệp.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị, người thực hiện                                                                                                          | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của HV.</li> <li>- Rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp.</li> <li>- Sử dụng công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trợ lý đào tạo</li> <li>- Hội đồng đào tạo khoa</li> <li>- Phòng Đào tạo SDH</li> </ul> | Từ năm 2024                         |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình học tập của người học đảm bảo tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn.                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- TL Đào tạo</li> <li>- Phòng Đt SDH</li> </ul>                                           | Từ năm 2024                         |         |

### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có bộ phận thống kê và lưu trữ danh sách NH tốt nghiệp có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác và được quy định trong chức năng nhiệm vụ các đơn vị [H11.11.03.01]. Về quy trình thống kê, lưu trữ, Trường Đại học Vinh xây dựng và ban hành quy trình khảo sát việc các bên liên quan, trong đó có quy trình khảo sát việc làm của người học sau khi tốt nghiệp theo từng năm [H11.11.03.02]. Đặc thù của CTĐT trình độ thạc sĩ nói chung và chuyên ngành ...nói riêng là người học đại đa số là người đang làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý. Do đó, mối quan tâm của người học không chỉ là có được việc làm, mà còn là nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực công tác, và đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác.

Nhà trường phân công các đơn vị: Trung tâm ĐBCL, Phòng ĐT.SDH, Trung tâm DV, HTSV&QHDN và các Khoa/Viện phối hợp theo dõi, liên hệ với người tốt nghiệp, giám sát tỷ lệ có việc làm, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác, ... của HV tốt nghiệp hàng năm; Lập thống kê, theo dõi và báo cáo tổng hợp tình hình việc làm của HV sau khi ra trường [H11.11.03.01].

Trường đã xây dựng cơ sở dữ liệu và có số liệu tin cậy về thông tin HV đã tốt nghiệp, trong đó có nội dung đơn vị công tác và vị trí công tác của cựu HV [H11.11.03.03]. Các thông tin này là cơ sở để Trường tiến hành khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về những năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp cũng như khảo sát cựu HV về những tiến bộ trong kiến thức và kỹ năng, những cải thiện về cơ hội việc làm đã đạt được sau khóa học [H11.11.03.04]. Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát các thông tin về HV đã tốt nghiệp. Kết quả khảo sát là các bảng thống kê về số liệu về NH làm việc đúng ngành đào tạo, khu vực làm việc, thu nhập bình quân, đánh giá của NH về chất lượng đào tạo và được thể hiện cụ thể ở *bảng biểu 11.3.1*.

Về môi trường làm việc của NHTN ngành QLGD (có việc làm/phản hồi) được khảo sát có kết quả như sau (*bảng biểu 11.3.2*).

Dựa trên kết quả khảo sát, Nhà trường tổ chức thực hiện đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong Trường với cùng hình thức đào tạo. Cụ thể, Trung tâm DV, HTSV&QHDN đã thống kê tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và có sự phân tích, đối sánh giữa các ngành đào tạo trong trường để có kế hoạch cải tiến CTĐT, chính sách và dữ liệu đối sánh được thể hiện ở *bảng biểu 11.3.3*. Cho đến nay, theo số liệu công bố công khai của các cơ sở đào tạo SDH, về mặt chủ quan, Trường chưa có số liệu về tỷ lệ có việc làm hoặc cải thiện cơ hội làm việc của các cơ

sở khác, nên chưa thể tiến hành đối sánh tỷ lệ tương ứng của mình

**Bảng 11.3.3. Đối sánh tỷ lệ (%) người học có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành QLGD với các ngành trong cùng cơ sở giáo dục**

| TT | Tên CTĐT                | Năm tốt nghiệp |          |          |          |          |
|----|-------------------------|----------------|----------|----------|----------|----------|
|    |                         | Năm 2018       | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
| 1  | Ngành Giáo dục tiểu học | 100            | 100      | 100      | 100      | 100      |
| 2  | Ngành Giáo dục mầm non  | 100            | 100      | 100      | 100      | 100      |

Ngoài ra, ngành QLGD cũng có thông tin dữ liệu về học viên đã được thăng tiến, hoặc chuyển đổi vị trí công việc sau khi tốt nghiệp. Một số học viên sau khi tốt nghiệp đại học chưa đi làm ngay mà tiếp tục học nâng cao lên trình độ thạc sĩ cũng đã có việc làm sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.05].

Bên cạnh hoạt động giám sát của Trường về người học sau tốt nghiệp, ngành QLGD cũng đã thực hiện rất nhiều hoạt động để nắm bắt thông tin về cựu NH nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của Khoa đáp ứng nhu cầu xã hội như: xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau tốt nghiệp; lập sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu nguyên nhân người tốt nghiệp chưa có được việc làm [H11.11.03.06]. Trường còn thành lập Ban liên lạc cựu NH Trường Đại học Vinh để hỗ trợ Trung tâm DV, HTSV&QHDN trong việc khảo sát việc làm của NH tốt nghiệp [H11.11.03.07]. Trợ lý quản lý sinh viên của Khoa bên cạnh chức năng quản lý người học đang theo học thì còn thực hiện việc kết nối và thống kê đối với người học sau tốt nghiệp [H11.11.03.08].

Trên cơ sở các dữ liệu đã được khảo sát ở trên, Trường đã tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục cũng như đã đề ra các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ NH tốt nghiệp có việc làm, hoặc tạo cơ hội cho học viên tốt nghiệp được chuyển đổi vị trí công việc,... như rà soát lại hiệu quả đào tạo, các CTĐT; Chủ động thiết lập các mối quan hệ hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động, quan tâm kết nối NH với các nhà tuyển dụng; Thường xuyên phối hợp với các cơ sở giáo dục, nhà tuyển dụng tổ chức các diễn đàn tư vấn tuyển dụng, hội thảo nghề nghiệp, ngày hội việc làm cho NH [H11.11.03.09]; Phối hợp giới thiệu việc làm cho cựu NH theo nhu cầu của từng đơn vị tuyển dụng; Chú trọng triển khai các chương trình về việc làm bán thời gian cho NH đang học tập tại trường; Ký kết hợp tác chiến lược với các đơn vị có nhu cầu sử dụng lao động lớn [H11.11.03.10]; Tổ chức các khoá học ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu học ngoại ngữ của NH; Triển khai các khoá bồi dưỡng về kỹ năng mềm... Tổ chức các hoạt động phát động NH tham gia khởi nghiệp [H11.11.03.11].

## 2. Điểm mạnh

Trường đã có quy định về đơn vị chuyên trách và quy trình khảo sát tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp cũng như hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; có sự đối sánh tỉ lệ này giữa các ngành đào tạo trong Trường. Trường và Khoa cũng đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm nâng cao tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp.

### 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát nhu cầu của thị trường và khảo sát việc làm của học viên tốt nghiệp mới được chú trọng trong những năm gần đây. Trường vẫn chưa xây dựng được dữ liệu đối sánh trong nước/quốc tế về tỷ lệ có việc làm của người học tốt nghiệp cũng như báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện                  | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | - Xây dựng cơ sở dữ liệu đối sánh tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo trong nước, quốc tế<br>- Lập báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm theo từng năm.   | Trung tâm DV, HTSV&QH DN, Khoa/ngành.... | Hàng năm                            |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh     | Tận dụng những kinh nghiệm có được trên cơ sở khảo sát tỷ lệ người học có việc làm và các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học để liên tục đổi mới, cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy. | Trung tâm DV, HTSV&QH DN, Phòng ĐT.SDH   | Hàng năm                            |         |

### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh hoạt động dạy và học, NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cơ bản và quan trọng trong trường Đại học, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. NCKH giúp giảng viên và người học củng cố được kiến thức chuyên môn vừa có điều kiện phát triển kiến thức sâu rộng, liên ngành và chuyên ngành, gắn lý thuyết với thực tiễn. Hoạt động NCKH tại Trường Đại học Vinh được xem là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học thể hiện qua chiến lược và kế

hoạch trong từng giai đoạn, năm học của trường. Để thực hiện được nhiệm vụ NCKH, phát huy vai trò của NCKH trong đào tạo. Trường đại học Vinh đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của BGD&ĐT về lĩnh vực NCKH [H10.10.04.01]. Nhà trường đã ban hành các chiến lược và quy định về NCKH của giảng viên và người học [H11.11.04.02] [H11.11.04.03].

Trường Đại học Vinh có phòng KH&HTQT là bộ phận chuyên trách quản lý KHCN và HTQT tham mưu cho Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển KHCN phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường [H11.11.04.04].

Các hoạt động nghiên cứu của HV cao học được quy định trong quá trình học và luận văn thạc sĩ tại quy định về đào tạo và tuyển sinh trình độ thạc sĩ [H11.11.04.05]. Hoạt động nghiên cứu trong quá trình học gắn với yêu cầu, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá; cụ thể là tiến hành lược khảo các nghiên cứu trước theo các hướng nghiên cứu trong học phần, viết tiểu luận nhóm, tiểu luận cá nhân về các vấn đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu này được GV đánh giá, thể hiện trong điểm quá trình hoặc điểm kết thúc học phần, tùy theo học phần cụ thể [H11.11.04.06]. Thông qua các hoạt động này, HV có thể thực hành những kiến thức đã được học trong các học phần về phương pháp nghiên cứu [H11.11.04.07], đồng thời chuẩn bị cho việc lựa chọn hướng nghiên cứu để thực hiện luận văn thạc sĩ. Một quy định của CTĐT trình độ thạc sĩ là HV bắt buộc phải thực hiện luận văn thạc sĩ, và luận văn thạc sĩ theo quy định là một báo cáo khoa học [H11.11.04.05].

Loại hình và số lượng NCKH của người học được xác lập qua *bảng biểu 11.4.1 và 11.4.2* và thông qua các hoạt động: (i) *Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được ĐT và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của NH*; (ii) *Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, CLB học thuật, hội thi sáng tạo, các giải thưởng KHCN ở trong, ngoài nước và các hình thức hoạt động KHCN khác của NH*; (iii) *Tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN vào thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, GD&ĐT*; (iv) *Công bố các kết quả NCKH của người học,...*

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được giám sát. Căn cứ vào nhiệm vụ trong quy định về quản lý các hoạt động KH&CN của Trường Đại học Vinh; Kế hoạch năm học của Nhà trường và của Khoa hàng năm, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn về việc thực hiện và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học của người học [H11.11.04.03], [H11.11.04.08]. Số lượng, loại hình đề tài NCKH của Khoa và số lượng học viên tham gia NCKH của Khoa được Khoa và Trường thống kê đầy đủ qua các năm và thể hiện ở *bảng biểu 11.4.1 và 11.4.2* [H11.11.04.09].

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học do các đơn vị chịu trách nhiệm gồm Phòng

KH&HTQT, Phòng ĐT.SDH, Phòng KHTC, Ban chủ nhiệm, Hội đồng khoa học và đào tạo các Khoa/Viện bao gồm các nội dung: *Các quy định/hướng dẫn đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của NH; hồ sơ theo dõi tiến độ, đánh giá sản phẩm nghiên cứu, hỗ trợ, công bố, ...* Tiến độ các đề tài được quản lý, giám sát; NH phải báo cáo tiến độ từng giai đoạn nghiên cứu. Cụ thể, sau khi Nhà trường ban hành kế hoạch nghiên cứu khoa học của năm, các Khoa/viện triển khai đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học của người học và có trách nhiệm lựa chọn các đề tài phù hợp chuyên ngành và lĩnh vực đào tạo của Khoa. Dựa trên đề xuất của Khoa/viện, Nhà trường ra quyết định giao đề tài nghiên cứu và duyệt kinh phí cho người thực hiện đề tài. Phòng KH&HTQT có nhiệm vụ hướng dẫn, lập hồ sơ theo dõi tiến độ cũng như hỗ trợ người học trong thời gian thực hiện đề tài. Kết thúc thời gian thực hiện đề tài, Nhà trường thành lập hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài. Toàn bộ quá trình thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học đều được thông báo tới các cá nhân, đơn vị liên quan bằng văn bản, email, website của Nhà trường [H11.11.04.10]. Hàng năm, Nhà trường dành một phần kinh phí cho hoạt động NCKH của người học, giao Phòng KH&HTQT chủ trì tham mưu và quản lý các hoạt động khoa học công nghệ toàn trường, trong đó có hoạt động NCKH của người học [H11.11.04.11].

Để nâng cao năng lực nghiên cứu, góp phần giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu, có động lực học tập, có khả năng sáng tạo và khắc phục khó khăn, ngành QLGD đã thực hiện công tác đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học của ngành QLGD với các ngành khác trong trường nhằm nâng cao chất lượng NCKH của người học và mở rộng hoạt động nghiên cứu NCKH của người học [H11.11.04.12].

**Bảng 11.4.3. Đối sánh số lượng đề tài NCKH học viên ngành QLGD với các ngành khác trong trường trong chu kỳ đánh giá**

| ST<br>T | Ngành học         | Số lượng đề tài NCKH |               |               |               |               |
|---------|-------------------|----------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
|         |                   | 2018-<br>2019        | 2019-<br>2020 | 2020-<br>2021 | 2021-<br>2022 | 2022-<br>2023 |
| 1       | Ngành GD tiểu học | 7                    | 8             | 8             | 8             | 8             |
| 2       | Ngành GD mầm non  | 2                    | 3             | 3             | 2             | 2             |
| 3       | Ngành QLGD        |                      |               |               |               |               |

Để nâng cao chất lượng NCKH của người học phù hợp với yêu cầu thực tiễn, xu thế phát triển và phù hợp với năng lực, nhu cầu người học. Nhà trường đã tiến hành đa dạng hoá loại hình, gia tăng số lượng và phê duyệt kinh phí ở mức độ khác nhau cho các công trình nghiên cứu khoa học của người học và giảng viên như: thành lập các nhóm nghiên cứu liên ngành, thành lập nhóm nghiên cứu mạnh,... Hàng năm, Nhà trường có tổ chức hội nghị khoa học với sự tham gia của các bên liên quan, các phòng chức năng, lãnh đạo Nhà trường và đặc biệt là đại diện các nhóm người học đã và sẽ

tham gia nghiên cứu KH. Hội nghị tổng kết công tác NCKH của người học, đồng thời trao đổi và lắng nghe những chia sẻ, đóng góp từ người học và giáo viên hướng dẫn, đại diện lãnh đạo phòng KH&HTQT và từ đó cùng trao đổi giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng và thu hút đông đảo người học tham gia NCKH. Bên cạnh việc tăng cường đối thoại với người học nhằm tìm kiếm giải pháp kịp thời nâng cao chất lượng NCKH.

Trong những năm gần đây, các NCKH của người học thường hướng đến các vấn đề có tính thời sự, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại như: “Quản lý tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh”; “Quản lý hoạt động tạo động lực phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên ở các trường tiểu học khu vực 1 thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh”; “Quản lý hoạt động đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở các trường tiểu học huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh”;.....

Các nghiên cứu này vừa giúp người học nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học cũng như hiểu biết sâu hơn các hoạt động thực tiễn của bản thân trong tương lai. Từ hoạt động người học NCKH, đã có nhiều học viên trưởng thành, tiếp tục con đường nghiên cứu,... [H11.11.04.13]. (có thể lấy các luận văn có chất lượng tốt có tính thực tiễn cao để làm minh chứng).

## 2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học đã được Nhà trường xác lập, theo dõi, giám sát. Bên cạnh đó, ngành QLGD cũng đã thực hiện việc đối sánh với các ngành khác trong cùng trường về hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Hàng năm, ngành QLGD có cơ chế khuyến khích NH tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho NH, giúp NH định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn NH thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng.

## 3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ HV ngành QLGD tham gia NCKH rất cao, tuy nhiên chưa thường xuyên thực hiện đối sánh hoạt động NCKH của NH với các CTĐT khác của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu  | Nội dung                                                          | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|-----------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục | - Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách nhằm động viên, khích lệ HV | Phòng KH&HTQT,          | Từ năm 2024                         |         |

|   |                             |                                                                                                                                                                                                      |             |                |  |
|---|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------|--|
|   | điểm<br>tồn tại             | thực hiện các đề tài NCKH.<br>- Thường xuyên thực hiện đối<br>sánh loại hình và số lượng hoạt<br>động hàng năm của NH giữa cùng<br>ngành học với các cơ sở đào tạo<br>khác trong nước và ngoài nước. | Khoa TLGD   |                |  |
| 2 | Phát<br>huy<br>điểm<br>mạnh | Tổ chức các nhóm NCKH gồm:<br>GV và học viên và đổi mới cơ<br>chế, chính sách động viên khích lệ<br>NH thực hiện các đề tài NCKH.                                                                    | Khoa/Trường | Từ năm<br>2024 |  |

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có Trung tâm ĐBCL là bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCL, chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng quy trình, biểu mẫu và tổ chức các loại khảo sát ý kiến các bên liên quan, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ Nhà trường, giám sát việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng Nhà trường. Bên cạnh Trung tâm ĐBCL, Phòng ĐT.SDH, Trung tâm CNTT-Viện NC&ĐTTT, các bộ phận ĐBCL ở từng đơn vị chức năng (Phòng/Ban/Trung tâm) và các đơn vị đào tạo (Viện/Khoa/Trung tâm) cũng có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ, thúc đẩy và triển khai công tác ĐBCL tại các đơn vị trong đó có công tác thu thập các ý kiến các bên liên quan để cải tiến chất lượng đơn vị [H11.11.05.01].

Trường đã ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ [H11.11.05.02]. Trong quy định này, việc khảo sát người học được giao cho Trung tâm ĐBCL chủ trì và phân nhiệm đến các đơn vị có liên quan tùy vào mục đích, yêu cầu, đối tượng, hình thức, nội dung khảo sát như Trung tâm DV, HTSV&QHĐN, Phòng ĐT.SDH, các Khoa/Viện đào tạo,... Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan được triển khai bằng nhiều phương pháp và công cụ khác nhau như: khảo sát online qua trang web của Nhà trường; khảo sát bằng phiếu hỏi; trao đổi trực tiếp qua các cuộc họp, hội thảo, gặp mặt; gián tiếp qua các trang thông tin mạng, điện thoại; ...

Đối với học viên cao học, Nhà trường tiến hành khảo sát các nội dung như: Khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát NH sắp tốt nghiệp về khóa học; khảo sát người học tốt nghiệp; Khảo sát cựu HV cao học về chương trình đào tạo; khảo sát Giảng viên về CTĐT và hoạt động đào tạo sau đại học; Đánh giá của Nhà tuyển dụng về học viên cao học tốt nghiệp và chương trình đào tạo; đánh giá lớp học chuyên đề chương trình đào tạo thạc sĩ [H11.11.05.03].

Tất cả các dữ liệu thu được sau các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan này được Trung tâm ĐBCL và các đơn vị có liên quan thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về tất cả các hoạt động (như NCKH, dịch vụ hỗ trợ NH, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, CTĐT và CĐR...), viết báo cáo tổng hợp các kết quả khảo sát và đề xuất các khuyến nghị hướng đến cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng và rút ra những bài học kinh nghiệm hướng tới điều chỉnh, cải tiến chất lượng quy trình, phương pháp khảo sát và chuyển đến các bên liên quan trong Trường nhằm mục tiêu không ngừng cải tiến chất lượng. Dữ liệu về kết quả khảo sát được thể hiện qua các *bảng biểu 15.5.1* [H11.11.05.04].

Ngoài ra, định kỳ hàng năm Nhà trường có nhiều cơ chế và hình thức khác nhau để cán bộ và giảng viên được bày tỏ ý kiến đánh giá của mình về mọi mặt hoạt động của nhà trường và đơn vị, như: hội nghị viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết năm học và xây dựng kế hoạch năm học mới, các buổi sinh hoạt Khoa, các sinh hoạt chi bộ đảng, công đoàn,... được tổ chức thường xuyên và định kỳ [H11.11.05.05]. Kết quả lấy ý kiến phản ánh của cán bộ và giảng viên Nhà trường được tiếp thu và đưa vào các kế hoạch tháng, năm để điều chỉnh việc thực hiện một cách kịp thời.

Đối với các đối tác bên ngoài của Nhà trường và của Khoa: một hệ thống trao đổi thông tin, tiếp nhận ý kiến được thiết lập qua văn bản, email, điện thoại, trao đổi trực tiếp. Đánh giá của phía nhà tuyển dụng, sử dụng lao động những năm qua chủ yếu là những ý kiến qua các cuộc họp mỗi kỳ thực tập, thực tế, hội nghị, hội thảo hay các buổi làm việc giữa Nhà trường với các đơn vị ngoài trường.

Việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan còn được thực hiện với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và đã được đánh giá để kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn mới của Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường cũng đã có 25 CTĐT được kiểm định chất lượng cấp CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Thông tư 04 của Bộ GD&ĐT và bộ tiêu chuẩn của AUN-QA, đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng CTĐT. Nhà trường và các CTĐT này đã nhận được sự đánh giá cao của các đánh giá viên về chất lượng của các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H11.11.05.06].

Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan giữa ngành QLGD với các ngành khác trong cùng trường theo từng học kì và năm học [H11.11.05.07]. Tuy nhiên, chưa có sự đối sánh với các ngành khác ở cơ sở giáo dục khác. Số liệu đối sánh được thể hiện qua các *bảng biểu 11.5.2*.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh của các bên liên quan được thông báo đến các đơn vị trong toàn trường và được sử dụng làm căn cứ để cải tiến chất

lượng và điều chỉnh hoạt động của đơn vị trong các năm học kế tiếp [H11.11.05.08]. Ngoài việc căn cứ vào kết quả khảo sát các bên liên quan và đối sánh kết quả khảo sát, việc cải tiến chất lượng của Nhà trường về chương trình đào tạo, về NCKH, về phát triển đội ngũ, về cơ sở vật chất,... còn được thực hiện qua Kế hoạch cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục sau đánh giá ngoài Cơ sở giáo dục của Trường Đại học Vinh, qua Kế hoạch cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo sau đánh giá ngoài,... [H11.11.05.09].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xác lập một hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan với các quy trình, biểu mẫu rõ ràng, có bộ phận chịu trách nhiệm chính.

Thông tin thu nhận được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau, có sự hỗ trợ của công nghệ đảm bảo sự tin cậy, khách quan và được thống kê, phân tích, đánh giá hàng năm.

Các kết quả khảo sát thu được, được Khoa và Trường sử dụng để khai thác, xử lý, đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, HV, cơ sở vật chất.

## 3. Điểm tồn tại

Việc khai thác và sử dụng hiệu quả các dữ liệu thu thập được từ kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục khác còn khá hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu               | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện                  | Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành | Ghi chú |
|----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Nhà trường bổ sung vào Quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan nội dung yêu cầu các đơn vị khai thác và sử dụng hiệu quả các dữ liệu thu thập được từ kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục khác để có cơ sở thực tiễn xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động Nhà trường | TT. ĐBCL<br>Phòng<br>ĐT.SDH<br>Khoa TLGD | Hàng năm                            |         |
| 2  | Phát huy điểm          | -Rà soát các quy trình, biểu mẫu khảo sát các bên liên                                                                                                                                                                                                                                                    | TT. ĐBCL<br>Phòng<br>ĐT.SDH              | Hàng năm                            |         |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |  |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|--|
|  | <p><b>mạnh</b></p> <p><b>quan.</b></p> <p>-Tăng cường sự hỗ trợ của công nghệ thông tin đảm bảo sự tin cậy, khách quan và được thống kê, phân tích, đánh giá hàng năm.</p> <p>-Sử dụng các kết quả khảo sát thu được để khai thác, xử lý, đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, HV, cơ sở vật chất.</p> | Khoa TLGD |  |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|--|

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: Đạt 5/7

#### **Kết luận tiêu chuẩn 11**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Nhà trường và Khoa đã xây dựng một hệ thống quản lý tỷ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của NH chặt chẽ và đồng bộ giữa các bộ phận trong Trường, có các biện pháp cải tiến kịp thời giúp giảm thiểu tỷ lệ thôi học, tăng tỉ lệ HV tốt nghiệp đúng thời hạn.

Hàng năm, Khoa và Trường đã tiến hành thống kê, theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của HV ngành QLGD một cách có hệ thống. Phân tích, đối sánh, tìm hiểu nguyên nhân để có nhiều biện pháp đa dạng nhằm hỗ trợ tích cực HV tốt nghiệp đúng tiến độ.

Nhà trường đã giao cho Trung tâm ĐBCL, Phòng ĐT. SDH và các Khoa/Viện điều tra thống kê, lưu giữ và phân tích thông tin về tình hình việc làm và thu nhập của NH tốt nghiệp.

Có quy trình, biểu mẫu và hướng dẫn rõ ràng cùng với hệ thống khảo sát online giúp Nhà trường và Khoa có được những số liệu đáng tin cậy. Có đối sánh và phân tích nguyên nhân đồng thời có nhiều phương án, tìm nhiều giải pháp hỗ trợ giúp HV có những tiến bộ trong kiến thức và kỹ năng, những cải thiện về cơ hội việc làm đã đạt được sau khóa học.

Có xác lập được các hình thức nghiên cứu (trong quá trình học, luận văn) và số lượng các hoạt động NCKH cho NH tương thích với mục tiêu và CĐR của CTĐT. Có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá hình thức nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH. Có các đề xuất, phê duyệt hướng nghiên cứu phù hợp với sự phát triển của ngành, phù hợp với khả năng của NH.

Nhà trường đã xác lập một hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan với các quy trình, biểu mẫu rõ ràng, có bộ phận chịu trách nhiệm chính. Thông tin thu nhận

được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau, có sự hỗ trợ của công nghệ đảm bảo sự tin cậy, khách quan và được thống kê, phân tích, đánh giá hàng năm. Các kết quả khảo sát thu được, được Khoa và Trường sử dụng để khai thác, xử lý, đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, HV, cơ sở vật chất.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Việc tìm kiếm dữ liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của các trường đại học khác để đối sánh với Ngành QLGD của Khoa gặp khó khăn vì vậy việc chọn đối tác để đối sánh chưa rộng và chưa sử dụng tối đa kết quả đối sánh để cải tiến.

Một số HV ngành QLGD tốt nghiệp sau thời hạn đa số là do chậm tiến độ làm luận văn tốt nghiệp.

Chưa tiến hành đối sánh tỉ lệ có việc làm trong nước và quốc tế.

Chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các cơ sở đào tạo khác nhau.

Việc khai thác và sử dụng hiệu quả các dữ liệu thu thập được từ kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục khác còn khá hạn chế.

### Phần III. KẾT LUẬN

#### 1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

Khoa TLGD (Trường Sư phạm, trường Đại học Vinh) đã triển khai tự đánh giá CTĐT ngành QLGD theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Ý thức rõ tầm quan trọng của hoạt động này, Nhà trường đã triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên Hội đồng tự đánh giá, phòng ban chức năng và khoa chuyên ngành. Với mục đích có được một bức tranh toàn cảnh được đánh giá chân thực về ngành QLGD, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với trường đại học trọng điểm, một trung tâm đào tạo lớn của quốc gia, ghi dấu ấn trên bản đồ đào tạo QLGD của cả nước. Trong quá trình thực hiện tự đánh giá CTĐT, Nhà trường và Khoa TLGD học đã nhận được sự đồng thuận, ủng hộ và nhất trí từ cán bộ, sinh viên của Nhà trường cũng như các bên liên quan. Quá trình tự đánh giá thực hiện đúng theo các văn bản quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hiệu quả các hoạt động của CTĐT được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD theo tiếp cận năng lực đã đạt được những kết quả, thành công quan trọng.

*Thứ nhất*, mục tiêu và CDR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐH Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. CDR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD được xác định rõ ràng, đã bao quát được cả các yêu cầu chung và các yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình; phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

*Thứ hai*, Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện và cải tiến chất lượng CTĐT, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Bản mô tả CTĐT là tài liệu hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các bên liên quan, được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội. Tất cả đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan để giám sát. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

*Thứ ba*, CTDH trình độ thạc sĩ của ngành QLGD được thiết kế dựa trên yêu cầu của CDR, có khảo sát ý kiến từ các bên liên quan và có sự đối sánh với các CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD trong và ngoài nước. CTĐT ngành QLGD được thiết kế dựa trên 2 khối kiến thức (khối kiến đại cương, khối kiến thức chuyên nghiệp). Khoa Tâm lý giáo dục chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTĐT nhằm đảm bảo cho học viên được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức chuyên ngành hẹp. Các học phần trong CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR. Bên cạnh đó, cấu trúc và nội dung CTDH được thiết kế theo hướng tiên tiến, có tham khảo đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong nước và quốc tế, bám sát CDR.

*Thứ tư*, với mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục rõ ràng, Khoa TLGD đã thường xuyên tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan để thay đổi phương pháp dạy học phù hợp; tạo ra các chương trình gắn kết học viên và rèn các kỹ năng, khả năng tư duy và sự tự tin của sinh viên ngành QLGD.

*Thứ năm*, việc đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của CDR. Nhà trường đã ban hành các quy trình hướng dẫn việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CDR. Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng học phần. Kết quả đánh giá phản ánh được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; không ngừng đổi mới quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho người học.

*Thứ sáu*, đội ngũ giảng viên của ngành QLGD có trình độ cao, có hoạt động NCKH với chất lượng tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo sinh viên. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Khoa đã có các bài báo công bố quốc tế. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ luôn được sự quan tâm và tạo điều kiện của Trường và được giảng viên xem là nhiệm vụ then chốt. Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ. Nhà trường có nhiều cách thức đánh giá năng lực giảng viên ở nhiều cấp độ khác nhau đồng thời có các chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích giảng viên giảng dạy và NCKH. Hệ thống đánh giá, đào tạo, phát triển đội ngũ hợp lý có tác động tốt đến tinh thần và sự tích cực trong công việc của cán bộ, giảng viên. Hàng năm, việc đánh giá giảng viên được nhà trường và ngành thực hiện thông qua nhiều hình thức để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

*Thứ bảy*, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa TLGD đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng đúng quy định của Nhà trường một cách công khai, minh bạch, rõ ràng. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện để nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

*Thứ tám*, chính sách tuyển sinh của ngành QLGD trong những năm qua đã đảm bảo yêu cầu rõ ràng, được công khai và cập nhật hàng năm. Các hoạt động tư vấn học tập được Khoa TLGD triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của học viên. Hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học tương đối hiệu quả.

*Thứ chín*, cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập được Nhà trường đảm bảo bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị, thư viện và các nguồn học liệu, phòng thực hành và các trang thiết bị thực hành, hệ thống công nghệ thông tin,... Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường và Khoa luôn phù hợp và được cập nhật thường xuyên, xác định cụ thể các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn...nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và Khoa TLGD nói riêng.

*Thứ mười*, nâng cao chất lượng đào tạo ngành QLGD đã được Nhà trường và Khoa TLGD thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Quy trình KTĐG được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức KTĐG kết quả học tập đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CĐR. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của sinh viên đạt kết quả tốt nhất. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

*Cuối cùng*, chất lượng đầu ra của người học được đảm bảo, Trường ĐH Vinh và ngành QLGD đã giám sát việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Hoạt động NCKH của học viên cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư, các đề tài của học viên có chất lượng. Học viên ra trường đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

## **2.Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT**

Bên cạnh những thành tựu đạt được, CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD vẫn còn một số vấn đề tồn tại cần khắc phục như sau:

*Thứ nhất*, quá trình xây dựng CĐR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD chưa có sự tham gia sâu của các bên liên quan, đặc biệt là người sử dụng lao động. Mức độ tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là người sử dụng lao động trong việc góp ý kiến về xây dựng, rà soát mục tiêu đào tạo còn hạn chế. CĐR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD theo hướng tiếp cận CDIO đã được xây dựng từ năm 2022 nhưng chưa được cập nhật trên trang thông tin chính thức của Nhà trường. Mặc dù Mục tiêu của CTĐT được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở một số tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, chưa được công bố đến đông đảo các nhà tuyển dụng ở các khu vực khác. Nguyên nhân chính là do công tác quảng bá, truyền thông về mục tiêu giáo dục của ngành và Nhà trường chưa rộng rãi tới đơn vị tuyển dụng. Do đó cần phải mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan tới CĐR của CTĐT và thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của CTĐT để đối sánh làm căn cứ cho việc sửa đổi bổ sung CTĐT theo hướng tiếp cận sát với nhu cầu xã hội.

*Thứ hai*, việc phân nhiệm CĐR từ trên xuống từ cấp độ chương trình đến CĐR từng học phần đã được thực hiện, nhưng khi triển khai giảng dạy, một số ít học phần cho thấy một số CĐR được phân nhiệm chưa hợp lý. Việc thu thập thông tin phản hồi về chuẩn đầu ra của các giáo viên và cựu HV ở trường phổ thông chưa được rộng rãi trong cả nước. Một số giảng viên hiểu và sử dụng một số khái niệm, thuật ngữ theo thang năng lực Bloom trong bản mô tả áp dụng sang đề cương chi tiết chưa tường minh.

Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước nhưng chưa nhiều, việc đối sánh với CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLGD nước ngoài còn hạn chế, thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa phong phú. Chưa thu thập được ý kiến phản hồi của các bên liên quan để đánh giá đề cương học phần một cách thường xuyên; kết quả phân tích dữ liệu thi chưa được sử dụng vào việc điều chỉnh đề cương học phần. Việc truyền thông, quảng bá CTĐT mới cho học sinh phổ thông và các nhà sử dụng lao động còn chưa hiệu quả.

*Thứ ba*, Số lượng CĐR của CTĐT còn nhiều dẫn tới thiết kế CTDH một số học phần phải đảm nhận nhiều CĐR, tạo áp lực lớn về thời gian đáp ứng yêu cầu các CĐR và dẫn đến khó khăn cho giảng viên khi thực hiện và đánh giá học phần. Nội dung của một số học phần đại cương chưa đảm bảo sự hỗ trợ kiến thức cho các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.

*Thứ tư*, mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục của Nhà trường chưa được phổ biến rộng rãi đến các nhà tuyển dụng lao động. Nhà trường chưa tiến hành khảo sát, lấy ý kiến để đo mức độ hài lòng của giảng viên đối với hoạt động dạy và học. Hình thức phổ biến triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục còn chưa đa dạng, gần như việc phổ biến chỉ mới thông qua website của nhà trường mà chưa thực hiện thông qua các kênh khác

như: gửi văn bản trực tiếp đến các hiệp hội doanh nghiệp, các trường phổ thông... Nhiều học viên tham gia vào quá trình học chưa thực sự thích nghi với phương pháp đào tạo tiếp cận năng lực CDIO, do thói quen học tập theo tiếp cận nội dung. Khoa TLGD cần tạo các môi trường giúp học viên có thể tiếp cận các hoạt động nghề nghiệp ngay từ năm thứ nhất, có cái nhìn thực tế về nghề QLGD trong lĩnh vực kinh tế; tổ chức thường xuyên và hiệu quả những hội nghị, hội thảo về cải tiến CTĐT cũng như phương pháp dạy và học theo tiếp cận CDIO cho cả học viên và đội ngũ giảng viên; thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan để hoàn thiện CĐR và CTĐT ngành QLGD.

*Thứ năm*, hình thức đánh giá kết quả học phần của một số học phần chưa đánh giá chính xác khả năng đạt được CĐR của người học. Việc triển khai quy trình và phương pháp đánh giá theo tiếp cận năng lực chưa thực sự toàn diện do chưa có khung tiêu chuẩn đánh giá năng lực của người học. Bộ tiêu chuẩn, tiêu chí và công cụ đánh giá mới chỉ được thiết kế từng môn học, chưa tập hợp thành hệ thống công cụ đánh giá theo các thành tố năng lực cần đánh giá. Công tác rà soát, nội dung đề cương các môn học, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn và đặc thù môn học. Hệ thống CMC quản lý liên quan việc phản hồi kết quả học tập cho người học đang trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện nên chưa thực sự tạo thuận lợi cho người học trong việc tiếp nhận kết quả. Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, bộ phận chức năng của Nhà trường nên thời gian xử lý chưa nhanh chóng. Do đó, một số nội dung và hình thức đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CĐR của CTĐT; nội dung của một số học phần đại cương cần được bổ sung nhằm hoàn thiện tính thống nhất về khối kiến thức của ngành.

*Thứ sáu*, mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều. Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định cụ thể, rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Tuy việc đánh giá năng lực ngoại ngữ GV được Nhà trường tiến hành một cách thường xuyên nhưng trình độ ngoại ngữ của một số GV vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế. Chưa có hệ thống phần mềm theo dõi và đánh giá được mức độ và hiệu quả cải tiến chất lượng của giảng viên sau đánh giá. Số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài, cũng như các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế chuyên ngành chưa nhiều. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường còn hạn chế.

*Thứ bảy*, năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ (quản lý nhà học, thư viện...) còn hạn chế, đặc biệt là năng lực về công nghệ thông tin. Việc

phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả. Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên mới chỉ tiến hành đối với việc lấy ý kiến của người học. Chưa triển khai lấy ý kiến của đội ngũ giảng viên về hoạt động của đội ngũ nhân viên. Chưa có tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cụ thể cho các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể. Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ. Việc triển khai hoạt động bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên chủ yếu lồng ghép trong công tác đào tạo bồi dưỡng chung của toàn Trường nên hiệu quả chưa cao. Việc xác định khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên chưa mang tính định lượng rõ ràng. Nhà Trường chưa tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền.

*Thứ tám*, chính sách tuyển sinh cũng chưa nhận được sự góp ý đầy đủ của các bên liên quan, chưa phân tích, dự báo sát tình hình về nhu cầu nguồn nhân lực. Hiện tại, tiêu chí và phương án tuyển sinh vào ngành QLGD chưa thực sự chuẩn để đánh giá được tốt nhất năng lực của thí sinh; việc đánh giá chính sách tuyển sinh chưa thực đầy đủ, còn mang tính thủ tục.

*Thứ chín*, diện tích phòng sinh hoạt chuyên môn còn hạn chế, văn phòng khoa có không gian nhỏ, do đó các hoạt động hành chính, chuyên môn của Khoa TLGD phải sử dụng phòng học ThS. Ngoài ra, trang thiết bị chưa thực sự đầy đủ. Việc sắp xếp thời khoá biểu ở một số thời điểm chưa phù hợp giữa số lượng sinh viên và diện tích phòng học; chưa khai thác hết tính năng của hệ thống phòng học cũng như trang thiết bị. Các tư liệu, tài liệu và trang thiết bị vẫn chưa thực sự đầy đủ cho hoạt động thực hành và tư vấn trên thực tế của học viên. Vì là một trường đa ngành nên kho học liệu chuyên sâu cho ngành QLGD còn chưa phong phú, thiếu các đầu sách cập nhật. Điều này làm hạn chế khả năng tự học của người học. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai chưa lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Kí túc xá sinh viên của Nhà trường hiện mới chỉ đáp ứng được 25% nhu cầu của người học tập trung của Nhà trường trong đó có học viên ngành QLGD.

*Thứ mười*, việc tổ chức thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực của các nhà tuyển dụng lao động chưa được triển khai định kỳ, thường xuyên để phát triển CTDH ngành QLGD. Việc khảo sát ý kiến phản hồi về quy trình thiết kế và phát triển CTDH vẫn đang còn giới hạn ở đội ngũ giảng viên, chuyên gia trong trường mà chưa được mở rộng ra các nhà tuyển dụng, chuyên gia ngoài trường. Việc lấy ý kiến phản

hỏi về quá trình dạy và học cũng như đánh giá kết quả học tập mới chỉ được thực hiện đối với giảng viên, học viên đang học và cựu học viên, cần được mở rộng ra các đối tượng khác như nhà tuyển dụng, chuyên gia ngoài trường. Ngoài ra, nội dung lấy ý kiến của người học chủ yếu tập trung vào hoạt động giảng dạy, trong khi đó nội dung khảo sát về hoạt động đánh giá kết quả học tập còn đơn giản, chưa cụ thể.

*Cuối cùng*, trong các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT chưa thực sự sử dụng kết quả thống kê, đối sánh tỉ lệ học viên tốt nghiệp, thôi học; Chưa có sự phân tích đánh giá xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn, thôi học để kịp thời có cơ chế, hình thức hỗ trợ, khích lệ học viên tốt nghiệp như mong muốn. Việc khảo sát nhu cầu của thị trường và khảo sát việc làm của học viên tốt nghiệp mới được chú trọng trong những năm gần đây. Trường vẫn chưa xây dựng được dữ liệu đối sánh trong nước/quốc tế về tỷ lệ có việc làm của người học tốt nghiệp cũng như báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm.

### **3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT**

*Thứ nhất*, khoa TLGD cần hoàn thiện nội dung khảo sát về mục tiêu đào tạo, trong đó chú trọng lấy ý kiến của người sử dụng lao động về mục tiêu đào tạo. Phòng đào tạo SĐH phối hợp với Khoa QLGD thường xuyên theo dõi, cập nhật mục tiêu CTĐT để phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển của Nhà trường trong tương lai cũng như sự thay đổi của Luật Giáo dục đại học. Rà soát, hoàn thiện CDR của CTĐT phù hợp với những thay đổi của thị trường lao động, hoàn cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Nhà trường cần mời chuyên gia, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CTĐT và kết quả đầu ra của học viên tốt nghiệp và công bố công khai phiên bản CDR của CTĐT mới được cập nhật.

*Thứ hai*, khoa TLGD cần tiến hành thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ HV, cựu HV, nhà tuyển dụng một cách thường xuyên hơn. Phân tích dữ liệu thi, kiểm tra và đánh giá một cách cụ thể hơn, cung cấp thông tin cho giảng viên để điều chỉnh đề cương chi tiết. Rà soát, cập nhật đề cương chi tiết các học phần hàng năm, truyền thông rộng rãi đến từng sinh viên và giảng viên để thực hiện. Đưa địa chỉ truy cập bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần vào giao diện chính website của Trường và Khoa. Giới thiệu cụ thể, chi tiết về các học phần cũng như cung cấp đề cương chi tiết các học phần cho các học viên trên trang cá nhân, cũng như vào buổi học đầu tiên của học phần.

*Thứ ba*, khoa TLGD cần chỉnh sửa CDR trình độ thạc sĩ ngành QLGD học theo quy trình: Lấy ý kiến khảo sát, chỉnh sửa CDR theo hướng chọn lọc năng lực chủ đạo, mũi nhọn làm cơ sở cho việc sửa đổi CTDH. Tiếp tục thường xuyên cập nhật kịp thời, tiếp tục khảo sát và có những thay đổi CTDH phù hợp với chuẩn đầu ra đã công bố. Tiếp tục rà soát cân đối một cách tổng thể từ chuẩn đầu ra CTĐT đến CDR từng môn học.

*Thứ tư*, Nhà trường cần phổ biến rộng rãi tuyên bố về tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường đến các bên liên quan. Trường/Khoa tiếp tục có nhiều chương trình, hoạt động ở các địa phương để truyền bá được mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu của ngành. Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động học viên NCKH. Quan tâm nhiều hơn nữa đến việc học tập của HV cũng như việc kiến tập, thực tập tại các cơ quan nhà nước, các CSGD..., tiếp tục chú trọng các hình thức học tập đa dạng, hiện đại tăng cường các hình thức tổ chức dạy học linh hoạt. Tăng cường nguồn học liệu cho người học bằng việc đầu tư kinh phí cho việc mua sách giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí chuyên ngành... Bổ sung nguồn học liệu trực tuyến.

*Thứ năm*, Nhà trường cần tiếp tục cập nhật hình thức kiểm tra đánh giá mới nhất trên LMS mà nhà trường đang áp dụng vào văn bản về Quy định kiểm tra đánh giá theo CĐR. Cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chung cho các học phần thực hành, thực tế của ngành. Tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực (CDIO), thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá. Cần hoàn chỉnh hệ thống quản lý học tập LMS để đảm bảo kiểm soát được việc công bố, phản hồi kết quả học tập của người học trong quá trình học. Tăng cường chức năng của các bộ phận hỗ trợ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho HV trong việc cải thiện kết quả học tập để hoàn thành chương trình đào tạo một cách tốt nhất. Hoàn thiện quy định, quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ người học để xử lý các vấn đề liên quan đến quy trình khiếu nại nhanh, gọn hơn.

*Thứ sáu*, Nhà trường cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành QLGD cho phù hợp với chiến lược phát triển ngành đào tạo của Trường. Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên. Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc. Tăng cường công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV để đảm bảo Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho HV, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/học viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCD. Thường xuyên rà soát các tiêu chí để đo lường khối lượng công việc của GV. Định kỳ đánh giá, đo lường khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao hằng năm của GV. Đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu sinh viên. Cần có chế tài để nâng cao hơn năng lực ngoại ngữ cho GV. Tiếp tục thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ.

*Thứ bảy*, Nhà trường cần thường xuyên tổ chức rèn luyện, bồi dưỡng chuyên

môn và kỹ năng nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp cho đội ngũ nhân viên phục vụ. Rà soát hoàn thiện và cập nhật đề án vị trí việc làm của nhân viên từng đơn vị và trong toàn Trường. Định kỳ phân tích, kết quả khảo sát ý kiến góp ý của các bên để ban hành bộ tiêu chí tuyển dụng nhân viên thống nhất, hiệu quả. Trường cần mở rộng đối tượng khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên để có kết quả khách quan hơn và chính xác hơn. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực cho từng đối tượng cụ thể (GV, GV kiêm nhiệm công tác hoạt động hỗ trợ đào tạo và nhân viên).

*Thứ tám*, cần mở rộng quy mô khảo sát, lấy ý kiến của các bên về chính sách tuyển sinh của Nhà trường. Phân tích nhu cầu nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Tiến hành khảo sát lấy ý kiến về tiêu chí tuyển sinh đối với người học. Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, cập nhật tiêu chí, phương pháp tuyển sinh cho phù hợp với điều kiện, nhu cầu xã hội qua các năm để tuyển sinh được người học có chất lượng. Tăng cường hoạt động tư vấn và hỗ trợ khả năng có việc làm của NH.

*Thứ chín*, Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn cho GV, HV ngành QLGD nói riêng và các bộ môn/ngành trong trường Đại học Vinh nói chung. Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc, đặc biệt là các tài liệu chuyên ngành QLGD, đặc biệt là các ấn phẩm xuất bản bằng tiếng Anh. Nâng cao chất lượng đường truyền internet tại hệ thống phòng học, đảm bảo tốc độ truy cập đồng đều ở tất cả các khu vực trong nhà trường. Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cần lưu ý, riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

*Thứ mười*, Nhà trường cần tổ chức lấy ý kiến từ nhà tuyển dụng, chuyên gia ngoài trường về quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành QLGD. Mở rộng hợp tác về nghiên cứu khoa học với các đối tác trong và ngoài nước. Tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi học phần. Tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi các bên (người dạy, người học, nhà tuyển dụng).

*Cuối cùng*, Nhà trường cần tiến hành phân tích, dự báo xu thế tỷ lệ tốt nghiệp/thời học của người học chính xác để có quy trình, kế hoạch giám sát ngay chủ động, phù hợp. Tổ chức đánh giá việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ người học mỗi năm học. Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động theo dõi người học, tìm hiểu nguyên nhân học viên chậm tốt nghiệp để có giải pháp kịp thời hỗ trợ các em trong trường hợp có thể. Xây dựng cơ sở dữ liệu đối sánh tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo trong nước, quốc tế

Có thể nói, Nhà trường đang triển khai thực hiện CTĐT năm 2023 từ khóa 31 đã được rà soát, hoàn thiện hơn từ CTĐT trước. Những tồn tại về chương trình đào tạo

phiên bản năm 2017 và 2022 đang từng bước được khắc phục. Với tầm nhìn và sứ mạng vươn tầm quốc tế, Nhà trường hiện đang chuẩn hóa, chuyển mình trên cơ sở xây dựng đề án và lộ trình thực hiện chuyển đổi số để khắc phục những hạn chế về quản trị và quản lý đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu của đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng chuẩn đầu ra cam kết với thị trường lao động. Các vấn đề tồn tại đã được Nhà trường và Khoa TLGD nghiêm túc nhìn nhận, tích cực thực hiện tốt các kế hoạch cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngành QLGD xứng đáng là một ngành đào tạo có vị thế, ghi dấu ấn trong bản đồ đào tạo ngành QLGD của cả nước.

*Nghệ An, Ngày 15 tháng 01 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**GS.TS. Nguyễn Huy Bằng**

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo  
(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT,  
Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Vinh

Mã: .....

Tên CTĐT: Quản lý giáo dục

Mã CTĐT: 140114

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|--------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức<br>trung<br>bình     | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
|                         | ○              | ○ | ○ | ○   | ○ | ○ | ○ |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5                        | 3                  | 100%                            |
| Tiêu chí 1.1            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.2            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.3            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5                        | 3                  | 100%                            |
| Tiêu chí 2.1            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.2            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.3            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5                        | 3                  | 100%                            |
| Tiêu chí 3.1            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.2            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.3            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5                        | 3                  | 100%                            |
| Tiêu chí 4.1            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.2            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.3            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5                        | 5                  | 100%                            |
| Tiêu chí 5.1            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.2            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.3            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.4            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.5            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5                        | 7                  | 100%                            |
| Tiêu chí 6.1            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.2            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.3            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.4            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.5            |                |   |   |     |   | 6 |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.6            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.7            |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |

|                            |  |  |  |   |   |  |  |             |           |             |
|----------------------------|--|--|--|---|---|--|--|-------------|-----------|-------------|
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>        |  |  |  |   |   |  |  | 4,6         | 5         | 100%        |
| Tiêu chí 7.1               |  |  |  | 4 |   |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 7.2               |  |  |  | 4 |   |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 7.3               |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 7.4               |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 7.5               |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>        |  |  |  |   |   |  |  | 4,8         | 5         | 100%        |
| Tiêu chí 8.1               |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 8.2               |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 8.3               |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 8.4               |  |  |  | 4 |   |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 8.5               |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>        |  |  |  |   |   |  |  | 5           | 5         | 100%        |
| Tiêu chí 9.1               |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 9.2               |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 9.3               |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 9.4               |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 9.5               |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>       |  |  |  |   |   |  |  | 5           | 6         | 100%        |
| Tiêu chí 10.1              |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 10.2              |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 10.3              |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 10.4              |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 10.5              |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 10.6              |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>       |  |  |  |   |   |  |  | 5           | 5         | 100%        |
| Tiêu chí 11.1              |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 11.2              |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 11.3              |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 11.4              |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| Tiêu chí 11.5              |  |  |  |   | 5 |  |  |             |           |             |
| <b>Đánh giá chung CTĐT</b> |  |  |  |   |   |  |  | <b>4,94</b> | <b>50</b> | <b>100%</b> |

Nghệ An, ngày 15 tháng 01 năm 2024

  
**GS.TS. Nguyễn Huy Bằng**

## Phần IV. PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/12/2023

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: *Khoa TLGD (Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh).*

Khoa TLGD (thành lập năm 2021) tiền thân là Khoa giáo dục - Trường Đại học Vinh (thành lập năm 2009).

Tiếng Anh: *Faculty of Education and Psychology.*

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: Không có.

Tiếng Anh: Không có.

3. Tên trước đây (nếu có): Không có.

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: *Trường Sư phạm.*

5. Địa chỉ: *Tầng 2 nhà A0 Trường Đại học Vinh.*

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại 091 274 2787;

E-mail: *psyped@vinhuni.edu.vn;*

Website: *https://edu.vinhuni.edu.vn/trang-chu.html*

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): *01/09/2021.*

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: *Năm 2011* (từ Khóa 52 Trường Đại học Vinh).

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: *Năm 2015.*

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không.

#### II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT

Tiếng Việt: *Khoa TLGD thuộc Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh*

Tiếng Anh: *Faculty of Education and Psychology*

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Không

Tiếng Anh: Không

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt: *Khoa Giáo dục thuộc Trường Đại học Vinh.*

Tiếng Anh: *Faculty of Education*

15. Mã CTĐT: *7140114*

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có)

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 3 nhà A0

18. Số điện thoại liên hệ: 091 274 2787;

E-mail: [psyped@vinhuni.edu.vn](mailto:psyped@vinhuni.edu.vn);

Website: <https://edu.vinhuni.edu.vn/trang-chu.html>

19. Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): 2021

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2011

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2015

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

22. Khoa TLGD tiền thân là Bộ môn Tâm lý – Giáo dục của Trường ĐHSP Vinh, nay là Trường Đại học Vinh;

Với hơn 60 năm gắn bó với Nhà trường, ngày 21/7/2021 Trường Đại học Vinh đã chính thức thành lập Khoa TLGD trong Trường Sư phạm;

Về đội ngũ cán bộ, giảng viên: hiện nay Khoa có 18 Giảng viên;

Các thầy cô tâm huyết với nghề, tận tụy với người học; năng lực chuyên môn tốt.

Về người học:

+ Hiện nay, số người học trực tiếp tại khoa là hơn 400 người học; trong đó, hơn 300 học viên cao học và 26 NCS đang theo học trình độ tiến sĩ;

+ Khoa đã trực tiếp, chủ trì đào tạo 139 Cử nhân; hơn 1500 Thạc sĩ và 35 người có học vị tiến sĩ;

+ Góp phần đào tạo các ngành Sư phạm của Trường từ năm 1959 đến nay;

+ Sinh viên ngành Quản lý giáo dục có điều kiện thuận lợi để học ngành 2 các ngành Giáo dục tiểu học và Giáo dục mầm non;

Chức năng, nhiệm vụ của Khoa hiện nay:

+ Giảng dạy Tâm lý học, Giáo dục học cho SV các ngành Sư phạm của Trường; Khoa có mối quan hệ chuyên môn, liên quan chặt chẽ đến tất cả các Khoa, ngành Sư phạm của Nhà trường;

+ Chủ trì tổ chức đào tạo ngành Quản lý giáo dục: các trình độ: Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ;

+ Khoa chủ trì thực hiện các chương trình bồi dưỡng: bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm; bồi dưỡng nghiệp vụ Cán bộ quản lý giáo dục; bồi dưỡng Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018...

+ Nghiên cứu khoa học giáo dục: Khoa đã chủ trì thực hiện thành công 1 Chương trình khoa học giáo dục cấp Nhà nước; hơn 10 Đề tài khoa học cấp Bộ và hàng chục nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở;...

+ Cán bộ, viên chức của khoa đã công bố hơn 200 Bài báo khoa học trong nước và quốc tế; Trong đó có 8 bài báo thuộc danh mục các tạp chí ISI – Scopus;

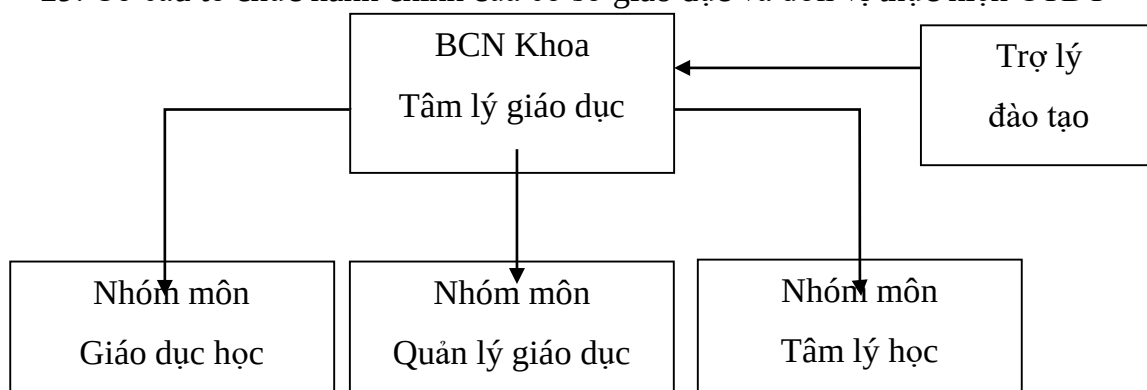
Khoa có mối liên hệ, hợp tác tốt với nhiều cơ sở GDPT, các trường ĐH, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh Nghệ An và cả nước; tạo điều kiện tốt cho người học thực hành, thực tế chuyên môn cũng như có điều kiện tiếp cận thế giới việc làm ...

Tổng số ngành đào tạo: 1 (ngành QLGD)

Có nhiều mối quan hệ hợp tác với các tổ chức, đơn vị trong và ngoài trường với việc tổ chức sự kiện, hội thảo nghiên cứu khoa học, diễn đàn trao đổi.

Thành tích nổi bật: Khoa đạt nhiều thành tích trong công tác nghiên cứu khoa học, kết quả cao trong các cuộc thi có sự tham gia của Sinh viên, học viên tổ chức trong và ngoài trường.

#### 23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT



#### 4. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

| T<br>T | Các bộ<br>phận                              | Họ và tên             | Năm<br>sinh | Học vị,<br>chức<br>danh,<br>chức vụ | Điện thoại       | Email                                                            |
|--------|---------------------------------------------|-----------------------|-------------|-------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------|
|        | <b>Ban lãnh<br/>đạo</b>                     |                       |             |                                     |                  |                                                                  |
| 1      | Phó Bí thư<br>Đảng ủy,<br>Hiệu<br>trưởng    | Nguyễn Huy<br>Bằng    | 1977        | GS.TS                               | 0238.3733888     | <a href="mailto:bangnh@vinhuni.edu.vn">bangnh@vinhuni.edu.vn</a> |
| 3      | Phó Hiệu<br>trưởng                          | Nguyễn Thị Thu<br>Cúc |             | PGS.TS                              | 0238.3855452     | <a href="mailto:cucntt@vinhuni.edu.vn">cucntt@vinhuni.edu.vn</a> |
| 4      | Phó Hiệu<br>trưởng                          | Trần Bá Tiến          | 1977        | TS                                  | 0238.385545<br>2 | <a href="mailto:tientb@vinhuni.edu.vn">tientb@vinhuni.edu.vn</a> |
| 5      | Bí thư<br>Đảng ủy,<br>Chủ tịch<br>HĐ Trường | Nguyễn Ngọc<br>Hiền   | 1975        | TS                                  | 0913598796       | <a href="mailto:hiennn@vinhuni.edu.vn">hiennn@vinhuni.edu.vn</a> |

|              |                                                  |                        |      |             |             |                                                                      |
|--------------|--------------------------------------------------|------------------------|------|-------------|-------------|----------------------------------------------------------------------|
|              | Chủ tịch Công đoàn                               | Phạm Thị Bình          | 1971 | TS          | 0983551387  | <a href="mailto:binhpt@vinhuni.edu.vn">binhpt@vinhuni.edu.vn</a>     |
|              | <b>Ban lãnh đạo trường Sư phạm</b>               |                        |      |             |             |                                                                      |
| <b>I.</b>    | <b>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>              |                        |      |             |             |                                                                      |
| 1            | Hiệu trưởng                                      | Lưu Tiến Hưng          | 1974 | PGS.TS      | 0913396780  | <a href="mailto:hunglt@vinhuni.edu.vn">hunglt@vinhuni.edu.vn</a>     |
| 2            | Phó hiệu trưởng                                  | Trần Vũ Tài            | 1975 | PGS.TS      | 0912883021  | <a href="mailto:taitv@vinhuni.edu.vn">taitv@vinhuni.edu.vn</a>       |
| 3            | Phó hiệu trưởng                                  | Phạm Lê Cường          | 1979 | TS          | 0912222927  | <a href="mailto:cuongpl@vinhuni.edu.vn">cuongpl@vinhuni.edu.vn</a>   |
| <b>II.</b>   | <b>Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b> |                        |      |             |             |                                                                      |
| 1            | Đảng bộ BP                                       | Lưu Tiến Hưng          | 1974 | PGS. TS     | 0913396780  | <a href="mailto:hunglt@vinhuni.edu.vn">hunglt@vinhuni.edu.vn</a>     |
| 2            | Công đoàn                                        | Lương Thị Thành Vinh   |      | TS.GVC      | 0919558313  | <a href="mailto:vinhlтт@vinhuni.edu.vn">vinhlтт@vinhuni.edu.vn</a>   |
| 3            | Đoàn trường                                      | Phan Thị Quỳnh Trang   | 1996 | ThS, Bí thư | 0963160447  | <a href="mailto:trangptq@vinhuni.edu.vn">trangptq@vinhuni.edu.vn</a> |
| 4            | Hội SV trường                                    | Nguyễn Trần Anh Thư    | 2003 | LCH trưởng  | 037 2464666 | letterngow07@gmail.com                                               |
| <b>III .</b> | <b>Các trợ lý hành chính</b>                     |                        |      |             |             |                                                                      |
| 1            | Trợ lý đào tạo chuyên trách                      | Nguyễn Tiến Dũng       | 1981 | TS          | 0963414848  | <a href="mailto:dungnt@vinhuni.edu.vn">dungnt@vinhuni.edu.vn</a>     |
| 2            | Trợ lý QL SV                                     | Nguyễn Thị Phương Thảo | 1983 | ThS         | 0914327102  | <a href="mailto:thaontp@vinhuni.edu.vn">thaontp@vinhuni.edu.vn</a>   |
| 3            | Chuyên viên văn phòng                            | Đặng Thị Tình          | 1984 | ThS         | 0989383539  | <a href="mailto:tinhdt@vinhuni.edu.vn">tinhdt@vinhuni.edu.vn</a>     |

|            |                                                                      |                          |      |                   |            |                                                                      |
|------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------|------|-------------------|------------|----------------------------------------------------------------------|
|            | <b>Khoa<br/>TLGD</b>                                                 |                          |      |                   |            |                                                                      |
| <b>I.</b>  | <b>Lãnh đạo<br/>chủ chốt<br/>của đơn vị</b>                          |                          |      |                   |            |                                                                      |
| 1          | Trưởng<br>khoa                                                       | Nguyễn Như An            | 1976 | PGS.TS            | 0912742787 | <a href="mailto:ann@vinhuni.edu.vn">ann@vinhuni.edu.vn</a>           |
| 2          | Phó<br>Trưởng<br>khoa                                                | Dương Thị Thanh<br>Thanh | 1976 | TS                | 0904768538 | <a href="mailto:thanhdt@vinhuni.edu.vn">thanhdt@vinhuni.edu.vn</a>   |
| <b>II.</b> | <b>Các tổ<br/>chức<br/>Đảng,<br/>Đoàn TN,<br/>Công<br/>đoàn, Hội</b> |                          |      |                   |            |                                                                      |
| 1          | Chi bộ                                                               | Nguyễn Như An            | 1976 | PGS.TS,<br>Bí thư | 0912742787 | <a href="mailto:ann@vinhuni.edu.vn">ann@vinhuni.edu.vn</a>           |
| 2          | Công đoàn<br>bộ phận                                                 | Lê Thục Anh              | 1975 | TS, Chủ<br>tịch   | 0912657006 | <a href="mailto:anhlt@vinhuni.edu.vn">anhlt@vinhuni.edu.vn</a>       |
| <b>II.</b> | <b>Trợ lý</b>                                                        |                          |      |                   |            |                                                                      |
| 1.         | Trợ lý đào<br>tạo                                                    | Bùi Văn Hùng             | 1980 | TS                | 0949328199 | <a href="mailto:hungbv@vinhuni.edu.vn">hungbv@vinhuni.edu.vn</a>     |
| 2.         | Trợ lý đào<br>tạo trực<br>tuyến                                      | Nguyễn Việt<br>Phương    | 1989 | ThS               | 0943037379 | <a href="mailto:phuongnv@vinhuni.edu.vn">phuongnv@vinhuni.edu.vn</a> |

25. Các chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Quản lý giáo dục

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 1

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 1

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 1

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

|                 |                                     |       |
|-----------------|-------------------------------------|-------|
|                 | Có                                  | Không |
| Chính quy       | <input checked="" type="checkbox"/> |       |
| Không chính quy | <input checked="" type="checkbox"/> |       |
| Từ xa           |                                     |       |

Liên kết đào tạo với nước ngoài

Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

32. Tổng số các ngành đào tạo: 1

**IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

| TT  | Phân loại                                                                                                     | Nam | Nữ | Tổng số |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|---------|
| I   | <b>Đội ngũ cơ hữu<sup>1</sup></b><br><i>Trong đó:</i>                                                         | 8   | 10 | 18      |
| I.1 | Đội ngũ trong biên chế                                                                                        | 8   | 10 | 18      |
| I.2 | Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn                               | 0   | 0  | 0       |
| II  | <b>Các đối tượng khác</b><br>Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> ) |     |    |         |
|     | <b>Tổng số</b>                                                                                                | 8   | 10 | 18      |

34. Thống kê, phân loại giảng viên

| TT  | Trình độ, học vị, chức danh | Số lượng GV | Giảng viên cơ hữu (GV)                |                                                      |                                 | GV thỉnh giảng trong nước | GV quốc tế |
|-----|-----------------------------|-------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------|
|     |                             |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                           |            |
| (1) | (2)                         | (3)         | (4)                                   | (5)                                                  | (6)                             | (7)                       | (8)        |
| 1   | GS, Viện sĩ                 | 0           | 0                                     | 0                                                    | 0                               | 0                         | 0          |

<sup>1</sup> Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>2</sup> Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>3</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

|   |               |    |    |   |   |   |   |
|---|---------------|----|----|---|---|---|---|
| 2 | Phó Giáo sư   | 3  | 3  | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 3 | Tiến sĩ KH    | 0  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tiến sĩ       | 10 | 10 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 5 | Thạc sĩ       | 5  | 5  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Đại học       | 0  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Cao đẳng      | 0  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Trình độ khác | 0  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0 |
|   | Tổng số       | 18 | 18 | 0 | 3 | 0 | 0 |

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 18 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 18/18

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

| TT  | Trình độ, học vị, chức danh | Hệ số quy đổi | Số lượng GV | GV cơ hữu                             |                                         |                                 | GV thỉnh giảng | GV quốc tế | GV quy đổi |
|-----|-----------------------------|---------------|-------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|----------------|------------|------------|
|     |                             |               |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                |            |            |
| (1) | (2)                         | (3)           | (4)         | (5)                                   | (6)                                     | (7)                             | (8)            | (9)        | (10)       |
|     | Hệ số quy đổi               |               |             | 1,0                                   | 1,0                                     | 0,3                             | 0,2            | 0,2        |            |
| 1   | GS, Viện sĩ                 | 5,0           | 0           | 0                                     | 0                                       | 0                               | 0              | 0          |            |
| 2   | PGS                         | 3,0           | 3           | 2                                     | 0                                       | 1                               | 0              | 0          | 6,9        |
| 3   | Tiến sĩ KH                  | 3,0           | 0           | 0                                     | 0                                       | 0                               | 0              | 0          | 0          |
| 4   | Tiến sĩ                     | 2             | 10          | 8                                     | 0                                       | 2                               | 0              | 0          | 17,2       |
| 5   | Thạc sĩ                     | 1             | 5           | 5                                     | 0                                       | 0                               | 0              | 0          | 5          |
| 6   | Đại học                     | 0,3           | 0           | 0                                     | 0                                       | 0                               | 0              | 0          | 0          |
|     | Tổng                        |               | 18          | 15                                    |                                         | 3                               |                |            | 29,1       |

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

| TT | Trình độ/học vị | Số lượng  | Tỷ lệ (%)  | Phân loại theo giới tính (ng) |           | Phân loại theo tuổi (người) |          |          |          |          |
|----|-----------------|-----------|------------|-------------------------------|-----------|-----------------------------|----------|----------|----------|----------|
|    |                 |           |            | Nam                           | Nữ        | < 30                        | 30-40    | 41-50    | 51-60    | > 60     |
| 1  | GS, Viện sĩ     | 0         | 0          | 0                             | 0         | 0                           | 0        | 0        | 0        | 0        |
| 2  | PGS             | 3         | 16,7       | 2                             | 1         | 0                           | 0        | 1        | 2        | 0        |
| 3  | Tiến sĩ KH      | 0         | 0          | 0                             | 0         | 0                           | 0        | 0        | 0        | 0        |
| 4  | Tiến sĩ         | 10        | 55,5       | 3                             | 7         | 0                           | 2        | 7        | 1        | 0        |
| 5  | Thạc sĩ         | 5         | 27,8       | 2                             | 3         | 2                           | 2        | 1        | 0        | 0        |
| 6  | Đại học         | 0         | 0          | 0                             | 0         | 0                           | 0        | 0        | 0        | 0        |
|    | <b>Tổng</b>     | <b>18</b> | <b>100</b> | <b>7</b>                      | <b>11</b> | <b>2</b>                    | <b>4</b> | <b>9</b> | <b>3</b> | <b>0</b> |

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $13/18 = 72,2\%$

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $5/18 = 27,8\%$

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

| TT | Tần suất sử dụng                                                    | Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học |             |
|----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|
|    |                                                                     | Ngoại ngữ                                        | Tin học     |
| 1  | Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)                     | 0                                                | 100%        |
| 2  | Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)                | 0                                                | 0           |
| 3  | Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)               | 100%                                             | 0           |
| 4  | Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)                | 0                                                | 0           |
| 5  | Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc) | 0                                                | 0           |
|    | <b>Tổng</b>                                                         | <b>100%</b>                                      | <b>100%</b> |

## V. Người học

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

| Năm học   | Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người) | Số trúng tuyển (người) | Tỷ lệ cạnh tranh | Số nhập học thực tế (người) | Điểm tuyển đầu vào/thang điểm | Điểm trung bình của HV được tuyển | Số lượng HV quốc tế nhập học (người) |
|-----------|--------------------------------------|------------------------|------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|
| 2016-2017 | 42                                   | 42                     |                  | 6                           | 15,0                          | 17,0                              | 0                                    |
| 2017-2018 | 52                                   | 52                     |                  | 38                          | 15,5                          | 17,5                              | 1                                    |
| 2018-2019 | 35                                   | 35                     |                  | 23                          | 14,0                          | 16,0                              | 2                                    |
| 2019-2020 | 44                                   | 44                     |                  | 28                          | 14,0                          | 16,75                             | 1                                    |
| 2020-2021 | 23                                   | 23                     |                  | 14                          | 15,0                          | 16,2                              | 0                                    |

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

*Đơn vị: người*

| Các tiêu chí          | 2017-2018 | 2018-2019 | 2019-2020 | 2020 - 2021 | 2021-2022 |
|-----------------------|-----------|-----------|-----------|-------------|-----------|
| 1. Nghiên cứu sinh    | 10        | 5         | 5         | 5           | 5         |
| 2. Học viên cao học   | 90        | 90        | 110       | 100         | 150       |
| 3. Sinh viên đại học  |           |           |           |             |           |
| Hệ chính quy          | 117       | 95        | 83        | 89          | 61        |
| Hệ không chính quy    | 0         | 0         | 0         | 0           | 0         |
| 4. Sinh viên cao đẳng | 0         | 0         | 0         | 0           | 0         |
| Hệ chính quy          | 0         | 0         | 0         | 0           | 0         |
| Hệ không chính quy    | 0         | 0         | 0         | 0           | 0         |
| 5. Học sinh TCCN      | 0         | 0         | 0         | 0           | 0         |
| Trong đó:             |           |           |           |             |           |
| Hệ chính quy          | 0         | 0         | 0         | 0           | 0         |
| Hệ không chính quy    | 0         | 0         | 0         | 0           | 0         |
| 6. Khác ...           |           |           |           |             |           |

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

|                  | Năm học     |           |             |           |            |
|------------------|-------------|-----------|-------------|-----------|------------|
|                  | 2017 - 2018 | 2018-2019 | 2019 - 2020 | 2019-2020 | 2021 -2022 |
| Số lượng (người) | 1           | 2         | 0           | 1         | 0          |

|                                  | Năm học     |            |             |            |            |
|----------------------------------|-------------|------------|-------------|------------|------------|
|                                  | 2017 - 2018 | 2018- 2019 | 2019 - 2020 | 2019- 2020 | 2021 -2022 |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số người học | 0,19        | 5,7        | 0           | 2,27       | 0          |

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

| Các tiêu chí                                                                    | 2016- 2017 | 2017- 2018 | 2018 - 2019 | 2019- 2020 | 2020- 2021 |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|-------------|------------|------------|
| 1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )                                     |            |            |             |            |            |
| 2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)           | 0          | 0          | 0           | 0          | 0          |
| 3. Người học được ở trong ký túc xá (người)                                     | 0          | 0          | 0           | 0          | 0          |
| 4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người) |            |            |             |            |            |

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

|                                  | Năm học     |             |             |             |           |
|----------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-----------|
|                                  | 2017 - 2018 | 2018 - 2019 | 2019 - 2020 | 2020 - 2021 | 2021-2022 |
| Số lượng (người)                 |             |             |             |             |           |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên |             |             |             |             |           |

## 43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

| Các tiêu chí                                         | Năm tốt nghiệp |           |           |           |           |
|------------------------------------------------------|----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                                                      | 2017-2018      | 2018-2019 | 2019-2020 | 2020-2021 | 2021-2022 |
| 1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ | 8              | 8         | 6         | 5         | 3         |
| 2. Học viên tốt nghiệp cao học                       | 110            | 110       | 90        | 90        | 110       |
| 3. Sinh viên tốt nghiệp đại học<br>Trong đó:         |                |           |           |           |           |
| Hệ chính quy                                         | 30             | 17        | 9         | 5         | 9         |
| Hệ không chính quy                                   | 0              | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng<br>Trong đó:        | 0              | 0         | 0         | 0         | 0         |
| Hệ chính quy                                         | 0              | 0         | 0         | 0         | 0         |
| Hệ không chính quy                                   | 0              | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp<br>Trong đó:        | 0              | 0         | 0         | 0         | 0         |
| Hệ chính quy                                         | 0              | 0         | 0         | 0         | 0         |
| Hệ không chính quy                                   | 0              | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 6. Khác...                                           | 0              | 0         | 0         | 0         | 0         |

## 44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

| Các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                              | Năm tốt nghiệp |           |           |           |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                                                                                                                                                                                                                                                           | 2017-2018      | 2018-2019 | 2019-2020 | 2020-2021 | 2021-2022 |
| 1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).                                                                                                                                                                                                                 | 30             | 17        | 9         | 5         | 9         |
| 2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).                                                                                                                                                                                                    | 78,95          | 70,83     | 31,03     | 62,5      | 64,29     |
| 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:<br>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4<br>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây: | B              | B         | B         | B         | B         |

| Các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Năm tốt nghiệp |           |           |           |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2017-2018      | 2018-2019 | 2019-2020 | 2020-2021 | 2021-2022 |
| 3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).                                                                                                                                                                               | 83,05          | 85,71     | 85,71     | 81,08     | 85,87     |
| 3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).                                                                                                                                                                    | 11,86          | 10,00     | 10,71     | 13,51     | 10,35     |
| 3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp                                                                                                                                                                          | 5,09           | 4,29      | 3,58      | 5,41      | 3,78      |
| 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:<br>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5<br>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:                                     | B              | B         | B         | B         | B         |
| 4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).                                                                                                                                                                                                                                             |                |           |           |           |           |
| - Sau 6 tháng tốt nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                            | 52,5           | 48,6      | 69,7      | 68,8      | 76,6      |
| - Sau 12 tháng tốt nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                           | 27             | 32,4      | 26,3      | 22,4      |           |
| 4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).                                                                                                                                                                                                                                             | 20,5           | 19        | 4         | 8,8       | 23,4      |
| 4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu đồng)                                                                                                                                                                                                                                 | 3,0            | 3,5       | 3,5       | 4,0       | 4,5       |
| 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:<br>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.<br>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây: | B              | B         | B         | B         | B         |
| 5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của                                                                                                                                                                                                                                                             | 63,37          | 75,53     | 84,79     | 85,57     | 77,45     |

| Các tiêu chí                                                                            | Năm tốt nghiệp |           |           |           |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                                                                                         | 2017-2018      | 2018-2019 | 2019-2020 | 2020-2021 | 2021-2022 |
| công việc, có thể sử dụng được ngay (%).                                                |                |           |           |           |           |
| 5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%). | 18,81          | 14,89     | 13,04     | 12,37     | 12,74     |
| 5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).    | 17,82          | 9,58      | 2,17      | 2,06      | 10,78     |

**Ghi chú:**

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

**VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

| TT  | Phân loại đề tài    | Hệ số | Số lượng  |           |           |           |           | Tổng (đã quy đổi) |
|-----|---------------------|-------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------------------|
|     |                     |       | 2017-2018 | 2018-2019 | 2019-2020 | 2020-2021 | 2021-2022 |                   |
| (1) | (2)                 | (3)   | (4)       | (5)       | (6)       | (7)       | (8)       | (9)               |
| 1   | Đề tài cấp NN       | 2,0   | 0         | 0         | 0         | 1         | 0         | 2                 |
| 2   | Đề tài cấp Bộ/Tỉnh* | 1,0   | 2         | 2         | 3         | 2         | 0         | 9                 |
| 3   | Đề tài cấp trường   | 0,5   | 0         | 0         | 0         | 6         | 0         | 9                 |
|     | Tổng                |       | 2         | 2         | 3         | 9         | 0         | 20                |

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

Tổng số đề tài quy đổi: 20

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $20/18 = 1,11$

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

| TT | Năm  | Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ) | Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%) | Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người) |
|----|------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 2017 | 0                                                      | 0                                                                                                           | 0                                                                                      |
| 2  | 2018 | 0                                                      | 0                                                                                                           | 0                                                                                      |
| 3  | 2019 | 0                                                      | 0                                                                                                           | 0                                                                                      |
| 4  | 2020 | 0                                                      | 0                                                                                                           | 0                                                                                      |
| 5  | 2021 | 0                                                      | 0                                                                                                           | 0                                                                                      |

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

| Số lượng đề tài         | Số lượng cán bộ tham gia |                |                   | Ghi chú |
|-------------------------|--------------------------|----------------|-------------------|---------|
|                         | Đề tài cấp NN            | Đề tài cấp Bộ* | Đề tài cấp trường |         |
| Từ 1 đến 3 đề tài       | 8                        | 10             | 8                 |         |
| Từ 4 đến 6 đề tài       | 0                        | 0              | 3                 |         |
| Trên 6 đề tài           | 0                        | 0              | 2                 |         |
| Tổng số cán bộ tham gia | 8                        | 10             | 13                |         |

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại sách   | Hệ số** | Số lượng |      |      |      |      | Tổng (đã quy đổi) |
|----|------------------|---------|----------|------|------|------|------|-------------------|
|    |                  |         | 2017     | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |                   |
| 1  | Sách chuyên khảo | 2,0     | 2        | 0    | 0    | 0    | 0    | 4                 |
| 2  | Sách giáo trình  | 1,5     | 1        | 0    | 0    | 1    | 1    | 4,5               |
| 3  | Sách tham khảo   | 1,0     | 0        | 0    | 0    | 0    | 0    |                   |
| 4  | Sách hướng dẫn   | 0,5     | 0        | 0    | 0    | 0    | 0    |                   |
|    | Tổng             |         |          |      |      |      |      |                   |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 8,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $8,5/18 = 0,47$

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách

trong 5 năm gần đây:

| Số lượng sách           | Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách |                 |                |                |
|-------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------|----------------|
|                         | Sách chuyên khảo                          | Sách giáo trình | Sách tham khảo | Sách hướng dẫn |
| Từ 1 đến 3 cuốn sách    | 13                                        | 16              | 9              | 0              |
| Từ 4 đến 6 cuốn sách    | 0                                         | 0               | 0              | 0              |
| Trên 6 cuốn sách        | 0                                         | 0               | 0              | 0              |
| Tổng số cán bộ tham gia | 13                                        | 16              | 9              | 0              |

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại tạp chí                     | Hệ số | Số lượng |      |      |      |      | Tổng (đã quy đổi) |
|----|---------------------------------------|-------|----------|------|------|------|------|-------------------|
|    |                                       |       | 2018     | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |                   |
| 1  | Tạp chí khoa học quốc tế              | 1,5   | 11       | 12   | 14   | 18   | 24   | 118,5             |
| 2  | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | 1,0   | 13       | 17   | 15   | 13   | 12   | 70                |
| 3  | Tạp chí / tập san của cấp trường      | 0,5   | 2        | 2    | 3    | 3    | 5    | 7,5               |
|    | Tổng                                  |       | 26       | 31   | 32   | 34   | 41   | 196               |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 196

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $196/18 = 10,97$

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

| Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí | Nơi đăng                                  |                                       |                              |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|
|                                                     | Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus...) | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | Tạp chí / tập san cấp trường |
| Từ 1 đến 5 bài báo                                  | 12                                        | 10                                    | 3                            |
| Từ 6 đến 10 bài báo                                 | 2                                         | 4                                     | 0                            |
| Từ 11 đến 15 bài báo                                | 0                                         | 0                                     | 0                            |
| Trên 15 bài báo                                     | 0                                         | 0                                     | 0                            |

|                         |    |    |   |
|-------------------------|----|----|---|
| Tổng số cán bộ tham gia | 14 | 14 | 3 |
|-------------------------|----|----|---|

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại hội thảo  | Hệ số** | Số lượng |          |          |          |          | Tổng (đã quy đổi) |
|----|---------------------|---------|----------|----------|----------|----------|----------|-------------------|
|    |                     |         | 2017     | 2018     | 2019     | 2020     | 2021     |                   |
| 1  | Hội thảo quốc tế    | 1,0     | 7        | 0        | 3        | 1        | 3        | 14                |
| 2  | Hội thảo trong nước | 0,5     | 0        | 0        | 0        | 1        | 0        | 0,5               |
| 3  | Hội thảo cấp trường | 0,25    | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0                 |
|    | <b>Tổng</b>         |         | <b>7</b> | <b>0</b> | <b>3</b> | <b>2</b> | <b>3</b> | <b>14,5</b>       |

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 14,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $14,5/18 = 0,8$

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

| Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo | Cấp hội thảo     |                     |                   |
|-----------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------|-------------------|
|                                                                       | Hội thảo quốc tế | Hội thảo trong nước | Hội thảo ở trường |
| Từ 1 đến 5 báo cáo                                                    | 6                | 1                   | 0                 |
| Từ 6 đến 10 báo cáo                                                   | 0                | 0                   | 0                 |
| Từ 11 đến 15 báo cáo                                                  | 0                | 0                   | 0                 |
| Trên 15 báo cáo                                                       | 0                | 0                   | 0                 |
| <b>Tổng số cán bộ tham gia</b>                                        | <b>6</b>         | <b>1</b>            |                   |

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

| Năm học    | Số bằng phát minh, sáng chế được cấp<br>(ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp) |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 2016 -2017 | 0                                                                                       |
| 2017-2018  | 0                                                                                       |
| 2018-2019  | 0                                                                                       |
| 2019-2020  | 0                                                                                       |
| 2020-2021  | 0                                                                                       |

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

| Số lượng đề tài            | Số lượng người học tham gia |                |                   | Ghi chú |
|----------------------------|-----------------------------|----------------|-------------------|---------|
|                            | Đề tài cấp NN               | Đề tài cấp Bộ* | Đề tài cấp trường |         |
| Từ 1 đến 3 đề tài          | 0                           | 0              | 0                 |         |
| Từ 4 đến 6 đề tài          | 0                           | 0              | 0                 |         |
| Trên 6 đề tài              | 0                           | 0              | 0                 |         |
| Tổng số người học tham gia | 0                           | 0              | 0                 |         |

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

| TT | Thành tích nghiên cứu khoa học                | Số lượng  |           |           |           |           |
|----|-----------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|    |                                               | 2017-2018 | 2018-2019 | 2019-2020 | 2020-2021 | 2021-2022 |
| 1  | Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo  | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 2  | Số bài báo được đăng, công trình được công bố | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 44,12 ha (Diện tích 5 cơ sở trực thuộc Trường Đại học Vinh)

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 33,2 ha (Diện tích cơ sở 1 + cơ sở 2 Trường Đại học Vinh)

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

Nơi làm việc: 15.864 m<sup>2</sup>; Nơi học; Nơi vui chơi giải trí: 35ha.

59. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: Diện tích cho 280 phòng học

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: diện tích bình quân 5,9 m<sup>2</sup>/ 1 người học (115,749 m<sup>2</sup>/19.629 người học)

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 54 (Số lượng đầu sách Khoa bổ sung từ 2016-2021), 15.000 tên tài liệu với hơn 160.000 cuốn sách phục vụ cho các nguồn đào tạo trong trường.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 6

- Dùng cho người học học tập: 2000 máy tính

Tổng số máy: 51 máy được bổ sung từ 2016-2021

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 1/10

### **VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

#### **1. Giảng viên:**

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 18

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 18/18

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 72,2%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 27,8%

#### **2. Người học:**

Tổng số người học chính quy (người): 61

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 3,4

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 64,29

#### **3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:**

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 85,87

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 10,35

#### **4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:**

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 76,6

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 4.500.000 VNĐ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 77,45

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 12,74

#### **6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,47

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10,97

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,56

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 2000 máy

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 5,9 m<sup>2</sup>/1 người học  
(115,749 m<sup>2</sup>/19.629 người học)

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 10,6 m<sup>2</sup>/1 người học

### Phụ lục 3. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **23** /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **06** tháng 01 năm 2023

#### QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học  
Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng**

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều 21 của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-ĐHV ngày 22/4/2022 của Trường Đại học Vinh về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2025;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng.*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trường các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. 

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL. 



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### DANH SÁCH

**Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học  
ngành Quản lý giáo dục**

(Kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-ĐHV ngày 06 tháng 01 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT | Họ và tên                | Chức danh, chức vụ                    | Nhiệm vụ     |
|----|--------------------------|---------------------------------------|--------------|
| 1  | Ông Nguyễn Huy Bằng      | Hiệu trưởng                           | Chủ tịch     |
| 2  | Nguyễn Thị Thu Cúc       | Phó Hiệu trưởng                       | Phó Chủ tịch |
| 3  | Ông Phạm Lê Cường        | Phó Hiệu trưởng Trường Sư phạm        | Phó Chủ tịch |
| 4  | Ông Nguyễn Thanh Diệu    | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL        | Thư ký       |
| 5  | Bà Hoàng Phan Hải Yến    | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL            | Thành viên   |
| 6  | Ông Đinh Phan Khôi       | Trưởng phòng Đào tạo SDH              | Thành viên   |
| 7  | Ông Thiệu Đình Phong     | Trưởng phòng TCCB                     | Thành viên   |
| 8  | Bà Đặng Thị Thu          | Trưởng phòng CTCT-HSSV                | Thành viên   |
| 9  | Ông Mai Văn Chung        | Trưởng phòng KH&HTQT                  | Thành viên   |
| 10 | Ông Hoàng Việt Dũng      | Trưởng phòng KH-TC                    | Thành viên   |
| 11 | Ông Nguyễn Đức Bình      | Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH          | Thành viên   |
| 12 | Ông Trần Đình Luân       | Trưởng phòng QT&ĐT                    | Thành viên   |
| 13 | Ông Lê Công Đức          | Giám đốc Trung tâm DV, HTSV & QHDN    | Thành viên   |
| 14 | Ông Nguyễn Như An        | Trưởng khoa Tâm lý – Giáo dục         | Thành viên   |
| 15 | Bà Dương Thị Thanh Thanh | Phó Trưởng khoa Tâm lý – Giáo dục     | Thành viên   |
| 16 | Ông Bùi Văn Hùng         | Trợ lý đào tạo Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên   |
| 17 | Bà Chế Thị Hải Linh      | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục     | Thành viên   |
| 18 | Bà Lê Thục Anh           | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục     | Thành viên   |
| 19 | Ông Trần Anh Tuấn        | HVCH Khóa 29                          | Thành viên   |

Danh sách này gồm có 19 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



### DANH SÁCH

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học  
ngành Quản lý giáo dục**

(Kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-ĐHV ngày 06 tháng 01 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT | Họ và tên                 | Chức danh, chức vụ                | Nhiệm vụ   |
|----|---------------------------|-----------------------------------|------------|
| 1  | Ông Nguyễn Thanh Diệu     | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL    | Trưởng ban |
| 2  | Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc    | Phó Trưởng phòng TCCB             | Thành viên |
| 3  | Bà Nguyễn Thị Hương       | Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH      | Thành viên |
| 4  | Ông Nguyễn Tiến Cường     | Chuyên viên phòng Đào tạo SDH     | Thành viên |
| 5  | Bà Phan Thị Thu Hiền      | Chuyên viên phòng QT&ĐT           | Thành viên |
| 6  | Bà Phạm Thị Quỳnh Như     | Chuyên viên TT DV, HTSV&QHDN      | Thành viên |
| 7  | Bà Lâm Thu Trang          | Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH   | Thành viên |
| 8  | Bà Nguyễn Thị Hương Trà   | Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL       | Thành viên |
| 9  | Bà Đinh Thị Nga           | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL        | Thành viên |
| 10 | Ông Nguyễn Hoàng An       | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL        | Thành viên |
| 11 | Ông Hồ Xuân Thủy          | Chuyên viên Phòng Đào tạo         | Thành viên |
| 12 | Bà Trần Thị Thái          | Chuyên viên Phòng KH&HTQT         | Thành viên |
| 13 | Bà Trần Thị Thu Liên      | Chuyên viên Phòng KH-TC           | Thành viên |
| 14 | Ông Trần Trung Kiên       | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 15 | Ông Nguyễn Việt Phương    | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 16 | Ông Nguyễn Tiến Dũng      | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 17 | Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh   | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 18 | Bà Bùi Thị Thủy Dương     | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 19 | Bà Trần Mỹ Linh           | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 20 | Bà Dương Thị Linh         | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 21 | Bà Trần Hằng Ly           | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 22 | Ông Phan Hùng Thư         | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 23 | Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục   | Thành viên |

*Danh sách này gồm có 23 người./.*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**  
(Ngành Quản lý giáo dục)

(Kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-ĐHV ngày 06 tháng 01 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT                                                                      | Họ và tên                 | Chức danh, chức vụ               | Nhiệm vụ      |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------|---------------|
| <b>NHÓM 1:</b>                                                          |                           |                                  |               |
| <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. |                           |                                  | (6 tiêu chí)  |
| <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Bản mô tả chương trình đào tạo.                    |                           |                                  |               |
| 1                                                                       | Ông Nguyễn Như An         | Trưởng Khoa Tâm lý-Giáo dục      | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Ông Nguyễn Việt Phương    | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Nguyễn Trung Kiên      | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Đinh Phan Khôi        | Trưởng phòng Đào tạo SDH         | Thành viên    |
| 5                                                                       | Ông Nguyễn Tiến Cường     | Chuyên viên phòng Đào tạo SDH    | Thành viên    |
| <b>NHÓM 2:</b>                                                          |                           |                                  |               |
| <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.         |                           |                                  | (6 tiêu chí)  |
| <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.             |                           |                                  |               |
| 1                                                                       | Bà Dương Thị Thanh Thanh  | Phó Trưởng Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Bùi Thùy Dương         | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh   | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Nguyễn Tiến Dũng      | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thành viên    |
| 5                                                                       | Ông Đinh Phan Khôi        | Trưởng phòng Đào tạo SDH         | Thành viên    |
| <b>NHÓM 3:</b>                                                          |                           |                                  |               |
| <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Đánh giá kết quả học tập của người học.            |                           |                                  | (10 tiêu chí) |
| <b>Tiêu chuẩn 8:</b> Người học và hoạt động hỗ trợ người học.           |                           |                                  |               |
| 1                                                                       | Ông Bùi Văn Hùng          | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Trần Mỹ Linh           | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Văn phòng Trường Sư phạm         | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Nguyễn Tiến Cường     | Chuyên viên phòng Đào tạo SDH    | Thành viên    |
| 5                                                                       | Bà Nguyễn Thị Hương Trà   | Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL      | Thành viên    |
| <b>NHÓM 4:</b>                                                          |                           |                                  |               |
| <b>Tiêu chuẩn 6:</b> Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.               |                           |                                  | (12 tiêu chí) |
| <b>Tiêu chuẩn 7:</b> Đội ngũ nhân viên.                                 |                           |                                  |               |
| 1                                                                       | Bà Lê Thục Anh            | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Hoang Phan Hải Yến     | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL       | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc    | Phó Trưởng phòng TCCB            | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Nguyễn Hoàng An       | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL       | Thành viên    |
| 5                                                                       | Bà Trần Thị Thái          | Chuyên viên Phòng KH&HTQT        | Thành viên    |
| <b>NHÓM 5:</b>                                                          |                           |                                  |               |
| <b>Tiêu chuẩn 9:</b> Cơ sở vật chất và trang thiết bị.                  |                           |                                  | (5 tiêu chí)  |
| 1                                                                       | Bà Chế Thị Hải Linh       | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Trần Hằng Ly           | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Dương Thị Linh         | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thành viên    |
| 4                                                                       | Bà Phan Thị Thu Hiền      | Chuyên viên phòng QT&ĐT          | Thành viên    |
| 5                                                                       | Bà Lâm Thu Trang          | Chuyên viên Trung tâm TT- TV NTH | Thành viên    |
| <b>NHÓM 6:</b>                                                          |                           |                                  | (11 tiêu chí) |

|                                                                                                                                                                            |                          |                                 |              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|--------------|
| <b>Tiêu chuẩn 10:</b> Nâng cao chất lượng.                                                                                                                                 |                          |                                 |              |
| <b>Tiêu chuẩn 11:</b> Kết quả đầu ra.                                                                                                                                      |                          |                                 |              |
| 1                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh  | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục | Trưởng nhóm  |
| 2                                                                                                                                                                          | Ông Nguyễn Việt Phương   | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục | Thư ký       |
| 3                                                                                                                                                                          | Ông Phan Hùng Thư        | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục | Thành viên   |
| 4                                                                                                                                                                          | Bà Phạm Thị Quỳnh Như    | Chuyên viên TT DV, HTSV & QHDN  | Thành viên   |
| 5                                                                                                                                                                          | Bà Hoàng Phan Hải Yến    | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL      | Thành viên   |
| <b>NHÓM 7:</b><br>- Viết báo cáo tự đánh giá.<br>- Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá.<br>- Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. |                          |                                 | (3 sản phẩm) |
| 1                                                                                                                                                                          | Bà Dương Thị Thanh Thanh | Phó Khoa Tâm lý-Giáo dục        | Trưởng nhóm  |
| 2                                                                                                                                                                          | Ông Nguyễn Việt Phương   | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục | Thư ký       |
| 3                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn Thị Hương      | Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH    | Thành viên   |
| 4                                                                                                                                                                          | Ông Nguyễn Thanh Diệu    | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL  | Thành viên   |
| 5                                                                                                                                                                          | Bà Đinh Thị Nga          | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL      | Thành viên   |

## **Phụ lục 4. Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành QLGD**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số **05** /KH-ĐHV

Nghệ An, ngày **09** tháng 01 năm 2023

### **KẾ HOẠCH**

#### **Tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học**

#### **Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng**

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-ĐHV ngày 06/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng, Nhà trường xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành như sau:

#### **1. Mục đích, yêu cầu tự đánh giá**

##### **1.1. Mục đích**

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, giải trình với cơ quan chức năng, xã hội về các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng và để đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/12/2022.

##### **1.2. Yêu cầu**

- Các đơn vị, cá nhân được phân công nhiệm vụ chủ động kết nối, triển khai, giám sát việc thực hiện công việc được giao đúng tiến độ.
- Các đơn vị, cá nhân được giao chủ trì chịu trách nhiệm chính trong việc lập kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể, triển khai, giám sát việc thực hiện phần việc được giao.

#### **2. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của các ngành sau đại học: Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng (01/01/2018 đến 30/12/2022).

#### **3. Công cụ tự đánh giá**

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;
- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

#### **4. Nội dung tự đánh giá**

Tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng Trường Đại học Vinh theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **5. Hội đồng tự đánh giá**

##### **5.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng được thành lập theo Quyết định số 23/QĐ-ĐHV ngày 06/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh gồm có các thành viên *(có danh sách kèm theo Quyết định thành lập)*.

##### **5.2. Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách**

Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 23/QĐ-ĐHV ngày 06/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh gồm có các thành viên *(có danh sách kèm theo Quyết định thành lập)*.

##### **5.3. Tổ chức thực hiện**

###### **5.3.1. Hội đồng tự đánh giá**

- Chủ tịch Hội đồng: chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính và những người phối hợp; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng; phê duyệt kế hoạch tự đánh giá; chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá.

- Phó Chủ tịch Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền, có nhiệm vụ điều hành Hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được uỷ quyền.

- Các thành viên khác của Hội đồng có nhiệm vụ thực hiện những công việc do Chủ tịch Hội đồng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

### 5.3.2. Ban thư ký

Trưởng ban thư ký: Chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo dự thảo, báo cáo chính thức và trình Hội đồng tự đánh giá.

Các ủy viên thư ký: Chịu trách nhiệm tổng hợp bản thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách. Góp ý cho dự thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung

### 5.3.3. Các nhóm chuyên trách

Trưởng nhóm: Điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm tìm thông tin, minh chứng, viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công. Chịu trách nhiệm đối với các tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách, kế hoạch triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng tự đánh giá.

Thư ký nhóm: Giúp trưởng nhóm quản lý các hoạt động của nhóm, góp ý các báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo tổng hợp, lập biên bản, phân loại và lưu trữ minh chứng, phác thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn do nhóm mình phụ trách.

Các thành viên: Chịu trách nhiệm hoàn thành hồ sơ các Phụ lục theo Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, bao gồm: Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng (Phụ lục 3); Phiếu đánh giá tiêu chí (Phụ lục 4a). Viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn thuộc nhóm mình phụ trách và phản biện các nhóm khác theo phân công.

| TT | Tiêu chuẩn                                                                        | Nhóm công tác chuyên trách | Thời gian thu thập thông tin và MC | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Tiêu chuẩn 1<br>Tiêu chuẩn 2                                                      | Nhóm 1                     | 10/01/2023-09/07/2023              |         |
| 2  | Tiêu chuẩn 3<br>Tiêu chuẩn 4                                                      | Nhóm 2                     | 10/01/2023-09/07/2023              |         |
| 3  | Tiêu chuẩn 5<br>Tiêu chuẩn 8                                                      | Nhóm 3                     | 10/01/2023-09/07/2023              |         |
| 4  | Tiêu chuẩn 6<br>Tiêu chuẩn 7                                                      | Nhóm 4                     | 10/01/2023-09/07/2023              |         |
| 5  | Tiêu chuẩn 9                                                                      | Nhóm 5                     | 10/01/2023-09/07/2023              |         |
| 6  | Tiêu chuẩn 10<br>Tiêu chuẩn 11                                                    | Nhóm 6                     | 10/01/2023-09/07/2023              |         |
| 7  | Báo cáo tự đánh giá,<br>Danh mục MC<br>Cơ sở dữ liệu kiểm định<br>chất lượng CTĐT | Nhóm 7                     | 10/01/2023-09/07/2023              |         |

## 6. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

- Thời gian: Dự kiến thời gian tập huấn là 1 ngày.
- Thành phần: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá và các cán bộ, giảng viên,... trong trường có quan tâm.
- Nội dung chương trình tập huấn: Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ triển khai công tác tự đánh giá và kỹ thuật viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**7. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp**

- Nguồn nhân lực chính: Bao gồm các thành viên Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách. Hội đồng có thể huy động thêm nhân sự từ các đơn vị (phòng, khoa, trung tâm).
- Tài chính: Kinh phí phục vụ công tác tự đánh giá thực hiện theo dự toán được duyệt.

| TT | Tiêu chuẩn        | Các hoạt động                                                                                                                                                                                                                                               | Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp                                                                                                                                                             | Thời gian             |
|----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1  | Tiêu chuẩn 1 và 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tiêu chí (1-6);</li> <li>- Dự kiến TT-MC;</li> <li>- Thu thập TT-MC;</li> <li>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;</li> <li>- Đánh giá tiêu chí (1-6);</li> <li>- Viết báo cáo tiêu chuẩn.</li> </ul>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa, phòng Đào tạo;</li> <li>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ.</li> </ul>                                         | 10/01/2023-09/07/2023 |
| 2  | Tiêu chuẩn 3 và 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tiêu chí (7-12);</li> <li>- Dự kiến TT-MC;</li> <li>- Thu thập TT-MC;</li> <li>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;</li> <li>- Đánh giá tiêu chí (7-12);</li> <li>- Viết báo cáo tiêu chuẩn.</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa, phòng Đào tạo;</li> <li>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ.</li> </ul>                                         | 10/01/2023-09/07/2023 |
| 3  | Tiêu chuẩn 5 và 8 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tiêu chí (13-34);</li> <li>- Dự kiến TT-MC;</li> <li>- Thu thập TT-MC;</li> <li>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;</li> <li>- Đánh giá tiêu chí (13-34);</li> <li>- Viết báo cáo tiêu chuẩn.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa, phòng Đào tạo, phòng CTCT-HSSV, TT DV, HTSV&amp; QHDN;</li> <li>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ.</li> </ul> | 10/01/2023-09/07/2023 |
| 4  | Tiêu chuẩn 6 và 7 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tiêu chí (18-29);</li> <li>- Dự kiến TT-MC;</li> <li>- Thu thập TT-MC;</li> <li>- Xây dựng hồ sơ minh chứng</li> </ul>                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng TCCB;</li> <li>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ.</li> </ul>                                                            | 10/01/2023-09/07/2023 |

| TT | Tiêu chuẩn          | Các hoạt động                                                                                                                                                               | Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp                                                                              | Thời gian             |
|----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
|    |                     | online;<br>- Đánh giá tiêu chí (18-29);<br>- Viết báo cáo tiêu chuẩn.                                                                                                       |                                                                                                                            |                       |
| 5  | Tiêu chuẩn 9        | - Phân tích tiêu chí (35-39);<br>- Dự kiến TT-MC;<br>- Thu thập TT-MC;<br>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;<br>- Đánh giá tiêu chí (35-39);<br>- Viết báo cáo tiêu chuẩn. | - Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng QT&ĐT, Trung tâm TT-TV, Trung tâm TH - TN<br>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ. | 10/01/2023-09/07/2023 |
| 6  | Tiêu chuẩn 10 và 11 | - Phân tích tiêu chí (40-50);<br>- Dự kiến TT-MC;<br>- Thu thập TT-MC;<br>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;<br>- Đánh giá tiêu chí (40-50);<br>- Viết báo cáo tiêu chuẩn. | - Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng, phòng Đào tạo, TT ĐBCL;<br>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ.              | 10/01/2023-09/07/2023 |

#### **8. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài Trường và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

#### **9. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai tự đánh giá**

Thuê chuyên gia (1 người) tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ triển khai công tác tự đánh giá và kỹ thuật viết báo cáo tự đánh giá theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (1 ngày).

#### **10. Lập bảng danh mục mã minh chứng và xây dựng hồ sơ minh chứng online**

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định được nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hóa các minh chứng thu được. Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được, lập bảng danh mục mã minh chứng và xây dựng hồ sơ minh chứng online.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo tự đánh giá).

#### **11. Thời gian và nội dung hoạt động**

Thời gian và nội dung hoạt động triển khai thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng theo lịch trình sau:

| Thời gian                                                                                                            | Các hoạt động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tuần 1 - 2</b><br>(10/01/2023 - 05/02/2023)<br><i>Từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/01/2023 nghỉ tết nguyên đán)</i> | 1. Hội Lãnh đạo Trường và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.<br>2. Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.<br>3. Hội Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:<br>- Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;<br>- Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;<br>- Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;<br>- Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.                            |
| <b>Tuần 3-4</b><br>(06/02/2023 - 19/02/2023;                                                                         | 1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.<br>2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.<br>3. Hội Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua:<br>- Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;<br>- Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);<br>- Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá. |
| <b>Tuần 5 - 8</b><br>(20/02/2023 - 19/03/2023)                                                                       | 1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.<br>2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.<br>3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.<br>4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được.<br>5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.<br>6. Xây dựng hồ sơ minh chứng online.          |
| <b>Tuần 9 - 15</b><br>(20/03/2023 - 07/05/2023)                                                                      | 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).<br>2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>Tuần 16</b><br>(08/05/2023 - 14/05/2023)                                                                          | Hội đồng tự đánh giá CTĐT:<br>- Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;<br>- Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;<br>- Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;<br>- Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;<br>- Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.                                                                                                                                    |

| Thời gian                                        | Các hoạt động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tuần 17 - 18</b><br>(15/05/2023 - 28/05/2023) | <ol style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</li> <li>Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.</li> </ol>                                   |
| <b>Tuần 19 - 21</b><br>(29/05/2023 - 18/06/2023) | <ol style="list-style-type: none"> <li>Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban ...) trong Nhà trường và đơn vị thực hiện CTĐT.</li> <li>Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.</li> </ol>             |
| <b>Tuần 22 - 23</b><br>(19/06/2023 - 02/07/2023) | <ol style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện;</li> <li>Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét.</li> <li>Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.</li> </ol> |
| <b>Tuần 24</b><br>(03/07/2023 - 09/07/2023)      | <ol style="list-style-type: none"> <li>Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>Trường bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá.</li> </ol>                                          |

Trên đây là Kế hoạch tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/12/2022, Nhà trường yêu cầu các tập thể, cá nhân liên quan nghiêm túc, triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần giải quyết, đề nghị phản ánh về Trường qua Trung tâm Đảm bảo chất lượng, trực tiếp qua đồng chí: Nguyễn Thanh Diệu - Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Đảm bảo chất lượng (điện thoại: 0913.007.332; email: [ttdbcl@vinhuni.edu.vn](mailto:ttdbcl@vinhuni.edu.vn)) để được xử lý. *rab*

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: HCTH, ĐBCL. ✓



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

Số: ~~2763~~/QĐ-ĐHV

Nghe An, ngày 11 tháng 10 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Kiến toàn Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo trình độ sau đại học Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh, Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều 21 của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-ĐHV ngày 22/4/2022 của Trường Đại học Vinh về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo trình độ sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh, Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Đào tạo Sau đại học, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

**DANH SÁCH**

**Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học  
ngành Quản lý giáo dục**

(Kèm theo Quyết định số: 2763/QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT | Họ và tên                | Chức danh, chức vụ                    | Nhiệm vụ     |
|----|--------------------------|---------------------------------------|--------------|
| 1  | Ông Nguyễn Huy Bằng      | Hiệu trưởng                           | Chủ tịch     |
| 2  | Nguyễn Thị Thu Cúc       | Phó Hiệu trưởng                       | Phó Chủ tịch |
| 3  | Ông Phạm Lê Cường        | Phó Hiệu trưởng Trường Sư phạm        | Phó Chủ tịch |
| 4  | Ông Nguyễn Thanh Diệu    | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL        | Thư ký       |
| 5  | Bà Hoàng Phan Hải Yến    | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL            | Thành viên   |
| 6  | Ông Nguyễn Văn Phú       | Trưởng phòng Đào tạo SDH              | Thành viên   |
| 7  | Ông Thiệu Đình Phong     | Trưởng phòng TCCB                     | Thành viên   |
| 8  | Ông Nguyễn Hồng Soa      | Trưởng phòng CTCT-HSSV                | Thành viên   |
| 9  | Ông Mai Văn Chung        | Trưởng phòng KH&HTQT                  | Thành viên   |
| 10 | Ông Hoàng Việt Dũng      | Trưởng phòng KH-TC                    | Thành viên   |
| 11 | Ông Nguyễn Đức Bình      | Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH          | Thành viên   |
| 12 | Ông Trần Đình Luân       | Trưởng phòng QT&ĐT                    | Thành viên   |
| 13 | Ông Lê Công Đức          | Giám đốc Trung tâm DV, HTSV & QHDN    | Thành viên   |
| 14 | Ông Nguyễn Như An        | Trưởng khoa Tâm lý – Giáo dục         | Thành viên   |
| 15 | Bà Dương Thị Thanh Thanh | Phó Trưởng khoa Tâm lý – Giáo dục     | Thành viên   |
| 16 | Ông Bùi Văn Hùng         | Trợ lý đào tạo Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên   |
| 17 | Bà Chế Thị Hải Linh      | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục     | Thành viên   |
| 18 | Bà Lê Thục Anh           | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục     | Thành viên   |
| 19 | Ông Phạm Duy Hải         | HVCH Khóa 30, ngành QLGD              | Thành viên   |

*Danh sách này gồm có 19 người./.*



**DANH SÁCH**

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học  
ngành Quản lý giáo dục**

(Kèm theo Quyết định số 2763/QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT | Họ và tên                 | Chức danh, chức vụ                | Nhiệm vụ   |
|----|---------------------------|-----------------------------------|------------|
| 1  | Ông Nguyễn Thanh Diệu     | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL    | Trưởng ban |
| 2  | Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc    | Phó Trưởng phòng TCCB             | Thành viên |
| 3  | Bà Nguyễn Thị Hương       | Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH      | Thành viên |
| 4  | Ông Nguyễn Tiến Cường     | Chuyên viên phòng Đào tạo SDH     | Thành viên |
| 5  | Bà Phan Thị Thu Hiền      | Chuyên viên phòng QT&ĐT           | Thành viên |
| 6  | Bà Phạm Thị Quỳnh Như     | Chuyên viên TT DV, HTSV&QHĐN      | Thành viên |
| 7  | Bà Lâm Thu Trang          | Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH   | Thành viên |
| 8  | Bà Nguyễn Thị Hương Trà   | Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL       | Thành viên |
| 9  | Bà Đinh Thị Nga           | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL        | Thành viên |
| 10 | Ông Nguyễn Hoàng An       | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL        | Thành viên |
| 11 | Ông Hồ Xuân Thủy          | Chuyên viên Phòng Đào tạo         | Thành viên |
| 12 | Bà Phan Thế Hoa           | Chuyên viên Phòng KH&HTQT         | Thành viên |
| 13 | Bà Trần Thị Thu Liên      | Chuyên viên Phòng KH-TC           | Thành viên |
| 14 | Ông Trần Trung Kiên       | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 15 | Ông Nguyễn Việt Phương    | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 16 | Ông Nguyễn Tiến Dũng      | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 17 | Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh   | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 18 | Bà Bùi Thị Thùy Dương     | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 19 | Bà Trần Mỹ Linh           | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 20 | Bà Dương Thị Linh         | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 21 | Bà Trần Hằng Ly           | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 22 | Ông Phan Hùng Thư         | Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục | Thành viên |
| 23 | Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục   | Thành viên |

Danh sách này gồm có 23 người./.



**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**  
(Ngành Quản lý giáo dục)

(Kèm theo Quyết định số: 2763/QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| TT                                                                      | Họ và tên                 | Chức danh, chức vụ               | Nhiệm vụ      |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------|---------------|
| <b>NHÓM 1:</b>                                                          |                           |                                  |               |
| <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. |                           |                                  | (6 tiêu chí)  |
| <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Bản mô tả chương trình đào tạo.                    |                           |                                  |               |
| 1                                                                       | Ông Nguyễn Như An         | Trưởng Khoa Tâm lý-Giáo dục      | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Ông Nguyễn Việt Phương    | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Nguyễn Trung Kiên      | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Nguyễn Văn Phú        | Trưởng phòng Đào tạo SDH         | Thành viên    |
| 5                                                                       | Ông Nguyễn Tiến Cường     | Chuyên viên phòng Đào tạo SDH    | Thành viên    |
| <b>NHÓM 2:</b>                                                          |                           |                                  |               |
| <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.         |                           |                                  | (6 tiêu chí)  |
| <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.             |                           |                                  |               |
| 1                                                                       | Bà Dương Thị Thanh Thanh  | Phó Trưởng Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Bùi Thùy Dương         | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh   | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Nguyễn Tiến Dũng      | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thành viên    |
| 5                                                                       | Ông Nguyễn Văn Phú        | Trưởng phòng Đào tạo SDH         | Thành viên    |
| <b>NHÓM 3:</b>                                                          |                           |                                  |               |
| <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Đánh giá kết quả học tập của người học.            |                           |                                  | (10 tiêu chí) |
| <b>Tiêu chuẩn 8:</b> Người học và hoạt động hỗ trợ người học.           |                           |                                  |               |
| 1                                                                       | Ông Bùi Văn Hùng          | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Trần Mỹ Linh           | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Văn phòng Trường Sư phạm         | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Nguyễn Tiến Cường     | Chuyên viên phòng Đào tạo SDH    | Thành viên    |
| 5                                                                       | Bà Nguyễn Thị Hương Trà   | Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL      | Thành viên    |
| <b>NHÓM 4:</b>                                                          |                           |                                  |               |
| <b>Tiêu chuẩn 6:</b> Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.               |                           |                                  | (12 tiêu chí) |
| <b>Tiêu chuẩn 7:</b> Đội ngũ nhân viên.                                 |                           |                                  |               |
| 1                                                                       | Bà Lê Thục Anh            | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Hoàng Phan Hải Yến     | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL       | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc    | Phó Trưởng phòng TCCB            | Thành viên    |
| 4                                                                       | Ông Nguyễn Hoàng An       | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL       | Thành viên    |
| 5                                                                       | Bà Phan Thế Hoa           | Chuyên viên Phòng KH&HTQT        | Thành viên    |
| <b>NHÓM 5:</b>                                                          |                           |                                  |               |
| <b>Tiêu chuẩn 9:</b> Cơ sở vật chất và trang thiết bị.                  |                           |                                  | (5 tiêu chí)  |
| 1                                                                       | Bà Chế Thị Hải Linh       | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Trưởng nhóm   |
| 2                                                                       | Bà Trần Hằng Ly           | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thư ký        |
| 3                                                                       | Bà Dương Thị Linh         | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục  | Thành viên    |
| 4                                                                       | Bà Trần Thị Thu Liên      | Chuyên viên Phòng KH-TC          | Thành viên    |
| 5                                                                       | Bà Lâm Thu Trang          | Chuyên viên Trung tâm TT- TV NTH | Thành viên    |
| <b>NHÓM 6:</b>                                                          |                           |                                  | (11 tiêu chí) |

|                                                                                                                                                                            |                          |                                 |              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|--------------|
| <b>Tiêu chuẩn 10:</b> Nâng cao chất lượng.                                                                                                                                 |                          |                                 |              |
| <b>Tiêu chuẩn 11:</b> Kết quả đầu ra.                                                                                                                                      |                          |                                 |              |
| 1                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh  | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục | Trưởng nhóm  |
| 2                                                                                                                                                                          | Ông Nguyễn Việt Phương   | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục | Thư ký       |
| 3                                                                                                                                                                          | Ông Phan Hùng Thư        | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục | Thành viên   |
| 4                                                                                                                                                                          | Bà Phạm Thị Quỳnh Như    | Chuyên viên TT DV, HTSV & QHDN  | Thành viên   |
| 5                                                                                                                                                                          | Bà Hoàng Phan Hải Yến    | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL      | Thành viên   |
| <b>NHÓM 7:</b><br>- Viết báo cáo tự đánh giá.<br>- Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá.<br>- Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. |                          |                                 | (3 sản phẩm) |
| 1                                                                                                                                                                          | Bà Dương Thị Thanh Thanh | Phó Khoa Tâm lý-Giáo dục        | Trưởng nhóm  |
| 2                                                                                                                                                                          | Ông Nguyễn Việt Phương   | Giảng viên Khoa Tâm lý-Giáo dục | Thư ký       |
| 3                                                                                                                                                                          | Bà Nguyễn Thị Hương      | Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH    | Thành viên   |
| 4                                                                                                                                                                          | Ông Nguyễn Thanh Diệu    | Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL  | Thành viên   |
| 5                                                                                                                                                                          | Bà Đinh Thị Nga          | Chuyên viên Trung tâm ĐBCL      | Thành viên   |

